

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/01/2010, thay đổi lần 13 ngày 09/03/2022)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 268/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 8 năm 2023)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY
..... TẠI:**

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Trụ sở chính: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3569 918

Fax: (0251) 3569.879

Tổ chức tư vấn và đại lý phân phối: CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 888

Fax: (024) 3818 688

Phụ trách công bố thông tin

Họ và tên: Phạm Đình Hoàng

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Số điện thoại: (0251) 3569 918

Đồng Nai, tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/01/2010, thay đổi lần 13 ngày 09/03/2022)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	15.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	9.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	90.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC



Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973
Website: www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội
Điện thoại: 024 3818 1888 Fax: 024 3818 1688
Website: <http://www.shs.com.vn>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	6
1. Tổ chức phát hành.....	6
2. Tổ chức tư vấn	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:.....	7
1. Rủi ro về kinh tế:.....	7
2. Rủi ro về luật pháp:.....	12
3. Rủi ro đặc thù ngành:.....	13
4. Rủi ro về đợt chào bán:	14
5. Rủi ro pha loãng:.....	14
6. Rủi ro quản trị công ty:	15
7. Rủi ro khác:.....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:	17
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành:	17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành:	17
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành:.....	18
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	18
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:	21
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:.....	22
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác:	25
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành:	25
8.1 Cổ phiếu phổ thông:	25
8.2 Cổ phiếu ưu đãi:	25
8.3 Các loại chứng khoán khác:	25
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:	25
10. Hoạt động kinh doanh:.....	26
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:	26
10.2. Tài sản	33
10.3. Thị trường hoạt động.....	36
10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính:	37
10.5. Các hợp đồng lớn:	43
10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn:	47
10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành và triển vọng phát triển của ngành:	48
10.8. Phát triển thị trường:.....	52
10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	53
10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển:	53
10.11. Chiến lược kinh doanh	54
11. Chính sách đối với người lao động:.....	55

11.1. Số lượng người lao động:	55
11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:	56
12. Chính sách cổ tức:	58
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:	59
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:	60
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:	60
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:	61
1. Kết quả hoạt động kinh doanh:	61
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành:	61
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành:	61
2. Tình hình tài chính:	63
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản:	63
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:	66
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành:	67
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:	75
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	77
1. Thông tin về cổ đông sáng lập:	77
2. Thông tin về cổ đông lớn:	77
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng:	80
3.1. Thông tin về việc rà soát tiêu chuẩn các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo các tiêu chuẩn quy định tại Luật doanh nghiệp và lộ trình về quản trị công ty đáp ứng điều kiện quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết	80
3.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị:	83
3.3. Sơ yếu lý lịch Ủy ban kiểm toán	87
3.4. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và các chức danh Quản lý khác	88
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:.....	94
1. Loại cổ phiếu.....	94
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	94
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	94
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	94
5. Giá chào bán dự kiến	94
6. Phương pháp tính giá	94
7. Phương thức phân phối	94
8. Đăng ký mua cổ phiếu	96
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:	96
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu:	97
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:	97
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:	97

13. Hủy bỏ đợt chào bán	98
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	98
15. Các loại thuế có liên quan	98
16. Thông tin về các cam kết	100
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	100
18. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	101
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:.....	101
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:	101
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:.....	109
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	110
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	111
XIII. PHỤ LỤC.....	113

150
TY
N
ĐẦU
HIA
ĐC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Ông : **Đinh Việt Anh** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông : **Trịnh Xuân Hùng** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà : **Nguyễn Thị Kim Loan** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Bà : **Trần Thị Thu Thanh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 07/2021/UQ-TGD ngày 26/02/2021 của Tổng Giám đốc)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng số 06/2022/HĐTVTC/SHS.HS.TV ngày 05/01/2022 với Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:

1. Rủi ro về kinh tế:

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế trong nước được đề cập dưới đây:

a) Tăng trưởng kinh tế:

Sau giai đoạn chững lại từ năm 2010 – 2014, nền kinh tế Việt Nam đã lấy lại đà tăng trưởng vững mạnh trong những năm gần đây. Giai đoạn năm 2018 – 2019, tăng trưởng của Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đều đạt trên 7%, đây là một tín hiệu rất khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục tăng trưởng sôi động.

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam thấp nhất từ năm 2008 với tốc độ tăng GDP đạt 2,91%, đầu tư nước ngoài (FDI) chững lại. Năm 2021 cùng với sự phủ khắp của Vaccine, nền kinh tế thế giới đã phục hồi nhanh hơn kỳ vọng và lấy lại đà tăng trưởng bất chấp diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 cùng cuộc khủng hoảng năng lượng và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng đẩy lạm phát tăng cao.

Đối lập với diễn biến sôi động của nền kinh tế thế giới năm 2021, tính chung cả năm, GDP Việt Nam tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và cũng là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Việc kinh tế tăng trưởng âm trong quý III khiến GDP cả năm tăng thấp hơn năm trước và đánh dấu mức thấp nhất một thập kỷ. Cơ quan thống kê đánh giá, kết quả này do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III nhiều địa phương trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài.

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011 - 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Kinh tế – xã hội của Việt Nam năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán,... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Mặc dù vậy, kinh tế của Việt Nam năm 2022 đã có nhiều khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực, nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ với mức tăng trưởng cao. Số liệu của Tổng cục Thống kê đã cho thấy một số điểm sáng của các ngành, lĩnh vực trong năm 2022, cụ thể như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi tích cực ở cả ba khu vực kinh tế. GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78% trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,1%. Khu vực dịch vụ tăng 9,99%, trong đó nhiều ngành dịch vụ thị trường tăng cao như: bán buôn, bán lẻ; vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm,...

Theo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội được Quốc hội thông qua ngày 10/11/2022, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 6,5% trong năm 2023. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2023 đạt 3,72% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,07%, đóng góp 9,28%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 1,13%, đóng góp 11,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 78,85%.

Những diễn biến chung của nền kinh tế, cũng như ngành, lĩnh vực hoạt động luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế. Khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp và ngược lại sẽ là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Là doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng nói chung và cụ thể là sản phẩm gạch tại thị trường trong nước và xuất khẩu, Công ty cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc nền kinh tế trong nước và thế giới biến động.

b) Lạm phát:

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2011 - 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua.

Từ năm 2017 đến năm 2020, chỉ số CPI đã được kiểm soát thành công, duy trì mức dưới 4%/năm. Năm 2021, Quốc Hội đặt mục tiêu chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục phải duy trì ở mức dưới 4% để đảm bảo an sinh xã hội và tăng trưởng kinh tế.

Năm 2021, giá xăng dầu, giá gas trong nước sụt giảm theo giá nhiên liệu thế giới; dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; học phí năm học 2021-2022 tiếp tục được miễn, giảm tại một số địa phương là các nguyên nhân làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2021 giảm 0,18% so với tháng trước. Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12-2021 giảm 0,18% so với tháng trước. Quý IV/2021, CPI giảm 0,38% so với quý trước và tăng 1,89% so với cùng kỳ năm 2020. Bình quân năm 2021, CPI tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.

Năm 2022, kinh tế nước ta phục hồi nhanh, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao, cùng với tác động của giá nguyên nhiên vật liệu trên thị trường thế giới đã đẩy giá sản xuất hàng hóa và dịch vụ trong nước tăng. Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố, Quý IV/2022, CPI tăng 0,67% so với quý trước và tăng 4,41% so với cùng kỳ năm 2021. Bình quân năm 2022, CPI tăng 3,15% so với bình quân năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021. Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,29% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,74%.

Lạm phát là yếu tố vĩ mô tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí nhân công, cung cấp dịch vụ của Công ty tăng.

c) Lãi suất tín dụng:

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Trong những năm gần đây, lãi suất cho vay doanh nghiệp đã trở nên bình ổn, hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo công bố của IMF (03/2020), lãi suất cho vay của Việt Nam ở mức 7,7%, tương đương Philippines (7,13%), thấp hơn một số nước có trình độ phát triển tương đồng trong khu vực như Indonesia (10,01%), Mông Cổ (16,81%), Bangladesh (9,62%), Ấn Độ (9,4%), Myanmar (16%).

Từ đầu năm 2020, để tạo điều kiện giảm mặt bằng lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất điều hành với quy mô tương đối lớn. Ngày 30/09/2020, Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định số 1730/NĐ-NHNH về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam là 4,5%/năm. Trước đó, ngày 30/03/2020, Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành

thông tư số 01/2020/TT-NHNN về về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng dịch Covid-19.

Về lãi suất huy động, từ cuối tháng 8/2021, nhiều ngân hàng đã thay đổi mức lãi suất huy động theo hướng tiếp tục giảm trong bối cảnh ngân hàng dồi dào thanh khoản và tín dụng tăng chậm do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Lãi suất tiền gửi bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại trong nước ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3%-3,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2%-5,7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng; 5,4%-6,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 24 tháng và 6,1%-6,9% đối với kỳ hạn trên 24 tháng. Quý IV/2021, nền kinh tế có dấu hiệu hồi phục khi trải qua thời gian dài giãn cách xã hội do dịch COVID-19. Vì vậy, từ đầu tháng 11/2021, lãi suất tiền gửi được một số ngân hàng đã tăng nhẹ 0,1% - 0,3%/năm đối với kỳ hạn dưới 3 tháng và 12 tháng trở lên. Khảo sát trong tuần đầu tháng 12/2021 cho thấy lãi suất huy động cao nhất tại các ngân hàng thương mại dao động trong khoảng 5,5% - 7,6%/năm.

Trong 8 tháng đầu năm 2022, Ngân hàng Nhà nước giữ nguyên các mức lãi suất điều hành và đến tháng 9/2022, sau khi FED điều chỉnh lãi suất, Ngân hàng Nhà nước cũng đã tiến hành điều chỉnh tăng một số mức lãi suất điều hành và lãi suất tiền gửi tại các tổ chức tín dụng. Theo đó, trong tháng 9/2022, hàng loạt ngân hàng thương mại đã tăng mạnh lãi suất huy động, trong đó có một số ngân hàng có mức lãi suất huy động chạm ngưỡng gần 9%/năm¹.

Tính đến ngày 14/12/2022, lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng đa số dao động ở mức từ 6,1% - 8,3%/năm, có ngân hàng huy động lãi suất lên đến 11% (số tiền từ 1 tỷ đồng trở lên). So với cuối năm 2021, nhìn chung, lãi suất huy động của hệ thống ngân hàng đã tăng khoảng 3% – 4% ở các kỳ hạn trên 6 tháng và trên 12 tháng.²

Trong Quý I/2023, lãi suất huy động tại các ngân hàng đã hạ nhiệt. Lãi suất huy động giảm khoảng 0,5-1,5% so với đầu năm, chủ yếu với các kỳ hạn trên 6 tháng khi thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện và nhu cầu tín dụng còn thấp (tín dụng hết quý 1 chỉ tăng 2,06%, thấp hơn nhiều mức tăng gần 6% cùng kỳ năm trước). Lãi suất cho vay cũng đã giảm (khoảng 1-2%) từ đầu năm khi nhiều Tổ chức tín dụng tung ra các gói tín dụng ưu đãi.

Theo Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023 của Ngân hàng Nhà nước, kể từ ngày 25/5/2023, lãi suất tối đa mà ngân hàng áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng sẽ chính thức giảm từ mức 5,5%/năm xuống 5,0%/năm. Còn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do tổ chức tín dụng ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường.

Ngay sau khi quyết định trên có hiệu lực, ngày 25/5/2023, các ngân hàng đã đồng loạt điều chỉnh biểu lãi suất huy động và hầu hết đều giảm 0,5 điểm % tại các kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng xuống mức trần là 5%/năm.

Mặc dù lãi suất huy động đã giảm, lãi suất cho vay vẫn còn ở mức cao và các Tổ chức tín dụng vẫn phải duy trì điều kiện cho vay thận trọng khi điều kiện kinh doanh khó khăn, tiềm ẩn nợ xấu³.

¹ <https://cafef.vn/lai-suot-tiet-kiem-tang-nong-gan-cham-9-nam-20221004192301288.chn>

² <https://vneconomy.vn/ngan-hang-dong-thuan-dua-lai-suot-huy-dong-ve-duoi-muc-9-5-nam.htm>

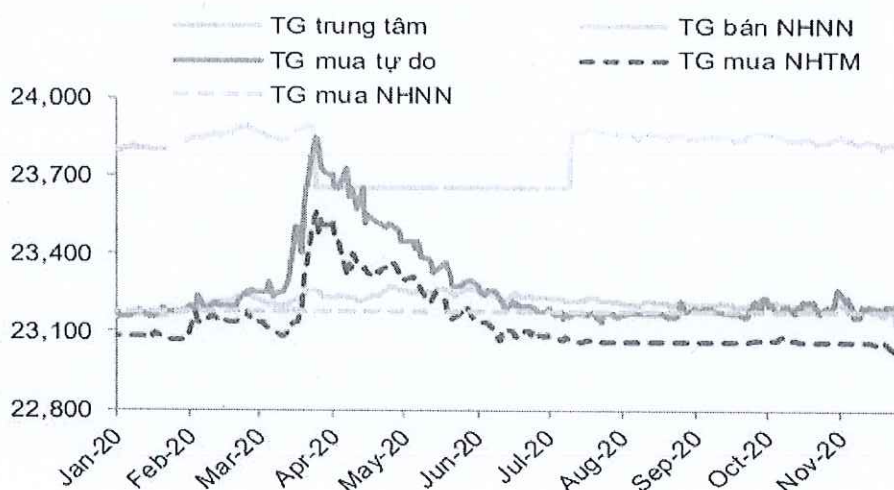
³ <https://cafef.vn/buc-tranh-kinh-te-vi-mo-viet-nam-quy-1-va-du-bao-ca-nam-2023-188230407074402984.chn>

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Công ty, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và 30/6/2023, nợ vay/tổng tài sản của Công ty lần lượt 30,55%, 37,62% và 38,09%. Do đó, Công ty sẽ phải chịu những rủi ro về lãi suất có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Tỷ giá:

Năm 2019, tỷ giá chịu ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, ngoài ra việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) giảm lãi suất 3 lần và sự điều tiết cung ngoại hối của Ngân hàng nhà nước đã ảnh hưởng lên các đợt tăng mạnh của tỷ giá. Trong năm 2019, tỷ giá trung tâm USD/VND đã có 3 lần lập đỉnh. Bước sang năm 2020, do chịu ảnh hưởng của dịch covid 19 khiến thị trường vàng, chứng khoán liên tục biến động nhưng tỷ giá USD/VND vẫn tương đối ổn định. Với việc dự trữ ngoại hối cao kỷ lục, Ngân hàng Nhà nước có đủ công cụ và nguồn lực để điều hành tỉ giá theo hướng ổn định, đáp ứng cung-cầu thị trường.

Diễn biến tỷ giá điều hành của Ngân hàng nhà nước năm 2020



Nguồn: Bloomberg

Năm 2021, đồng VND tăng giá khoảng 0,5-1% trong bối cảnh nguồn cung ngoại tệ tích cực, áp lực lạm phát được dự báo giảm và đồng USD giảm giá.

Từ đầu năm 2022 đến nay, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) và nhiều ngân hàng Trung ương lớn đẩy mạnh lộ trình thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng nhanh lãi suất điều hành, xung đột Nga - Ukraine làm chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục gián đoạn, giá xăng dầu và hàng hóa tăng cao, lạm phát tại nhiều nền kinh tế vượt mức kiểm soát, gây biến động lớn trên thị trường quốc tế và trong nước.

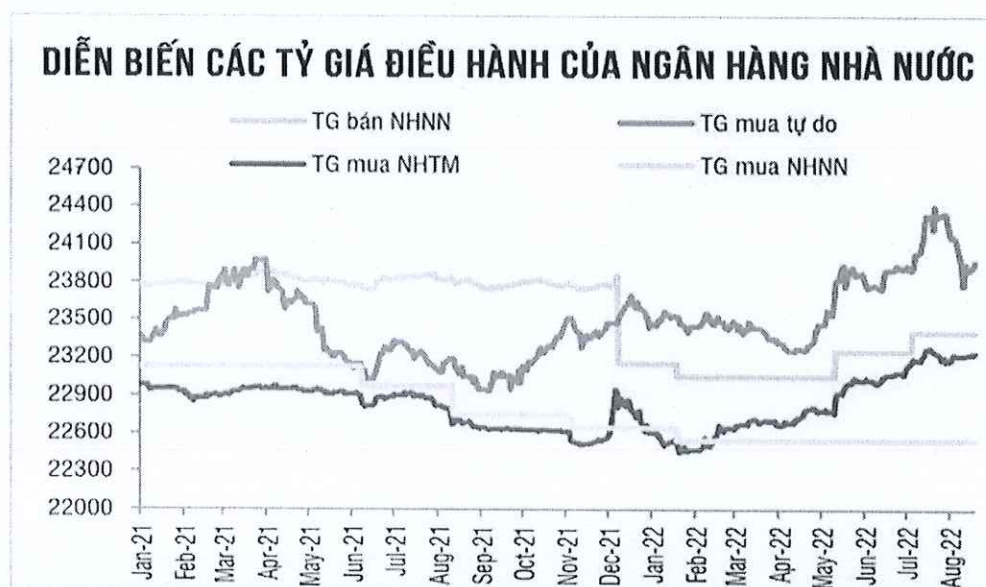
Thống kê từ đầu năm 2022 đến nay cho thấy, các đồng tiền trên thế giới chịu áp lực mất giá khi đồng USD tăng giá mạnh. Đồng euro đã mất 20 - 30% giá trị, các đồng tiền trong khu vực Đông Nam Á mất giá khoảng 10 - 12%. VND là một trong những đồng tiền mất giá thấp nhất so với USD, khoảng gần 5,5% so với đầu năm. Trước những căng thẳng kéo dài về tỷ giá hối đoái, Ngân hàng Nhà nước đã bán một lượng USD đáng kể từ dự trữ ngoại hối để ổn định tỷ giá trong nước⁴.

⁴ <https://kinhhtedothi.vn/hoa-giai-ap-luc-ty-gia.html>

Trong quý I/2023, tỷ giá ghi nhận xu hướng giảm về mức tương đương hồi tháng 9/2022 (trước khi xảy ra biến động mạnh về tỷ giá và lãi suất). Hết quý I/2023, tỷ giá liên ngân hàng giảm 0,65% và tỷ giá trung tâm giảm 0,04% so cuối năm 2022. Bốn lý do chính gồm: (i) đồng USD trên thị trường quốc tế giảm (chỉ số DXY giảm 1,33% so với cuối năm 2022); (ii) nhu cầu thanh toán ngoại tệ ở mức thấp khi hoạt động nhập khẩu giảm (-14,7%) so với cùng kỳ năm trước, thặng dư thương mại ở mức 4,1 tỷ USD; (iii) du lịch quốc tế phục hồi; và (iv) dự trữ ngoại hối tăng lên khi NHNN tiếp tục mua vào USD⁵.

Bước sang đầu quý II/2023, tỷ giá biến động nhẹ. Theo NHNN, tỷ giá giữa đồng Việt Nam với USD trong suốt quý II/2023 dao động trong biên độ hẹp, trong khoảng 23.610-23.755 đồng/USD, tăng 0,4% so với cuối năm 2022. Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, 6 tháng đầu năm 2023, NHNN tiếp tục điều hành tỷ giá theo hướng chủ động, linh hoạt. Tỷ giá trung tâm giữa USD và VND vẫn được giữ ở mức ổn định.

Diễn biến tỷ giá điều hành của Ngân hàng nhà nước từ 2021 đến 8 tháng đầu năm 2022:



Nguồn: Bloomberg

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia có liên quan đến yếu tố nước ngoài, do Công ty thực hiện xuất khẩu sản phẩm bán cho nhà phân phối nước ngoài (chủ yếu tại thị trường Mỹ), nên biến động của tỷ giá ngoại hối sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp:

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Ngoài ra, Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của công ty, các quy định về xuất nhập khẩu, cũng như những quy định và chính sách của nước nhập khẩu sản phẩm của Công ty. Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc

⁵ <https://cafef.vn/buc-tranh-kinh-te-vi-mo-viet-nam-quy-1-va-du-bao-ca-nam-2023-188230407074402984.chn>

độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù:**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, xuất khẩu gạch ốp lát. Công ty dự kiến đầu tư mở rộng sang các sản phẩm vật liệu xây dựng như đá thạch anh nhân tạo, sàn đá công nghệ SPC, gạch granite cao cấp, gạch mỏng công nghệ Nano Slim,... Các lĩnh vực hoạt động này đều có những rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

a) *Rủi ro về nhiên liệu, nguyên vật liệu:*

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao nhất trong chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát. Hiện nay, có thể xem nguồn nguyên vật liệu đầu vào như đất sét, cao lanh, tràng thạch, thạch anh,... đang là điểm mạnh lớn nhất ngành gạch ốp lát Việt Nam trong chuỗi giá trị sản xuất khi có thể gần như đáp ứng toàn bộ nhu cầu sản xuất dài hạn trong nước. Do đó, rủi ro từ nguồn cung cấp nguyên vật liệu là không lớn nhưng biến động giá nguyên liệu là vấn đề có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát.

Chi phí nhiên liệu cũng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát. Hiện tại công nghệ sản xuất gạch ốp lát được thực hiện với công nghệ sử dụng than hoặc công nghệ sử dụng khí (CNG/LNG) cung cấp nhiệt lượng để nung. Trong đó, công nghệ sử dụng than rẻ hơn nhưng có nhược điểm là nhiệt độ không ổn định, chất lượng đầu ra không cao, hơn nữa, việc sử dụng than làm giảm tuổi thọ thiết bị và nhà xưởng. Công nghệ sử dụng khí đốt tuy phát sinh chi phí lớn hơn nhưng chất lượng sản phẩm tốt hơn, chi phí để sửa chữa thiết bị cũng sẽ ít hơn. Hiện tại, Công ty đang sử dụng khí LNG để cung cấp nhiệt lượng. Giai đoạn sau năm 2020 nguồn khí trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu nên Việt Nam sẽ phải nhập khẩu LNG để bù đắp lượng thiếu hụt và hỗ trợ cho các nhà máy điện khí hiện có. Theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí đến năm 2035, Việt Nam sẽ cần nhập 1-4 tỷ m³ khí LNG mỗi năm trong giai đoạn 2021-2025 và sẽ tăng lên 6-10 tỷ m³ mỗi năm vào sau năm 2026.

Việc phải nhập khẩu nguồn khí từ thị trường nước ngoài sẽ ảnh hưởng phần nào đến tính chủ động do phải phụ thuộc nhà cung cấp nước ngoài, đồng thời các doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động giá nhiên liệu.

b) *Rủi ro về công nghệ sản xuất:*

Công nghệ phổ biến của các nhà máy sản xuất gạch ốp lát tại Việt Nam hiện nay là công nghệ Ý, Tây Ban Nha và Trung Quốc. Tuy nhiên, việc đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị vẫn đang là một trở ngại do phần lớn thiết bị phục vụ sản xuất phải nhập khẩu. Khi ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam trong tương lai gần chưa phát huy tốt vai trò hỗ trợ thì ngành gạch ốp lát sẽ chưa có khả năng tiếp cận được công nghệ hiện đại với chi phí hợp lý, qua đó làm giảm hiệu quả hoạt động và doanh thu của ngành.

Với nhu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng, ngoài yêu cầu về độ chắc bền còn đòi hỏi

sản phẩm phải đáp ứng được tính thẩm mỹ và nghệ thuật. Do đó, các doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát sẽ phải đối mặt với rủi ro lạc hậu về công nghệ do thị trường ngành này liên tục thay đổi nhu cầu về mẫu mã và chất lượng sản phẩm.

c) Rủi ro cạnh tranh

Cạnh tranh trong ngành gạch ốp lát Việt Nam ở mức cao. Rào cản gia nhập ở mức trung bình do ngành gạch ốp lát có yêu cầu về vốn và yếu tố công nghệ không quá cao. Trải qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, đến nay, tổng công suất toàn ngành gạch ốp lát Việt Nam (gồm gạch ceramic, granite, gạch cotto) đạt trên 800 triệu m²; với hơn 93 đơn vị sản xuất, trong đó: 66 cơ sở sản xuất gạch ceramic với tổng công suất thiết kế là 608,6 triệu m²/năm; 22 cơ sở sản xuất gạch granite với tổng công suất thiết kế là 182 triệu m²/năm; 5 cơ sở sản xuất gạch cotto với tổng công suất thiết kế là 31 triệu m²/ năm⁶.

Ngoài việc số lượng doanh nghiệp trong ngành lớn, sản phẩm gạch ốp lát giữa các doanh nghiệp không có sự khác biệt vượt trội khiến mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành ở mức độ cao. Thêm vào đó, nhóm vật liệu xây dựng hoàn thiện có rất nhiều chủng loại có thể thay thế cho gạch ốp lát, gồm gỗ tự nhiên, gỗ ép nhân tạo, đá tự nhiên, đá nhân tạo, nhựa tổng hợp, inox hay xi măng. Vì vậy áp lực cạnh tranh tới từ sản phẩm thay thế là rất lớn.

4. Rủi ro về đợt chào bán:

Tổng số lượng cổ phần chào bán của Công ty là 9.000.000 cổ phiếu, tương đương 25% số cổ phần đang lưu hành của Công ty. Đợt chào bán này không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng không chào bán hết dẫn đến Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến hoặc việc chào bán không đáp ứng điều kiện tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn dẫn đến đợt chào bán phải hủy bỏ.

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 135.000.000.000 đồng sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, trường hợp thiếu hụt số tiền thu được từ đợt chào bán, Công ty sẽ phải huy động tiền từ các nguồn khác như vay các cá nhân, các tổ chức khác để bổ sung đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính, giảm lợi nhuận hoạt động của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng:

Việc chào bán cổ phiếu mới ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho Công ty sẽ làm pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu.

- Pha loãng EPS: Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị pha loãng do tăng tổng số lượng cổ phiếu lưu hành và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần mới chưa tạo ra lợi nhuận ngay trong năm 2023.

⁶<https://vatlieuxaydung.org.vn/tin-tuc/kinh-doanh-dau-tu/thi-truong-gach-op-lat-trong-nuoc-tang-truong-cham-16225.htm>

Công thức tính thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) pha loãng:

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

- Pha loãng giá trị sổ sách: Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán;

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV):

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

- Về tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết: Đối với việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia kèm theo việc niêm yết cổ phiếu sẽ làm cho số lượng cổ đông mới của Công ty gia tăng, do đó tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu (cổ đông trước chào bán) sẽ bị giảm tương ứng.

6. Rủi ro quản trị công ty:

Việc quản trị công ty không hiệu quả là rủi ro tiềm ẩn và có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp. Nếu Hội đồng quản trị làm việc không hiệu quả, không minh bạch, thiếu cơ chế phản biện sẽ không kịp thời phát hiện được các rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành. Ngoài ra, các yếu tố liên quan đến quản trị công ty như: cơ cấu cổ đông và mối quan hệ giữa các nhóm công ty, giữa các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các bên liên quan, các yếu tố môi trường xã hội,...cũng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp và cổ đông.

7. Rủi ro khác:

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch,... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/Công ty Hoàng Gia/Công ty mẹ	: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia
CTCP	: Công ty Cổ phần
BCTC	: Báo cáo tài chính
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Giấy CNĐKKD	: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TGD	: Tổng giám đốc
SHS/Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
NLĐ	: Người lao động

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia
- Tên tiếng Anh: Royal Manufacture and Investment Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Royal Invest.,JSC
- Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng
- Trụ sở chính: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 3569 918 Fax: (0251) 3569.879
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/01/2010, thay đổi lần 13 ngày 09/03/2022.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Sản xuất gạch ceramic, granite)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành:

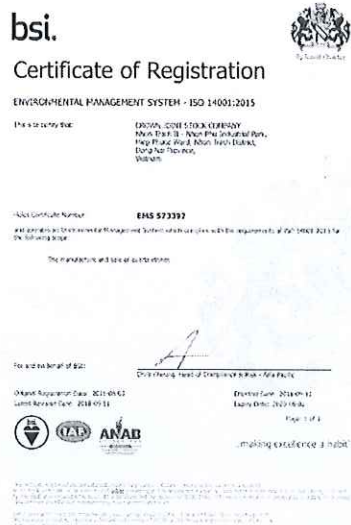
a) Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2009** : Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập
- Năm 2010** : Công ty lần đầu tiên xuất khẩu sản phẩm ra thị trường Mỹ
- Năm 2011** : Công ty tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng
- Năm 2014** : Công ty tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng
- Năm 2019** : Công ty được nhận chứng nhận hợp chuẩn ISO 13006: 2018 của Viện vật liệu xây dựng, giấy chứng nhận hợp quy QCVN 16:2017/BXD
- Năm 2021** : Công ty tăng vốn điều lệ lên 360 tỷ đồng và lần đầu tiên đạt doanh thu trên 1.000 tỷ đồng

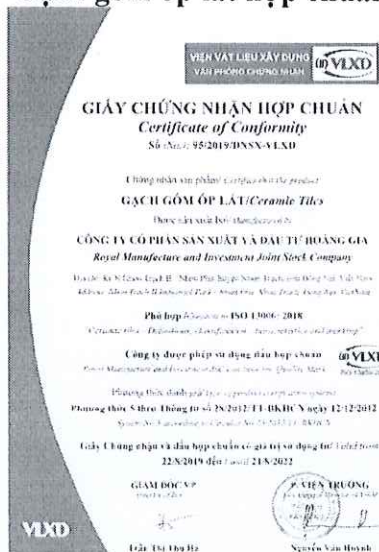
[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

b) Các giải thưởng và chứng nhận đã đạt được

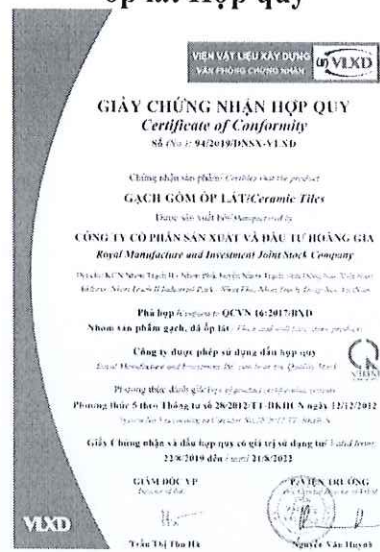
**Giấy chứng nhận tiêu chuẩn
ISO 14001:2015**



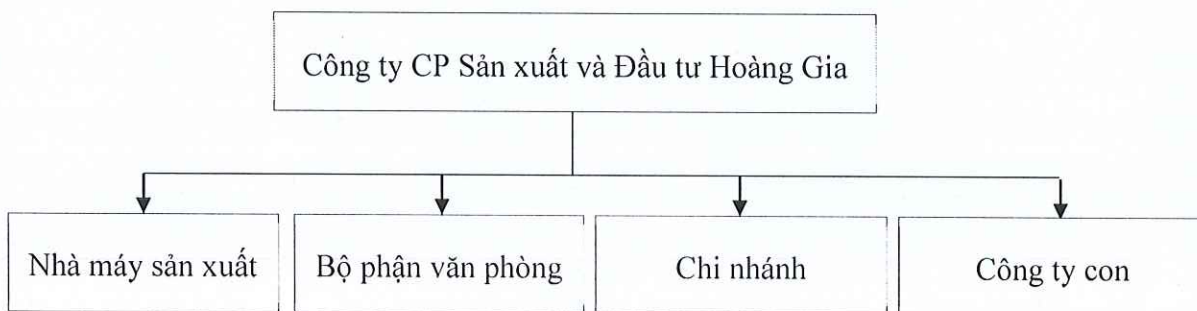
**Giấy chứng nhận
Gạch gốm ốp lát hợp chuẩn**



**Giấy chứng nhận Gạch gốm
ốp lát Hợp quy**



3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành:

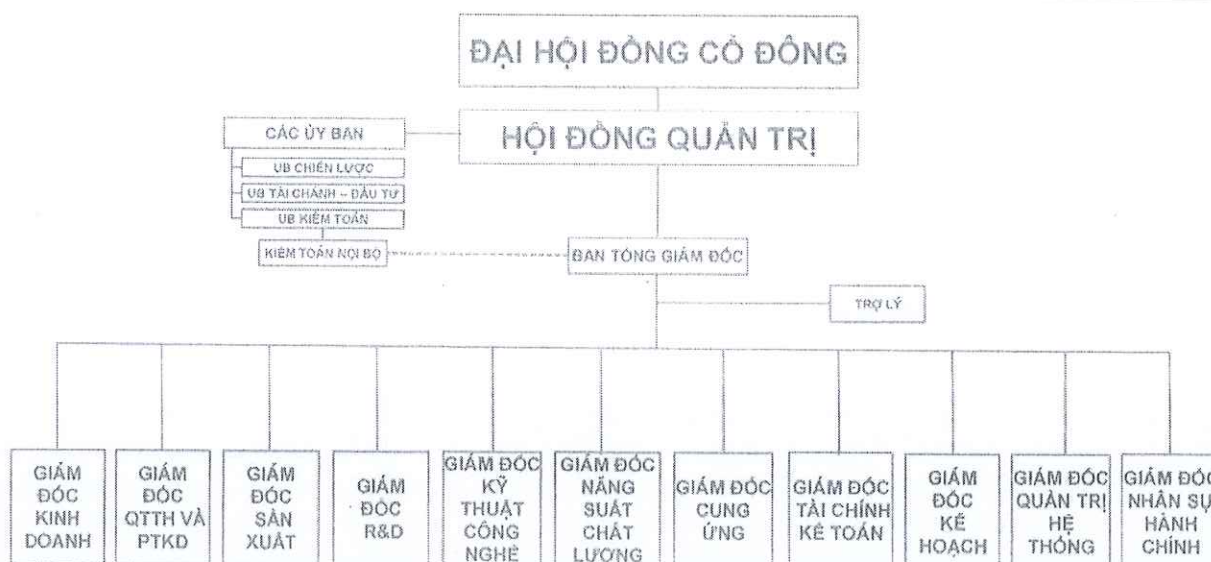


Hiện nay mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia gồm có khối sản xuất và khối văn phòng. Công ty có 01 công ty con và không có công ty liên doanh, liên kết. Công ty có chi nhánh tại 718 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

- Khối văn phòng: Gồm 11 phòng ban nghiệp vụ hỗ trợ cho việc hoạt động phát triển kinh doanh, quản lý nội bộ của Công ty.
- Khối sản xuất: Gồm 01 nhà máy sản xuất phụ trách sản xuất các sản phẩm gạch chủ lực của Công ty.
- Công ty con: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty:



a) Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần. ĐHCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị,...

Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

b) Hội đồng quản trị (HĐQT):

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.

c) Các ủy ban

- **Ủy ban Chiến lược:** Ủy ban Chiến lược là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng hoạch định chiến lược phát triển, đánh giá kết quả thực hiện chiến lược kinh doanh và đề xuất thay đổi về chiến lược kinh doanh của Công ty; thúc đẩy việc thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển của Công ty; Ủy ban Chiến lược có từ ba đến năm ủy viên. Các ủy viên của Ủy ban Chiến lược sẽ do HĐQT bổ nhiệm cho từng nhiệm kỳ phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.
- **Ủy ban Tài chính – Đầu tư:** Ủy ban Tài chính – Đầu tư là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tham mưu và giúp Ban Tổng Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng vốn, tài sản, đảm bảo cân đối nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn, đầu tư phát triển cho hoạt động của Công ty, hoạch định chiến lược đầu tư, xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư ngắn, trung và dài hạn; nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- **Ủy ban Kiểm toán:** Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

- **Kiểm toán nội bộ:** Kiểm toán nội bộ là bộ phận tư vấn, góp phần nâng cao giá trị, hoàn thành mục tiêu và hoàn thiện các hoạt động của tổ chức một cách độc lập, khách quan.

d) Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm: 01 Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc nhiệm vụ được phân công; thực hiện các công việc thay Tổng Giám đốc khi được ủy quyền. Tham gia và tổ chức chỉ đạo xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, phương án sản xuất, kinh doanh; theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các hoạt động đó. Quyết định các công việc theo ủy quyền của Tổng Giám đốc và trong phạm vi quyền hạn.

Ban trợ lý: Hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong các công việc thường nhật. Ban trợ lý báo cáo kết quả công việc trực tiếp cho Tổng Giám đốc Công ty.

e) Các phòng ban chức năng:

Công ty có 11 khối chức năng nghiệp vụ. Đứng đầu là các Giám đốc.

- **Khối kinh doanh:** Chịu trách nhiệm trong xây dựng đội ngũ bán hàng, tìm kiếm xây dựng đội ngũ nhà phân phối, đưa sản phẩm bán ra thị trường, thúc đẩy doanh số, doanh thu và tiền thu, mở rộng thị phần trong ngành nghề hoạt động, đề xuất các chính sách bán hàng, tư vấn về mẫu mã sản phẩm, chất lượng. Chịu trách nhiệm về kết quả doanh thu theo mục tiêu Công ty.
- **Khối Quản trị thương hiệu và Phát triển kinh doanh:** Chịu trách nhiệm lập kế hoạch Marketing, quảng bá hình ảnh, kinh doanh tiếp thị, tư vấn xây dựng hình ảnh sản phẩm, công ty và kiểm soát chi phí Marketing hiệu quả; phát triển các năng lực bán hàng, xây dựng kế hoạch tiếp cận và quản lý thị trường, kiểm toán kết quả thực thi bán hàng và hiệu quả, xây dựng kế hoạch tổ chức đội ngũ và chuẩn bị các phương án quản lý đối tác phân phối.
- **Khối Sản xuất:** Trực tiếp sản xuất ra sản phẩm, đảm bảo sản lượng theo kế hoạch cung ứng, đảm bảo năng suất và chất lượng sản phẩm. Phối hợp với các phòng ban trong điều hành và phân bổ lao động trong sản xuất, về chất lượng sản phẩm trên các thiết kế mới.
- **Trung tâm Nghiên cứu phát triển (R&D):** Nghiên cứu các sản phẩm mới đáp ứng tính thị hiếu, cạnh tranh. Luôn phát triển những thiết kế mẫu mã định hướng tham mưu sản xuất các sản phẩm phù hợp với thị trường.
- **Khối Kỹ thuật công nghệ:** Trực tiếp tạo ra sản phẩm mẫu, thử nghiệm, kiểm tra chất lượng trước khi đưa vào sản xuất hàng loạt; điều hành công nghệ để đảm bảo chất lượng. Nghiên cứu và ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật đưa vào sản xuất trong dây chuyền.
- **Khối Năng suất chất lượng:** Đảm bảo chất lượng trong sản xuất nguyên vật liệu đầu vào và thành phẩm; đảm nhận nhiệm vụ xây dựng hệ thống, quy trình sản xuất, quản lý chất lượng và giám sát, đo lường việc thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng đề ra.
- **Khối Cung ứng:** Chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động thu mua đúng và đủ đảm bảo kế

hoạch sản xuất, giao nhận hàng hóa, nguyên vật liệu của Công ty.

- **Khối Tài chính Kế toán:** Quản lý vốn, nguồn vốn của doanh nghiệp, thanh quyết toán với khách hàng mua và bán, lập báo cáo tài chính theo niên độ quyết toán, báo cáo quyết toán thuế, phí và lệ phí theo quy định của Nhà nước.
- **Khối Kế hoạch:** Xem xét kế hoạch mua nguyên vật liệu, vật tư phục vụ sản xuất, kiểm soát kế hoạch sản xuất theo từng tiến độ, dự án.
- **Ban Quản trị hệ thống:** xây dựng quy trình, hệ thống; kiểm soát vận dụng quy trình vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh; xác định tiêu chuẩn và hướng dẫn thực thi. Quản lý hệ thống công nghệ thông tin và đóng vai trò điều phối chính trong việc xây dựng, vận hành và cải tiến liên tục của hệ thống quản lý tích hợp Chất lượng – Môi trường – Trách nhiệm xã hội của Công ty.
- **Khối Nhân sự Hành chính:** Tổ chức, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, giải quyết các vấn đề về quan hệ lao động, chế độ chính sách đối với người lao động; xây dựng đơn giá tiền lương và thực hiện tính lương, quyết toán lương và các khoản thu nhập khác cho toàn thể CB-CNV, thực hiện các công tác thi đua khen thưởng; công tác quản trị về môi trường – an toàn lao động – sức khỏe nghề nghiệp, công tác quản trị hành chính bao gồm hậu cần, văn thư, lưu trữ, tổ chức sự kiện, công tác giám sát bảo vệ an ninh trật tự nhà máy.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

a) Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

CÔNG TY TNHH GẠCH MEN HOÀNG GIA

(Đổi tên thành CÔNG TY TNHH TOP TILE từ ngày 07/04/2022)

- Thời gian là công ty mẹ: 2009 - 2021
- Ngày thành lập: 19/02/2001
- Giấy ĐKKD: số 3500413427 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/02/2001, cấp thay đổi lần thứ 26 ngày 07/04/2022.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm gốm sứ, gạch men
- Tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết của Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:
 - Từ 01/01/2020 đến 20/01/2021: 13.686.376 cổ phần, chiếm 63,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.
 - Từ 20/01/2021 đến nay: 0 cổ phần chiếm 0% Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia
- Từ ngày 20/01/2021 đến thời điểm hiện tại, Công ty không có Công ty mẹ.

b) Công ty con của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA KHANG

- Thời gian là công ty con: Năm 2022
- Ngày thành lập: 08/12/2009
- Giấy ĐKKD: số 3602194679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08/12/2009, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 20/04/2023.
- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang:
 - Từ 01/06/2022 đến 19/04/2023: 4.142.018 cổ phần, chiếm 88,17% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang
 - Từ 20/04/2023 đến nay: 8.816.556 cổ phần, chiếm 88,17% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang

c) Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia - đã được trình bày tại tiết a Mục 5 Phần IV.

d) Những công ty mà Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang – đã được trình bày tại tiết b Mục 5 Phần IV.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501459505 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 01/09/2009 với mức vốn điều lệ đăng ký là 49.300.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ ba trăm triệu đồng), tương ứng với 4.930.000 cổ phần và có 06 cổ đông sáng lập.

Sau hơn 14 năm hoạt động và 06 lần tăng vốn, vốn điều lệ hiện tại của Công ty là: 360.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ đồng), tương ứng với 36.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

Lần	Thời gian nộp tiền góp vốn	Thời gian được cấp thay đổi ĐKKD	Giá trị vốn trước thay đổi	Giá trị vốn tăng	Vốn Điều lệ sau thay đổi	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
1	01/09/2009 đến 18/11/2009	01/09/2009	-	49,3	49,3	Góp vốn thành lập Công ty	- Mua ô tô, máy móc thiết bị - Trả tiền thi công công trình Nhà máy tại KCN Nhơn Trạch 2 - Mua trạm cân ô tô - Mua vật tư và thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy, đường ống dẫn khí ga	Giấy ĐKKD Số 3501459505 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 01/09/2009
2	30/09/2009 đến 02/10/2009	08/10/2009	49,3	8,7	58	- Chào bán 200.000 cổ phần cho 01 cổ đông sáng lập - Chào bán 670.000 cổ phần cho 02 cổ đông mới	- Trả tiền thi công công trình Nhà máy tại KCN Nhơn Trạch 2 - Mua máy móc thiết bị	Giấy ĐKKD Số 3501459505 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp thay đổi lần 01 ngày 08/10/2009
3	20/11/2009 đến 04/12/2009	09/12/2009	58	15,5	73,5	- Chào bán 250.000 cổ phần cho đối tác chiến lược - Chào bán 1.300.000 cổ phần cho cổ đông sáng lập và hiện hữu	- Trả tiền thi công công trình; thi công gia công lắp đặt hệ thống Nhà máy tại KCN Nhơn Trạch 2 - Mua máy móc thiết bị - Mua vật tư và thi công lắp đặt hệ thống đường ống dẫn khí ga - Mua vật tư và thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	Giấy ĐKKD Số 3501459505 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp thay đổi lần 2 ngày 09/12/2009
4	29/09/2010 đến 27/12/2010	14/04/2011	73,5	26,5	100	- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu - Tỷ lệ phát hành: 36,05%	- Trả tiền thi công công trình; thi công gia công lắp đặt hệ thống Nhà máy tại KCN Nhơn Trạch 2 - Trả tiền dịch vụ đóng gói sản phẩm - Mua bột đá tràng thạch - Mua máy móc thiết bị - Lắp đặt hệ thống thiết bị vận hành và cung cấp khí CNG, LPG	Giấy ĐKKD Số 3501459505 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần 1 ngày 14/04/2011

Lần	Thời gian nộp tiền góp vốn	Thời gian được cấp thay đổi ĐKKD	Giá trị vốn trước thay đổi	Giá trị vốn tăng	Vốn Điều lệ sau thay đổi	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn	Đơn vị chấp thuận
5	24/03/2014 đến 25/03/2014	15/04/2014	100	20	120	- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu - Tỷ lệ phát hành: 20%	- Thanh toán tiền khí thấp áp - Thanh toán tiền lương	Giấy ĐKKD Số 3501459505 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần 3 ngày 15/04/2014
6	-	12/04/2021	120	94,52	214,52	- Tăng vốn thông qua hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu - Tỷ lệ phát hành: 78,77%	-	Giấy ĐKKD Số 3501459505 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần 9 ngày 12/04/2021
7	28/12/2021 đến 31/12/2021	07/01/2022	214,52	145,48	360	- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu - Tỷ lệ phát hành: 67,82%	- Mua dây chuyền sản xuất gạch men - Trả nợ vay ngắn hạn - Mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	Giấy ĐKKD Số 3501459505 do Sở KH&ĐT Tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi lần 12 ngày 07/01/2022

Các thông tin quan trọng khác của toàn bộ giao dịch các lần tăng vốn: Không có

Ý kiến của Đơn vị kiểm toán về các đợt tăng vốn:

- Tại Báo cáo Biên động vốn đầu tư của chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán, kiểm toán viên đã có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tăng giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu”.
- Tại Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 đồng lên 360.000.000.000 đồng đã được kiểm toán, kiểm toán viên đã có ý kiến như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 đồng lên 360.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn của Công ty và được lập phù hợp với cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Thuyết minh số 02 - Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn”.
- Đối với các lần tăng vốn thứ 2, 3, 4, 5 trong các năm 2009, 2010 và 2014, do thời gian thực hiện đã lâu nên Công ty không thuê Đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán quá trình tăng vốn.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác:

- Các khoản góp vốn trong năm 2021 có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện: **Không có.**
- Các khoản thoái vốn trong năm 2021 và năm 2022 có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện: **Không có.**
- Các khoản góp vốn trong năm 2022 có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện: Tháng 6/2022, Công ty góp vốn 95,6 tỷ đồng (tương ứng 10,8% tổng tài sản được ghi trong BCTC kiểm toán năm 2021) vào công ty con – Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang.
- Các khoản thoái vốn, góp vốn trong 6 tháng đầu năm 2023 có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện: **Không có.**

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành:

8.1 Cổ phiếu phổ thông:

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/06/2023

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phiếu (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	17	36.000.000	360.000.000.000	100,0%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	17	36.000.000	360.000.000.000	100,0%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
	Tổng cộng	17	36.000.000	360.000.000.000	100,0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

8.2 Cổ phiếu ưu đãi: Không có

8.3 Các loại chứng khoán khác: Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật:
 - Theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021:

1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng được xác định như sau:

a) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế

có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;

c) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;

d) Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;

đ) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

e) Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty."

- Theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/04/2022, hiện tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia có ngành nghề kinh doanh chính là: *Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất gạch ceramic, granite (mã ngành 2392)*. Đây là lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.
- Theo quy định tại Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA): ***Ngành, phân ngành không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bao gồm: sản xuất gạch từ đất sét, sản xuất kính xây dựng, sản xuất thép thanh xây dựng D6-D32 mm và ống thép nội D15-D114mm; tấm thép mạ và tấm thép màu.***

(Nguồn: https://vietnaminvest.gov.vn/SitePages/News_Detail.aspx?ItemId=256).

- Đại hội đồng cổ đông không có nghị quyết quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty;
- Điều lệ hiện hành của Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty;
- Công ty xác định tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/06/2023 là: **0%**.

10. Hoạt động kinh doanh:

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:

10.1.1 Mô tả sản phẩm chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

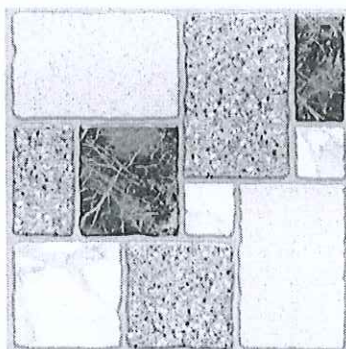
- **Sản phẩm chính**

Sản phẩm của Công ty đa dạng từ phân khúc phổ thông cho tới phân khúc cao cấp. Tuy nhiên, phần lớn sản phẩm được bán ra là sản phẩm ở phân khúc phổ thông (41,9%) và trung cấp (30,0%). Doanh thu đến từ dòng sản phẩm cao cấp còn hạn chế, chỉ chiếm bình quân 29,1% doanh thu Công ty năm 2020 – 2022.

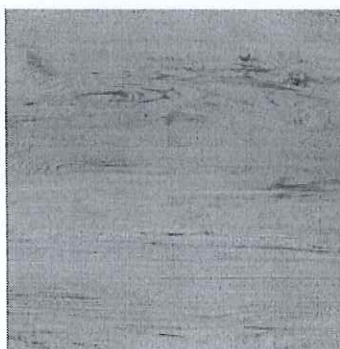
- **Đối với phân khúc phổ thông:** sản phẩm được bán chủ yếu là gạch Ceramic, kích thước trung bình 40cm x 40cm, 50cm x 50cm.
- **Đối với phân khúc trung cấp:** sản phẩm Ceramic in kỹ thuật số kích thước 30cm x 60cm và 30cm x 45cm là những sản phẩm bán chạy nhất.
- **Đối với phân khúc cao cấp:** doanh thu đến phần lớn từ các sản phẩm gạch đánh bóng men, gạch giả gỗ, gạch bán sứ, kích thước trung bình 60cm x 60cm, 80cm x 80cm, 100cm x 100cm.

Sự khác biệt về sản phẩm của Công ty được tạo ra so với các sản phẩm khác trên thị trường dựa vào khâu thiết kế và phát triển sản phẩm. Chu kỳ sản phẩm mới kéo dài khoảng 1 năm trước khi có các mẫu thiết kế mới được ra đời. Do vậy, để liên tục tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm và duy trì vị thế trên thị trường, Công ty đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển và tập trung vào khâu thiết kế sản phẩm.

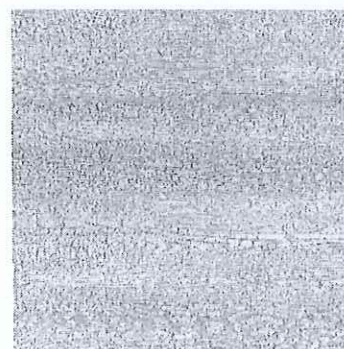
Gạch Mimosa



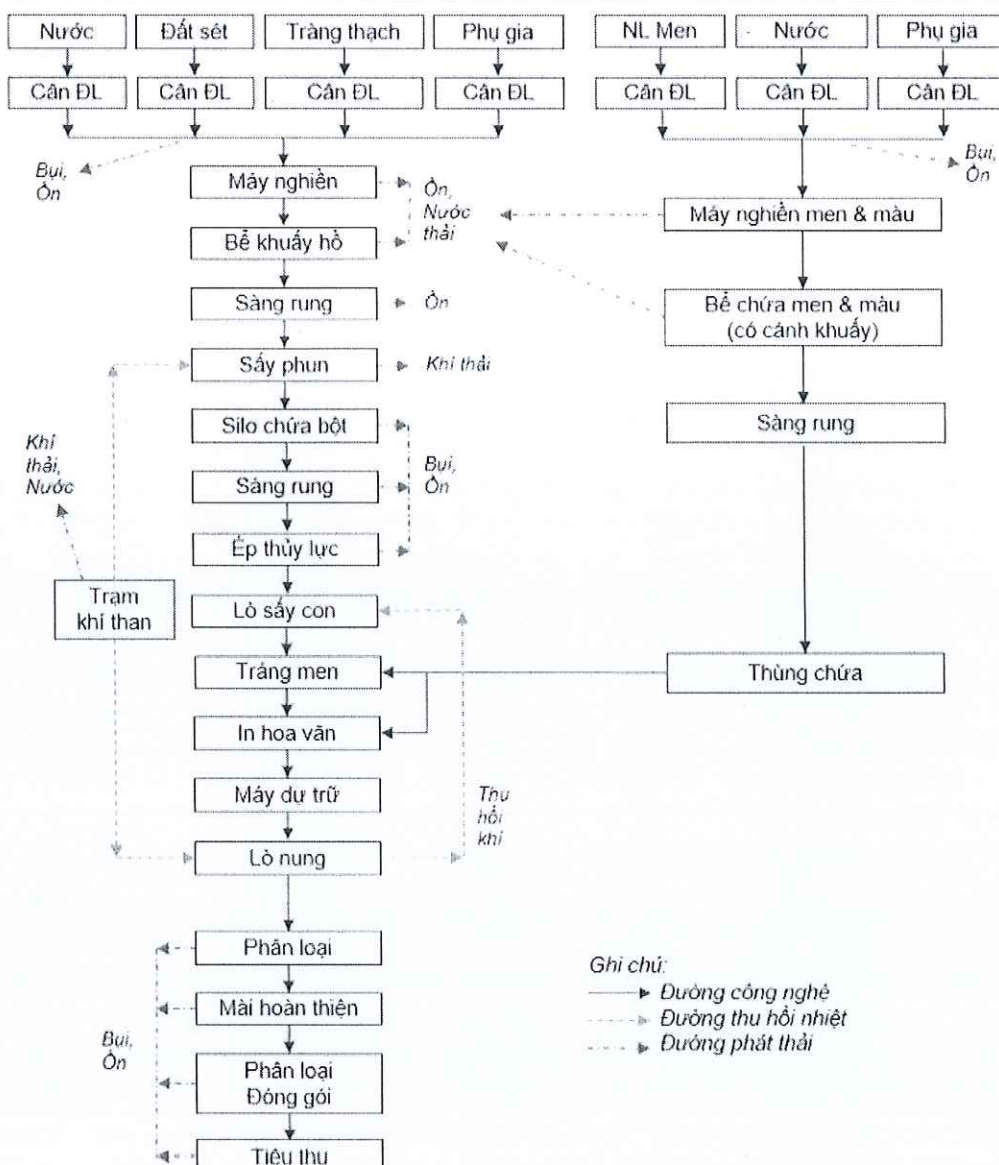
Gạch giả gỗ



Gạch hiệu ứng Monalisa



- Quy trình sản xuất kinh doanh



Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

- Công nghệ áp dụng

Công nghệ sản xuất gạch ốp lát phổ biến được chia theo số lần nung sản phẩm, cụ thể là các công nghệ nung 1 lần, 2 lần và 3 lần. Trong đó, dây chuyền gạch ốp lát nung 1 một lần là dây chuyền tiên tiến nhất với thời gian sản xuất nhanh đồng thời tiết kiệm chi phí sản xuất. Hiện nay Công ty đang áp dụng công nghệ nung này đối với việc sản xuất của mình.

- Máy móc thiết bị và nhà xưởng

Máy móc thiết bị đóng vai trò thiết yếu trong sản xuất gạch ốp lát và quyết định chất lượng sản phẩm đầu ra. Tại Việt Nam công nghiệp phụ trợ chưa phát triển, các doanh nghiệp chủ yếu nhập máy móc thiết bị từ Ý, Tây Ban Nha và Trung Quốc. Mặc dù có chất lượng thấp hơn, máy móc thiết bị Trung Quốc được lựa chọn lắp đặt nhiều hơn do có giá bán thấp hơn, khoảng cách địa lý gần dẫn đến việc bảo trì và sửa chữa thuận tiện hơn. Ngoài ra, việc chuyển giao công nghệ và lợi thế kẻ đi sau cũng đã khiến máy móc Trung Quốc dần theo kịp về chất lượng. Phần lớn dây chuyền sản xuất và máy móc thiết bị được Công ty nhập từ Trung Quốc. Tuy nhiên,

đôi với máy in gạch – thiết bị quan trọng tạo ra sự khác biệt của sản phẩm gạch ốp lát, Công ty sử dụng thiết bị nhập khẩu từ Tây Ban Nha.

- **Hoạt động đạt tối đa công suất thiết kế.** Hiện tại, Công ty sở hữu 5 chuyền với công suất 16,5 triệu m²/năm. Công ty đã hoạt động gần như đạt công suất tối đa (các máy đang chạy tối đa 3 ca/ ngày).
- **Vấn đề sửa chữa và nâng cấp máy móc:** Máy móc thiết bị được sửa chữa vào bảo trì thường xuyên. Trung bình 1 dây chuyền sản xuất được bảo dưỡng trong thời gian 1 tháng/năm (cứ 11 tháng chạy liên tục thì dừng chạy và bảo dưỡng 1 tháng). Chi phí bảo dưỡng bảo trì hàng năm là khoảng 19 tỷ đồng. Chi phí này đã bao gồm việc nâng cấp máy móc. Công ty có xu hướng không thực hiện vốn hóa chi phí để tiết kiệm thuế thu nhập.
- **Máy móc thiết bị đã gần hết khấu hao:** Nhiều máy móc thiết bị đã được đầu tư và sử dụng trong thời gian khá dài, do vậy, hầu hết TSCĐ đã gần hết khấu hao. Ngoài ra, Công ty có thực hiện thay thế, cải tiến, nâng cấp máy móc từng phần hàng năm. Tuy nhiên, do xu hướng ghi nhận chi phí thay vì vốn hóa chi phí nên giá trị TSCĐ của Công ty ghi nhận trên báo cáo tài chính không cao.
- **Nhà xưởng:** Công ty sở hữu quyền sử dụng khu đất 6ha với diện tích nhà xưởng hơn 35.000 m² và thời hạn thuê đến 2039.

- **Nguyên vật liệu chính**

Nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất gạch ốp lát bao gồm: đất sét, cao lanh, tràng thạch, men, mực, phụ gia,... Tùy thuộc vào loại gạch sản xuất mà sử dụng tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu là khác nhau. Sản phẩm gạch xương đỏ ceramic có tỷ lệ nguyên vật liệu là đất sét nhiều hơn. Dòng gạch xương sứ porcelain (dòng cao cấp hơn) có tỷ lệ tràng thạch và cao lanh nhiều hơn.

Chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 28% giá vốn sản xuất gạch ốp lát, trong đó, men mực chiếm 17% giá vốn, các nguyên liệu cấu thành xương gạch (đất sét, cao lanh, tràng thạch, phụ gia,...) chiếm 11% giá vốn.

- **Nguồn cung cấp:** Nhìn chung nguồn nguyên vật liệu sản xuất gạch ốp lát tại Việt Nam sẵn có, không có tính khan hiếm. Các nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty cụ thể như sau:
 - + Men, mực được doanh nghiệp mua từ các nhà cung cấp trong nước 60% - 70%, nhập khẩu 30% - 40%.
 - + Đất sét được cung cấp từ các khu vực xung quanh Đồng Nai.
 - + Cao lanh được cung cấp từ khu vực Lâm Đồng.
 - + Tràng thạch được nhập từ Thái Lan (chất lượng tốt hơn tràng thạch Việt Nam).
- **Vấn đề dự trữ:** Nguyên vật liệu chính được Công ty dự trữ để đảm bảo khả năng sản xuất kinh doanh 100% công suất trong 2 tháng. Cộng với thực tế nguyên vật liệu luôn có sẵn nên việc chủ động dự trữ nguyên vật liệu đã giúp Công ty giảm thiểu rủi ro gián đoạn sản xuất do thiếu hụt nguyên vật liệu.
- **Xu hướng giá cả:** Nguyên vật liệu đất sét, cao lanh, tràng thạch có trữ lượng lớn và luôn có

sẵn trong nước, nên nguồn cung và giá cả được duy trì ổn định. Men tráng phần lớn nhập khẩu từ Trung Quốc mặc dù không tốt bằng các nước Tây Ban Nha, Ấn Độ nhưng chi phí thấp và có thời gian giao hàng nhanh hơn. Trong ngắn hạn, do chi phí vận tải biển tăng, giá nguyên liệu men có xu hướng tăng tương ứng, tuy nhiên, ảnh hưởng không nhiều tới giá thành sản phẩm.

Nhiên liệu: Hiện tại, công nghệ sản xuất gạch ốp lát được thực hiện với công nghệ sử dụng than hoặc công nghệ sử dụng khí (CNG/LNG) cung cấp nhiệt lượng để nung. Trong đó, công nghệ sử dụng than rẻ hơn nhưng có nhược điểm là nhiệt độ không ổn định, chất lượng đầu ra không cao, hơn nữa, việc sử dụng than làm giảm tuổi thọ thiết bị và nhà xưởng. Công nghệ sử dụng khí đốt tuy phát sinh chi phí lớn hơn nhưng chất lượng sản phẩm tốt hơn, chi phí để sửa chữa thiết bị cũng sẽ ít hơn.

Hiện tại, Công ty đang sử dụng khí LNG để cung cấp nhiệt lượng. Ngoài ra, các nhiên liệu khác bao gồm trấu (sử dụng khi nghiền vật liệu xương gạch) và điện. Chi phí khí, trấu, điện lần lượt chiếm khoảng 17%, 7% và 7% giá vốn sản phẩm.

- **Vấn đề dự trữ:** Nhiên liệu được đáp ứng ngay tại nội địa, nguồn cung ổn định không có tính khan hiếm.
- **Xu hướng giá cả:** Giá cả LNG có xu hướng biến động theo giá dầu và chiếm tỷ trọng khá cao trong giá thành sản phẩm. Từ năm 2020 đến nay, giá dầu và LNG biến động mạnh theo xu hướng tăng, ảnh hưởng xấu tới biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

- **Hệ thống nhà phân phối**

Hiện tại Công ty có kênh phân phối sản phẩm khá đa dạng được phân loại thành:

- **Hệ thống đại lý phân phối:** là kênh bán hàng chính hiện tại
 - + **Đại lý phân phối trong nước:** Hiện tại, doanh thu kênh bán hàng Đại lý chiếm tỷ trọng lớn (67,6% doanh thu gạch năm 2022).
 - + **Hệ thống phân phối nước ngoài:** Công ty đang dần thiết lập mạng lưới bán hàng nước ngoài, tập trung vào thị trường Mỹ. Một số đối tác phân phối hàng hóa cho Tập đoàn có thể kể đến như: M.S International, New Pacific Marble and Tile, Royal American Wholesale, trong đó MSI là 1 trong 10 nhà phân phối gạch lớn nhất Mỹ. Hiện tại, lượng hàng bán xuất khẩu đem đến lượng doanh thu khá khiêm tốn, gần 13,0% doanh thu gạch ốp lát năm 2022 của Công ty. Công ty dự kiến sẽ gia tăng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu trong tương lai.
- Ngoài các kênh bán hàng trên, Công ty còn bán trực tiếp thông qua bán lẻ và bán trực tiếp cho dự án đầu tư xây dựng. Doanh thu thu được qua các kênh này chưa đáng kể, chiếm 8,6% doanh thu năm 2022.

10.1.2 **Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh**

Sản phẩm gạch ốp lát phục vụ cho nhu cầu xây dựng diễn ra quanh năm, do đó, có thể thấy được hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ.

10.1.3 **Sản lượng, doanh thu thuần và lợi nhuận của từng loại sản phẩm qua các năm:**

- Sản lượng

Đơn vị tính: m²

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		6 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Gạch ceramic	11.164.520	83,28%	13.404.134	79,69%	4.553.184	76,33%
Gạch Porcelain	2.242.181	16,72%	3.416.212	20,31%	1.412.018	23,67%
Tổng cộng	13.406.701	100%	16.820.345	100%	5.965.202	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

- Doanh thu thuần

Bảng cơ cấu doanh thu thuần của Công ty năm 2021 – 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022 (riêng)		Năm 2022 (Hợp nhất)		6T/2023 (riêng)		6T/2023 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Gạch ceramic	659.607	60,32	883.214	63,23	883.214	63,23	318.987	58,09	318.987	58,09
Gạch Porcelain	282.878	25,87	408.612	29,25	408.612	29,25	183.304	33,38	183.304	33,38
Sản phẩm khác	151.084	13,82	104.965	7,52	104.965	7,52	46.828	8,53	46.828	8,53
Tổng cộng	1.093.569	100	1.396.792	100	1.396.792	100	549.119	100	549.119	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

- Lợi nhuận gộp

Bảng cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2021 – 6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022 (riêng)		Năm 2022 (Hợp nhất)		6T/2023 (riêng)		6T/2023 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Gạch ceramic	114.895	64,88	147.523	57,73	147.523	58,12	63.850	54,03	63.850	54,93
Gạch Porcelain	60.374	34,09	88.709	34,72	88.709	34,95	49.588	41,96	49.588	42,66
Sản phẩm khác	1.819	1,03	19.297	7,55	17.606	6,93	4.746	4,02	2.795	2,40
Tổng cộng	177.087	100	255.529	100	253.838	100	118.184	100	116.233	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

10.1.4 Chi phí hoạt động

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2021		Năm 2022 (riêng)		Năm 2022 (hợp nhất)		6T/2023 (riêng)		6T/2023 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	916.482	88,16	1.141.263	87,00	1.142.954	87,34	430.935	82,31	432.886	83,15
Chi phí tài chính	15.104	1,45	32.167	2,45	32.167	2,46	21.954	4,19	21.954	4,22
Chi phí bán hàng	66.349	6,38	86.786	6,62	80.221	6,13	40.518	7,74	33.952	6,52
Chi phí QLDN	34.984	3,37	51.061	3,89	52.684	4,03	30.098	5,75	31.771	6,10
Chi phí khác	6.608	0,64	539	0,04	554	0,04	32	0,01	63	0,01
Tổng cộng	1.039.527	100	1.311.816	100	1.308.580	100	523.537	100	520.626	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022; BCTC 6 tháng đầu năm 2023.

10.1.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- **Chính sách kiểm tra chất lượng**

Công ty cam kết cung cấp sản phẩm và dịch vụ tin cậy nhất vì sự phát triển bền vững của khách hàng và sự thỏa mãn của người sử dụng.

- **Hệ thống tiêu chuẩn của Công ty đang áp dụng:**

- Hệ thống quản lý chất lượng hợp chuẩn ISO 9001:2015, do tổ chức BSI chứng nhận ngày 03/11/2019
- Chứng nhận chất lượng sản phẩm hợp chuẩn ISO 13006:2018, do Viện Vật liệu xây dựng thuộc Bộ Xây dựng ký ngày 22/8/2019
- Chứng nhận chất lượng sản phẩm hợp quy QCVN 16:2019/BXD, do Viện Vật liệu xây dựng thuộc Bộ Xây dựng ký ngày 03/8/2020.

- **Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đang áp dụng:**

- Chính sách chất lượng;
- Sổ tay hệ thống quản lý tích hợp.

- **Quản lý về chất lượng sản phẩm sản xuất tại nhà máy của Công ty:**

Trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm, Công ty đã thành lập Ban Năng suất Chất lượng, Ban ISO và đồng thời đã ban hành Chính sách chất lượng, Sổ tay hệ thống quản lý tích hợp.

Hệ thống máy móc thiết bị, các phương tiện phục vụ sản xuất khi được đầu tư mua sắm mới và tất cả nguyên vật liệu đầu vào đảm bảo được đánh giá và kiểm soát chặt chẽ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật được ban hành.

Quy trình sản xuất sản phẩm cũng được Công ty kiểm soát nghiêm ngặt tại mỗi công đoạn sản xuất, đảm bảo tiêu chí không có sản phẩm lỗi được nhập kho.

Thành phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng mới được phép xuất xưởng với đầy đủ thông tin về nơi

sản xuất, số lô sản phẩm, ngày sản xuất, hồ sơ nghiên cứu theo dõi độ ổn định chất lượng và lưu mẫu theo quy định.

10.2. Tài sản

Bảng giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	478.189	149.730	31,31
1	Máy móc, thiết bị	387.517	142.027	36,65
2	Phương tiện vận tải	8.928	3.575	40,04
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	79.052	3.465	4,38
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.508	541	21,57
5	Tài sản cố định khác	184	123	66,85
II	Tài sản cố định thuê tài chính	34.927	23.039	65,96
1	Máy móc, thiết bị	31.821	20.890	65,65
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.106	2.148	69,16
III	Tài sản cố định vô hình	565	232	41,06%
1	Phần mềm máy tính	565	232	41,06%
	Tổng cộng	531.681	173.001	33,68%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021

Bảng giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2022 – riêng:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	522.969	166.472	31,83%
1	Máy móc, thiết bị	425.169	154.486	36,34%
2	Phương tiện vận tải	12.104	4.556	37,64%
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	79.532	3.640	4,58%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.020	824	27,28%
5	Tài sản cố định khác	3.144	2.966	94,34%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	30.782	17.253	56,05%
1	Máy móc, thiết bị	30.115	16.600	55,12%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	667	653	97,90%

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
III	Tài sản cố định vô hình	565	139	24,60%
1	Phần mềm máy tính	565	139	24,60%
	Tổng cộng	554.316	183.864	33,17%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 (riêng)

Bảng giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2022 – hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	560.208	199.477	35,61%
1	Máy móc, thiết bị	425.647	154.721	36,35%
2	Phương tiện vận tải	14.006	6.115	43,66%
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	114.391	34.851	30,47%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.020	824	27,28%
5	Tài sản cố định khác	3.144	2.966	94,34%
II	Tài sản cố định thuê tài chính	30.782	17.253	56,05%
1	Máy móc, thiết bị	30.115	16.600	55,12%
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	667	653	97,90%
III	Tài sản cố định vô hình	68.204	66.803	97,95%
1	Phần mềm máy tính	565	139	24,60%
2	Lợi thế quyền thuê đất	67.639	66.664	98,56%
	Tổng cộng	659.194	283.533	43,01%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 (hợp nhất)

Bảng giá trị tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 – riêng:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	585.765	215.291	36,75
1	Máy móc, thiết bị	461.669	179.084	38,79
2	Phương tiện vận tải	12.104	3.933	32,49
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	105.649	28.603	27,07
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.198	863	26,99
5	Tài sản cố định khác	3.144	2.809	89,34

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
II	Tài sản cố định thuê tài chính	48.894	33.463	68,44
1	Máy móc, thiết bị	48.227	32.852	68,12
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	667	611	91,60
III	Tài sản cố định vô hình	565	112	19,82
1	Phần mềm máy tính	565	112	19,82
	Tổng cộng	635.224	248.866	39,18

Nguồn: BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2023 (riêng)

Bảng giá trị tài sản cố định tại ngày 30/06/2023 – hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	623.295	247.577	39,72
1	Máy móc, thiết bị	462.438	179.556	38,83
2	Phương tiện vận tải	14.006	5.492	39,21
3	Nhà cửa, vật kiến trúc	140.508	58.858	41,89
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.198	863	26,99
5	Tài sản cố định khác	3.144	2.809	89,34
II	Tài sản cố định thuê tài chính	48.894	33.464	68,44
1	Máy móc, thiết bị	48.227	32.852	68,12
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	667	611	91,60
III	Tài sản cố định vô hình	68.204	65.800	96,48
1	Phần mềm máy tính	565	112	19,82
2	Lợi thế quyền thuê	67.639	65.688	97,12
	Tổng cộng	740.393	346.841	46,85

Nguồn: BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2023 (hợp nhất)

Thông kê một số thiết bị có giá trị lớn

TT	Tên tài sản	Năm mua	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại tại 31/12/2022 (VNĐ)	Giá trị còn lại tại 30/06/2023 (VNĐ)
1	Hệ thống nghiền liệu sấy phun xường gạch trang trí 2	2020	18.134.205.002	14.507.364.002	13.902.890.501
2	Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men	2019	20.837.450.000	13.891.633.333	12.849.760.833

TT	Tên tài sản	Năm mua	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại tại 31/12/2022 (VNĐ)	Giá trị còn lại tại 30/06/2023 (VNĐ)
3	Hệ thống lò nung và sấy gạch xường 2	2022	13.809.036.000	12.428.132.400	11.737.680.600
4	Hệ thống thiết bị sấy và nung cho gạch men	2019	14.834.647.448	9.642.520.841	8.900.788.469
5	Hệ thống lò xường gạch trang trí 2	2020	11.565.355.388	9.252.284.310	8.866.772.464
6	Hệ thống máy ép xường gạch trang trí 2	2020	9.118.288.588	7.294.630.870	6.990.687.917
7	Máy in kỹ thuật số xường gạch trang trí 2	2020	8.848.508.280	7.078.806.624	6.783.856.348
8	Máy ép gạch	2022	7.305.076.000	6.574.568.400	6.209.314.600
9	Máy in kỹ thuật số	2022	5.441.081.567	4.896.973.410	4.624.919.332
10	Hệ thống lò nung sấy xường gạch trang trí 2 (B02-040)	2018	8.914.803.913	4.531.691.989	4.085.951.793
11	Hệ thống điện xường gạch trang trí 2	2020	5.744.361.650	4.595.489.320	4.404.010.598
12	Hệ thống các thiết bị phụ kết nối trong dây chuyền sản xuất gạch men	2019	6.381.227.600	4.200.974.837	3.881.913.457
13	Máy in	2021	4.690.675.000	3.869.806.875	3.635.273.125
14	Hệ Thống Máy mài cạnh ướt xường gạch trang trí 2 (Mài bóng)	2020	4.542.395.999	3.760.094.466	3.608.681.266
15	Máy tạo bề mặt gạch	2022	3.408.154.000	3.067.338.600	2.896.930.900
Tổng			143.575.266.435	109.592.310.278	103.379.432.203

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

10.3. Thị trường hoạt động

Các sản phẩm gạch ốp lát của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được phân phối rộng khắp trên cả nước và nước ngoài.

Doanh thu thuần theo từng thị trường hoạt động của Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022 (riêng)		Năm 2022 (hợp nhất)		6T/2023 (riêng)		6T/2023 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thị trường trong nước	958.626	87,66	1.222.963	87,56	1.222.963	87,56	450.621	82,06	450.621	82,06
Nước ngoài (Mỹ, Châu Âu ...)	134.943	12,34	173.829	12,44	173.829	12,44	98.498	17,94	98.498	17,94
Tổng cộng	1.093.569	100	1.396.792	100	1.396.792	100%	549.119	100	549.119	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

Lợi nhuận gộp theo từng thị trường hoạt động của Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022 (riêng)		Năm 2022 (hợp nhất)		6T/2023 (riêng)		6T/2023 (Hợp nhất)	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thị trường trong nước	149.827	84,61	213.866	83,70	212.175	83,59	97.494	82,49	95.543	82,20
Nước ngoài (Mỹ, Châu Âu ...)	27.260	15,39	41.663	16,30	41.663	16,41	20.690	17,51	20.690	17,80
Tổng cộng	177.087	100	255.529	100	253.838	100	118.134	100	116.233	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính:

10.4.1 Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư:

❖ **Tình hình đầu tư vào công ty con:**

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 212/2021/NQ-HG ngày 28/12/2021, Công ty đã sử dụng 95,68 tỷ đồng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 214,52 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng để tiến hành mua tài sản cố định (gồm nhà xưởng và đất) của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang (“Công ty Hoàng Gia Khang”). Công ty đã chuyển toàn bộ số tiền nêu trên cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang trong quý I/2022.

Mục đích của việc này nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng xây dựng nhà máy để sản xuất dòng sản phẩm gạch ốp lát khổ lớn 4.0. Đây là dòng sản phẩm có kích thước lớn, sử dụng công nghệ của Ý, được sử dụng tại các trung tâm thương mại, sảnh nhà hàng khách sạn, sảnh sân bay, căn hộ cao cấp,...Kênh phân phối dòng sản phẩm này chủ yếu sẽ xuất khẩu sang thị trường của Mỹ và phân phối ở thị trường nội địa thông qua các kênh bán hàng của Công ty.

Tuy nhiên, do gặp phải vướng mắc trong việc chuyển nhượng quyền cho thuê đất nên Công ty không thể thực hiện được phương án mua nhà xưởng và đất từ Công ty Hoàng Gia Khang. Do đó, ngày 01/06/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 214/2022/NQ-CPHG để chuyển mục đích mua tài sản Công ty Hoàng Gia Khang sang mua lại cổ phần từ các cổ đông hiện hữu của Công ty Hoàng Gia Khang với giá trị 95.684.757.818 đồng. Giá mua cổ phần Công ty Hoàng Gia Khang được Công ty tham khảo theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 22/05/02/DN ngày 31/5/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Việt Nam và theo thỏa thuận giữa các bên.

Sau khi hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần nêu trên, Công ty sở hữu 4.142.018 cổ phần, tương ứng với 88,17% vốn điều lệ của Công ty Hoàng Gia Khang.

Hiệu quả đầu tư vào Công ty con:

Việc mua cổ phần Công ty Hoàng Gia Khang để trở thành Công ty mẹ với quyền kiểm soát

88,17% vốn điều lệ vẫn sẽ giúp cho Công ty tiếp tục thực hiện được mục tiêu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh để phát triển dòng sản phẩm gạch ốp lát cỡ lớn 4.0 như đã trình bày ở trên do Công ty Hoàng Gia Khang là chủ đầu tư của Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 7172170176 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/11/2010, cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 28/04/2023 (“Dự án”).

- Một số thông tin về Dự án như sau:

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 (tên cũ là Dự án sản xuất gạch Ceramic cao cấp).
- Mục tiêu và quy mô dự án: Sản xuất gạch porcelain khổ lớn, quy mô 3.000.000 m²/năm.
- Địa điểm thực hiện: Khu công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, thị trấn Phước Hiệp, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Diện tích đất sử dụng: 30.171 m² (GCN quyền sử dụng đất số CT71303 ngày 16/12/2022).
- Tổng vốn đầu tư: 920.159.981.379 đồng (*Tại Văn bản số 682XNCCTC2300009 ngày 21/4/2023 của Ngân hàng VietinBank - chi nhánh KCN Biên Hòa, Ngân hàng VietinBank đã đồng ý cung cấp tài chính hoặc làm đầu mối cùng các tổ chức tài chính khác cung cấp tài chính cho Công ty Hoàng Gia Khang một khoản tiền tối đa là 644.111.987.000 đồng để thực hiện Dự án*).
- Thời hạn hoạt động: 50 năm kể từ ngày 16/11/2010.
- Hồ sơ pháp lý của Dự án:
 - ✦ Giấy chứng nhận đầu tư số 7172170176 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/11/2010, cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 28/04/2023;
 - ✦ Giấy phép môi trường số 46/GPMT-KCNĐN do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 14/4/2023;
 - ✦ Giấy phép xây dựng số 93/GPXD do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 28/07/2023;
 - ✦ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 159/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công An Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/07/2023.
- Tiến độ Dự án: Từ 23/06/2023, chuẩn bị mặt bằng để khởi công xây dựng nhà xưởng. Các hạng mục công việc đã và sẽ tiếp tục thực hiện như sau:

Stt	Danh mục	Ngày bắt đầu	Ngày dự kiến hoàn thành	Ghi chú
1	Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng nhà xưởng mới	23/06/2023	26/10/2023	
a	Chuẩn bị mặt bằng, xây dựng nhà xưởng (gồm 4 công trình chính: Khu A, B, C thuộc Xưởng 1 và Nhà Văn phòng)	23/06/2023	26/10/2023	Đã triển khai khoảng 30% khối lượng công việc.
b	Các công trình xây dựng phụ	01/09/2023	31/12/2023	Đang đàm phán Hợp

Stt	Danh mục	Ngày bắt đầu	Ngày dự kiến hoàn thành	Ghi chú
	trợ: điện, khí, nước			đồng thi công.
2	Xây dựng móng máy	15/08/2023	31/10/2023	
a	Móng máy cho thiết bị (thiết bị của Ý)	15/08/2023	31/10/2023	Đã ký Hợp đồng mua MMTB với Sacmi Imola S.C (nhà cung cấp từ nước Ý), đã thanh toán tiền đặt cọc.
b	Móng máy thiết bị khu nghiền (thiết bị của Trung Quốc)	15/08/2023	31/10/2023	Dự kiến ký Hợp đồng mua MMTB với đối tác trong tháng 8/2023.
3	Cải tạo các hạng mục cũ (sửa nhà xưởng cũ, bể chứa, cây xanh, công trình phụ trợ,...)	01/09/2023	31/12/2023	Đang đàm phán Hợp đồng thi công.
4	Lắp đặt thiết bị	01/10/2023	15/03/2024	
a	Lắp đặt thiết bị của Ý	01/10/2023	15/03/2024	
b	Lắp đặt thiết bị Trung Quốc	15/11/2023	15/03/2024	
5	Chạy đồng bộ dây chuyền, thiết bị	15/03/2024	14/04/2024	
6	Đưa Dự án vào hoạt động	Tháng 4/2024		

- **Một số thông tin về Công ty Hoàng Gia Khang:**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang
- Mã số doanh nghiệp: 3602194679
- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2022: 46.980.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ chín trăm tám mươi triệu đồng)
- Vốn điều lệ tại thời điểm 30/06/2023: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) (Ngày 20/04/2023, Công ty Hoàng Gia Khang đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ tư, ghi nhận mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng).
- Hoạt động kinh doanh chính:
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch men
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, nguyên liệu để sản xuất gạch;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Một số thông tin tài chính chủ yếu của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến Quý 2/2023:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	6T/2023
Tổng tài sản	79.802.396.737	52.944.724.187	112.741.453.008
Doanh thu thuần	11.418.785.460	12.275.194.368	6.565.801.638
Lợi nhuận sau thuế	8.222.353.218	7.619.064.749	4.794.057.595

❖ **Tình hình đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 đồng với lãi suất thả nổi.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 đồng và trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 đồng.

Tại ngày 30/06/2023, Công ty có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 đồng và trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 đồng và Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3.002.000.000 đồng.

Một số thông tin về khoản đầu tư và khoản lãi thu được từ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- **Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành:**

- Số lượng trái phiếu: 5.000 trái phiếu tại ngày 18/11/2021
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VNĐ/trái phiếu
- Kỳ hạn trái phiếu: 08 năm
- Lãi suất: Áp dụng cho toàn bộ thời hạn 08 (tám) năm là lãi suất thả nổi và bằng Lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm
- Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ
- Ngày phát hành: 18/11/2021
- Ngày đáo hạn: 18/11/2029
- Phương thức thanh toán gốc, lãi:
 - ✓ Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày thanh toán lãi trái phiếu;
 - ✓ Nếu trái phiếu được Tổ chức phát hành mua lại vào Ngày thực hiện quyền mua lại thì Ngày thanh toán lãi năm thứ 3 sẽ là Ngày Thanh toán lãi cuối cùng của Trái phiếu và tiền lãi năm thứ 3 sẽ được thanh toán cùng tiền gốc Trái phiếu vào Ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu.
 - ✓ Nếu ngày thanh toán lãi trái phiếu và/hoặc Ngày thực hiện quyền mua lại và/hoặc Ngày đáo hạn trái phiếu và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày làm việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày làm việc tiếp theo ngày sau ngày đó.

Khoản lãi Công ty đã thực nhận tính đến thời điểm 30/06/2023: 0 đồng. Tại ngày 30/06/2023, Công ty đã ghi nhận trước số tiền lãi dự thu là 25.468.493 đồng.

- Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành:

- Số lượng trái phiếu: 3 trái phiếu
- Mệnh giá: 01 tỷ VNĐ/trái phiếu
- Tổng mệnh giá trái phiếu: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng)
- Thời hạn trái phiếu: 08 năm
- Ngày phát hành: 22/06/2022
- Ngày thực hiện quyền mua lại: 22/06/2025
- Ngày đáo hạn: 22/06/2030
- Lãi suất: Lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm.

Trường hợp Tổ chức phát hành không thực hiện mua lại Trái phiếu vào Ngày thực hiện quyền mua lại, lãi suất áp dụng cho Kỳ thanh toán lãi thứ 6 (06) cho đến khi Trái phiếu đáo hạn sẽ bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 2,75%/năm.

- Phương thức trả lãi: Lãi được trả sau, định kỳ hàng năm vào Ngày thanh toán lãi.
- Thời điểm trả lãi: Có nghĩa là ngày 22 tháng 06 hàng năm, với ngày thanh toán lãi đầu tiên là ngày 22 tháng 06 năm 2023
- Thanh toán tiền gốc: Được trả một lần vào Ngày đáo hạn hoặc vào thời điểm Tổ chức phát hành mua lại Trái phiếu trước hạn.

Khoản lãi Công ty đã thực nhận tính đến thời điểm 30/06/2023: 193.500.000 đồng. Tại ngày 30/06/2023, Công ty đã ghi nhận trước số tiền lãi còn phải thu là 4.142.464 đồng.

❖ **Tình hình đầu tư tài sản:**

Năm 2021, trên cơ sở các hạng mục đầu tư được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên thông năm 2021 thông qua, Công ty đã hoàn thiện đầu tư các hạng mục:

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Giá trị (đồng)
1	Nhà kho chứa tro và trấu	Cái	950.000.000
2	Máy in kỹ thuật số	Cái	4.691.000.000
3	Xe ô tô tải Pick up 60C – 45699	Cái	573.000.000
4	Máy mạ chân không	Cái	3.348.000.000
5	Máy đánh bóng Keda	Cái	1.648.000.000
	Tổng cộng		11.209.000.000

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư, mua sắm một số hạng mục tài sản như sau:

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Giá trị (VNĐ)
1	01 Hệ thống lò nung và sấy gạch HĐ 0003996	hệ thống	13.809.036.000
2	01 Máy tạo bề mặt gạch granite HĐ 0003994	cái	3.408.154.000
3	02 máy ép gạch hlt 4000 HĐ 0003993	cái	7.305.076.000

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Giá trị (VNĐ)
4	02 máy mài cạnh HĐ 0003992	cái	1.207.176.000
5	Hệ thống sấy phun HĐ 0003991	hệ thống	1.571.090.795
6	Cối nghiền HĐ 0003990	cái	165.799.864
7	03 máy in kỹ thuật số HĐ 0003989	cái	5.441.081.567
8	Máy đóng gói tự động HĐ 0003988	cái	1.043.146.425
9	Máy tráng men cuộn HĐ 0003987	cái	1.292.358.000
10	Máy chủ Server+ bản quyền Window server 2019	cái	227.000.000
11	2 bộ máy vi tính Dell T5820 theo TT vv trang bị máy trạm hđ 00000132	bộ	69.000.000
12	Bộ máy cho thiết kế CORE I7+màn hình DELL 27inch HĐ 223 (20/04/22)	bộ	53.200.000
13	Hệ thống hàn cáp quang máy chấm công ỏ cắm phát sóng không dây bộ nguồn thiết bị mạng kho choong nam HĐ 0000092	hệ thống	70.010.000
14	Máy tính xách tay cho phòng marketing HĐ 458(11.08.22)	cái	74.000.000
15	Máy nén khí 100HP#8-12kg/m2g#1400m3/p#Đầu TMC Đức#IV100#EuroAir	cái	610.280.500
16	Máy sấy khí 380V-125HP@EuroAir	cái	92.500.000
17	Máy tính để bàn cho HĐCT HĐ 543(24.09.22)	cái	35.545.455
18	Hệ thống Lọc bụi của tháp 3	hệ thống	2.960.270.035
19	Bộ máy tính thiết kế core i7 và ổ cứng-HĐ 571(01.10.22)	cái	53.272.727
20	Xe ô tô Ford Ranger 2.0L 6AT 4x2XLS	cái	666.884.545
21	Gia công lắp đặt mái che kho chứa nguyên liệu	mái	480.000.000
Tổng cộng			40.634.881.913

Trong Quý 4/2022, Công ty cũng đã triển khai xây dựng Hệ thống tháp sấy phun đặt trong Nhà máy của Công ty tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II có tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng với mục đích nâng cao công tác bảo vệ môi trường. Tại ngày 30/6/2023, Công ty đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng hạng mục nêu trên.

❖ **Hiệu quả đầu tư tài sản:**

Việc đầu tư, nâng cấp tài sản cố định trong các năm qua đã giúp cho Công ty nâng cao được năng lực sản xuất, giảm thiểu tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao công tác bảo vệ môi trường,...và phù hợp với chiến lược mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

10.4.2 Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, phát triển và hiệu quả kinh doanh được cải thiện qua hàng năm, cụ thể:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022 (riêng)	Năm 2022 (hợp nhất)
Tổng tài sản (tỷ đồng)	885	1.152	1.181
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.094	1.397	1.397
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	42.355	72.166	74.799
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	3,87%	5,17%	5,36%
(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)			
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	4,6%	7,09%	7,24%
(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)			
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	13,72%	16,45%	16,78%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng/cổ phần)	1.177	2.005	2.065

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021 và năm 2022 (riêng và hợp nhất)

Doanh thu từ sản xuất và bán thành phẩm là các sản phẩm gạch chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, chiếm bình quân khoảng 85% và có xu hướng tăng qua các năm. Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty đã phát triển và sản xuất thêm một số dòng sản phẩm gạch mới. Hiện tại, Công ty đang đẩy nhanh việc mở rộng hệ thống phân phối trong nước và tăng xuất khẩu, điều này sẽ giúp Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

10.5. Các hợp đồng lớn:

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời gian ký kết	Sản phẩm/Dịch vụ	Giá trị	Thời gian thực hiện	Tình trạng
I Hợp đồng mua hàng hóa								
1	Hợp đồng mua bán khí thiên nhiên	CN CTY CP PP Khí Thấp Áp Dầu Khí VN-XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	Không	31/12/2021	Khí	Theo khối lượng sử dụng thực tế	3 năm	Đang thực hiện
2	Hợp đồng mua bán điện	CTY TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai—ĐL Nhơn Trạch	Không	14/09/2022	Điện	Theo khối lượng sử dụng thực tế	14/09/2022 Đến 26/02/2057	Đang thực hiện
3	Hợp đồng mua bán Frit	Công Ty Cổ Phần Frit Huế	Không	08/12/2022	Frit	Theo khối lượng sử dụng thực tế	08/12/2022 Đến 07/01/2024	Đang thực hiện
4	Hợp đồng mua bán Frit	Công Ty Cổ Phần Frit Huế	Không	12/12/2020	Frit	Theo khối lượng sử dụng thực tế	01/01/2021 Đến 31/12/2021	Đã hoàn tất

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời gian ký kết	Sản phẩm/Dịch vụ	Giá trị	Thời gian thực hiện	Tình trạng
5	Hợp đồng mua bán Trấu	Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Huy Phát	Không	02/01/2023	Trấu	Theo khối lượng sử dụng thực tế	1 năm	Đang thực hiện
6	Hợp đồng mua bán Trấu	Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Huy Phát	Không	02/01/2021	Trấu	Theo khối lượng sử dụng thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
7	Hợp đồng mua bán Zircon	NITTO GANRYO KOGYO COMPANY LIMITED	Không	17/12/2013	Nguyên liệu Zircon	Theo khối lượng sử dụng thực tế	17/12/2013 Đến 08/02/2023	Đang thực hiện
8	Hợp đồng mua bán công cụ phụ tùng	FCRI IMPORT - EXPORT CO., LTD	Không	14/10/2013	Công cụ phụ tùng	Theo khối lượng sử dụng thực tế	17/12/2013 Đến 11/04/2023	Đã hoàn tất
9	Hợp đồng mua bán Trấu	Công Ty TNHH TM Sơn TION	Không	02/01/2023	Trấu	Theo khối lượng sử dụng thực tế	1 năm	Đang thực hiện
10	Hợp đồng mua nguyên liệu men	Công Ty CP ACV GLAZE	Không	02/01/2021	Frit	Theo khối lượng sử dụng thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
11	Hợp đồng mua nguyên liệu men	Công Ty CP Công Nghệ He Xa Gon	Không	02/01/2021	Nguyên liệu màu, mực	Theo khối lượng sử dụng thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
12	Hợp đồng mua bán công cụ phụ tùng	KING-STRONG DIAMOND APPLIED TECHNOLOGY CO.,LTD	Không	31/10/2020	Công cụ phụ tùng	Theo khối lượng sử dụng thực tế	31/10/2020 Đến 15/04/2023	Đã hoàn tất
13	Hợp đồng mua bán nguyên liệu xương	YCA LIMITED	Không	09/12/2018	Nguyên liệu xương	Theo khối lượng sử dụng thực tế	09/12/2018 Đến 10/04/2023	Đã hoàn tất
II	Hợp đồng bán hàng hóa							

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời gian ký kết	Sản phẩm/Dịch vụ	Giá trị	Thời gian thực hiện	Tình trạng
1	Hợp đồng mua bán gạch	FONG STEEL IMPORT EXPORT CO.,LTD	Không	13/06/2022	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	Từ 13/06/2022 cho đến khi kết thúc đơn hàng	Đang thực hiện
2	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH VI NA MEN	Không	01/04/2023	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đang thực hiện
3	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH VI NA MEN	Không	01/04/2022	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
4	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH VI NA MEN	Không	01/04/2021	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
5	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	Không	01/04/2023	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đang thực hiện
6	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	Không	01/04/2022	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
7	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Gạch Men Minh Long	Không	01/04/2021	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
8	Hợp đồng mua bán gạch	WILCON DEPOT INC	Không	24/12/2020	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	Từ 24/12/2020 cho đến khi kết thúc đơn hàng	Đang thực hiện
9	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hùng Ngọc	Không	01/04/2023	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đang thực hiện
10	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hùng Ngọc	Không	01/04/2022	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
11	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hùng Ngọc	Không	01/04/2021	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn	Thời gian ký kết	Sản phẩm/Dịch vụ	Giá trị	Thời gian thực hiện	Tình trạng
12	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hải Hà	Không	01/04/2023	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đang thực hiện
13	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hải Hà	Không	01/04/2022	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
14	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hải Hà	Không	01/04/2021	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
15	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Một Thành Viên Dững Đài Loan	Không	01/04/2023	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đang thực hiện
16	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Hoàng Phiên	Không	01/04/2023	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đang thực hiện
17	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Hoàng Phiên	Không	01/04/2022	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
18	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Hoàng Phiên	Không	01/04/2021	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đã hoàn tất
19	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Ý Nga	Không	01/04/2023	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đang thực hiện
20	Hợp đồng mua bán gạch	Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	Không	01/04/2023	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	1 năm	Đang thực hiện
21	Hợp đồng mua bán gạch	CARE ABOUT TRADING CO., LTD	Không	04/06/2020	Gạch	Theo số lượng bán thực tế	Từ 04/06/2020 cho đến khi kết thúc đơn hàng	Đang thực hiện

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng: Các Hợp đồng trên là Hợp đồng kinh tế thông thường, không có các điều khoản quan trọng/đáng chú ý khác có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia cũng như các điều kiện trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sắp tới của Công ty.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

TT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Năm 2021		Năm 2022		6T/2023		Loại hàng hóa/dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn của Công ty
		Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Tỷ lệ/DTT	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Tỷ lệ/DTT	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Tỷ lệ/DTT		
I	Khách hàng lớn								
1	MS INTERNATIONAL, INC	32.117	2,94%	12.507	0,90%	1.518	0,28%	Gạch	Không
2	Công Ty TNHH VI NA MEN	22.937	2,10%	51.865	3,71%	17.909	3,26%	Gạch	Không
3	Công ty Cổ phần Vinagres	98.711	9,03%	127.489	9,13%	45.088	8,21%	Gạch	Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn là em vợ của chủ tịch HĐQT Công ty Hoàng Gia
4	Công ty CP Hoàng Gia Quán Quân	33.411	3,06%	32.653	2,34%	11.891	2,17%	Gạch	Không
5	Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	9.468	0,87%	19.123	1,37%	3.711	0,68%	Gạch	Không
6	Công ty CP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia miền Tây	11.897	1,09%	28.060	2,01%	8.920	1,62%	Gạch	Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn là em vợ của chủ tịch HĐQT Công ty Hoàng Gia
II	Nhà cung cấp lớn								
1	CN CTY CP PP Khí Thấp Áp Dầu Khí VN-XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	104.482	9,55%	152.991	10,95%	51.318	9,35%	Khí	Không
2	CTY TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai- - ĐL Nhơn Trạch	49.322	4,51%	54.664	3,91%	20.612	3,75%	Điện	Không
3	Công Ty Cổ Phần Frit Huế	28.269	2,59%	41.496	2,97%	12.510	2,28%	Frit	Không
4	Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Huy Phát	21.279	1,95%	57.830	4,14%	7.009	1,28%	Trấu	Không

TT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Năm 2021		Năm 2022		6T/2023		Loại hàng hóa/dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn của Công ty
		Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Tỷ lệ/DTT	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Tỷ lệ/DTT	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Tỷ lệ/DTT		
5	Công ty CP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	40.560	3,71%	72.921	5,22%	43.518	7,93%	Bao bì	Thành viên HĐQT, cổ đông lớn là cổ đông lớn của Công ty Hoàng Gia

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành và triển vọng phát triển của ngành:

10.7.1. Vị thế của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

Ngành gạch ốp lát Việt Nam phân hóa mạnh với hơn 80 doanh nghiệp quy mô vừa và lớn cùng hàng loạt các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ. Các doanh nghiệp có công suất và chiếm thị phần lớn hầu hết là các doanh nghiệp FDI và tư nhân khép kín như Prime (70 triệu m²/năm), Vito (36 triệu m²/năm), Tasa (24 triệu m²/năm), Catalan (18 triệu m²/năm), Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (16,5 triệu m²/năm) và Toko (15 triệu m²/năm)⁷.

Các doanh nghiệp khác Viglacera, CMC, Thạch Bàn hay Đồng Tâm tập trung phân khúc bình dân và trung cấp và đang trong xu hướng chuyển dịch dần lên cao cấp từ cuối năm 2015. Với những ưu thế trên, Việt Nam đang đứng đầu Đông Nam Á và đứng thứ 6 trên thế giới về sản lượng gạch gốm ốp lát.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập vào năm 2009 với mục tiêu xây dựng một thương hiệu gạch ốp lát Việt Nam trên thị trường quốc tế. Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn xây dựng thương hiệu bằng sự uy tín, chân thành và sự đảm bảo chất lượng trên mỗi sản phẩm được tạo ra. Sau những nỗ lực không ngừng, Công ty đã đạt được nhiều thành quả, là một trong các doanh nghiệp sản xuất gạch ốp lát có công suất lớn tại Việt Nam.

Công ty luôn chú trọng việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới. Hơn 10 năm qua, với khả năng tiếp thu công nghệ từ các quốc gia hàng đầu trong ngành như Ý, Tây Ban Nha, Trung Quốc, cùng những ưu thế về thiết bị, công nghệ, Công ty đã đưa ra thị trường những dòng sản phẩm có sự khác biệt và mang dấu ấn riêng của mình.

Về thị trường trong nước, Công ty đã thiết lập được hệ thống phân phối trải dài từ Bắc đến Nam với hơn 3.000 cửa hàng, đại lý và showroom.

Về thị trường quốc tế, sản phẩm của Công ty đã xuất khẩu đến nhiều quốc gia, khu vực như: Đông Bắc Á (Đài Loan, Hàn Quốc), Đông Nam Á (Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Myanmar, Philippin), Mỹ và Trung Đông.

Bảng so sánh kết quả kinh doanh của một số doanh nghiệp cùng ngành

⁷<http://tapchixaydungbxd.vn/vat-lieu/vat-lieu-xay-dung/ky-vong-san-xuat-va-tieu-thu-gach-op-lat-se-tang-trong-nhung-nam-tiep-theo.html>

TT	Công ty	Mã CK	VĐL 2022 (tỷ đồng)	Doanh thu thuần 2022 (tỷ đồng)	LNST 2022 (tỷ đồng)	EPS 2022 (đ/cp)
1	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	VIT	500	2.001	51	1.018
2	CTCP Công nghiệp gốm sứ Taicera	TCR	454	1.107	1	48
3	CTCP CMC	CVT	367	2.065	95	2.588
4	CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	-	360	1.397	75	2.065
5	CTCP Viglacera Thăng Long	TLT	70	641	9,6	1.383
6	CTCP Gạch men Thanh Thanh	TTC	60	317	11	1.937
7	CTCP Viglacera Hà Nội	VIH	56	615	6,4	1.143

Nguồn: *cafef.vn*, BCTC kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (hợp nhất)

10.7.2. Triển vọng phát triển ngành:

❖ Tổng quan thị trường gạch ốp lát trên thế giới⁸:

Giai đoạn 2018-2019: Thị trường gạch ốp lát thế giới ghi nhận sự suy thoái về sản lượng sản xuất và tiêu thụ.

Năm 2020:

- Sản xuất gạch ốp lát thế giới đã tăng lên 17,101 triệu m², tăng +8,0% so với 15.827 triệu m² năm 2019. Sản xuất tại châu Á tăng +2,8% lên 12,9 tỷ m², tương đương 74% tổng sản lượng toàn cầu; Kết quả tích cực này chủ yếu là do sự gia tăng sản lượng tại Trung Quốc, Ấn Độ và Iran, bù đắp lượng sụt giảm ở Việt Nam và Indonesia. Lục địa châu Âu sản xuất tổng cộng 1.856 triệu m² (chiếm 11,6% tổng sản lượng của thế giới). Sản xuất trên lục địa châu Mỹ giảm xuống còn 1.409 triệu m²: ở Bắc Mỹ chỉ giảm nhẹ -2,7% (đạt 321 triệu m²).
- Tiêu thụ gạch ốp lát thế giới đã nổi lại xu hướng tăng trưởng từ 15.650 lên 17.049 triệu m² (+8,9%), mặc dù đây vẫn ở mức thấp nhất trong 7 năm. Hầu hết tất cả các khu vực đều chứng kiến sự phục hồi. Ở châu Á, nhu cầu đã tăng lên 12,5 tỷ m² (+2,8%), tương đương 71,5% tổng lượng tiêu thụ toàn cầu. Ở châu Âu, tiêu thụ tăng ở cả các quốc gia thuộc EU (999 triệu m²; +1,4%) và các nước châu Âu không thuộc EU (653 triệu m²; +11,3%). Mức tiêu thụ của châu Mỹ vẫn gần như ổn định với 1.249 triệu m² tại thị trường Trung và Nam Mỹ (-1%) và 541 triệu m² ở Bắc Mỹ (-0,6%). Nhu cầu gạch ốp lát ở châu Phi cũng tăng lên, đạt 1.124 triệu m² (+1,4%).

Năm 2021:

- Sản xuất gạch ốp lát thế giới đã tăng lên 18,339 triệu m² trong năm 2021, tăng +7,2% so với 17,101 triệu m² năm 2020. Sản xuất tại châu Á tăng +4,9% lên 13,600 triệu m², tương đương 74% tổng sản lượng toàn cầu. Lục địa châu Âu sản xuất tổng cộng 2,124 triệu m² (chiếm 11,6% tổng sản lượng của thế giới). Sản xuất trên lục địa châu Mỹ tăng mạnh lên 1,393 triệu m² tương đương 18%: ở Bắc Mỹ tăng 17,4% (đạt 377 triệu m²), khu vực

⁸ <https://ceramicworldweb.com>

Trung và Nam Mỹ tăng 24,5% (đạt 1,360 triệu m². Khu vực Châu Phi giảm 3,3% (888 triệu m²).

- Tiêu thụ gạch ốp lát thế giới hầu hết ở các khu vực đều phục hồi trở lại, tăng từ 17,049 triệu m² lên 18,209 triệu m² (+6,8%). Ở châu Á, nhu cầu đã tăng lên 13,165 triệu m² (+5,2%), tương đương 72,3% tổng lượng tiêu thụ toàn cầu. Ở châu Âu, tiêu thụ tăng ở cả các quốc gia thuộc EU (1.141 triệu m²; +14,2%) và các nước châu Âu không thuộc EU (649 triệu m²; +15,3%). Trung và Nam Mỹ tăng lên 1,448 triệu m² (+16,4%) và Bắc Mỹ tăng lên 603 triệu m² (+11,5%). Nhu cầu gạch ốp lát ở châu Phi cũng tăng lên, đạt 1.148 triệu m² (+1,5%).

❖ Tổng quan tình hình thị trường gạch ốp lát tại Việt Nam ^{9,10}

Trải qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, đến nay, tổng công suất toàn ngành gạch ốp lát Việt Nam (gồm gạch ceramic, granite, gạch cotto) đạt trên 800 triệu m²; với 93 đơn vị sản xuất, trong đó: 66 cơ sở sản xuất gạch ceramic với tổng công suất thiết kế là 608,6 triệu m²/năm; 22 cơ sở sản xuất gạch granite với tổng công suất thiết kế là 182 triệu m²/năm; 5 cơ sở sản xuất gạch cotto với tổng công suất thiết kế là 31 triệu m²/năm.

Với năng lực và sản lượng như trên, gạch ốp lát Việt Nam đã được tạp chí Ceramic World Review, tạp chí ceramic uy tín hàng đầu thế giới xếp vị trí thứ 4 thế giới, chỉ sau sản lượng của Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil.

Với việc đầu tư các dây chuyền thiết bị mới, đồng bộ và hiện đại, nhiều nhà máy đã sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, Việt Nam có nhiều nhà máy ceramic mang tầm quốc tế, trong đó công suất đạt tới 70 triệu m²/năm. Tuy nhiên, hiện nay, nước ta vẫn còn một số nhà máy đầu tư lâu, dây chuyền sản xuất lạc hậu, hoạt động kém hiệu quả, năng suất, chất lượng sản phẩm thấp, tiêu hao nhiên liệu và năng lượng cao.

Tỷ lệ khai thác công suất của các cơ sở sản xuất gạch gốm ốp lát đạt trung bình khoảng 75% - 80% công suất thiết kế. Kể từ đầu năm 2020 đến nay, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành gạch ốp lát gặp nhiều khó khăn, nên sản xuất chỉ đạt khoảng 65% - 70% công suất lắp đặt, tương đương khoảng 560 triệu m²/năm.

Thị trường gạch ốp lát Việt Nam được nhìn nhận đang trong giai đoạn có mức độ cạnh tranh khá cao, nhất là trong phân khúc Ceramic. Bên cạnh các sản phẩm gạch ốp lát sản xuất trong nước, hàng năm, các doanh nghiệp trong nước vẫn nhập khẩu một lượng khá lớn sản phẩm từ các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Ý, Tây Ban Nha.

Ngoài các doanh nghiệp nội địa như Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia, Viglacera, Đồng Tâm, Thạch Bàn, CMC,... còn có sự tham gia của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như Taicera, Bạch Mã, Prime,... cùng với các doanh nghiệp tư nhân trong nước mới được thành lập không lâu nhưng có năng lực sản xuất rất lớn như Catalan (18 triệu m²/năm), Toko (15 triệu m²/năm), Vitto (36 triệu m²/năm), Tasa (24 triệu m²/năm),... Các chủng loại sản phẩm gạch ốp lát giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc mặc dù đã giảm so với các năm trước nhưng vẫn

⁹ <https://tapchixaydung.vn/vi-sao-thi-truong-gach-op-lat-tang-truong-cham-lai-20201224000011557.html>

¹⁰ <https://baoxaydung.com.vn/gach-op-lat-viet-nam-co-hoi-va-thach-thuc-220971.html>

có sức cạnh tranh lớn.

Các doanh nghiệp trong nước vẫn đứng vững nhờ bảo hộ và đầu tư tốt về mặt công nghệ. Tại thị trường Việt Nam, gạch Trung Quốc đang trực tiếp cạnh tranh với hàng nội địa. Ngoài ra, gạch ốp lát tới từ Malaysia, Indonesia, Ấn Độ,... cũng được nhập khẩu với số lượng nhỏ, chủ yếu là các mẫu mã trong nước không có. Tuy nhiên hiện tại gạch nội đang chiếm ưu thế nhờ sử dụng các dây chuyền sản xuất tiên tiến từ châu Âu đảm bảo chất lượng sản phẩm, lợi thế về địa lý giúp giảm giá thành và đáp ứng các nhu cầu đơn hàng từ nhỏ tới lớn. Các sản phẩm gạch nhập khẩu hiện vẫn chịu thuế suất nhập khẩu cao làm giảm tính cạnh tranh so với hàng trong nước.

Thuế suất áp dụng cho sản phẩm gạch ốp lát

Thuế áp dụng cho gạch ốp lát	Thuế suất (%)	Áp dụng
Thuế NK ưu đãi	35	1/1/2014
ASEAN (ATIGA)	5	1/1/2015
ASEAN – Trung Quốc (ACFTA)	20	1/1/2015
ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)	10	1/1/2015
ASEAN – Nhật Bản (AJCEP)	20	1/4/2015
Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA)	22.5	1/4/2015
ASEAN – Úc – New Zealand (AANZFTA)	10	1/1/2015
ASEAN – Ấn Độ (AIFTA)	22.5	1/1/2015

Nguồn: www.ximang.vn

Các hiệp định thương mại mới ký gần đây như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazakhstan,... không đe dọa tới ngành sản xuất gạch ốp lát mà còn là cơ hội để các doanh nghiệp trong nước mở ra một số thị trường xuất khẩu mới.

❖ **Triển vọng phát triển ngành:**

Gạch ốp lát là sản phẩm hỗ trợ cho ngành xây dựng. Sự phát triển của ngành xây dựng phụ thuộc rất nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chính sách vĩ mô. Do đó, khi đánh giá và dự báo mức tăng trưởng của ngành vật liệu xây dựng nói chung hay gạch ốp lát nói riêng, người ta thường bắt đầu từ tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng.

Tăng trưởng của ngành xây dựng phụ thuộc vào các yếu tố như tốc độ đô thị hóa, vốn đầu tư FDI vào lĩnh vực bất động sản, lãi suất cho vay và lạm phát,... Do đó, việc Chính phủ luôn duy trì một mức giải ngân vào lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng. Ngoài các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ cũng có tác động trực tiếp tới ngành xây dựng. Như trong giai đoạn 2011-2013, chính sách thắt chặt tiền tệ đã đẩy lãi suất cho vay lên mức trên 20%/năm, khiến cho nguồn vốn đổ vào đầu tư xây dựng giảm mạnh. Do đó, chu kỳ của ngành xây dựng cũng chịu tác động mạnh từ chu kỳ của tăng trưởng kinh tế, ước tính kéo dài khoảng 3-10 năm. Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng của ngành sẽ có một độ lệch nhất định so với tốc độ tăng trưởng GDP.

- **Về thị trường bất động sản¹¹:**

Trong năm 2022 và dự báo các năm tiếp theo, tốc độ đô thị hóa nhanh (tỷ lệ đô thị hóa 6 tháng đầu năm 2021 đạt 40,4%, tăng 1,9 % so với 2020) cùng tăng trưởng dân số 0,9% mỗi năm sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng gạch ốp lát (sản phẩm chiếm tỷ trọng lên tới 60% sản lượng tiêu thụ nhóm vật liệu xây dựng hoàn thiện bề mặt). Cùng với đó, theo ước tính từ số liệu của CIC và Tổng điều tra dân số 2019, trong giai đoạn 2019 - 2023, tổng nhu cầu nhà ở xây mới và thay thế sẽ ở mức 691,7 nghìn căn hộ. Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng giá trị thực xây dựng nhà để ở và không để ở (mảng tiêu thụ chính của gạch ốp lát) dự kiến đạt 7,9% trong năm 2023, cao hơn 1,7% so với con số tăng trưởng 6,2% năm 2020. Năm 2022, sản lượng sản xuất gạch ốp lát đạt 471,5 triệu mét vuông, tăng 8,39% so với năm 2021, sản lượng tiêu thụ khoảng 459 triệu mét vuông, tăng 16,2% so với năm 2021¹².

Bên cạnh đó, ngoài những hỗ trợ về tài chính (như gói tín dụng 30 nghìn tỷ, chính sách tăng tín dụng cho bất động sản), thì Luật Nhà ở (có hiệu lực từ 1/7/2015) và Luật Kinh doanh bất động sản (có hiệu lực từ 1/11/2015) với nhiều điểm mới, phù hợp với thị trường hiện nay cũng sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho thị trường bất động sản phát triển theo hướng sôi động hơn, cạnh tranh hơn.

- **Về tốc độ tăng trưởng dân số trong nước¹³:**

Tốc độ đô thị hóa và đầu tư phát triển hạ tầng trong giai đoạn 2021 - 2030 sẽ tiếp tục duy trì như tốc độ các năm trước, song sẽ có sự bứt phá cao hơn trong trung hạn 2026 - 2030 do sự thay đổi về sức ép về trần nợ công, những thành công về quyết tâm đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế và khả năng phục hồi kinh tế sau dịch bệnh Covid-19. Sự gia tăng quy mô kèm theo cơ cấu dân số trẻ tăng nhanh ở khu vực đô thị sẽ tiếp tục thúc đẩy nhu cầu nhà ở phù hợp với các nhóm gia đình trẻ đô thị trong trung hạn tiếp tục tăng cao. Theo đó, dự báo nhu cầu gạch ốp lát sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới.

10.8. Phát triển thị trường:

Với mục tiêu chiến lược trở thành tập đoàn cung ứng - sản xuất - bán lẻ vật liệu xây dựng và trang trí nội thất hàng đầu khu vực, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, Công ty cũng xây dựng hệ thống các công ty phân phối tại thị trường nội địa và nước ngoài.

- ❖ **Xuất khẩu:**

Công ty có đối tác thương mại ở nhiều quốc gia phát triển như Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Malaysia, Myanmar, Philippine, Trung Đông, Châu Âu và Mỹ.

Giá trị xuất khẩu tăng dần hàng năm và chiếm tỷ trọng khoảng 15% tổng doanh thu.

- ❖ **Thị trường trong nước:**

Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp cả nước. Bên cạnh đó là hệ thống hơn 3.000 điểm bán phủ rộng khắp Việt Nam.

¹¹<http://tapchixaydungbxd.vn/vat-lieu/vat-lieu-xay-dung/ky-vong-san-xuat-va-tieu-thu-gach-op-lat-se-tang-trong-nhung-nam-tiep-theo.html>

¹² <https://saca.com.vn/vn/nam-2022-toc-do-tang-truong-nganh-xay-dung-dat-8-8-5-.html>

¹³<https://tapchixaydung.vn/phat-trien-nha-o-voi-quan-diem-vua-la-nganh-kinh-te-quan-trong-vua-la-cong-cu-dam-bao-an-sinh-va-cong-bang-xa-hoi-20201224000011765.html>

Với nỗ lực khẳng định trí tuệ, sức lao động và sự sáng tạo của người Việt Nam, Công ty vẫn đang nỗ lực mỗi ngày để đem sản phẩm của mình đến gần hơn với người tiêu dùng trên toàn thế giới.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Hiện tại, Công ty đang có quyền sử dụng các nhãn hiệu sau:

STT	Tên – Hình Nhãn hiệu	Số Văn bằng bảo hộ	Ngày cấp	Thông tin Chủ sở hữu nhãn hiệu
1		4-0069802-000	27/01/2006	CÔNG TY TNHH TOP TILE
2		4-0319552-000	06/05/2019	CÔNG TY TNHH TOP TILE
3		4-0315070-000	04/03/2019	CÔNG TY TNHH TOP TILE
4		4-0227055-000	27/06/2014	CÔNG TY TNHH TOP TILE
5		4-0216886-000	20/12/2013	CÔNG TY TNHH TOP TILE
6		4-0333464-000	17/10/2019	CÔNG TY TNHH TOP TILE
7	 Cho những ngôi nhà hằng mong ước	4-0362369-000	08/09/2020	CÔNG TY TNHH TOP TILE

Các giải thưởng:

- Cúp vàng Sản phẩm uy tín chất lượng, do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng.
- Quả cầu vàng, do Chương trình vinh danh doanh nghiệp thời hội nhập trao tặng.
- Cúp vàng Vietbuild các năm 2017, 2018.
- Hàng Việt Nam Chất lượng cao nhiều năm liền.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển:

❖ Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Sự khác biệt về sản phẩm của Công ty được tạo ra so với các sản phẩm khác trên thị trường

dựa vào khâu thiết kế và phát triển sản phẩm. Chu kỳ sản phẩm mới kéo dài khoảng 1 năm trước khi có các mẫu thiết kế mới được ra đời. Do vậy, để liên tục tạo ra sự khác biệt cho sản phẩm và duy trì vị thế trên thị trường, Công ty đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển và tập trung vào khâu thiết kế sản phẩm.

Với hơn 12 năm hình thành và phát triển không ngừng, để đạt được thành quả hiện tại, nhân lực và công nghệ là một trong những nhân tố quan trọng, luôn được Công ty ưu tiên tập trung nghiên cứu và phát triển. Từ 2020 đến nay, Công ty tiếp tục nghiên cứu phát triển công nghệ, phát triển các dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng cao, đồng thời đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Điều này đã góp phần ổn định sản xuất, giúp Công ty tăng trưởng doanh thu trong các năm gần đây. Các chính sách nghiên cứu và phát triển đã được áp dụng trong năm 2020-2022 như sau:

- Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực từng năm theo định hướng phát triển của Công ty, phối hợp với các trường đại học như Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh, Sư phạm kỹ thuật Thủ Đức, cao đẳng nghề LILAMA tổ chức các khoá đào tạo để bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ lao động hiện có.
- Hợp tác quốc tế về kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ kỹ thuật và công nghệ tham gia các hội chợ quốc tế, học hỏi các đối tác có nhiều kinh nghiệm trong và ngoài nước trao đổi học tập và nghiên cứu kỹ thuật.
- Nâng cao trình độ quản lý của các cán bộ quản lý thông qua các khoá học của trung tâm VJCC và JICA của Nhật Bản, ứng dụng vào thực tiễn các mô hình quản trị sản xuất theo tiêu chuẩn Kaizen, quản trị tài chính, quản trị hàng tồn kho, quản trị chất lượng trong điều hành doanh nghiệp.
- Nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm cao cấp tương đương với hàng ngoại nhập.

❖ ***Ảnh hưởng của chính sách nghiên cứu phát triển đến tình hình hoạt động của Công ty:***

Nhờ sự nỗ lực học hỏi và nghiên cứu không ngừng, Công ty đã ứng dụng thành công các hiệu ứng hoa văn mang tính sáng tạo và độc đáo trên bề mặt sản phẩm, từ đó đưa ra thị trường nhiều sản phẩm với mẫu mã, hoa văn, quy cách phù hợp với thị hiếu khách hàng trong và ngoài nước. Hơn nữa nhờ sử dụng nguyên liệu sản xuất từ các vùng nguyên liệu hàng đầu được kiểm định chặt chẽ tại Việt Nam cùng quy trình sản xuất được kiểm soát nghiêm ngặt, sản phẩm của Công ty luôn đạt các tiêu chí về chất lượng, tinh xảo trong thiết kế và thân thiện với môi trường. Những thành công này đã góp phần không nhỏ vào mức tăng trưởng doanh thu và gia tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty trong những năm qua. Công ty tin tưởng hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục đạt kết quả khả quan trong những năm tiếp theo.

10.11. Chiến lược kinh doanh

❖ **Tổng quan về chiến lược kinh doanh:**

Chiến lược phát triển của Công ty là Phát triển bền vững và chủ động hội nhập sâu thông qua sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ, tạo mức tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận. Mục tiêu trong 03 năm tới, Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phát triển thêm sản phẩm mới, mở rộng kênh bán hàng, tăng giá trị xuất khẩu và giữ vững vị thế là một trong các doanh nghiệp sản xuất gạch lớn tại Việt Nam, cụ thể như sau:

- Mục tiêu chiến lược:

- Là doanh nghiệp Việt dẫn đầu chuỗi cung ứng toàn cầu vật liệu xây dựng;
- Là doanh nghiệp tiên phong tại Việt Nam;
- Là một phần của thị trường Mỹ;
- Doanh thu tăng 20%/năm;
- Lợi nhuận tăng 25%/năm;

- Định hướng chiến lược:

Tạo tăng trưởng ổn định về doanh thu và lợi nhuận thông qua việc:

- Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, đặc biệt tại thị trường Mỹ;
- Không ngừng cải tiến, sáng tạo và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp bằng việc vận hành hệ thống quản trị tinh gọn và ứng dụng CNTT;
- Tiếp tục tăng đầu tư, tăng sản lượng các dòng sản phẩm mới.

- Nhiệm vụ trọng tâm chiến lược:

- Thương hiệu: chiến lược tái định vị thương hiệu: xây dựng và phát triển thương hiệu theo tiêu chí “ROYAL là thương hiệu Việt được yêu thích trên toàn cầu”.
- Kinh doanh:
 - + Thị trường: Đối với thị trường quốc tế, củng cố và phát triển hệ thống bán hàng tại Mỹ. Đối với thị trường nội địa, duy trì ổn định thị phần sản phẩm gạch, tăng trưởng đột phá các dòng sản phẩm mới.
 - + Hệ thống bán hàng: Tiếp tục tái cơ cấu hệ thống bán hàng. Tiếp tục đầu tư vào hệ thống chuỗi bán lẻ và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.
 - + Sản xuất và nghiên cứu phát triển: Đẩy mạnh hoạt động R&D theo hướng khác biệt hóa và nâng cao giá trị sản phẩm.

❖ Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến:

Thông qua việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công và đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường giao dịch có tổ chức, Công ty sẽ huy động vốn trên thị trường chứng khoán từ các nhà đầu tư. Ngoài ra, Công ty có lợi thế khi có tiềm lực tài chính mạnh, có hệ số tín nhiệm cao tại các tổ chức tín dụng. Do đó, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, quan tâm và từ các tổ chức tín dụng, giúp cho các hoạt động của Công ty luôn được diễn ra thông suốt đến thời điểm hiện tại và trong thời gian tới để thực hiện các chiến lược kinh doanh đã đề ra.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan:

Công ty không hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

11. Chính sách đối với người lao động:

11.1. Số lượng người lao động:

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Số lượng người lao động bình quân trong 2 năm gần nhất của Công ty mẹ là 804 người.

Tính đến thời điểm 30/6/2023, tổng số lượng người lao động trong Công ty mẹ là 685 người.

Cơ cấu lao động của Công ty mẹ như sau:

TT	Trình độ	31/12/2021		31/12/2022		30/6/2023	
		Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ người lao động	774	100,00	719	100,00	685	100,00
1	Trên đại học	5	0,65	4	0,55	5	0,73
2	Trình độ đại học và tương đương	134	17,31	143	19,89	144	21,02
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	181	23,39	123	17,11	128	18,69
4	Trình độ sơ cấp, phổ thông, cơ sở	454	58,66	449	62,45	408	59,56
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	774	100,00	719	100,00	685	100,00
1	Hợp đồng không thời hạn	323	41,73	326	45,34	282	41,17
2	Hợp đồng xác định thời hạn	451	58,27	393	54,66	403	58,83
3	Hợp đồng thời vụ	0	0,00	0	0,00	0	0,00

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

❖ Thời gian làm việc:

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, chế độ nghỉ theo quy định của luật lao động. Đối với cán bộ công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty tổ chức sản xuất theo ca, đảm bảo tiến độ sản xuất, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty thỏa thuận với Người lao động để thực hiện làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ Luật lao động.

❖ Điều kiện làm việc:

Công ty có văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, nhà ăn sạch sẽ, thoáng mát cho đội ngũ lao động trong Công ty. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ

ng nghiêm ngặt. Ngoài ra, Công ty tổ chức khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên hàng năm nhằm đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất, chế độ ốm đau thai sản và các chế độ của người lao động luôn được thực hiện đầy đủ theo Luật Lao động. Đặc biệt, Công ty chú trọng đầu tư cho công tác vệ sinh môi trường bằng việc hàng năm ký hợp đồng đo chất lượng môi trường làm việc tại các vị trí làm việc của người lao động.

❖ **Chính sách tiền lương:**

- Công ty xây dựng quy chế trả lương đảm bảo công bằng, minh bạch và cạnh tranh trên nguyên tắc trả lương gắn với trình độ, năng lực, kinh nghiệm, thâm niên công tác và cấp bậc của chức danh công việc mà NLĐ được bổ nhiệm.
- Mức lương tham gia bảo hiểm xã hội của CB-CNV được ghi rõ trong hợp đồng lao động bảo đảm không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định và chi trả đầy đủ các khoản phụ cấp, tiền lương ngừng việc theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Công ty thực hiện chính sách điều chỉnh lương định kỳ hàng năm, thời hạn xem xét điều chỉnh lương vào quý 2 hàng năm. Tùy tình hình sản xuất kinh doanh và điều chỉnh của pháp luật lao động về tiền lương, công ty sẽ tổ chức đánh giá kết quả công việc và tiến hành điều chỉnh/nâng bậc lương theo quy định của công ty tùy thuộc vào kết quả đánh giá. Các tiêu chí đánh giá sẽ bao gồm nhưng không giới hạn những yếu tố sau:
 - + Mức độ thường xuyên hoàn thành công việc được giao về số lượng, chất lượng, tinh thần và thái độ làm việc;
 - + Mức độ thực hành kỷ luật lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và nội quy lao động của Công ty;
 - + Thâm niên làm việc tại Công ty.
 - + Những đóng góp đặc biệt, có giá trị cao của người lao động vào hoạt động sản xuất, kinh doanh cho Công ty

❖ **Chính sách tiền thưởng:**

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động trên nguyên tắc gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh, thành tích cá nhân và những đóng góp của NLĐ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như tính tuân thủ và chấp hành tốt nội quy, quy định, quy chế Công ty của NLĐ. Tiền thưởng chỉ cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng cơ sở.
- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.

Đối với lãnh đạo Công ty: Gồm các thành viên HĐQT, BTGD Công ty, cán bộ quản lý khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, sản xuất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, BTGD vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hàng năm.

❖ **Chính sách trợ cấp:**

- Trợ cấp thôi việc/mất việc/tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động: áp dụng khi NLD thôi việc/mất việc/bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động. Thủ tục và mức chi trả trợ cấp tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Trợ cấp cho hoàn cảnh khó khăn: Tùy từng trường hợp, Công ty sẽ xem xét và quyết định mức trợ cấp và hình thức trợ cấp phù hợp cho từng trường hợp khó khăn căn cứ trên đề xuất từ đơn vị chức năng, kết quả thẩm tra và tham mưu từ phòng Nhân sự.

❖ **Chính sách đào tạo:**

- Tất cả các CB-CNV đều có cơ hội tham gia các chương trình đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc; theo kế hoạch đào tạo, phát triển hàng năm; ngoài ra Công ty cũng khuyến khích CB-CNV chủ động tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn trong công việc và được Công ty hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí.
- Hàng năm Công ty tổ chức cho CB-CNV xuất sắc tham gia những khóa học bổ sung, hoàn thiện kiến thức để đảm nhận những công việc ở tầm cao hơn: Khóa Nâng cao năng lực quản lý, giám sát, khóa đào tạo giảng viên nội bộ, khóa nâng cao năng lực chuyên môn, ...
- Công ty chú trọng tới công tác đào tạo nội bộ: Đào tạo xây dựng Chiến lược, kế hoạch, đào tạo về ISO, 5S hay những buổi chia sẻ về kỹ năng mềm (Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm,...) ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng những buổi đào tạo nội bộ này tạo ra sự gắn kết và chia sẻ của các CB-CNV Công ty.

❖ **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:**

Công ty cung cấp những chính sách hỗ trợ và phúc lợi cao hơn yêu cầu pháp luật sau để NLD yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty:

- Hỗ trợ bữa ăn giữa ca miễn phí, phương tiện đưa đón, di chuyển cho NLD làm việc tại Công ty;
- Phụ cấp di chuyển, xăng, xe, điện thoại, công tác phí phù hợp để thuận lợi tiến hành công việc,
- Thực hiện đầy đủ chính sách thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ tai nạn lao động, tang chế, kết hôn;
- Trang bị bảo hiểm tai nạn và dịch vụ y tế 24/24 cho toàn thể NLD làm việc tại Công ty;
- Hỗ trợ toàn phần / một phần chi phí đóng thuế thu nhập cá nhân cho NLD;
- Công ty tham gia làm thành viên của tổ chức SEDEX (một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập với mục đích hoạt động nhằm định hướng cải tiến đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng toàn cầu) để đánh giá và áp dụng các tiêu chuẩn lao động quốc tế vào Công ty, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cao nhất cho NLD.

❖ **Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:**

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện các đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động, do đó Công ty chưa ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động.

12. Chính sách cổ tức:

Theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức (tiền mặt hoặc cổ phiếu) hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể chốt danh sách cổ đông (ngày chốt quyền) để chia cổ tức. Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền sẽ được quyền nhận cổ tức (tiền mặt/cổ phiếu).

Tỷ lệ cổ tức của Công ty giai đoạn 2020 – 2022

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ chi trả	78,77%	0%	0%
Hình thức chi trả	Bằng cổ phiếu		
Thời gian chi trả	Tháng 1/2021		

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ các năm 2021-2023

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và 2023, lợi nhuận năm 2021 và 2022 được giữ lại để tái đầu tư nên Công ty không chi trả cổ tức của năm 2021 và 2022.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành:

Hiện tại, Công ty mẹ và Công ty con đang thuê lần lượt là 60.000 m² đất và 30.171 m² đất tại địa chỉ Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất của Công ty mẹ và Công ty con như sau:

	Số tiền tại 31/12/2022	Số tiền tại 30/06/2023
	<i>(Đơn vị: đồng)</i>	<i>(Đơn vị: đồng)</i>
Công ty mẹ (1):		
Tổng giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế VAT)	167.867.520.000	167.867.520.000
Lũy kế tiền thuê tài sản đã hạch toán vào chi phí	43.818.945.000	45.577.170.000
Số tiền thuê đất cần tiếp tục giải ngân, trong đó:	124.048.575.000	122.290.350.000
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>3.630.690.000</i>	<i>3.641.400.000</i>
<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<i>14.522.760.000</i>	<i>14.565.600.000</i>
<i>Trên 5 năm</i>	<i>105.895.125.000</i>	<i>104.083.350.000</i>

	Số tiền tại 31/12/2022	Số tiền tại 30/06/2023
	<i>(Đơn vị: đồng)</i>	<i>(Đơn vị: đồng)</i>
Công ty con (2):		
Tổng giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế VAT)	84.412.182.432	84.412.182.432
Lũy kế tiền thuê tài sản đã hạch toán vào chi phí	20.127.479.144	22.918.479.935
Số tiền thuê đất cần tiếp tục giải ngân, trong đó:	64.284.703.288	61.493.702.498
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>1.828.000.548</i>	<i>1.831.077.990</i>
<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<i>9.140.002.740</i>	<i>7.324.311.960</i>
<i>Trên 5 năm</i>	<i>53.316.700.000</i>	<i>52.338.312.548</i>
Tổng cộng (1) + (2):		
Tổng giá trị hợp đồng (chưa bao gồm thuế VAT)	252.279.702.432	252.279.702.432
Lũy kế tiền thuê tài sản đã hạch toán vào chi phí	63.946.424.144	68.495.649.935
Số tiền thuê đất cần tiếp tục giải ngân, trong đó:	188.333.278.288	183.784.052.498
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>5.458.690.548</i>	<i>5.472.477.990</i>
<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<i>23.662.762.740</i>	<i>21.889.911.960</i>
<i>Trên 5 năm</i>	<i>159.211.825.000</i>	<i>156.421.662.548</i>

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

- 14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:**

Không có

- 15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia cam kết: “không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022 (riêng)	% tăng/giảm	2022 (hợp nhất)	6T/2023 (riêng)	6T/2023 (hợp nhất)
Tổng tài sản	884.658	1.151.788	30,20%	1.181.230	1.272.335	1.318.530
Doanh thu thuần	1.093.569	1.396.792	27,73%	1.396.792	549.119	549.119
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	61.070	90.561	48,29%	93.813	26.935	31.448
Lợi nhuận khác	(6.411)	(463)	-	(478)	1.494	1.462
Lợi nhuận trước thuế	54.659	90.098	64,84%	93.335	28.429	32.910
Lợi nhuận sau thuế	42.355	72.166	70,38%	74.799	22.605	26.092
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%	0%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%	0%	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (tự lập)

❖ Các chỉ tiêu khác: Không có

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành:

❖ Thuận lợi:

- Nền kinh tế nước ta trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế – xã hội, tạo được sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn năm trước khi có dịch Covid-19. Thông báo của Tổng cục Thống kê ngày 29/12/2022 cho thấy một điểm sáng nổi bật là GDP năm 2022 ước tính tăng 8,02%, đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2011 do nền kinh tế đã khôi phục trở lại. Trong mức tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, khu vực công nghiệp và xây dựng và khu vực dịch vụ đều có sự tăng trưởng đáng kể, lần lượt là: 3,36%; 7,78% và 9,99%.
- Gói hỗ trợ phục hồi kinh tế 350.000 tỷ đồng đã chính thức được Quốc hội thông qua chiều 11/01/2022, trong đó hơn một nửa là chi đầu tư phát triển sẽ hứa hẹn lan tỏa làn sóng tăng trưởng cho lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến ngày 02/09/2022, giải ngân các chính sách hỗ trợ thuộc chương trình sơ bộ đạt 55.500 tỷ đồng, đạt 16% trong tổng gói hỗ trợ là 350.000 tỷ đồng.
- Quy mô dân số Việt Nam đạt xấp xỉ 100 triệu dân cuối năm 2022, mức tăng dân số bình quân hàng năm ghi nhận trên 1%/năm. Đi kèm gia tăng dân số là quá trình đô thị hóa mạnh

mẽ, đây là một xu hướng tất yếu trên thế giới có tác động tích cực đến lĩnh vực xây dựng nhà ở hiện tại và trong tương lai.

- Trong 02 năm dịch bệnh bùng phát Việt Nam kiểm soát dịch bệnh rất tốt trong phần lớn thời gian, giúp hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng tốt, chỉ bị ảnh hưởng giảm 50% công suất trong quý 3/2021 và phục hồi nhanh chóng vào quý 4 khi độ phủ vắc xin trên 90% trên cả nước đối với mũi tiêm thứ 2. Năm 2022, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan khi doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt tốc độ tăng trưởng lần lượt là 27,7% và 76,6%. Đạt được kết quả đáng mừng trên còn có đóng góp không nhỏ từ đội ngũ lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm cùng hệ thống kênh phân phối, tệp khách hàng đa dạng, vững chắc, rộng khắp trong nước và quốc tế.

❖ **Khó khăn:**

- Năm 2022, hoạt động kinh tế nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức. Các nền kinh tế hàng đầu phải chống chọi với nhiều khó khăn, tổng cầu suy giảm tác động đến hoạt động thương mại quốc tế của nước ta. Rủi ro, bất ổn đan xen buộc các nền kinh tế phải đánh đổi giải pháp điều hành vĩ mô. Lạm phát tiếp tục là mối quan ngại hàng đầu của nhiều nền kinh tế, giá năng lượng, lương thực biến động phức tạp, khó lường. Dấu hiệu suy thoái kinh tế toàn cầu ngày càng rõ nét, kinh tế thế giới chống chịu khủng hoảng đa tầng, không dễ vượt qua trong ngắn hạn.
- Trong nước, bên cạnh những thuận lợi cơ bản như tình hình chính trị, xã hội ổn định, dịch bệnh được kiểm soát,... thì nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đến từ cả những yếu tố bên ngoài lẫn bên trong. Diễn hình như áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh; các thị trường lớn, truyền thống suy giảm; sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn,... Trong đó, thách thức về việc tiếp cận nguồn vốn để duy trì sản xuất, kinh doanh là thách thức lớn nhất, đặc biệt với khu vực doanh nghiệp tư nhân. Vấn đề càng trở nên nghiêm trọng do dòng tiền của các doanh nghiệp đã cạn kiệt sau hơn 2 năm dịch bệnh. Đáng chú ý, sự sụt giảm niềm tin từ thị trường đối với các doanh nghiệp bất động sản đã lan rộng tới mọi loại hình doanh nghiệp khác, khiến kênh huy động trái phiếu không thể giúp doanh nghiệp thu hút được các nhà đầu tư trong ngắn hạn để giải quyết các bài toán cấp bách.
- Trong năm 2022, các doanh nghiệp ngành xây dựng và vật liệu trong nước đối mặt với hàng loạt khó khăn từ giá hàng hóa, nguyên liệu đầu vào tăng mạnh, chuỗi cung ứng bị gián đoạn đến thị trường đầu ra ngưng trệ, tỷ giá gia tăng, trong khi nhu cầu mua sắm, tiêu dùng giảm... Theo khảo sát của Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), có 78,8% doanh nghiệp ghi nhận chi phí nguyên vật liệu tăng, trong đó 19,7% doanh nghiệp báo cáo khoản chi này tăng đáng kể. Gần 50% doanh nghiệp dự báo tình trạng này còn tiếp diễn đến cuối năm 2023, thậm chí có 38% doanh nghiệp cho rằng tình trạng này sẽ kéo dài sau năm 2023.
- Ngành gạch ốp lát trong nước hiện nay có trên 80 doanh nghiệp lớn và vừa cùng hàng trăm cơ sở sản xuất nhỏ lẻ (theo hiệp hội gốm sứ Việt Nam) nên mức độ cạnh tranh trong ngành cao, đối với phân khúc cao cấp sự cạnh tranh còn cao hơn khi có hàng nhập khẩu từ nước ngoài.

Trong năm 2021 - 2022, Công ty không có những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty có đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

❖ Tình hình vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	31/12/2021	31/12/2022 (riêng)	31/12/2022 (hợp nhất)	30/6/2023 (riêng)	30/6/2023 (hợp nhất)
1	Tổng tài sản	884.658	1.151.788	1.181.230	1.272.335	1.318.530
2	Nợ phải trả	482.099	677.062	692.275	775.003	797.207
3	Vốn chủ sở hữu	402.560	474.726	488.956	497.331	521.322
4	Vốn điều lệ	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (tự lập)

❖ Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ Công ty. Tính tới 31/12/2022 tổng tài sản của Công ty mẹ đạt 1.152 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả đạt 667 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2021, Công ty tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng và toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán đã được Công ty sử dụng để: Mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang, Mua tài sản Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia, Trả nợ vay ngắn hạn Ngân hàng. Điều này giúp Công ty mở rộng hệ thống nhà xưởng, tăng công suất, doanh thu theo định hướng 05 năm, đồng thời giảm áp lực nợ vay.

b) Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và được ước tính như sau cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-30 năm

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	5-10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5 năm
Tài sản cố định khác	3-5 năm
Phần mềm quản lý	3-5 năm

Nguồn: BCTC năm 2022 được kiểm toán của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

c) Mức lương bình quân:

Số lượng lao động bình quân	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng quỹ lương (đồng)	121.378.559.000	119.800.130.830	141.908.648.306
Số lượng lao động bình quân (người)	789	801	808
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	12.819.873	12.456.357	14.635.793

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

Theo số liệu của Tổng cục thống kê¹⁴, năm 2022 thu nhập bình quân tháng của người lao động là 6,7 triệu đồng/tháng. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam là 7,6 triệu đồng, tăng 950 nghìn đồng so với năm trước và tăng 830 nghìn đồng so với cùng kỳ năm 2019; thu nhập bình quân tháng của lao động nữ là 5,6 triệu đồng, tăng 914 nghìn đồng so với năm trước và tăng 709 nghìn đồng so với cùng năm 2019. Thu nhập bình quân ngành công nghiệp và xây dựng năm 2022: 7,5 triệu đồng/tháng. Như vậy, mức lương bình quân của người lao động của Công ty cao hơn mức thu nhập bình quân các doanh nghiệp cùng ngành.

d) Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022 (riêng)	31/12/2022 (hợp nhất)	30/6/2023 (riêng)	30/6/2023 (hợp nhất)
Phải thu ngắn hạn	238.715	383.526	397.826	398.129	440.013
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	224.099	232.906	232.906	312.768	322.207
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.027	119.004	119.004	52.412	70.558
Phải thu ngắn hạn khác	11.589	31.616	45.916	32.949	47.249
Phải thu dài hạn	5.236	5.016	5.016	3.623	3.623
Phải thu dài hạn khác	5.236	5.016	5.016	3.623	3.623
Tổng cộng	243.951	388.543	402.843	401.752	443.636

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (tự lập)

¹⁴ <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2023/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2022>

Các khoản phải thu quá hạn:

Căn cứ vào các Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 - 2022, BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2023 (riêng và hợp nhất), Công ty không phát sinh các khoản phải thu quá hạn.

e) Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022 (riêng)	31/12/2022 (hợp nhất)	30/06/2023 (riêng)	30/06/2023 (hợp nhất)
Nợ ngắn hạn	470.453	665.797	666.912	757.577	765.895
Phải trả người bán ngắn hạn	147.324	135.368	134.839	173.973	178.596
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	28.275	58.454	58.454	78.081	78.081
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.204	13.721	14.565	6.055	7.266
Phải trả người lao động	13.593	16.621	13.131	10.442	10.525
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.244	11.811	15.361	11.817	13.352
Phải trả ngắn hạn khác	6.564	6.134	6.874	8.411	9.278
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	258.629	423.068	423.068	468.176	468.176
Quỹ khen thưởng phúc lợi	621	621	621	621	621
Nợ dài hạn	11.645	11.265	11.265	17.426	31.313
Phải trả dài hạn khác	-	1.000	1.000	1.000	1.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.645	10.265	10.265	16.426	16.426
Thuế thu nhập hoãn lại		-	-	-	13.886
Tổng cộng	482.099	677.062	678.177	775.003	797.207

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (tự lập)

Tình hình thanh toán các khoản nợ:

Căn cứ vào các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021-2022 và BCTC tự lập 6 tháng đầu năm 2023 (riêng và hợp nhất), Công ty không phát sinh các khoản nợ quá hạn nào. Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản lãi và gốc.

Thông tin về việc vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm vi phạm của Tổ chức phát hành và công ty con: Không có.

f) Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của Nhà nước. Số dư các loại thuế phải nộp theo quy định của Công ty cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022 (riêng)	31/12/2022 (hợp nhất)	30/06/2023 (riêng)	30/06/2023 (hợp nhất)
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh	12.304	12.659	13.475	5.824	7.029

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022 (riêng)	31/12/2022 (hợp nhất)	30/06/2023 (riêng)	30/06/2023 (hợp nhất)
nghiep					
Thuế thu nhập cá nhân	899	1.062	1.090	231	236
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	-	0,6	0,6	-	-
Tổng cộng	13.203	13.721	14.565	6.055	7.266

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (tự lập)

Công ty thực hiện trích lập và nộp các khoản bảo hiểm cho người lao động theo quy định. Số dư các khoản bảo hiểm phải nộp theo quy định của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022 (riêng)	31/12/2022 (hợp nhất)	30/06/2023 (riêng)	30/06/2023 (hợp nhất)
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	1.892	1.892
Bảo hiểm y tế	-	-	-	206	206
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	87	87
Tổng cộng	-	-	-	2.185	2.185

Nguồn: CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

g) Trích lập các quỹ:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Số dư các quỹ của Công ty cụ thể như sau:

KHOẢN MỤC	31/12/2021	31/12/2022 (riêng)	31/12/2022 (hợp nhất)	30/06/2023 (riêng)	30/06/2023 (hợp nhất)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	621	621	621	621	621
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Quỹ khác	-	-	-	-	-
Tổng cộng	621	621	621	621	621

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC 6 tháng đầu năm 2023 (tự lập)

h) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022 (riêng)	Năm 2022 (hợp nhất)
<u>Khả năng thanh toán (lần)</u>			

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022 (riêng)	Năm 2022 (hợp nhất)
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,35	1,17	1,19
(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)			
Hệ số thanh toán nhanh	0,77	0,71	0,74
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
<u>Cơ cấu vốn (%)</u>			
Nợ/Tổng tài sản	54,50	58,78	58,61
Nợ/Vốn chủ sở hữu	119,76	142,62	141,58
<u>Năng lực hoạt động (lần)</u>			
Vòng quay tổng tài sản	1,19	1,37	1,35
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)			
Vòng quay vốn lưu động	1,6	1,98	1,95
(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)			
Vòng quay hàng tồn kho	2,47	3,97	3,98
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)			
<u>Khả năng sinh lời (%)</u>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	3,87	5,17	5,36
(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)			
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	4,6	7,09	7,24
(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)			
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	13,72	16,45	16,78
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng/cổ phần)	1.177	2.005	2.065

Nguồn: Tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2021, 2022

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành:

3.1 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán:

❖ **Ý kiến của Kiểm toán viên:**

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

❖ **Về việc phát hành lại Báo cáo kiểm toán:**

Tại mục ý kiến của Kiểm toán viên có đoạn ***Vấn đề khác:***

“Báo cáo kiểm toán này phát hành để thay thế cho báo cáo kiểm toán số 150322.029/BCTC.KT2 ngày 15 tháng 03 năm 2022 do Công ty thay đổi một số thông tin đã trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.”

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện các thủ tục để thu hồi toàn bộ các bản gốc và bản sao Báo cáo kiểm toán số 150322.029/BCTC.KT2 ngày 15 tháng 03 năm 2022.

❖ ***Về việc bổ sung, đính chính BCTC sau thời điểm phát hành lại:***

Tại Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia thực hiện đính chính, bổ sung thêm thông tin cho người đọc tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty như sau:

Thông tin đính chính, bổ sung tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22 tháng 07 năm 2022:

1.1 Thông tin thay đổi trên Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

- Bổ sung thông tin chi tiết người thay mặt Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính được thay đổi từ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT sang ông Trịnh Xuân Hùng - Tổng Giám đốc theo giấy ủy quyền số 056/2022/UQ-CPHG ngày 15 tháng 06 năm 2022 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 014/2022/TT ngày 14 tháng 12 năm 2022;
- Cập nhật lại thông tin về chức danh Trưởng Ủy ban Kiểm toán thành Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán của ông Phạm Hữu Phú.

1.2 Thông tin thay đổi trên Thuyết minh báo cáo tài chính

- **Thuyết minh số 18** - "Phải trả khác" bổ sung thêm thông tin chi tiết khoản mượn tiền của ông Đinh Việt Anh và ông Nguyễn Đình Nghĩa với tổng giá trị 165,5 tỷ đồng nhằm làm rõ thông tin về khoản mượn tiền của các cổ đông như sau:

(1) Thỏa thuận mượn tiền với ông Đinh Việt Anh bao gồm 01 hợp đồng mượn tiền, với các điều khoản chi tiết sau:

- *Mục đích mượn tiền: Phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;*
- *Thời hạn của thỏa thuận: Từ ngày giải ngân cho đến khi bên cho mượn thông báo yêu cầu trả lại tiền;*
- *Lãi suất: Không tính lãi suất;*
- *Phương thức cho mượn: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.*

(2) Thỏa thuận mượn tiền với ông Nguyễn Đình Nghĩa bao gồm 07 hợp đồng mượn tiền, với các điều khoản chi tiết sau:

- *Mục đích mượn tiền: Phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;*
- *Thời hạn của thỏa thuận: Từ ngày giải ngân cho đến khi bên cho mượn thông báo yêu cầu trả lại tiền;*

- *Lãi suất: Không tính lãi suất;*
- *Phương thức cho mượn: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.*
- **Thuyết minh số 20** - "Vốn chủ sở hữu" được bổ sung thêm thông tin như sau:

(1) Thông tin liên quan đến việc điều chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 để thực hiện chi cổ tức bằng cổ phiếu theo NQ ĐHĐCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021, cụ thể:

Theo NQ ĐHĐCĐ số 0701-2021/NQ-HG ngày 07/01/2021, Công ty thực hiện điều chuyển chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2021 sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi điều chuyển các quỹ là: 94.724.406.095 đồng, trong đó:

- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2020: 89.052.461.842 đồng;*
- *Quỹ đầu tư phát triển được điều chuyển sang: 4.537.555.403 đồng;*
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được điều chuyển sang: 1.134.388.850 đồng.*

Theo NQ ĐHĐCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền là 94.520.000.000 đồng.

(2) Thông tin liên quan đến việc góp vốn lần 2 bằng tiền của bà Huỳnh Thị Đông Thi:

Ngày 23/12/2021, bà Huỳnh Thị Đông Thi đã nộp tiền vào tài khoản của Công ty, số tiền là 18 tỷ đồng. Ngày 24/12/2021, Công ty và bà Huỳnh Thị Đông Thi đã ký Biên bản thỏa thuận, trong đó có nội dung sau:

- *Bà Thi đồng ý và Công ty sẽ ghi nhận một phần hoặc toàn bộ số tiền 18.000.000.000 (mười tám tỷ) đồng là tiền góp vốn của bà Thi vào Công ty trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ trong năm 2021 (nếu có).*
- *Căn cứ phê duyệt của ĐHĐCĐ về số lượng cổ phần chào bán cho mỗi cổ đông, Công ty sẽ ghi nhận một phần hoặc toàn bộ số tiền trên là tiền góp vốn của bà Thi, khi đó số tiền thừa (nếu có) sẽ được Công ty trả lại cho bà Thi, số tiền thiếu bà Thi có nghĩa vụ nộp bổ sung theo thông báo của Công ty.*

Ngày 28/12/2021, ĐHĐCĐ Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 214,52 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng. Theo đó, bà Thi là cổ đông hiện hữu, được mua 1.745.760 cổ phần, tương ứng 17.457.600.000 đồng. Theo Biên bản thỏa thuận giữa Công ty và bà Thi nêu trên, Công ty đã ghi nhận 17.457.600.000 đồng là tiền góp vốn của bà Thi và đã chi trả lại cho bà Thi số tiền thừa là 542.400.000 đồng vào ngày 28/12/2021.

- **Thuyết minh số 37** - "Nghịệp vụ và số dư với các bên liên quan": Cập nhật lại thông tin về chức danh Trưởng Ủy ban Kiểm toán thành Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán của ông Phạm Hữu Phú; cập nhật lại thông tin "công ty mẹ đến ngày 09/01/2021" thành "công ty mẹ đến ngày 20/01/2021".

- **Bổ sung Thuyết minh số 39** - "Thông tin về việc sửa đổi Báo cáo tài chính" nhằm cung cấp thêm thông tin về các thay đổi của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22 tháng 07 năm 2022 so với Báo cáo tài chính đã

được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 150322.029/BCTC.KT2 ngày 15 tháng 03 năm 2022 với nội dung chi tiết như sau:

Ban Tổng giám đốc đã phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tại ngày 10 tháng 03 năm 2022. Tuy nhiên, do Thuyết minh báo cáo tài chính còn một số thông tin cần trình bày sửa đổi, bổ sung làm rõ nên Ban Tổng giám đốc đã quyết định lập và trình bày lại Báo cáo tài chính với các nội dung thay đổi như sau:

Thông tin thay đổi chung trên Báo cáo Ban Tổng Giám đốc, Bảng Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính:

39.1) Người thay mặt Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính được thay đổi từ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT sang ông Trịnh Xuân Hùng - Tổng Giám đốc theo Giấy ủy quyền số 056/2022/UQ-CPHG ngày 15 tháng 06 năm 2022 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 014/2022/TT ngày 14 tháng 12 năm 2022.

Thông tin thay đổi trên Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

39.2) Thông tin thành viên của Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán được thay đổi do cập nhật lại thông tin về chức danh, bổ nhiệm/ miễn nhiệm phát sinh sau ngày kết thúc niên độ đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này.

39.3) Thông tin thay đổi trên Bảng Cân đối kế toán

	Mã số	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 10/03/2022	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 12/07/2022	Chênh lệch	Ghi chú
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	31/12/2021 8.804.701.460	31/12/2021 -	31/12/2021 8.804.701.460	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.783.905.768	11.588.607.228	(8.804.701.460)	(1)
Tài sản cố định hữu hình	221	157.300.712.306	149.729.886.829	7.570.825.477	(2)
Nguyên giá	222	487.380.354.195	478.188.680.695	9.191.673.500	(2)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(330.079.641.889)	(328.458.793.866)	(1.620.848.023)	(3)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	15.467.791.358	23.038.616.835	(7.570.825.477)	(2)
Nguyên giá	225	25.735.540.390	34.927.213.890	(9.191.673.500)	(2)
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(10.267.749.032)	(11.888.597.055)	1.620.848.023	(2)
	Mã số	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 10/03/2022	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 12/07/2022	Chênh lệch	Ghi chú
Tài sản cố định hữu hình	221	01/01/2021 166.970.102.517	01/01/2021 163.594.353.642	01/01/2021 3.375.748.875	(2)
Nguyên giá	222	469.378.672.670	464.877.674.170	4.500.998.500	(2)

<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(302.408.570.153)	(301.283.320.528)	(1.125.249.625)	(2)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	20.328.447.724	23.704.196.599	(3.375.748.875)	(2)
<i>Nguyên giá</i>	225	31.268.521.490	35.769.519.990	(4.500.998.500)	(2)
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	(10.940.073.766)	(12.065.323.391)	1.125.249.625	(2)

Thông tin thay đổi trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	Mã số	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 10/03/2022	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 12/07/2022	Chênh lệch	Ghi chú
		31/12/2021	31/12/2021	31/12/2021	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.200.102.092)	(20.004.803.552)	8.804.701.460	(1)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(43.886.966.931)	(52.691.668.391)	8.804.701.460	(1)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(41.125.446.485)	(36.434.771.485)	(4.690.675.000)	(3)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.304.701.460)	(500.000.000)	(8.804.701.460)	(1)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.756.588.464)	(32.261.212.004)	(13.495.376.460)	(1); (3)
Tiền thu từ đi vay	33	427.230.116.357	422.539.441.357	4.690.675.000	(3)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	176.179.430.886	171.488.755.886	4.690.675.000	(3)

(1) Công ty thực hiện phân loại lại khoản tiền cho mượn từ khoản "Phải thu về cho vay ngắn hạn" sang "Phải thu ngắn hạn khác";

(2) Công ty phân loại lại danh mục tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính;

(3) Công ty điều chỉnh dòng tiền chi để mua sắm tài sản cố định và dòng tiền thu từ đi vay do hoạt động thuê tài chính không có dòng tiền thực tế tương ứng phát sinh.

Thông tin thay đổi trên Thuyết minh báo cáo tài chính:

39.4) Thuyết minh số 03 - "Tiền và các khoản tương đương tiền" bổ sung thêm thông tin giải thích nguyên nhân tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại thời điểm cuối năm có số dư lớn nhằm cung cấp thêm thông tin cho người đọc báo cáo;

39.5) Thuyết minh số 06 - "Trả trước cho người bán ngắn hạn" được thay đổi trình bày một số

- nhà cung cấp đã được tạm ứng có số dư lớn để thể hiện đầy đủ thông tin các nhà cung cấp có số dư trả trước cho người bán ngắn hạn có số dư lớn;*
- 39.6) *Thuyết minh số 07 - "Phải thu khác" được trình bày lại do việc phân loại lại các khoản cho mượn tiền từ khoản mục "Phải thu từ cho vay ngắn hạn" sang khoản mục "Phải thu khác" khiến thuyết minh "Phải thu từ cho vay ngắn hạn" không cần phải trình bày do đã hết số dư đồng thời bổ sung thuyết minh chi tiết thông tin về các hợp đồng cho mượn tiền;*
- 39.7) *Thuyết minh số 09 - "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" được thay đổi do chỉnh sửa thông tin dự án;*
- 39.8) *Thuyết minh số 10 - "Tài sản cố định hữu hình" được trình bày lại số liệu do phân loại lại tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính;*
- 39.9) *Thuyết minh số 11 - "Tài sản cố định thuê tài chính" được thay đổi so với bản thuyết minh Báo cáo tài chính công bố ngày 10 tháng 03 năm 2022 do phân loại lại tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính;*
- 39.10) *Thuyết minh số 14 - "Phải trả người bán ngắn hạn" tại mục "a, Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn" được thay đổi trình bày một số nhà cung cấp có số dư lớn để thể hiện đầy đủ các bên liên quan và nhà cung cấp có số dư lớn;*
- 39.11) *Thuyết minh số 15 - "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" tại mục "a, Người mua trả tiền trước có số dư lớn" được thay đổi trình bày một số người mua trả tiền trước có số dư lớn để thể hiện đầy đủ các bên liên quan và người mua trả tiền trước có số dư lớn;*
- 39.12) *Thuyết minh số 18 - "Phải trả khác" bổ sung thêm thông tin chi tiết khoản mượn tiền của ông Đinh Việt Anh và ông Nguyễn Đình Nghĩa với tổng giá trị 165,5 tỷ đồng nhằm làm rõ thông tin về khoản mượn tiền của các cổ đông;*
- 39.13) *Thuyết minh số 19 - "Vay và nợ thuê tài chính" được sửa đổi lại thông tin chi tiết liên quan đến hợp đồng vay hạn mức của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai do trình bày lại thông tin;*
- 39.14) *Thuyết minh số 20 - "Vốn chủ sở hữu" được bổ sung thêm thông tin liên quan đến việc điều chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 để thực hiện chi cổ tức bằng cổ phiếu theo NQ ĐHCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021; bổ sung đầy đủ thuyết minh các cổ đông lớn và bổ sung thuyết minh chi tiết thông tin liên quan đến việc góp vốn lần 2 bằng tiền của Bà Huỳnh Thị Đông Thi nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho người đọc báo cáo;*
- 39.15) *Thuyết minh số 21 - "Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động" được trình bày bổ sung nhằm đảm bảo trình bày đầy đủ các thông tin trên thuyết minh Báo cáo tài chính;*
- 39.16) *Thuyết minh số 22 - "Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" trình bày bổ sung Doanh thu bán nguyên vật liệu nhằm trình bày đầy đủ các loại hình doanh thu của Công ty;*
- 39.17) *Thuyết minh số 23 - "Giá vốn hàng bán" trình bày bổ sung Giá vốn nguyên vật liệu đã bán nhằm trình bày đầy đủ các nội dung giá vốn tương ứng với loại hình doanh thu của Công ty;*

39.18) Thuyết minh số 34 - "Công cụ tài chính" được chỉnh sửa do việc phân loại lại khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và khoản "Phải thu khác ngắn hạn";

39.19) Thuyết minh số 35 - "Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ" được trình bày lại cho đúng bản chất của các thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

39.20) Thuyết minh số 37 - "Nghịệp vụ và số dư các bên liên quan" được bổ sung thông tin chi tiết về mối quan hệ với các bên liên quan; bổ sung đối tượng là bên liên quan trong các mục "Doanh thu" và "Phải thu khách hàng"; bổ sung thông tin về "Lương, thù lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị"; cập nhật lại thông tin về chức danh Trưởng Ủy ban Kiểm toán thành Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán của ông Phạm Hữu Phú; cập nhật lại thông tin "công ty mẹ đến ngày 09/01/2021" thành "công ty mẹ đến ngày 20/01/2021".

Ý kiến của Đơn vị kiểm toán về nội dung bổ sung, đính chính nêu trên:

"Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung đối với những thông tin đính chính, bổ sung cho Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán nêu tại Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chúng tôi xác nhận các thông tin đính chính, bổ sung tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán theo nội dung nêu tại Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng gia gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là phù hợp với bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được.

Như nội dung trình bày trong mục "Vấn đề khác" tại Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22 tháng 07 năm 2022, chúng tôi lưu ý thêm người đọc tới phần Thuyết minh số 39- "Thông tin về việc sửa đổi Báo cáo tài chính" tại Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22/07/2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia".

3.2 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 (riêng và hợp nhất) do Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán:

❖ **Ý kiến của Kiểm toán viên trên BCTC riêng:**

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

❖ **Ý kiến của Kiểm toán viên trên BCTC hợp nhất:**

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

❖ Về việc đính chính BCTC kiểm toán năm 2022 (riêng và hợp nhất):

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia đã có Văn bản số 014/2023/CV-HG ngày 12/05/2023 về việc đính chính thông tin tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 như sau:

Thông tin đính chính tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023:

(1) BCTC năm 2022 (riêng):

- Thông tin được đính chính lại tại Thuyết minh số 21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động:

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê 60.000m² đất tại KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú – Đồng Nai. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.630.690.000	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.522.760.000	14.195.340.000
- Trên 5 năm	105.895.125.000	106.760.786.250

Lý do đính chính: Do lỗi soạn thảo văn bản, Công ty đã ghi nhầm “Công ty hiện đang thuê” thành “Công ty hiện đang cho thuê”.

- Thông tin được đính chính lại tại Thuyết minh số 5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Toptile	24.886.727.180	-	-	-
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	75.955.533.097	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

Lý do đính chính: Công ty bổ sung thông tin chi tiết công nợ theo đối tượng khách hàng.

(2) BCTC năm 2022 (hợp nhất):

• Thông tin đính chính lại tại Thuyết minh số 6

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Toptile	24.886.727.180	-	-	-
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	75.955.533.097	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

Lý do đính chính: Công ty bổ sung thông tin chi tiết công nợ theo đối tượng khách hàng.

Các nội dung khác của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 không thay đổi.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

Ý kiến của Kiểm toán viên về nội dung đính chính nêu trên:

“Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung đối với những thông tin đính chính cho Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán nêu tại Văn bản số 014/2023/CV-HG ngày 12/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia. Chúng tôi xác nhận các thông tin đính chính tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán theo nội dung nêu tại Văn bản số 014/2023/CV-HG ngày 12/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng gia là phù hợp với bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm 2021 (Thực hiện)	Năm 2022 (Hợp nhất)		Năm 2023 (Hợp nhất)	
		Thực hiện	% tăng/giảm so với năm trước	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần	1.093.569	1.396.792	27,73%	1.400.000	0,23%
Lợi nhuận sau thuế	42.355	74.799	76,60%	85.000	13,64%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	3,87%	5,36%	1,49%	6,07%	0,71%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	13,72%	16,78%	3,06%	19,88%	3,10%
Tỷ lệ cổ tức	-	0%	0%	10%	-

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã kiểm toán và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

Ngày 17/10/2022, ĐHĐCĐ của Công ty đã họp và thông qua kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt lần lượt là 1.460 tỷ đồng và 80 tỷ đồng. Theo số liệu tổng hợp của Công ty, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2022 (hợp nhất) đạt lần lượt là 1.396,79 tỷ đồng và 74,8 tỷ đồng, hoàn thành 95,67% và 93,5% kế hoạch đặt ra.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty đã họp và thông qua kế hoạch doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của năm 2023 lần lượt là 1.400 tỷ đồng và 85 tỷ đồng.

❖ **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2023:**

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự báo và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Ban điều hành Công ty cũng đã đề ra một số biện pháp cụ thể làm căn cứ để đạt kế hoạch cho năm 2023 như sau:

- Thực hiện chiến lược tái định vị thương hiệu: xây dựng và phát triển thương hiệu theo tiêu chí **“Royal là thương hiệu Việt được yêu thích trên toàn cầu”**;
- Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, đặc biệt là củng cố và phát triển hệ thống bán hàng tại thị trường Mỹ. Cơ cấu lại các kênh bán hàng nội địa nhằm tạo tăng trưởng thị phần trong nước và tăng trưởng đột phá các dòng sản phẩm mới.
- Không ngừng cải tiến, sáng tạo và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp bằng việc vận hành hệ thống quản trị tinh gọn và ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục cải tiến hoạt động sản xuất, đặc biệt cải tiến tự động hóa và tiết kiệm năng lượng để từng bước giảm giá thành. Song song là tiếp tục phát triển hoạt động R&D tạo sự khác biệt và tăng giá trị sản phẩm.
- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng toàn cầu hóa, xây dựng và hoàn thiện chính sách lao động tiền lương đảm bảo nguyên tắc gắn kết lợi ích tổ chức và người lao động.

❖ **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:**

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập vào năm 2009, đến nay đã hơn 12 năm nên cổ phiếu của cổ đông sáng lập Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông	Tại thời điểm 30/06/2023		Dự kiến sau đợt chào bán (trường hợp không tham gia đợt chào bán)	
		Số lượng CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ông Đinh Việt Anh	9.360.000	26,00%	9.360.000	20,80%
2	Bà Lê Thị Vi Na	8.874.000	24,65%	8.874.000	19,72%
3	Bà Nguyễn Thị Lê	6.786.000	18,85%	6.786.000	15,08%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

❖ Cổ đông lớn : Ông Đinh Việt Anh

- Năm sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Thông tin về số lượng và tỷ lệ cổ phần cổ đông lớn nắm giữ tại ngày 30/06/2023: 9.360.000 cổ phần, tương đương 26% vốn điều lệ của Công ty.
- Thông tin về số lượng và tỷ lệ cổ phần cổ đông lớn dự kiến nắm giữ sau đợt chào bán: 9.360.000 cổ phần, tương đương 20,80% vốn điều lệ của Công ty.

- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan đến cổ đông lớn tại ngày 30/06/2023 và dự kiến sau đợt chào bán:

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	Tại thời điểm 30/06/2023		Dự kiến sau đợt chào bán	
			Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ
1.	Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ	0	0%	0	0%
2.	Đinh Quỳnh Thảo	Con ruột	0	0%	0	0%
3.	Đinh Quỳnh Trang	Con ruột	0	0%	0	0%
4.	Đinh Hoàng Quân	Con ruột	0	0%	0	0%
5.	Phạm Thị Nga	Mẹ ruột	0	0%	0	0%
6.	Nguyễn Thị Nương	Mẹ vợ	0	0%	0	0%
7.	Đinh Thị Vân Anh	Chị ruột	0	0%	0	0%
8.	Đinh Quốc Anh	Anh ruột	0	0%	0	0%
9.	Phan Nhật Lệ	Chị dâu	0	0%	0	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn với Công ty: *Trình bày tại Mục a. 3.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị*
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành và cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn: Không có

❖ **Cổ đông lớn : Bà Lê Thị Vi Na**

- Năm sinh: 1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Thông tin về số lượng và tỷ lệ cổ phần cổ đông lớn nắm giữ tại ngày 30/06/2023: 8.874.000 cổ phần, tương đương 24,65% vốn điều lệ của Công ty.
- Thông tin về số lượng và tỷ lệ cổ phần cổ đông lớn dự kiến nắm giữ sau đợt chào bán: 8.874.000 cổ phần, tương đương 19,72% vốn điều lệ của Công ty.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan đến cổ đông lớn tại ngày 30/06/2023 và dự kiến sau đợt chào bán:

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	Tại thời điểm 30/06/2023		Dự kiến sau đợt chào bán	
			Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Châu Thy	Chồng	0	0%	0	0%
2	Nguyễn Quỳnh Như	Con	0	0%	0	0%
3	Nguyễn Quỳnh Trâm	Con	0	0%	0	0%
4	Lê Thị Trinh	Mẹ ruột	0	0%	0	0%
5	Nguyễn Túy	Ba chồng	0	0%	0	0%
6	Châu Thị Tám	Mẹ chồng	0	0%	0	0%
7	Lê Tiến Trung	Anh ruột	0	0%	0	0%
8	Lê Thị Hoàng Lưu	Chị dâu	0	0%	0	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn với Công ty: Không có.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành và cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn: Không có

❖ Cổ đông lớn : Bà Nguyễn Thị Lê

- Năm sinh: 1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Thông tin về số lượng và tỷ lệ cổ phần cổ đông lớn nắm giữ tại ngày 30/06/2023: 6.786.000 cổ phần, tương đương 18,85% vốn điều lệ của Công ty.
- Thông tin về số lượng và tỷ lệ cổ phần cổ đông lớn dự kiến nắm giữ sau đợt chào bán: 6.786.000 cổ phần, tương đương 15,08% vốn điều lệ của Công ty.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan đến cổ đông lớn tại ngày 30/06/2023 và dự kiến sau đợt chào bán:

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	Tại thời điểm 30/06/2023		Dự kiến sau đợt chào bán	
			Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Văn Phước	Chồng	0	0%	0	0%
2	Nguyễn Lê Phương	Con	0	0%	0	0%
3	Nguyễn Hoàng Gia Khiêm	Con	0	0%	0	0%
4	Bùi Thị Bích Bộ	Mẹ ruột	0	0%	0	0%
5	Nguyễn Sáu	Ba ruột	0	0%	0	0%
6	Nguyễn Thị Em	Mẹ chồng	0	0%	0	0%
7	Nguyễn Thị Xuân Thu	Chị ruột	0	0%	0	0%
8	Huỳnh Quang Quyền	Anh rể	0	0%	0	0%
9	Nguyễn Thị Hằng	Chị ruột	0	0%	0	0%
10	Đặng Đình Vũ Tuấn	Anh rể	0	0%	0	0%
11	Nguyễn Thị Quyến	Chị ruột	0	0%	0	0%
12	Trần Minh Quốc	Anh rể	0	0%	0	0%

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

- Lợi ích liên quan của cổ đông lớn với Công ty: Không có.
- Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành và cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng:

3.1. Thông tin về việc rà soát tiêu chuẩn các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo các tiêu chuẩn quy định tại Luật doanh nghiệp và lộ trình về quản trị công ty đáp ứng điều kiện quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết

- Thông tin về việc rà soát tiêu chuẩn các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo các tiêu chuẩn quy định tại Luật doanh nghiệp

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiêu chuẩn theo quy định tại Luật doanh nghiệp	Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn
I	Hội đồng quản trị			
1	Đình Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 151. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không	Đáp ứng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiêu chuẩn theo quy định tại Luật doanh nghiệp	Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn
2	Phạm Hữu Phú	Thành viên độc lập HĐQT	thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;	Đáp ứng
3	Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác. c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. d) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ. 2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác: a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;	Đáp ứng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiêu chuẩn theo quy định tại Luật doanh nghiệp	Mức độ đáp ứng tiêu chuẩn
			d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.	
II	Tổng Giám đốc			
1	Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc, Tổng giám đốc 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này. 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. 3. Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.	Đáp ứng

- Lộ trình về quản trị công ty đáp ứng điều kiện quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công.
- Hội đồng quản trị Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế công bố thông tin, xây dựng ban quan hệ cổ đông chuẩn bị cho quá trình niêm yết sau này.
 - Hiện nay, trong cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty cũng đảm bảo có 01 thành viên HĐQT độc lập theo quy định pháp luật áp dụng cho công ty niêm yết.

Như vậy, hiện nay Công ty đang thực hiện việc quản trị Công ty theo các tiêu chuẩn áp dụng

cho Công ty đại chúng niêm yết. Theo đó, HĐQT Công ty cam kết sẽ tiếp tục tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng sau khi chào bán thành công và trở thành công ty đại chúng.

3.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đình Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán
2	Phạm Hữu Phú	Thành viên độc lập HĐQT
3	Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Ông Đình Việt Anh - Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán

- Họ và tên: Đình Việt Anh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 357A/7 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 031065006785
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế Đại học hàng hải Hải Phòng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1988-1992	Công ty Hải sản Hạ Long	Trưởng phòng
1994-1997	Tại TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh tự do
1997-2000	Công ty cổ phần gạch men Ý Mỹ	Tổng Giám đốc
2001-2021	Công ty TNHH gạch men Hoàng Gia	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2009-2021	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Chủ tịch HĐQT
2010-nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Chủ tịch HĐQT
2022-nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư	Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	Hoàng Gia	Ủy ban kiểm toán
2023-nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 9.360.000 cổ phần, tương đương 26% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Đình Việt Anh và người có liên quan với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Chức vụ	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2021	Chủ tịch HĐQT	0	0
Năm 2022	Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên UBKT	638.461.570	0
6T/2023	Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên UBKT	467.076.960	0

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

18. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty: Không có

b) Ông Trịnh Xuân Hùng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Trịnh Xuân Hùng

2. Giới tính: Nam

3. Năm sinh: 1964

4. Nơi sinh: Bình Định

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Vinhomes Central Park, 720 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 052064000244

8. Trình độ học vấn: Thạc sỹ
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa Ngoại ngữ
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1993-1998	International Beverages Company (Pepsico Jv)	Quản lý logistic bán hàng
1998-2000	British American Tobacco Vietnam (BAT)	Giám đốc bán hàng khu vực (Lãnh thổ/ Kênh)
2000-2006	Unilever (Lever Vietnam)	Quản lý kênh bán hàng
2006-2008	The Cocacola South East Asia, Inc.	Quản lý tiếp thị thương mại kênh bán hàng
2008-2009	Best Caring Joint Venture	Phó Tổng Giám Đốc
2009-2013	Pepsico Vietnam	Giám đốc phát triển khách hàng
2013-2015	British American Tobacco Vietnam (BAT)	Giám đốc bán hàng toàn quốc
2015-2019	Nutifood Nutrition Food JSC (NTF)	Phó Chủ Tịch
2019-2021	Frieslandcampina Employment & Consulting Projects	Chủ nhiệm dự án
2021	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Phó Chủ Tịch
2022-nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 720.000 cổ phần, tương đương 2% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
15. Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Trịnh Xuân Hùng với Công ty: Không có
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Chức vụ	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2021	Phó Chủ tịch	10.000.000	0
Năm 2022	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	558.653.880	0
6T/2023	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	408.692.350	

18. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty: Không có

c) Ông Phạm Hữu Phú - Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: Phạm Hữu Phú
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
- Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 046059004174
- Trình độ học vấn: cử nhân
- Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Cung ứng Tàu biển Sài Gòn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1985-1999	Công ty Xuất nhập khẩu Tân Định	Giám đốc
1999-2004	Công ty Cổ Phần Xuất nhập khẩu Tân Định	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
2004-2005	Công ty Cổ Phần Đầu tư tài chính Sài Gòn – Á Châu	Chủ tịch HĐQT
2005-2011	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT
2011-2013	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	Phó Chủ tịch thường trực – Chủ tịch HĐQT
2013-2014	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	Tổng Giám đốc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2014-nay	Công ty CP Cung ứng Tàu biển Sài Gòn	Thành viên HĐQT
2022- nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phạm Hữu Phú và người có liên quan với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Chức vụ	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2021	Không	0	0
Năm 2022	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT	0	0
6T/2023	Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch UBKT	0	0

Nguồn: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

18. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty: Không có

3.3. Sơ yếu lý lịch Ủy ban kiểm toán

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Đinh Việt Anh	Thành viên HĐQT không điều hành kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán

a) Ông Phạm Hữu Phú – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Xem sơ yếu lý lịch tại mục c phần 3.2 nêu trên.

b) Ông Đinh Việt Anh – Thành viên Ủy ban kiểm toán

Xem sơ yếu lý lịch tại mục a phần 3.2 nêu trên.

3.4. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và các chức danh Quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc
2	Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
3	Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

a) Ông Trịnh Xuân Hùng – Tổng Giám đốc – Đã trình bày tại tiết b Mục 3.2 Phần VI

b) Ông Phan Bá Hiệu – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phan Bá Hiệu
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1985
- Nơi sinh: Đà Lạt
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 155/53 TL 15, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. HCM
- Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 068085002150
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Quản Trị Chất Lượng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc – phụ trách Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2007 - 2009	Công ty tư vấn hệ thống chất lượng ICC	Chuyên viên tư vấn
2009 - 2010	Công ty TNHH gạch men Hoàng Gia	Nhân viên kinh doanh
2010 - 2011	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Phó bộ phận kinh doanh
2011 – 2013	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Phó phòng kinh doanh

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2013 – 2015	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Phó GD kinh doanh
2015 - 2016	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	GD Phòng kế hoạch
2016 - 2020	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	GD phòng kinh doanh
2020 – 2021	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	PGD Khối kinh doanh
01/01/2022 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Phó Tổng Giám đốc – phụ trách kinh doanh

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 360.000 cổ phần, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phan Bá Hiệu với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Chức vụ	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2021	Phó Giám đốc khối Kinh doanh	536.496.000	0
Năm 2022	Phó Tổng giám đốc	683.174.521	0
6T/2023	Phó Tổng giám đốc	386.572.160	0

18. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty: Không có

c) Ông Trương Văn Việt – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Trương Văn Việt
2. Giới tính: Nam
3. Năm sinh: 1978

4. Nơi sinh: Đức Phổ Quảng Ngãi
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 15 Khu Phố Phước Hưng, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 051078000141
8. Trình độ học vấn: Cử nhân
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa –Trường Đại Học BK Đà Nẵng
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc – phụ trách sản xuất
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2001 - 2009	Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	Quản lý sản xuất
2010 - 2011	Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	Phó Giám đốc sản xuất
2011 – 06/2014	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Phó Giám đốc sản xuất
06/2014 – 08/2018	Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	Giám đốc sản xuất
08/2018 - 2021	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Quyền Giám đốc Khối sản xuất
1/1/2022-nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Phó Tổng Giám đốc – phụ trách sản xuất

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 360.000 cổ phần, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu của người có liên quan:
15. Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Trương Văn Việt với Công ty: Không có
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Chức vụ	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2021	Quyền Giám đốc Khối sản xuất	452.904.000	0
Năm 2022	Phó Tổng giám đốc	687.407.470	0
6T/2023	Phó Tổng giám đốc	366.100.627	0

18. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty: Không có

d) Ông Phạm Đình Hoàng – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phạm Đình Hoàng
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1979
- Nơi sinh: Lâm Đồng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 33 thôn Hòa Lạc, T.T Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
- Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 250413343
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc – phụ trách Tài chính kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2005-2006	Công ty CP Cao Su Sài Gòn Kymdan	Trưởng bộ phận kế toán quản trị
2007-2009	Công ty CP Gạch Đồng Tâm	Phó phòng kế toán quản trị
2010-2011	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Thương Tín (STI)	- Chuyên viên kế toán quản trị group (STI) - Kế toán trưởng Công ty TNHH Hana Beach Resort - Kế toán trưởng Công ty cổ phần Du lịch Thanh Bình
2012-2017	Công ty CP Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư Tp.HCM (Fideco)	Giám đốc tài chính, kiêm Kế toán trưởng
2018-2018	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư	Phó giám đốc tài chính

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
	Hoàng Gia	
2019-2021	Công ty cổ phần XNK Nam Thái Sơn	Giám đốc tài chính
1/1/2022-nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	Phó TGD (Phụ trách TCKT)

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu của người có liên quan: Không có

15. Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Phạm Đình Hoàng với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Chức vụ	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2021	Không	0	0
Năm 2022	Phó Tổng giám đốc	646.175.097	0
6T/2023	Phó Tổng giám đốc	359.253.890	0

18. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty: Không có

e) Bà Nguyễn Thị Kim Loan – Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Loan
2. Giới tính: Nữ
3. Năm sinh: 1990
4. Nơi sinh: Quảng Ngãi
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 26/22/22 đường số 7, phường 3, quận Gò Vấp, TP.HCM
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 051190009456
8. Trình độ học vấn: Đại học

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính ngân hàng trường Đại học Công Nghiệp
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2012 - 2013	Công ty tài chính Prudential	Nhân viên kế toán
2013 - 2017	Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	Nhân viên Kế toán công nợ
2017 - 2020	Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	Trưởng bộ phận kế toán
2020 - 2021	Công ty Cổ phần Sản xuất Đầu tư Hoàng Gia	Trưởng phòng kế toán quản trị
1/1/2022 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất Đầu tư Hoàng Gia	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 360.000 cổ phần, tương đương 1% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
15. Thông tin về những người có liên quan của Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
16. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Nguyễn Thị Kim Loan và người có liên quan với Công ty: Không có
 - Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:

Nội dung	Chức vụ	Thù lao, tiền lương (VNĐ)	Các khoản lợi ích khác (VNĐ)
Năm 2021	Trưởng phòng Kế toán quản trị	301.600.000	0
Năm 2022	Kế toán trưởng	550.303.940	0
6T/2023	Kế toán trưởng	295.949.200	0

18. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Số lượng cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng: 9.000.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 90.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán là 15.000 đồng/ cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, cơ sở xác định giá chào bán như sau:

Giá chào bán được xác định trên cơ sở so sánh với giá trị sổ sách và kế hoạch hoạt động kinh doanh 2022 của Công ty, cụ thể: Giá trị sổ sách của cổ phiếu:

$$\text{Giá trị sổ sách của 01 cổ phiếu} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2022 theo BCTC kiểm toán riêng năm 2022 của Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu (31/12/2022)} = \frac{474.725.847.216}{36.000.000} = 13.186,83 \text{ đồng/ cổ phần.}$$

Căn cứ vào nhu cầu vốn của Công ty và căn cứ giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu Công ty, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua giá cổ phiếu chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là **15.000 (mười lăm nghìn) đồng/cổ phiếu**.

Theo Nghị quyết HĐQT số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023, Hội đồng quản trị đã thông qua mức giá chào bán là 15.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023 về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 005/2023/NQ-HĐQT ngày 14/06/2023 về việc Bổ sung nội dung tại Nghị quyết số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023, phương thức phân phối cổ phiếu như sau:

- Hình thức phân phối cổ phiếu: Cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được phân phối thông qua Đơn vị đại lý.

- Công ty sẽ hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu cho Nhà đầu tư khi thực hiện đợt chào bán
- Đại lý phân phối cổ phiếu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).
- Trách nhiệm của Đại lý phân phối:
 - Phối hợp Tổ chức phát hành công bố thông tin về đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định;
 - Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu của nhà đầu tư;
 - Hướng dẫn nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu;
 - Tổng hợp thông tin về các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu tại Đại lý phân phối sau ngày kết thúc đăng ký đặt mua cổ phiếu;
 - Các công việc khác liên quan đến việc phân phối cổ phiếu (nếu có).
- Thời gian phân phối cổ phiếu: Cổ phiếu được phân phối cho Nhà đầu tư đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai và thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho Nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày, thời hạn cụ thể được ghi trong Bản thông báo phát hành.
- Nguyên tắc phân phối cổ phiếu:
 - Các nhà đầu tư đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu đều được phân phối cổ phiếu;
 - Trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu được phép chào bán thì tổ chức phát hành phải phân phối hết số cổ phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký đặt mua của từng nhà đầu tư. Trong trường hợp này, cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị; phần thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phiếu.

Ví dụ: Sau khi phân phối theo tỷ lệ đăng ký đặt mua, số cổ phiếu Nhà đầu tư A được quyền mua là 10.032,67 cổ phiếu, sẽ được làm tròn xuống thành 10.032 cổ phiếu.
- Phương án xử lý cổ phiếu còn dư sau đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng:
 - Số cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến (bao gồm cả cổ phiếu lẻ phát sinh – nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ không thuận lợi hơn so với các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn so với giá mà Hội đồng quản trị đã công bố khi thực hiện chào bán).
 - Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
 - Trong trường hợp số lượng cổ phiếu còn dư vẫn không được phân phối hết, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phần thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.

- Sau khi hoàn thành việc phân phối cổ phiếu và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chào bán, Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia sẽ cấp Giấy Chứng nhận sở hữu cổ phần cho các nhà đầu tư đã mua cổ phiếu theo quy định.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu, tối đa của 01 nhà đầu tư: theo thông báo của Tổ chức phát hành sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.
- Thời hạn mua: Tối thiểu 20 ngày theo quy định của pháp luật, dự kiến trong Quý 3/2023, cụ thể theo thông báo của Tổ chức phát hành sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.
- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:
 - Công ty không đặt chỉ tiêu về tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu;
 - Trường hợp đợt chào bán không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ tối thiểu số cổ phiếu có quyền biểu quyết được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn, kết quả đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán.
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Tổ chức phát hành. Số tiền của các nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản phong tỏa để đăng ký mua cổ phiếu sẽ không được hưởng lãi.
- Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu: Theo thông báo của Tổ chức phát hành sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu:

- Thời gian phân phối dự kiến: trong vòng 90 ngày kể từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan dẫn tới việc không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.
- Sau khi nhận giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCKNN, HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia sẽ làm việc với Tổ chức tư vấn để thực hiện việc chào bán. Lịch trình chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng sau khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

TT	Công việc	Thời gian dự kiến
1	+/- Nhận Giấy chấp thuận chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng từ UBCKNN; +/- Công bố thông tin chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định (<i>trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán</i>).	(D) đến (D+7)
2	Triển khai thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	(D+8) đến (D+30)

TT	Công việc	Thời gian dự kiến
3	Nhà đầu tư thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phần <i>Lưu ý: thời gian tối thiểu để nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua là 20 ngày</i>	(D+8) đến (D+30)
4	Thông báo kết quả đặt mua cho NĐT	(D+30) đến (D+32)
5	HĐQT xử lý cổ phiếu còn dư do các NĐT không đặt mua hết theo phương án đã được ĐHCĐ thông qua.	(D+32) đến (D+40)
6	HĐQT thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu.	(D+41)
7	+/- Báo cáo kết quả chào bán với UBCKNN +/- Công bố thông tin theo quy định	(D+41) đến (D+51)
8	+/- Nhận Văn bản về báo cáo kết quả chào bán của UBCKNN +/- HĐQT hoàn trả tiền cho NĐT trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán (nếu có)	(D+52) đến (D+67)
9	Chuyển giao cổ phiếu cho NĐT	D+62

(Thời gian ở một vài bước công việc có thể thay đổi tùy thuộc vào tình hình thực tế triển khai công việc nhưng phải đảm bảo thời gian tối thiểu theo quy định của pháp luật. Thời gian phân phối cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo chào bán chứng khoán khi được UBCKNN chấp thuận).

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu:

- Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu không phân phối hết sau khi chào bán ra công chúng được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số (nếu có) phát sinh từ việc phân phối cổ phiếu theo tỷ lệ đăng ký đặt mua của từng nhà đầu tư trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Số tài khoản: 115863966666

Mở tại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank), Chi nhánh KCN Biên Hòa

Người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối không đáp ứng điều kiện tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn.

Phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

Công ty cam kết thực hiện đúng quy định nêu trên. Trong trường hợp quá hạn nêu trên, số tiền nhà đầu tư đã nộp thanh toán tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa sẽ được tính lãi với lãi suất 8%/năm kể từ ngày kết thúc thời hạn hoàn trả tiền cho nhà đầu tư (sau 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ) đến thời điểm Công ty thực hiện hoàn trả tiền cho nhà đầu tư. Số tiền thanh toán mua cổ phiếu và lãi sẽ được Công ty hoàn trả vào tài khoản ngân hàng theo thông tin đăng ký tại Giấy đăng ký mua cổ phiếu của nhà đầu tư.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật: 0%

Cổ phiếu của Công ty chưa được đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/06/2023, Công ty có 17 cổ đông, trong đó không có cổ đông nước ngoài.

Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua trong đợt chào bán lần này là 0 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu không chào bán hết của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt chào bán (nếu có) sẽ không được phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài.

15. Các loại thuế có liên quan

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế.

b) Thuế Giá trị gia tăng

Theo quy định của Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, Công ty đang áp dụng các loại thuế suất 0%, 5%, 10% tùy từng mặt hàng.

Theo quy định của Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 và có hiệu lực từ ngày 01/02/2022, Công ty đang áp dụng các loại thuế suất 0%, 5%, 8% tùy từng mặt hàng.

c) Thuế chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức:

- Thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - + Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng;
 - + Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài;
 - + Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế;
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với nhà đầu tư tổ chức:

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

d) Các loại thuế, phí khác

Thuế nhà đất, phí, lệ phí,... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

16. Thông tin về các cam kết

- Cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia theo danh sách dưới đây cam kết cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Danh sách cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

TT	Tên cổ đông	Số lượng CP tối thiểu cam kết nắm giữ sau chào bán	Tỷ lệ nắm giữ dự kiến sau chào bán (trường hợp không tham gia đợt chào bán)
1	Đình Việt Anh	9.360.000	20,80%
	Cộng	9.360.000	20,80%

Như vậy, trường hợp không tham gia đợt chào bán, tỷ lệ sở hữu (đang nắm giữ đến thời điểm hiện tại) của các cổ đông lớn nêu trên vẫn đảm bảo tối thiểu 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia trong 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (*Chi tiết theo Cam kết của cổ đông lớn ngày 25/5/2023*).

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia cam kết triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu (nếu đủ điều kiện niêm yết) trên Sở Giao dịch chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom (nếu không đủ điều kiện niêm yết) trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật.
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia cam kết không phân phối cổ phiếu cho các công ty con (nếu có) để đảm bảo tuân thủ theo Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của Công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”.
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia cam kết tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn.
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia cam kết “không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Công ty không thực hiện phát hành các loại chứng khoán khác cùng đợt với đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Bản Cáo Bạch này.

18. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. ĐHCĐ cũng đã thông qua Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán theo quy định áp dụng cho công ty niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thành công. Công ty cũng sẽ tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế khác trong quá trình hoạt động để đảm bảo tuân thủ quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.

Đối với hoạt động công bố thông tin sau khi trở thành công ty đại chúng, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo công bố thông tin kịp thời các thông tin định kỳ hoặc bất thường theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để huy động vốn chủ sở hữu, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Công ty.

Toàn bộ số vốn dự kiến huy động là 135.000.000.000 đồng sẽ được dùng để:

- Đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House nhằm đa dạng chủng loại sản phẩm, mở rộng mạng lưới kinh doanh
- Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN:

1. Phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán và thứ tự mục đích ưu tiên

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 135.000.000.000 đồng, được sử dụng cho các mục đích sau đây:

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	45.000.000.000	Quý 4/2023
2	Đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	90.000.000.000	Quý 4/2023
	Tổng cộng	135.000.000.000	

- Trong trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên, việc sử dụng vốn cho từng mục đích được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống của bảng dưới đây cho đến khi hết số tiền thực tế thu được, cụ thể như sau:

TT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	45	Thanh toán cho các nhà cung cấp tùy theo chi phí nào phát sinh trước, cho đến khi hết số tiền dự kiến sử dụng

TT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (tỷ đồng)	Ghi chú
2	Đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	90	Sử dụng phần vốn còn lại sau khi đã tài trợ cho mục đích nêu tại thứ tự 1
	Tổng cộng	135	

Tỷ lệ chào bán thành công: Không quy định do đợt chào bán không nhằm huy động vốn thực hiện dự án. Trong trường hợp số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có để thực hiện các mục tiêu đầu tư.

2. Thông tin về các khoản đầu tư dự kiến thực hiện

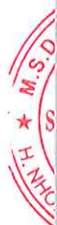
2.1. Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty dự kiến sử dụng vốn huy động để thanh toán cho các nhà cung cấp dưới đây với **ưu tiên thanh toán tùy theo chi phí nào phát sinh trước**, đến khi hết số tiền dự kiến sử dụng:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

TT	Nhà cung cấp	Số Hợp đồng	Mối quan hệ với Royal và người có liên quan của Royal	Loại sản phẩm	Mục đích sử dụng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời hạn hợp đồng	Điều khoản thanh toán	Giá trị thanh toán bình quân/tháng (tỷ đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (tỷ đồng)	Kế hoạch giải ngân dự kiến
1	Chi nhánh Công ty CP phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch	HĐ số 32/2021/PVGA S D-NT – Hoàng Gia ngày 31/12/2021	Không	Khí	Cung cấp nhiệt lượng để nung gạch	Theo giá khí Bên Bán xuất hóa đơn cho Bên Mua theo thỏa thuận giữa Các bên tại từng thời điểm (thời điểm gần nhất theo Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 03 ngày 23/9/2022)	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2024 (HĐ đã bắt đầu thực hiện từ ngày 01/01/2022)	- Lượng khí được giao nhận vào các ngày trong tháng - Lượng khí giao nhận Tháng được xác định bằng tổng lượng khí ghi nhận theo Biên bản giao nhận Ngày - Sau khi Bên bán giao nhận Tháng được ký kết, Bên Bán lập hồ sơ thanh toán gửi cho Bên Mua - Bên Mua có trách nhiệm thanh toán	16	35	Quý 4/2023

TT	Nhà cung cấp	Số Hợp đồng	Mối quan hệ với Royal và người có liên quan của Royal	Loại sản phẩm	Mục đích sử dụng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời hạn hợp đồng	Điều khoản thanh toán	Giá trị thanh toán bình quân/tháng (tỷ đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (tỷ đồng)	Kế hoạch giải ngân dự kiến
								không trễ hơn ngày 20 của tháng sau tháng giao nhận khí			
2	Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	HĐ số 22001227/EVN SPC-PCDONGNAI/HĐMBĐNNMĐ SH ngày 14/09/2022	Không	Điện	Sản xuất gạch men	Giá điện theo quy định tại Hợp đồng	Từ ngày 14/09/2022 đến 26/02/2057 (HĐ đã bắt đầu thực hiện từ ngày 14/09/2022)	07 ngày kể từ ngày Bên A thông báo thanh toán lần đầu theo hình thức được quy định tại Điều 3.3 của Hợp đồng.	5	10	Quý 4/2023
	Tổng cộng									45	



2.2. Đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House

a. Thông tin về giao dịch mua cổ phần:

- Cơ sở pháp lý:
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 027/2022/BBH-RH ngày 12/07/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 027/2022/NQ-RH ngày 12/07/2022 của **Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House** về việc thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 78 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng;
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 058/2022/NQ-HĐQT ngày 05/08/2022 của **Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House** về thông qua kết quả nộp tiền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu và chào bán tiếp số cổ phần chưa phân phối hết cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia và bà Nguyễn Thùy Dương;
 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 002/2023/NQ-HĐQT ngày 24/04/2023 của **Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House** về việc gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phần;
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của **Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia** ngày 22/05/2023;
 - Nghị quyết của HĐQT số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023 của **Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia** về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thời gian thực hiện: Chậm nhất ngày 29/12/2023
- Số lượng cổ phiếu góp vốn: 9.000.000 cổ phiếu
- Giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá trị thực hiện: 90.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu trước khi mua lại: 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House.
- Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi mua lại: 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House.

b. Thông tin về doanh nghiệp có cổ phần được mua lại

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House
- Mã số doanh nghiệp: 3602196362
- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Vốn điều lệ: 78.000.000.000 đồng, tương ứng với 7.800.000 cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh đá thạch anh nhân tạo
- Thông tin về hoạt động kinh doanh chính:
 - Sản phẩm, đặc điểm của sản phẩm: tấm đá thạch anh (Slab) và sản phẩm chế tác từ đá thạch anh.
 - Công ty dự định và đầu tư phát triển mở rộng quy mô nhà máy với dây chuyền, MMTB sản xuất hiện đại.
 - Mạng lưới phân phối: thông qua hệ thống đại lý và các điểm bán lẻ.
 - Thị trường hoạt động: Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Châu Âu.

- Đối tác bán hàng:
 - + CP BUILD ENTERPRISES LLC
 - + GOLDEN STONES, LP.
 - + KIMBALL HOSPITALITY, INC.
 - + REPUBLIC ELITE
 - + ROYAL AMERICAN WHOLESALE
 - + STYLZ TRADING CO
 - + THE LIVING COMPANY
- Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%tăng/ giảm
Tổng tài sản	284.595.897.536	389.576.768.123	36,89%
Doanh thu thuần	182.992.424.727	421.053.931.954	130,09%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	23.341.039.299	21.429.782.480	-8,19%
Lợi nhuận khác	785.438.098	-2.633.660.202	-
Lợi nhuận trước thuế	24.126.477.397	18.796.122.278	-22,09%
Lợi nhuận sau thuế	20.646.800.523	14.748.548.464	-28,57%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.953	1.891	-35,96%

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House

c. Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House với Công ty và người có liên quan của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:

- Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:
 - + 09/12/2009 – 10/01/2021: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
 - + 11/01/2021 – nay: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House không còn là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia do thực hiện tái cấu trúc theo chủ trương của Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia (là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tính đến 20/01/2021) trong đầu năm 2021. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House chỉ là khách hàng, nhà cung cấp của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.
 - ✓ Số dư phải thu Royal House tại 31/12/2022: 6.274.622.670 đồng
 - ✓ Số dư phải trả Royal House tại 31/12/2022: 3.993.233.136 đồng
- Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House và người có liên quan của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:

Tên	Chức vụ hiện nay tại Công ty Hoàng Gia	Chức vụ/Mối liên quan tại Royal House
I. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia		
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	Không
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT độc lập	Không
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Không
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	Cổ đông
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Không
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Không
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	Không
Người có liên quan của HĐQT, Ban TGD của Công ty Hoàng Gia	Không	Không
II. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House		
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Không	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hiệp	Không	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hoàng Quyên	Không	Thành viên HĐQT
Người có liên quan của HĐQT, BTGD Royal House	Không	Không

d. Mục đích đầu tư vào Royal House để sở hữu 45% vốn điều lệ:

- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House được thành lập năm 2009, là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đá thạch anh nhân tạo, được xuất khẩu chủ yếu vào thị trường Mỹ và Châu Âu. Royal House có hệ thống các đối tác khách hàng lớn và lâu năm tại thị trường Mỹ và Châu Âu như CP Build Enterprises Llc; Golden Stones LP, KimBall Hospitality Inc, Republic Elite, Royal American Wholesale,... Hoạt động kinh doanh trong các năm vừa qua của Royal House đạt hiệu quả cao (chỉ tiêu ROE bình quân 2 năm gần nhất đạt trên 20%), doanh thu bán hàng tăng trưởng mạnh qua các năm.
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gạch ốp lát. Công ty có mục tiêu chiến lược trở thành tập đoàn cung ứng - sản xuất - bán lẻ vật liệu xây dựng và trang trí nội thất hàng đầu tại Việt Nam và tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

Hiện tại, doanh thu thị trường nội địa đang chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu, doanh thu xuất khẩu tăng dần hàng năm và chiếm tỷ trọng khoảng 15% tổng doanh thu. Hiện tại, Công ty đang tìm kiếm nhiều giải pháp để mở rộng các kênh phân phối tại thị

trường nước ngoài, đặc biệt là thị trường Mỹ với mục đích gia tăng giá trị xuất khẩu.

Bên cạnh đó, trong thời gian tới, Công ty Hoàng Gia Khang (Công ty con) sau khi hoàn thành Dự án Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0, công suất 3.000.000 m² /năm sẽ cho ra đời dòng sản phẩm gạch ốp lát 4.0 cỡ lớn. Thị trường tiêu thụ dòng sản phẩm này trọng tâm sẽ là thị trường Mỹ do thị trường Mỹ đã dần quen với các sản phẩm gạch 4.0 được cung cấp từ các nhà sản xuất Châu Âu với mức giá bán rất cao và hiện nay đang có dấu hiệu thiếu hụt do các đối thủ Châu Âu đang gặp khó khăn về sản xuất do chi phí nhiên liệu khan hiếm và tăng cao.

Như vậy, trong mục tiêu chiến lược phát triển, các sản phẩm của Công ty và Công ty con sẽ là một phần của thị trường Mỹ do thị trường này đang rất tiềm năng. Để đạt được mục tiêu này, Công ty dự kiến hợp tác với Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House thông qua việc trở thành cổ đông chiến lược như là một trong các giải pháp chiến lược để mở rộng kênh phân phối tại thị trường Mỹ thông qua việc tận dụng và khai thác hệ thống đối tác bán hàng lớn và lâu năm của Royal House tại thị trường Mỹ.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI



Biên cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3818 1888 Fax: 024. 3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã thu thập được về Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, SHS có một số nhận định như sau:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia là một công ty vật liệu xây dựng có những thế mạnh nhất định như (i) hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, (ii) đội ngũ Ban điều hành, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm chuyên môn. Bên cạnh đó kế hoạch hoạt động sắp tới của Công ty đều tập trung vào hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh gạch ốp lát, phù hợp với tiềm năng và kinh nghiệm sẵn có của Ban điều hành cũng như cán bộ công nhân viên công ty, đây sẽ là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty và tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông.

Việc gia tăng nguồn vốn trong đợt chào bán này là một bước tiến rất cần thiết để Công ty thực hiện đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh tại tỉnh Đồng Nai nhằm tăng sản lượng sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đa dạng sản phẩm và chủng loại hàng hóa, cụ thể:

- (1) Công ty đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House – đơn vị sản xuất và xuất khẩu sản phẩm đá thạch anh nhân tạo, để cung ứng trong nước và xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Đồng thời, Royal House phát triển dự án nội thất, phù hợp với chiến lược mở rộng dây sản phẩm chiến lược của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.
- (2) Công ty bổ sung thêm vốn lưu động để tối ưu hóa chi phí vốn, giảm áp lực nợ vay ngân hàng.

Tổng khối lượng chào bán đợt này là 9.000.000 cổ phần, đây là đợt chào bán có quy mô ở mức trung bình so với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây, đồng thời loại hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng thu hút sự quan tâm nhất định của các nhà đầu tư. Do vậy, Tổ chức tư vấn đánh giá đợt chào bán này có tính khả thi cao.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đồng Nai, ngày 09 tháng 8 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH XUÂN HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ KIM LOAN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THANH

XIII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1.** Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/01/2010, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 09/03/2022;
- Phụ lục 2.** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 004/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2023 và Tờ trình thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 03/TTr-HĐQT ngày 10/05/2023;
- Phụ lục 3.** Nghị quyết HĐQT số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/5/2023 về việc Triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Phụ lục 4.** Nghị quyết HĐQT số 005/2023/NQ-HĐQT ngày 14/06/2023 về việc Bổ sung nội dung tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/5/2023 về việc Triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Phụ lục 5.** Nghị quyết HĐQT số 006/2023/NQ-HĐQT ngày 14/6/2023 về việc Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;
- Phụ lục 6.** Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tháng 04/2022;
- Phụ lục 7.** Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, 2022, BCTC 6 tháng đầu năm 2023;
- Phụ lục 8.** Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 về việc đính chính, bổ sung thông tin tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và Văn bản xác nhận của Đơn vị kiểm toán;
- Phụ lục 9.** Văn bản số 014/2023/CV-HG ngày 12/05/2023 về việc đính chính thông tin tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và Văn bản xác nhận của Đơn vị kiểm toán.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3501459505

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 01 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 09 tháng 03 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ
HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ROYAL MANUFACTURE AND
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ROYAL INVEST JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước,
Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 02513569918

Fax:

Email: info@royalceramic.vn

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 36.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐINH VIỆT ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 25/07/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031065006785

Ngày cấp: 22/05/2020

Nơi cấp: CỤC CẢNH SÁT QUẢN LÝ HÀNH
CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

Địa chỉ thường trú: 357A/7 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 357A/7 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: Q...A...13...0...7 SCT/BS

Quyển số: 02

Ngày: 28-07-2023

CÔNG CHỨNG VIỆN VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG LÊ VĂN DŨNG



Nguyễn Lê Bảo Khanh

CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Số: 004/2023/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 05 năm 2023

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia ("Công ty") được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 004/2023/BBH-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia ngày 22/05/2023 và các nội dung nêu tại các Báo cáo, Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và các tài liệu Đại hội liên quan.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (hợp nhất)

- Doanh thu thuần: 1.396,79 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 74,8 tỷ đồng

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (hợp nhất)

- Doanh thu thuần: 1.400 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 85 tỷ đồng
- Cổ tức: 10%/VĐL

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (riêng và hợp nhất).

Điều 5: Thông qua Báo cáo về việc chia cổ tức năm 2022, như sau:

Công ty không chia cổ tức năm 2022 (10%/VĐL, tương đương 36 tỷ đồng) do cần sử dụng vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang để tăng vốn điều lệ.



Điều 6: Thông qua việc Quyết toán lương, thù lao HĐQT năm 2022 và Kế hoạch lương, thù lao năm 2023 theo nội dung Tờ trình số 01/2023/TTr-HĐQT, cụ thể như sau:

- Tổng tiền lương, thù lao đã chi cho các thành viên Hội đồng quản trị năm 2022: 638.461.570 đồng, cụ thể:
 - Tiền lương chủ tịch HĐQT: 638.461.570 đồng
 - Thù lao thành viên HĐQT: 0 đồng
- Tổng tiền lương, thù lao dự kiến chi cho các thành viên Hội đồng quản trị năm 2023: Tối đa 700.000.000 đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức phân bổ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 theo nội dung Tờ trình số 02/2023/TTr-HĐQT.

Điều 8: Thông qua việc tiếp tục triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ và Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo nội dung Tờ trình số 03/2023/TTr-HĐQT.

Điều 9: Thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo nội dung Tờ trình số 04/2023/TTr-HĐQT. Một số nội dung chính như sau:

- Số lượng cổ phiếu niêm yết: Toàn bộ số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm triển khai việc niêm yết
- Địa điểm niêm yết: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2023 cho đến khi hoàn tất việc niêm yết

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký niêm yết cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10: Thông qua việc góp vốn cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang để tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 05/2023/TTr-HĐQT.

Điều 11: Hội đồng quản trị toàn quyền triển khai các công việc nêu trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản liên quan.

Điều 12: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 22/05/2023.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông, các phòng ban chức năng có liên quan của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

59506

NG TY
PHÂN
T VÀ ĐẦU
NG GI

ACH: T. B

Nơi nhận:

- Như Điều 12;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 03/2023/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

(V/v: *Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng*)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo nội dung tại Tờ trình số 001/TTr-ĐHĐCĐ ngày 25/02/2022 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 006/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2022.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 090/2022/NQ-HĐQT ngày 09/09/2022 về việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và Nghị quyết số 191/2022/NQ-HĐQT ngày 19/10/2022 về giá cổ phiếu chào bán trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết HĐQT số 090/2022/NQ-HĐQT ngày 09/09/2022 và đã nộp Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCK).

UBCK đã có các văn bản yêu cầu Công ty bổ sung, giải trình hồ sơ, trong đó có nội dung liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2020, 2021 đã được kiểm toán. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty vẫn chưa được hoàn tất.

Căn cứ nhu cầu huy động nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, Hội đồng quản trị Công ty xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tiếp tục triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ và thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo nội dung cập nhật, sửa đổi và bổ sung như sau:

I. Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng:

1. Tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia
2. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

- | | |
|---|--|
| 3. Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng |
| 4. Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 5. Mục đích chào bán | Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để huy động vốn chủ sở hữu, nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Công ty |
| 6. Vốn điều lệ trước khi chào bán: | 360.000.000.000 đồng |
| 7. Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán: | 36.000.000 cổ phiếu, trong đó |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 36.000.000 cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ: | 0 cổ phiếu |
| 8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: | 9.000.000 cổ phiếu |
| 9. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán dự kiến (theo mệnh giá): | 90.000.000.000 đồng |
| 10. Vốn điều lệ dự kiến sau chào bán: | 450.000.000.000 đồng |
| 11. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau chào bán: | 45.000.000 cổ phiếu |
| 12. Giá chào bán: | Tối thiểu 15.000 đồng/cổ phiếu
ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xác định giá chào bán. |
| 13. Nguyên tắc xác định giá chào bán | <p>a. Nguyên tắc xác định giá chào bán:</p> <p>- Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại thời điểm 31/12/2022 trên BCTC kiểm toán của Công ty mẹ:</p> <p>Giá trị sổ sách = Vốn chủ sở hữu / Số cổ phiếu đang lưu hành</p> <p style="text-align: center;">= 474.725.847.216 / 36.000.000</p> <p style="text-align: center;">= 13.186,83 đồng/ cổ phiếu</p> <p>- Giá trị thị trường của cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia: Hiện tại, cổ phiếu của Công ty chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung nên chưa có giá thị trường để làm cơ sở tham chiếu.</p> <p>b. Xác định giá chào bán:</p> <p>Căn cứ nhu cầu huy động vốn, HĐQT xin đề xuất giá chào bán tối thiểu là 15.000 đồng/cổ phiếu.</p> |
| 14. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau chào bán | Việc chào bán cổ phiếu mới ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho Công ty sẽ làm pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên |

mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu.

- **Sự pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) của Công ty sau khi chào bán:**

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế / Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân.

Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

- **Pha loãng giá trị sổ sách:**

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ có thể bị thay đổi trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm chào bán.

- **Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu:**

Đối với việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho tổ chức phát hành sẽ làm cho số lượng cổ đông mới của công ty gia tăng, do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu (cổ đông trước phát hành) sẽ bị giảm tương ứng.

15. Đối tượng chào bán:

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

16. Phương thức phân phối:

Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua phương thức Đấu giá hoặc Đại lý phân phối. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn phương thức phân phối, lựa chọn Tổ chức thực hiện bán đấu giá/ Tổ chức là Đại lý phân phối.

17. Phương án xử lý cổ phiếu còn dư

Số cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ không thuận lợi hơn so với các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn so với giá mà Hội đồng quản trị đã công bố khi thực hiện chào bán). Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định

khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

18. Hạn chế chuyển nhượng:

- Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu còn dư do không chào bán hết theo dự kiến được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

19. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số vốn dự kiến huy động là 135.000.000.000 đồng (tính theo giá chào bán tối thiểu) sẽ được sử dụng cho mục đích như sau:

- Mua cổ phần Công ty Sản xuất và Đầu tư Royal House: 90.000.000.000 đồng;
(Một số thông tin về Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House được đính kèm Tờ trình này).
- Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: 45.000.000.000 đồng.

Nguồn vốn phân bổ nêu trên có thể được luân chuyển linh động trong các hoạt động nêu trên của Công ty để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty trong từng thời kỳ.

20. Thời gian dự kiến chào bán:

Trong năm 2023 cho đến khi hoàn tất đợt chào bán.

21. Tỷ lệ chào bán thành công:

Không quy định.

Trong trường hợp số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

22. Hủy bỏ đợt chào bán:

Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối không đáp ứng điều kiện tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện việc hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đã nộp tiền cổ phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ.

23. Đăng ký niêm yết/giao dịch cổ

ĐQT Công ty có trách nhiệm thực hiện các thủ tục đưa cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch trên hệ thống

phiếu:

giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

II. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung liên quan đến đợt chào bán như sau:

1. Quyết định mức giá chào bán với điều kiện giá chào bán không thấp hơn giá chào bán tối thiểu đã được ĐHĐCĐ thông qua;
2. Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để thực hiện và hoàn tất đợt chào bán;
3. Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án chào bán cổ phiếu, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục chào bán theo quy định;
4. Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông;
5. Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho phương án sử dụng vốn đã được thông qua hoặc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;
6. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
7. Lựa chọn phương thức phân phối, lựa chọn Tổ chức thực hiện bán đấu giá hoặc tổ chức là Đại lý phân phối.
8. Lựa chọn thời điểm triển khai việc chào bán cổ phiếu cho phù hợp;
9. Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và cổ phần tại Điều lệ sau khi hoàn tất việc chào bán;
10. Đăng ký chứng khoán và niêm yết/dăng ký giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
11. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong Phương án chào bán cổ phiếu này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐINH VIỆT ANH

Phụ lục 1: Thông tin về Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House

(Đính kèm Tờ trình số 03/2023/TTr-HĐQT ngày 10/05/2023)

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House (“Royal House”).
- Mã số doanh nghiệp: 3602196362
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Vốn điều lệ: 78.000.000.000 đồng, tương ứng với 7.800.000 cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh đá thạch anh nhân tạo
- Thông tin về hoạt động kinh doanh chính:
 - Sản phẩm, đặc điểm của sản phẩm: tấm đá thạch anh (Slab) và sản phẩm chế tác từ đá thạch anh.
 - Công ty dự định và đầu tư phát triển dự án sản xuất nội thất với quy mô nhà máy 20.000 m2 với dây chuyền, MMTB sản xuất hiện đại.
 - Mạng lưới phân phối: thông qua hệ thống đại lý và các điểm bán lẻ.
 - Thị trường hoạt động: Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Châu Âu.
 - Đối tác bán hàng:
 - + CP BUILD ENTERPRISES LLC
 - + GOLDEN STONES, LP
 - + KIMBALL HOSPITALITY, INC
 - + REPUBLIC ELITE
 - + ROYAL AMERICAN WHOLESALE
 - + STYLZ TRADING CO
 - + THE LIVING COMPANY
- Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%tăng/ giảm
Tổng tài sản	284.595.897.536	389.576.768.123	36,89%
Doanh thu thuần	182.992.424.727	421.053.931.954	130,09%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	23.341.039.299	21.429.782.480	-8,19%
Lợi nhuận khác	785.438.098	-2.633.660.202	-
Lợi nhuận trước thuế	24.126.477.397	18.796.122.278	-22,09%
Lợi nhuận sau thuế	20.646.800.523	14.748.548.464	-28,57%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.953	1.891	-35,96%

- Mỗi quan hệ giữa Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:
 - 09/12/2009 – 10/01/2021: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
 - 11/01/2021 – nay: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House không còn là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House chỉ là khách hàng, nhà cung cấp của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.
- + Số dư phải thu Royal House tại 31/12/2022: 6.274.622.670 đồng
- + Số dư phải trả Royal House tại 31/12/2022: 3.993.233.136 đồng
- Mỗi quan hệ giữa Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House và người có liên quan của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:

Tên	Chức vụ hiện nay tại Royal	Chức vụ/Mối liên quan tại Royal House
I. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (Royal)		
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	Không
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT độc lập	Không
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Không
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	Cổ đông
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Không
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Không
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	Không
Người có liên quan của HĐQT, Ban TGD của Royal	Không	Không
II. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House		
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Không	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hiệp	Không	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hoàng Quyên	Không	Thành viên HĐQT
Người có liên quan của HĐQT, BTGD Royal House	Không	Không

Số: 003/2023/NQ-HĐQT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 05 năm 2023

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 004/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2023;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 23/05/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua việc triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán: 36.000.000 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 36.000.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
5. Vốn điều lệ trước khi chào bán: 360.000.000.000 đồng
6. Số lượng cổ phiếu chào bán: 9.000.000 cổ phiếu
7. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 90.000.000.000 đồng
8. Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 450.000.000.000 đồng
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán: 45.000.000 cổ phiếu
10. Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phiếu
11. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 135.000.000.000 đồng
12. Đối tượng chào bán: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.
13. Phương án xử lý cổ phiếu còn dư do không chào bán hết theo dự kiến:
Số cổ phiếu không chào bán hết theo dự kiến sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ không thuận lợi hơn so với các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn so với giá mà Hội đồng quản trị đã công bố khi thực hiện chào bán).

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

14. Quy định về hạn chế chuyển nhượng:

- Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu còn dư do không chào bán hết được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

15. Thời gian dự kiến chào bán: Trong năm 2023 cho đến khi hoàn tất đợt chào bán.

16. Hủy bỏ đợt chào bán:

- Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối không đáp ứng điều kiện tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia phải được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn.
- Phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty sẽ công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả toàn bộ tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Số tiền hoàn trả sẽ được Công ty chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng theo thông tin đăng ký tại Giấy đăng ký mua cổ phiếu của nhà đầu tư.
- Trong trường hợp quá thời hạn hoàn trả nêu trên, số tiền nhà đầu tư đã nộp thanh toán tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa sẽ được tính lãi với lãi suất 8%/ năm, tương ứng theo số ngày chậm trả, kể từ ngày kết thúc thời hạn hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đến thời điểm Công ty thực hiện hoàn trả tiền.

17. Đăng ký niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu:

Công ty sẽ triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày) kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty, cụ thể như sau:

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 135.000.000.000 đồng được sử dụng cho các mục đích sau đây với nguyên tắc ưu tiên theo thứ tự từ trên xuống dưới:

TT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (đồng)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	45.000.000.000	Quý 4/2023
2	Đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	90.000.000.000	
	TỔNG CỘNG	135.000.000.000	

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

Tỷ lệ chào bán thành công: Không quy định do đợt chào bán không nhằm huy động vốn thực hiện dự án. Nếu số lượng vốn huy động không đủ tài trợ cho mục đích chào bán, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có để thực hiện các mục tiêu đầu tư.

Điều 3: Thông qua phương thức phân phối cổ phiếu

- Hình thức phân phối cổ phiếu: Cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được phân phối thông qua Đơn vị đại lý.
- Công ty sẽ hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu cho Nhà đầu tư khi thực hiện chào bán cổ phiếu.
- Đại lý phân phối cổ phiếu là Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).
- Trách nhiệm của Đại lý phân phối:
 - Phối hợp Tổ chức phát hành công bố thông tin về đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định;
 - Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu của nhà đầu tư;
 - Hướng dẫn nhà đầu tư đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu;
 - Tổng hợp thông tin về các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu tại Đại lý phân phối sau ngày kết thúc đăng ký đặt mua cổ phiếu;
 - Các công việc khác liên quan đến việc phân phối cổ phiếu (nếu có).
- Thời gian phân phối cổ phiếu: Cổ phiếu được phân phối cho Nhà đầu tư đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai và thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho Nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày, thời hạn cụ thể được ghi trong Bản thông báo phát hành.
- Nguyên tắc phân phối cổ phiếu:
 - Các nhà đầu tư đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu đều được phân phối cổ phiếu;
 - Trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu được phép chào bán thì tổ chức phát hành phải phân phối hết số cổ phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký đặt mua của từng nhà đầu tư.

Điều 4: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cụ thể như sau:

1. Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật: 0%
2. Cổ phiếu của Công ty chưa được đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/04/2023, Công ty có 17 cổ đông, trong đó không có cổ đông nước ngoài.
3. Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng: 0 cổ phiếu.

Điều 5: Điều khoản thi hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng/Ban/Đơn vị và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHỤ LỤC 1: THÔNG TIN CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

1. Bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty dự kiến sử dụng vốn huy động để thanh toán cho các nhà cung cấp dưới đây với ưu tiên thanh toán tùy theo chi phí nào phát sinh trước, đến khi hết số tiền dự kiến sử dụng:

TT	Nhà cung cấp	Số Hợp đồng	Mối quan hệ với Royal và người có liên quan của Royal	Loại sản phẩm	Mục đích sử dụng	Giá trị hợp đồng	Thời hạn hợp đồng	Điều khoản thanh toán	Giá trị thanh toán bình quân/tháng (tỷ đồng)	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (tỷ đồng)	Kế hoạch giải ngân dự kiến
1	Chi nhánh CTCP phân phối khí thấp áp đầu khí Việt Nam – Xí nghiệp phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch	HĐ số 32/2021/PV GAS D-NT – HOÀNG GIA ngày 31/12/2021	Không	Khí	Cung cấp nhiệt lượng để nung gạch	Theo giá khí Bên Bán xuất hóa đơn cho Bên Mua theo thỏa thuận giữa Các bên tại từng thời điểm (thời điểm gần nhất theo Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 03 ngày 23/9/2022)	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2024	- Lượng khí được giao nhận vào các ngày trong tháng - Lượng khí giao nhận Tháng được xác định bằng tổng lượng khí ghi nhận theo Biên bản giao nhận Ngày - Sau khi Bên bán giao nhận Tháng được ký kết, Bên Bán lập hồ sơ thanh toán gửi cho Bên Mua - Bên Mua có trách nhiệm thanh toán không trễ hơn ngày 20 của	16	35	Quý 4/2023

[illegible]

2. Đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House

a. Thông tin về giao dịch mua cổ phần:

- Cơ sở pháp lý:
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 027/2022/BBH-RH ngày 12/07/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 027/2022/NQ-RH ngày 12/07/2022 **của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House** về việc thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 78 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 058/2022/NQ-HĐQT ngày 05/08/2022 **của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House** về việc thông qua kết quả nộp tiền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu và chào bán tiếp số cổ phần chưa phân phối hết cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia và Bà Nguyễn Thùy Dương;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 002/2023/NQ-HĐQT ngày 24/04/2023 về việc gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phần;
- Thời gian thực hiện: Chậm nhất ngày 29/12/2023
- Số lượng cổ phiếu góp vốn: 9.000.000 cổ phiếu
- Giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá trị thực hiện: 90.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu trước khi mua lại: 0% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House.
- Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi mua lại: 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House.

b. Thông tin về doanh nghiệp có cổ phần được mua lại

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House
- Mã số doanh nghiệp: 3602196362
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- Vốn điều lệ: 78.000.000.000 đồng, tương ứng với 7.800.000 cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh đá thạch anh nhân tạo
- Thông tin về hoạt động kinh doanh chính:
 - Sản phẩm, đặc điểm của sản phẩm: tấm đá thạch anh (Slab) và sản phẩm chế tác từ đá thạch anh.
 - Công ty dự định và đầu tư phát triển dự án sản xuất nội thất với quy mô nhà máy 20.000 m² với dây chuyền, MMTB sản xuất hiện đại.
 - Mạng lưới phân phối: thông qua hệ thống đại lý và các điểm bán lẻ.
 - Thị trường hoạt động: Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Mỹ và Châu Âu.
 - Đối tác bán hàng:

- + CP BUILD ENTERPRISES LLC
- + GOLDEN STONES, LP.
- + KIMBALL HOSPITALITY, INC.
- + REPUBLIC ELITE
- + ROYAL AMERICAN WHOLESALE
- + STYLZ TRADING CO
- + THE LIVING COMPANY
- Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%tăng/ giảm
Tổng tài sản	284.595.897.536	389.576.768.123	36,89%
Doanh thu thuần	182.992.424.727	421.053.931.954	130,09%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	23.341.039.299	21.429.782.480	-8,19%
Lợi nhuận khác	785.438.098	-2.633.660.202	-
Lợi nhuận trước thuế	24.126.477.397	18.796.122.278	-22,09%
Lợi nhuận sau thuế	20.646.800.523	14.748.548.464	-28,57%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.953	1.891	-35,96%

- c. Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House với Công ty và người có liên quan của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:
- Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:
 - 09/12/2009 – 10/01/2021: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
 - 11/01/2021 – nay: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House không còn là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia. Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House chỉ là khách hàng, nhà cung cấp của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia
 - + Số dư phải thu Royal House tại 31/12/2022: 6.274.622.670 đồng
 - + Số dư phải trả Royal House tại 31/12/2022: 3.993.233.136 đồng
 - Mối quan hệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House và người có liên quan của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:

Tên	Chức vụ hiện nay tại Royal	Chức vụ/Mối liên quan tại Royal House
I. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (Royal)		
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	Không

Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT độc lập	Không
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Không
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	Cổ đông
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Không
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Không
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	Không
Người có liên quan của HĐQT, Ban TGD của Royal	Không	Không
II. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House		
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Không	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Hiệp	Không	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Hoàng Quyên	Không	Thành viên HĐQT
Người có liên quan của HĐQT, BTGD Royal House	Không	Không

Số: 005/2023/NQ-HĐQT

Đồng Nai, ngày 14 tháng 06 năm 2023

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Bổ sung nội dung tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023 về việc Triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 004/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2023;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 14/06/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Bổ sung nội dung về “Nguyên tắc phân phối cổ phiếu” tại “Điều 3: Thông qua phương thức phân phối cổ phiếu” của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023 như sau:

- Nguyên tắc phân phối cổ phiếu:
 - Các nhà đầu tư đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu đều được phân phối cổ phiếu;
 - Trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu được phép chào bán thì tổ chức phát hành phải phân phối hết số cổ phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký đặt mua của từng nhà đầu tư. Trong trường hợp này, cổ phiếu phân phối cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị; phần thập phân (nếu có) sẽ được làm tròn xuống thành 0 cổ phiếu.

Ví dụ: Sau khi phân phối theo tỷ lệ đăng ký đặt mua, số cổ phiếu Nhà đầu tư A được quyền mua là 10.032,67 cổ phiếu, sẽ được làm tròn xuống thành 10.032 cổ phiếu.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số trong trường hợp nêu trên sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ không thuận lợi hơn so với các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn so với giá mà Hội đồng quản trị đã công bố khi thực hiện chào bán).



Điều 2: Bổ sung nội dung tại “Điều 4: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài” của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023:

1. Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật: 0%.
2. Cổ phiếu của Công ty chưa được đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/04/2023, Công ty có 17 cổ đông, trong đó không có cổ đông nước ngoài.
3. Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua trong đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng: 0 cổ phiếu.
4. Số lượng cổ phiếu không chào bán hết của đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh của đợt chào bán (nếu có) sẽ không được phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài.

Điều 3: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng/Ban/Đơn vị và Cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Lưu VT./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 006/2023/NQ-HĐQT

Đồng Nai, ngày 14 tháng 06 năm 2023

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 004/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2023;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 14/06/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng như sau:

1. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 06/2023/GĐK-HG ngày 14/06/2023;
2. Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;
3. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20/01/2010, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 09/03/2022;
4. Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tháng 04/2022;
Tờ trình thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 03/2023/TTr-HĐQT ngày 10/05/2023; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 004/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2023; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 004/2023/BBH-ĐHĐCĐ ngày 22/05/2023;
5. Nghị quyết HĐQT số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/05/2023 về việc Triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
6. Nghị quyết HĐQT số 005/2023/NQ-HĐQT ngày 14/06/2023 về việc Bổ sung nội dung tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 003/2023/NQ-HĐQT ngày 23/5/2023 về việc Triển khai Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
7. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, năm 2022 và Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2023;
8. Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 về việc đính chính, bổ sung thông tin tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và Văn bản xác nhận của Đơn vị kiểm toán;
9. Văn bản số 014/2023/CV-HG ngày 12/05/2023 về việc đính chính thông tin tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán và Văn bản xác nhận của Đơn vị kiểm toán;
- 10.



2023.06.14

11. Văn bản xác nhận của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu;
12. Hợp đồng tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp để niêm yết cổ phiếu số 06/2022/HĐTVTC/SHS.HS.TV ngày 05/01/2022;
13. Văn bản cam kết đáp ứng quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán ngày 25/05/2023;
Văn bản cam kết nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tối thiểu 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu của cổ đông lớn ngày 25/05/2023;
15. Văn bản cam kết triển khai niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán ngày 25/05/2023;
16. Văn bản cam kết về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp ngày 14/06/2023;
Công văn số 934/SGDHCM-NY của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/05/2022 về việc hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu của Công ty CP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- 17.

Tài liệu liên quan đến quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia:

- Báo cáo quá trình tăng vốn điều lệ số 05/2023/BC-HG ngày 25/05/2023;
- Hồ sơ pháp lý mỗi lần tăng vốn (Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Giấy đăng ký kinh doanh mỗi lần tăng vốn);
- Danh sách cổ đông trước và sau mỗi lần tăng vốn;
- Báo cáo Biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng đã được kiểm toán.
- Văn bản số 18/CV-ĐKKD ngày 04/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gửi Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia về thông tin thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (về việc tăng vốn điều lệ);
- Văn bản số 03/ĐKKD ngày 06/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai gửi Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia về việc cung cấp thông tin thay đổi vốn điều lệ.

Tài liệu liên quan đến mục đích sử dụng vốn: đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House:

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 027/2022/BBH-RH ngày 12/07/2022 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 027/2022/NQ-RH ngày 12/07/2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House về việc thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ từ 78 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 058/2022/NQ-HĐQT ngày 05/08/2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House về thông qua kết quả nộp tiền mua cổ phần của cổ đông hiện hữu và chào bán tiếp số cổ phần chưa phân phối hết cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia và bà Nguyễn Thùy Dương;

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 002/2023/NQ-HĐQT ngày 24/04/2023 về việc gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phần;
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3602196362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 09/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/12/2021;
- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House;
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House.

Tài liệu liên quan đến mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- HĐ số 32/2021/PVGAS D-NT – HOÀNG GIA ngày 31/12/2021 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01 cho Hợp đồng mua bán khí tự nhiên số 32/2021/PVGAS D-NT-HOÀNG GIA ngày 31/12/2021 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 02 cho Hợp đồng mua bán khí tự nhiên số 32/2021/PVGAS D-NT-HOÀNG GIA ngày 31/12/2021 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 03 cho Hợp đồng mua bán khí tự nhiên số 32/2021/PVGAS D-NT-HOÀNG GIA ngày 31/12/2021 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 04 cho Hợp đồng mua bán khí tự nhiên số 32/2021/PVGAS D-NT-HOÀNG GIA ngày 31/12/2021 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 05 cho Hợp đồng mua bán khí tự nhiên số 32/2021/PVGAS D-NT-HOÀNG GIA ngày 31/12/2021 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam – Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Nhơn Trạch và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Giấy ủy quyền số 028/2021/UQ-CPHG ký ngày 28/12/2021 giữa ông Đinh Việt Anh và ông Nguyễn Đình Nghĩa;
- HĐ số 22001227/EVNSPC-PCDONGNAI/HĐMBĐNMĐSH ngày 14/09/2022 giữa Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

9505
TY
IÂN
ĐẦU T
GIA
- T. DÔNG

Điều 2: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 004/2023/NQ-HĐQT ngày 26/5/2023.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng/Ban/Đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐINH VIỆT ANH





ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA
ROYAL MANUFACTURE AND INVESTMENT JOINT STOCK
COMPANY

Đồng Nai, tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	1
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	1
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	2
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	3
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	4
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần	5
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	6
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền	11
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	15
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	22
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	24
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	25
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	25
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	25
Điều 34. Người điều hành công ty.....	26
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	26
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán.....	27
Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán.....	27
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán.....	27
Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.....	28
Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	28
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	29
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	29
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	30
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	30
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	30
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	30
XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	31
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	31
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	31
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	31
Điều 47. Năm tài chính.....	31
Điều 48. Chế độ kế toán.....	32
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	32

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	32
Điều 50. Báo cáo thường niên	32
XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	32
Điều 51. Kiểm toán	32
XVIII. CON DẤU	33
Điều 52. Con dấu của doanh nghiệp.....	33
XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY	33
Điều 53. Giải thể công ty	33
Điều 54. Thanh lý	33
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	34
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	34
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	34
Điều 56. Điều lệ công ty	34
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	34
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	34
PHẦN KÝ CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	35

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) **Vốn điều lệ** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) **Vốn có quyền biểu quyết** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) **Luật Doanh nghiệp** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) **Luật Chứng khoán** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) **Việt Nam** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) **Ngày thành lập** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) **Người điều hành doanh nghiệp** là Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) **Người quản lý doanh nghiệp** là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm Người Quản lý của Công ty;
 - i) **Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) **Cổ đông** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) **Cổ đông lớn** là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m) **Thời hạn hoạt động** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n) **Sở giao dịch chứng khoán** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ
HOÀNG GIA

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: ROYAL MANUFACTURE AND INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ROYAL INVEST JSC

Biểu tượng của Công ty :



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- o Địa chỉ trụ sở chính: Đường số 8, Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
- o Điện thoại: (0251) 3569 918
- o Fax: (0251) 3569.879
- o Website: <https://www.royalceramic.vn/>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

TT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	2819	Sản xuất máy thông dụng khác: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp

TT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
2	2392 (Chính)	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét: Sản xuất gạch ceramic, granite
3	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4	3100	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ và giả cổ)
5	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
6	7710	Cho thuê xe có động cơ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
7	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
8	5224	Bốc xếp hàng hóa
9	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Trừ hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không
10	4101	Xây dựng nhà để ở
11	4102	Xây dựng nhà không để ở
12	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm thu được lợi nhuận tối đa; tạo công ăn việc làm cho người lao động; tăng lợi tức cho cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 360.000.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi tỷ đồng*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 36.000.000 (*Ba mươi sáu triệu*) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị
4. Ban Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d khoản 3 này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải

gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận..

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.**

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.**

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày

dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc theo thể thức lấy ý

kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.
- g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của tất cả cổ đông dự họp hoặc theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. . Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 (ba) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác

định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị..

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng

quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 37. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;

d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là

các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi một (31) của tháng Mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên

bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin

khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVIII. CON DẤU

Điều 52. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 53. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia nhất trí thông qua ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐINH VIỆT ANH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đinh Việt Anh

Page 23 of 23

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch	
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán (trực thuộc Hội đồng Quản trị) trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Trưởng Ủy ban Kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đinh Việt Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/12/2021 và miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/12/2021
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc

Trịnh Xuân Hùng

Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2022

Số: 220722.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được lập ngày 12 tháng 07 năm 2022, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này phát hành để thay thế cho báo cáo kiểm toán số 150322.029/BCTC.KT2 ngày 15 tháng 03 năm 2022 do Công ty thay đổi một số thông tin đã trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2018-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		636.735.996.360	727.630.643.585
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	107.117.471.265	20.493.531.910
111	1. Tiền		107.117.471.265	20.493.531.910
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		238.714.641.087	222.122.795.988
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	224.099.305.515	159.410.282.008
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.026.728.344	38.646.294.546
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.588.607.228	24.066.219.434
140	IV. Hàng tồn kho	8	272.979.253.971	469.763.444.341
141	1. Hàng tồn kho		272.979.253.971	469.763.444.341
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.924.630.037	15.250.871.346
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	14.182.862.066	15.250.871.346
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.741.767.971	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		247.922.254.327	229.742.125.677
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.236.100.400	5.775.260.925
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.236.100.400	5.775.260.925
220	II. Tài sản cố định		173.000.555.398	187.550.083.575
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	149.729.886.829	163.594.353.642
222	- Nguyên giá		478.188.680.695	464.877.674.170
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(328.458.793.866)	(301.283.320.528)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	23.038.616.835	23.704.196.599
225	- Nguyên giá		34.927.213.890	35.769.519.990
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.888.597.055)	(12.065.323.391)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	232.051.734	251.533.334
228	- Nguyên giá		565.248.000	491.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(333.196.266)	(240.066.666)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	35.242.918.651	3.851.700.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		35.242.918.651	3.851.700.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	26.340.000.000	23.542.469.197
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	30.480.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.840.000.000	-
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(6.937.530.803)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		500.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.102.679.878	9.022.611.980
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	8.102.679.878	9.022.611.980
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		884.658.250.687	957.372.769.262

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		482.098.703.901	742.648.363.167
310	I. Nợ ngắn hạn		470.453.238.926	721.220.784.825
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	147.323.815.464	229.501.494.200
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	28.274.508.281	64.826.625.758
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13.203.529.250	24.132.413.764
314	4. Phải trả người lao động		13.593.242.550	13.929.500.792
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.244.023.632	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.564.353.720	172.754.980.015
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	258.629.025.868	215.455.030.135
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		620.740.161	620.740.161
330	II. Nợ dài hạn		11.645.464.975	21.427.578.342
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	-	865.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	11.645.464.975	20.562.578.342
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		402.559.546.786	214.724.406.095
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	402.559.546.786	214.724.406.095
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		360.000.000.000	120.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	120.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		-	4.537.555.403
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	1.134.388.850
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.559.546.786	89.052.461.842
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		204.406.095	59.458.339.726
421b	LNST chưa phân phối năm nay		42.355.140.691	29.594.122.116
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		884.658.250.687	957.372.769.262



Hồ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
Trịnh Xuân Hùng

Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

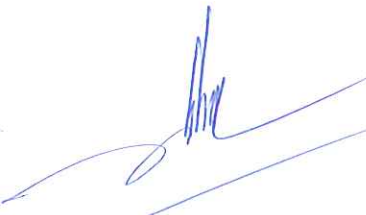
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2021*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.097.078.277.476	992.680.677.044
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	3.509.703.117	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.093.568.574.359	992.680.677.044
11	4. Giá vốn hàng bán	24	916.481.899.795	874.031.064.969
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		177.086.674.564	118.649.612.075
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	421.554.737	257.968.667
22	7. Chi phí tài chính	26	15.103.984.538	17.362.725.711
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		19.652.187.687	21.231.317.387
25	8. Chi phí bán hàng	27	66.349.425.290	35.121.413.211
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	34.984.348.178	30.245.299.875
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.070.471.295	36.178.141.945
31	11. Thu nhập khác	29	196.508.930	1.990.558.326
32	12. Chi phí khác	30	6.607.580.109	1.617.389.372
40	13. Lợi nhuận khác		(6.411.071.179)	373.168.954
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		54.659.400.116	36.551.310.899
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	12.304.259.425	6.957.188.783
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.355.140.691	29.594.122.116
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.974	1.380


Hồ Thị Ngọc Diễm
 Người lập


Nguyễn Thị Kim Loan
 Kế toán trưởng


Tổng Giám đốc
 Trịnh Xuân Hùng



Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2021**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		54.659.400.116	36.551.310.899
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		27.631.667.511	39.078.509.715
03	- Các khoản dự phòng		(6.937.530.803)	(5.957.950.678)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		638.152.326	1.692.937.637
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(33.559.481)	(43.878.639)
06	- Chi phí lãi vay		19.652.187.687	21.231.317.387
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		95.610.317.356	92.552.246.321
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.004.803.552)	(7.632.901.526)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		196.784.190.370	104.751.516.703
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(299.114.601.476)	(89.468.163.546)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.987.941.382	(8.851.088.509)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(19.457.860.166)	(21.231.317.387)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.496.852.305)	(5.174.209.891)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(52.691.668.391)	64.946.082.165
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(36.434.771.485)	(34.779.973.651)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(500.000.000)	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10.440.000.000)	(1.248.818.505)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.080.000.000	4.100.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.559.481	43.878.639
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(32.261.212.004)	(31.884.913.517)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		145.480.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		422.539.441.357	471.696.532.789
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(382.163.568.819)	(466.200.308.128)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(14.367.116.652)	(27.995.183.453)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		171.488.755.886	(22.498.958.792)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Năm 2021**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		86.535.875.491	10.562.209.856
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.493.531.910	9.919.239.502
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		88.063.864	12.082.552
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>107.117.471.265</u>	<u>20.493.531.910</u>



Hồ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
Trịnh Xuân Hùng

Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 360.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 360.000.000.000 đồng; tương đương 36.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 774 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 721 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ,...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, do chuyển dịch cơ cấu sản phẩm và đẩy mạnh các kênh phân phối bán lẻ có tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn khiến doanh thu của Công ty tuy chỉ tăng 10,52% nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp đã tăng mạnh từ 12% năm 2020 lên 16,1% năm 2021, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận gộp là 49,25%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản chiết khấu thương mại.

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	18.184.383	4.927.570.255
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	107.099.286.882	15.565.961.655
	107.117.471.265	20.493.531.910

(*) Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty đang có số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn lớn do Công ty nhận được khoản tiền góp vốn theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 28/12/2021/QN-CPHG ngày 28/12/2021 tăng vốn điều lệ từ 214.520.000.000 đồng lên 360.000.000.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Trái phiếu	500.000.000	-	-	-
	<u>500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu của do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 VND với lãi suất thả nổi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-	30.480.000.000	(6.937.530.803)
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House ⁽¹⁾	-	-	15.080.000.000	(6.937.530.803)
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê ⁽²⁾	-	-	15.400.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	25.840.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê ⁽²⁾	25.840.000.000	-	-	-
	<u>25.840.000.000</u>	<u>-</u>	<u>30.480.000.000</u>	<u>(6.937.530.803)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Trong năm, Công ty đã bán số cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House cho Ông Nguyễn Công Hiệp với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu và tổng giá trị là 15.080.000.000 đồng.

(2) Trong năm, Công ty thực hiện mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu và tổng giá trị là 10.440.000.000 đồng.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Đồng Nai	13,60%	13,60%	Sản xuất kinh doanh vật liệu, thiết bị xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia	38.688.203.216	-	56.066.979.815	-
- Royal American Wholesale	24.158.241.062	-	9.221.368.440	-
- Công ty Cổ phần Vinagres	22.436.761.830	-	4.875.952.287	-
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	38.906.164.273	-	23.136.372.410	-
- Phải thu khách hàng khác	99.909.935.134	-	66.109.609.056	-
	<u>224.099.305.515</u>	<u>-</u>	<u>159.410.282.008</u>	<u>-</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>134.359.106.876</u>	<u>-</u>	<u>103.362.493.250</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền	-	-	8.600.905.858	-
- Shenzhen Bigceri Trade Co., Ltd	1.096.483.953	-	5.981.234.234	-
- Prime World International Group Limited	-	-	6.873.199.341	-
- Trả trước cho người bán khác	1.930.244.391	-	17.190.955.113	-
	<u>3.026.728.344</u>	<u>-</u>	<u>38.646.294.546</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	61.727.273	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	420.000.000	-	420.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê (1)	3.425.382.334	-	15.214.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang (2)	5.379.319.126	-	4.390.000.000	-
Phải thu khác	2.302.178.495	-	4.042.219.434	-
	11.588.607.228	-	24.066.219.434	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	5.236.100.400	-	5.775.260.925	-
	5.236.100.400	-	5.775.260.925	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	8.804.701.460	-	19.604.000.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

(1) Thỏa thuận mượn tiền ngày 31/01/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích cho mượn: phục vụ nhu cầu sản hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của thỏa thuận: Từ 31/01/2021 đến 15/03/2022;
- + Lãi suất: không tính lãi suất;
- + Số dư tại thời điểm cuối năm: 3.425.382.334 VND;
- + Lý do cho mượn: Hỗ trợ Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê là Công ty liên kết ổn định tình hình tài chính để nhanh chóng đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty này mới thành lập.

(2) Thỏa thuận mượn tiền ngày 01/12/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích cho mượn: phục vụ nhu cầu sản hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của thỏa thuận: Từ 01/12/2021 đến khi bên cho mượn thông báo yêu cầu trả lại tiền;
- + Lãi suất: không tính lãi suất;
- + Số dư tại thời điểm cuối năm: 5.379.319.126 VND;
- + Lý do cho mượn: Hỗ trợ đối tác để được ưu tiên thuê mặt bằng nhà xưởng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	820.875.658	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	21.108.734.725	-	127.206.416.633	-
Công cụ, dụng cụ	22.185.856.931	-	80.978.344.280	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.443.659.258	-	53.403.116.148	-
Thành phẩm	208.169.289.527	-	201.469.494.852	-
Hàng hoá	-	-	6.706.072.428	-
Hàng gửi đi bán	2.250.837.872	-	-	-
	<u>272.979.253.971</u>	<u>-</u>	<u>469.763.444.341</u>	<u>-</u>

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 97.434.296.390 đồng.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự án dây chuyền sản xuất gạch granite cao cấp (*)	35.242.918.651	-
- Máy in gạch kỹ thuật số SBL 010202011014	-	3.851.700.000
	<u>35.242.918.651</u>	<u>3.851.700.000</u>

(*) Tên dự án: Dự án dây chuyền sản xuất gạch granite cao cấp

- Địa điểm triển khai: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai;
- Mục đích đầu tư: Mở rộng quy mô hoạt động sản xuất;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn chủ sở hữu (phát hành tăng vốn);
- Thông tin bổ sung: dây chuyền sản xuất gạch granite cao cấp được mua từ Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia (tại thời điểm đầu năm đây là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	77.948.619.066		375.850.741.252		8.894.918.827		1.999.395.025		184.000.000		464.877.674.170	
- Mua trong năm	-		71.818.182		572.727.273		274.050.000		-		918.595.455	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.103.281.000		2.713.261.106		-		234.767.273		-		4.051.309.379	
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-		8.880.892.600		-		-		-		8.880.892.600	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(539.790.909)		-		-		(539.790.909)	
Số dư cuối năm	79.051.900.066		387.516.713.140		8.927.855.191		2.508.212.298		184.000.000		478.188.680.695	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	74.248.522.682		220.147.354.442		5.002.224.566		1.842.285.508		42.933.330		301.283.320.528	
- Khấu hao trong năm	1.338.242.113		21.352.387.661		890.738.383		125.143.282		18.399.996		23.724.911.435	
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-		3.990.352.812		-		-		-		3.990.352.812	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(539.790.909)		-		-		(539.790.909)	
Số dư cuối năm	75.586.764.795		245.490.094.915		5.353.172.040		1.967.428.790		61.333.326		328.458.793.866	
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	3.700.096.384		155.703.386.810		3.892.694.261		157.109.517		141.066.670		163.594.353.642	
Tại ngày cuối năm	3.465.135.271		142.026.618.225		3.574.683.151		540.783.508		122.666.674		149.729.886.829	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 136.465.588.070 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 240.203.382.653 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	32.663.519.990	3.106.000.000	35.769.519.990
- Thuê tài chính	8.038.586.500	-	8.038.586.500
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(8.880.892.600)	-	(8.880.892.600)
Số dư cuối năm	31.821.213.890	3.106.000.000	34.927.213.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.418.240.058	647.083.333	12.065.323.391
- Trích khấu hao	3.503.026.476	310.600.000	3.813.626.476
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.990.352.812)	-	(3.990.352.812)
Số dư cuối năm	10.930.913.722	957.683.333	11.888.597.055
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	21.245.279.932	2.458.916.667	23.704.196.599
Tại ngày cuối năm	20.890.300.168	2.148.316.667	23.038.616.835

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm quản lý với nguyên giá tại ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021 lần lượt là 565.248.000 đồng và 491.600.000 đồng. Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021 lần lượt là 333.196.266 đồng và 240.066.666 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 93.129.600 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.182.862.066	15.250.871.346
	14.182.862.066	15.250.871.346
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.027.679.878	9.022.611.980
Chi phí thiết kế Website	75.000.000	-
	8.102.679.878	9.022.611.980

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ	Giá trị	nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	22.116.792.058	22.116.792.058	-	-
- Công ty Cổ phần Frit Huế	5.737.795.659	5.737.795.659	8.077.654.281	8.077.654.281
- Nitto Ganryo Kogyo Co., Ltd	11.346.720.000	11.346.720.000	7.057.542.650	7.057.542.650
- Công ty TNHH Trang Hòa	1.308.694.740	1.308.694.740	69.369.002.860	69.369.002.860
- Phải trả các đối tượng khác	106.813.813.007	106.813.813.007	144.997.294.409	144.997.294.409
	147.323.815.464	147.323.815.464	229.501.494.200	229.501.494.200
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	16.710.427.420	16.710.427.420	21.347.849.981	21.347.849.981

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước có số dư lớn		
Công ty TNHH MTV Dũng Đài Loan	4.413.408.440	6.230.326.511
Đình Văn Kỳ	3.501.625.977	-
Công ty TNHH Phạm Hồng Thái	2.823.315.958	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	9.498.432.064
Công ty TNHH Một Thành Viên Trang Minh Anh	-	15.268.585.707
Công ty TNHH Một thành viên Trang Hậu Phương	274.041.477	8.036.420.665
Đối tượng khác	17.262.116.429	25.792.860.811
	28.274.508.281	64.826.625.758
b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
	-	9.498.432.064

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	14.103.372.221	53.141.473.433	67.244.845.654	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	760.655.024	760.655.024	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	8.496.852.305	12.304.259.425	8.496.852.305	-	12.304.259.425
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.532.189.238	1.906.258.433	2.539.177.846	-	899.269.825
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.601.380.690	2.601.380.690	-	-
	-	24.132.413.764	70.718.027.005	81.646.911.519	-	13.203.529.250

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	194.327.521	-
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn	2.049.696.111	-
	2.244.023.632	-

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.218.262.994	5.213.736.885
- Bảo hiểm xã hội	-	634.915.979
- Mượn tiền cổ đông (*)	-	165.500.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.346.090.726	1.406.327.151
	6.564.353.720	172.754.980.015
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	865.000.000
	-	865.000.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	-	165.500.000.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)

(*) Khoản tiền mượn cổ đông bao gồm các giấy mượn tiền của ông Đinh Việt Anh với số dư tại ngày 01/01/2021 là 23,5 tỷ đồng và các giấy mượn tiền của ông Nguyễn Đình Nghĩa với số dư tại ngày 01/01/2021 là 142 tỷ đồng đã được Công ty thực hiện hoàn trả hết trong năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	203.061.596.233	203.061.596.233	426.172.735.687	381.983.568.819	247.250.763.101	247.250.763.101
	39.939.439.912	39.939.439.912	145.279.217.717	115.945.540.744	69.273.116.885	69.273.116.885
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-Chi nhánh Đồng Nai (2)	73.419.810.703	73.419.810.703	113.078.946.083	109.801.301.442	76.697.455.344	76.697.455.344
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (3)	57.178.977.793	57.178.977.793	84.503.763.974	85.463.278.420	56.219.463.347	56.219.463.347
- Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex-Chi nhánh Vũng Tàu (4)	32.523.367.825	32.523.367.825	83.310.807.913	70.773.448.213	45.060.727.525	45.060.727.525
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (3)	12.393.433.902	12.393.433.902	13.531.945.517	14.547.116.652	11.378.262.767	11.378.262.767
	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (5)	12.213.433.902	12.213.433.902	13.351.945.517	14.367.116.652	11.198.262.767	11.198.262.767
	<u>215.455.030.135</u>	<u>215.455.030.135</u>	<u>439.704.681.204</u>	<u>396.530.685.471</u>	<u>258.629.025.868</u>	<u>258.629.025.868</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất	530.000.000	530.000.000	-	180.000.000	350.000.000	350.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)	32.426.012.244	32.426.012.244	4.614.832.150	14.367.116.652	22.673.727.742	22.673.727.742
	<u>32.956.012.244</u>	<u>32.956.012.244</u>	<u>4.614.832.150</u>	<u>14.547.116.652</u>	<u>23.023.727.742</u>	<u>23.023.727.742</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(12.393.433.902)	(12.393.433.902)			(11.378.262.767)	(11.378.262.767)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>20.562.578.342</u>	<u>20.562.578.342</u>			<u>11.645.464.975</u>	<u>11.645.464.975</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2021 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2021	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa								
05.18/2021- HĐCVHM/NHCT68 2-HOANGGIA	18/05/2021	80.000.000.000	69.273.116.885 VND	69.273.116.885	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai								
LD1930400181 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung	21/11/2019	77.000.000.000	66.033.910.119 VND và 463.129 USD	76.697.455.344	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng và đã được gia hạn	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;	Bất động sản và hàng hóa gạch Ceramic và gạch Granite thành phẩm/ bán thành phẩm.
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
01/2021/7856791/HĐTD	24/04/2021	140.000.000.000	56.219.463.347 VND	56.219.463.347	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;	Thực hiện theo từng hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ cụ thể.
(4) Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu								
510.30353/2021/HĐHM-PN/PGBankVT	19/07/2021	60.000.000.000	29.999.867.800 VND và 654.109 USD	45.060.727.525	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C, chiết khấu BCT (có truy đòi), phát hành thư bảo lãnh thanh toán phục vụ sản xuất, kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;	Bất động sản, hàng hóa (gạch men thành phẩm), L/C xuất khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2021	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
02/2018/7856791/HĐTD	27/11/2018	890.000.000	350.000.000	180.000.000	Thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán số 123/1810/CTF/HĐMB	60 tháng	11,3%/năm	Các hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/ bảo lãnh.
(5) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010201801016	25/01/2018	3.469.157.450	22.673.727.742	11.198.262.767	Đầu tư 01 máy in phun, xuất xứ Ý mới 100%	48 tháng	9,85%/năm	01 máy in phun, xuất xứ Ý mới 100%
SBL010201804008	06/04/2018	3.506.580.000	460.920.700	460.920.700	Đầu tư 01 máy in phun model K8-560/6+2, sx 2018 mới 100%	48 tháng	10,7%/năm	01 máy in phun model K8-560/6+2, sx 2018 mới 100%
SBL010201809019	21/09/2018	2.391.620.000	448.428.100	448.428.100	Đầu tư 03 xe nâng điện hiệu TCM, model FB25-8 và 02 xe nâng điện hiệu TCM, model FB30-8, SX 2018 tại Nhật, mới 100%	48 tháng	10,7%/năm	03 xe nâng điện hiệu TCM, model FB25-8 và 02 xe nâng điện hiệu TCM, model FB30-8, SX 2018 tại Nhật, mới 100%
SBL010201811015	12/11/2018	1.314.075.917	328.519.517	328.519.517	Đầu tư 02 dây chuyền máy đóng gói gạch men	48 tháng	9,85%/năm	02 dây chuyền máy đóng gói gạch men
SBL010201906034	02/07/2019	4.816.304.885	2.107.133.615	1.204.076.000	Đầu tư 01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,85%/năm	01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ SX gạch men mới 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp)

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2021	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(5) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010201907002	08/07/2019	1.849.924.310	924.961.910	462.481.200	Đầu tư 01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%	48 tháng	9,85%/năm	01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%
SBL010201905014	21/05/2019	11.299.241.800	4.943.418.400	2.824.810.400	Đầu tư 01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%	48 tháng	9,85%/năm	01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%
SBL010201907019	24/07/2019	12.310.294.400	6.005.989.000	2.928.415.400	Đầu tư 01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,85%/năm	01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%
SBL010202009015	23/09/2020	2.275.673.400	1.688.401.450	562.800.400	Đầu tư 01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men	48 tháng	9%/năm	01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men
SBL010202011014	09/11/2020	3.666.663.000	3.139.776.100	897.078.800	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	25/03/2021	2.472.714.300	2.163.625.100	618.178.400	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)	48 tháng	9%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước					
Lãi trong năm trước	120.000.000.000	4.537.555.403	1.134.388.850	59.458.339.726	185.130.283.979
Số dư cuối năm trước	<u>120.000.000.000</u>	<u>4.537.555.403</u>	<u>1.134.388.850</u>	<u>89.052.461.842</u>	<u>214.724.406.095</u>
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	4.537.555.403	1.134.388.850	89.052.461.842	214.724.406.095
Lãi trong năm nay	-	-	-	42.355.140.691	42.355.140.691
Điều chuyển vốn	-	(4.537.555.403)	(1.134.388.850)	5.671.944.253	-
Tăng vốn trong năm nay (*)	240.000.000.000	-	-	(94.520.000.000)	145.480.000.000
Số dư cuối năm nay	<u>360.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>42.559.546.786</u>	<u>402.559.546.786</u>

(*) Trong năm 2021 Công ty thực hiện tăng vốn 2 lần từ 120 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Lần 1: Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 0701-2021/NQ-HG ngày 07/01/2022 và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2022, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 đồng lên 214.520.000.000 đồng.

- Hình thức: Trả cổ tức bằng cổ phiếu;

- Số lượng cổ phiếu tăng thêm tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm: 9.452.000 cổ phần.

Lần 2: Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 2812/2021/QN-CPHG ngày 28/12/2021, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 214.520.000.000 đồng lên 360.000.000.000 đồng thông qua hình thức chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu.

- Số lượng cổ phiếu tăng thêm tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm: 14.548.000 cổ phần;

- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần;

- Hình thức: Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu của các cổ đông tại Công ty;

- Đối tượng được phân phối: Cổ đông hiện hữu của Công ty tại thời điểm phát hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia	0,00%	-	63,80%	76.560.000.000
Ông Huỳnh Quang Báu	4,50%	16.200.000.000	6,00%	7.200.000.000
Ông Trương Văn Việt	5,00%	18.000.000.000	0,00%	-
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	12,00%	43.200.000.000	18,00%	21.600.000.000
Bà Lê Thị Vi Na	4,65%	16.740.000.000	0,00%	-
Ông Đinh Việt Anh	36,00%	129.600.000.000	5,85%	7.020.000.000
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	0,00%	-	5,00%	6.000.000.000
Ông Huỳnh Quang Lãm	0,00%	-	1,35%	1.620.000.000
Các cổ đông khác	37,85%	136.260.000.000	0,00%	-
	<u>100%</u>	<u>360.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>120.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360.000.000.000	120.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>240.000.000.000</i>	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>360.000.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>36.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>36.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	4.537.555.403
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	1.134.388.850
	<u>-</u>	<u>5.671.944.253</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê 60.000 m2 đất để xây dựng nhà máy tại KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.548.835.000	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.195.340.000	14.195.340.000
- Trên 5 năm	106.760.786.250	110.309.621.250
	124.504.961.250	128.053.796.250

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	75.053,73	121.638,82

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	81.791.729.362	98.298.215.070
Doanh thu bán thành phẩm	923.692.805.201	800.021.097.653
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.624.082.776	821.908.334
Doanh thu bán nguyên vật liệu	89.969.660.137	93.539.455.987
	1.097.078.277.476	992.680.677.044
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	385.299.536.317	296.083.711.601
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37)</i>		

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.509.703.117	-
	3.509.703.117	-

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	73.996.804.260	92.818.755.274
Giá vốn của thành phẩm đã bán	755.573.636.350	691.353.482.819
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.472.192.886	568.699.328
Giá vốn của hoạt động bán nguyên vật liệu	85.333.264.603	89.290.127.548
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	106.001.696	-
	916.481.899.795	874.031.064.969

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	33.559.481	43.878.639
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	387.995.256	214.090.028
	421.554.737	257.968.667

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.652.187.687	21.231.317.387
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	416.512.190	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.273.633.138	396.421.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	638.152.326	1.692.937.637
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(6.876.500.803)	(5.957.950.678)
	15.103.984.538	17.362.725.711

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	618.072.253	9.626.664
Chi phí nhân công	19.755.504.348	19.374.950.681
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.262.651	85.542.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.457.402.362	14.408.249.590
Chi phí khác bằng tiền	1.380.183.676	1.243.043.320
	66.349.425.290	35.121.413.211

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	756.547.325	579.287.621
Chi phí nhân công	19.509.380.080	16.389.516.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.215.224.504	3.456.762.392
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.198.673.859	7.138.628.345
Chi phí khác bằng tiền	300.522.410	2.677.105.435
	34.984.348.178	30.245.299.875

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chênh lệch xử lý công nợ	196.508.930	961.438.142
Thu nhập khác	-	1.029.120.184
	196.508.930	1.990.558.326

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Truy thu, phạt chậm nộp thuế	6.382.745.204	1.605.864.907
Chi phí khác	224.834.905	11.524.465
	6.607.580.109	1.617.389.372

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.659.400.116	36.551.310.899
Các khoản điều chỉnh tăng	6.949.960.872	1.835.145.020
- Chi phí không hợp lệ	6.739.609.865	1.835.145.020
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	210.351.007	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(88.063.864)	(3.600.512.005)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(88.063.864)	-
- Khoản dự phòng bổ sung năm 2019 và hoàn nhập năm 2020	-	(3.600.512.005)
Thu nhập chịu thuế TNDN	61.521.297.124	34.785.943.914
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	12.304.259.425	6.957.188.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	8.496.852.305	6.713.873.413
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(8.496.852.305)	(5.174.209.891)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	12.304.259.425	8.496.852.305

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	42.355.140.691	29.594.122.116
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	42.355.140.691	29.594.122.116
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.452.000	21.452.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.974	1.380

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	553.381.140.699	458.324.856.876
Chi phí nhân công	124.925.323.548	125.694.319.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.631.667.511	39.078.509.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.093.574.989	87.077.606.266
Chi phí khác bằng tiền	1.987.087.394	3.920.148.755
	831.018.794.141	714.095.441.541

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Giá trị sổ kế toán				
31/12/2021		01/01/2021		
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.117.471.265	-	20.493.531.910	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	240.924.013.143	-	189.251.762.367	-
Các khoản cho vay	500.000.000	-	-	-
	348.541.484.408	-	209.745.294.277	-

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		270.274.490.843	236.017.608.477
Phải trả người bán, phải trả khác		153.888.169.184	403.121.474.215
Chi phí phải trả		2.244.023.632	-
		426.406.683.659	639.139.082.692

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	107.117.471.265	-	-	107.117.471.265
Phải thu khách hàng, phải thu khác	235.687.912.743	5.236.100.400	-	240.924.013.143
Các khoản cho vay	-	500.000.000	-	500.000.000
	<u>342.805.384.008</u>	<u>5.736.100.400</u>	<u>-</u>	<u>348.541.484.408</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Tại ngày 01/01/2021

Tiền và các khoản tương đương tiền	20.493.531.910	-	-	20.493.531.910
Phải thu khách hàng, phải thu khác	183.476.501.442	5.775.260.925	-	189.251.762.367
	203.970.033.352	5.775.260.925	-	209.745.294.277

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	258.629.025.868	11.645.464.975	-	270.274.490.843
Phải trả người bán, phải trả khác	153.888.169.184	-	-	153.888.169.184
Chi phí phải trả	2.244.023.632	-	-	2.244.023.632
	414.761.218.684	11.645.464.975	-	426.406.683.659
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	215.455.030.135	20.562.578.342	-	236.017.608.477
Phải trả người bán, phải trả khác	402.256.474.215	865.000.000	-	403.121.474.215
	617.711.504.350	21.427.578.342	-	639.139.082.692

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	8.038.586.500	-

b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	426.352.735.687	463.549.128.651

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	382.163.568.819	465.368.687.017

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan với Công ty có số dư và phát sinh giao dịch trong năm 2021 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia	Công ty mẹ đến ngày 09/01/2021
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House (Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vương Miện) Royal American Wholesale	Công ty liên kết tại ngày đầu năm
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale là vợ của Ông Đinh Việt Anh chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Vinagres	Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia là Công ty mẹ của Công ty và Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia là Công ty mẹ của Công ty và Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia là Công ty mẹ của Công ty và Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Nguyễn Đình Nghĩa Tổng Giám đốc Công ty là cổ đông lớn của công ty này
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	Ông Huỳnh Sơn Tùng cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	Ông Huỳnh Sơn Tùng Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia là Công ty mẹ của Công ty và Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên
Ông Đinh Việt Anh	Công ty liên kết tại ngày đầu năm
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Cổ đông lớn, Chủ tịch HĐQT
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Tổng Giám đốc đến ngày 28/12/2021
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Cổ đông lớn, Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/01/2022
Ông Trịnh Xuân Hùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi
	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng từ ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng đến ngày 01/01/2022
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán từ ngày 01/01/2022

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu	385.299.536.317	296.083.711.601
Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia	214.760.569.528	116.993.431.773
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	2.710.869.828	572.891.667
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	33.411.019.374	30.108.770.600
Công ty Cổ phần Vinagres	98.710.976.842	102.589.823.250
Royal American Wholesale	2.666.845.152	9.260.585.936
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	11.896.566.551	9.973.175.914
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	11.675.000.834	7.417.704.511
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	9.467.688.208	6.265.977.444
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	12.901.350.506
Mua hàng	84.055.589.723	118.498.063.596
Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia	30.697.359.094	45.786.489.321
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	997.670.000	20.007.999.000
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	-	45.841.208.640
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	381.828.479	6.862.366.635
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	40.559.946.690	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	11.418.785.460	-

Trong năm Công ty có thực hiện mua dây chuyền sản xuất gạch granite cao cấp từ Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia với tổng giá trị 35,2 tỷ đồng (thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 09 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	134.359.106.876	103.362.493.250
Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia	38.688.203.216	56.066.979.815
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	38.906.164.273	23.136.372.410
Công ty Cổ phần Vinagres	22.436.761.830	4.875.952.287
Royal American Wholesale	24.158.241.062	9.221.368.440
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	1.064.738.346	2.778.515.137
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	6.069.125.450	3.027.795.006
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	2.702.347.952	1.850.705.426
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	2.404.804.729
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	333.524.747	-
Phải thu khác	8.804.701.460	19.604.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	5.379.319.126	4.390.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	3.425.382.334	15.214.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	16.710.427.420	21.347.849.981
Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia	1.907.811.600	46.109.485
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	412.897.000	7.452.815.696
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	-	9.336.347.981
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	377.583.402	4.512.576.819
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	10.701.471.412	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	3.310.664.006	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	9.498.432.064
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	9.498.432.064
Phải trả khác	-	165.500.000.000
Ông Đinh Việt Anh	-	23.500.000.000
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	-	142.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Lương, thù lao Ban Tổng Giám

đốc, Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
		500.000.000	600.000.000
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đến ngày 28/12/2021	300.000.000	300.000.000
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD đến ngày 01/01/2022	200.000.000	300.000.000

Các thành viên Hội đồng Quản trị không nhận thù lao trong năm 2020 và năm 2021.

Ông Trịnh Xuân Hùng Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2022; Ông Phạm Hữu Phú Thành viên HĐQT, Trưởng Ủy ban Kiểm toán từ ngày 01/01/2022; Ông Phan Bá Hiệu Phó Tổng Giám đốc; Ông Trương Văn Việt Phó Tổng Giám đốc và Ông Phạm Đình Hoàng Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022 nên các thành viên này trong Ban Tổng Giám đốc, HĐQT không có thu nhập phát sinh trong năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Hồ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
Trịnh Xuân Hùng



Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 07 năm 2022



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-42
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-42

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch	
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đinh Việt Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Xuân Hùng

Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPHG ngày 01/01/2023)

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

Số: 100523.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được lập ngày 10 tháng 05 năm 2023, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2023

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		776.347.498.653	636.735.996.360
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	70.134.104.647	107.117.471.265
111	1. Tiền		70.134.104.647	107.117.471.265
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		383.526.262.752	238.714.641.087
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	232.905.800.645	224.099.305.515
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	119.004.453.267	3.026.728.344
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	31.616.008.840	11.588.607.228
140	IV. Hàng tồn kho	8	301.878.141.703	272.979.253.971
141	1. Hàng tồn kho		301.878.141.703	272.979.253.971
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.808.989.551	17.924.630.037
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	11.094.717.406	14.182.862.066
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.714.272.145	3.741.767.971
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		375.440.701.333	247.922.254.327
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.016.284.250	5.236.100.400
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.016.284.250	5.236.100.400
220	II. Tài sản cố định		183.863.537.038	173.000.555.398
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	166.471.567.588	149.729.886.829
222	- Nguyên giá		522.969.270.163	478.188.680.695
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(356.497.702.575)	(328.458.793.866)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	17.253.047.315	23.038.616.835
225	- Nguyên giá		30.781.506.335	34.927.213.890
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.528.459.020)	(11.888.597.055)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	138.922.135	232.051.734
228	- Nguyên giá		565.248.000	565.248.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(426.325.865)	(333.196.266)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	10.324.028.935	35.242.918.651
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.324.028.935	35.242.918.651
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	99.184.757.818	26.340.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		95.684.757.818	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	25.840.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		77.052.093.292	8.102.679.878
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	77.052.093.292	8.102.679.878
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.151.788.199.986	884.658.250.687

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		677.062.352.770	482.098.703.901
310	I. Nợ ngắn hạn		665.796.993.215	470.453.238.926
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	135.368.181.015	147.323.815.464
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	58.453.770.534	28.274.508.281
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13.721.119.616	13.203.529.250
314	4. Phải trả người lao động		16.620.720.254	13.593.242.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	11.810.655.460	2.244.023.632
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	6.134.152.644	6.564.353.720
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	423.067.653.531	258.629.025.868
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		620.740.161	620.740.161
330	II. Nợ dài hạn		11.265.359.555	11.645.464.975
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.000.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	10.265.359.555	11.645.464.975
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		474.725.847.216	402.559.546.786
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	474.725.847.216	402.559.546.786
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		360.000.000.000	360.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	360.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		114.725.847.216	42.559.546.786
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		42.559.546.786	204.406.095
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		72.166.300.430	42.355.140.691
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.151.788.199.986	884.658.250.687

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG*Năm 2022*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.398.395.592.825	1.097.078.277.476
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	1.603.999.915	3.509.703.117
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.396.791.592.910	1.093.568.574.359
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.141.262.727.565	916.481.899.795
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		255.528.865.345	177.086.674.564
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	5.046.400.640	421.554.737
22	7. Chi phí tài chính	26	32.166.935.018	15.103.984.538
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.887.038.455	19.652.187.687
25	8. Chi phí bán hàng	27	86.786.379.383	66.349.425.290
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	51.061.132.629	34.984.348.178
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.560.818.955	61.070.471.295
31	11. Thu nhập khác	29	76.550.601	196.508.930
32	12. Chi phí khác	30	539.116.592	6.607.580.109
40	13. Lợi nhuận khác		(462.565.991)	(6.411.071.179)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90.098.252.964	54.659.400.116
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	17.931.952.534	12.304.259.425
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>72.166.300.430</u>	<u>42.355.140.691</u>

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		90.098.252.964	54.659.400.116
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		29.771.900.273	27.631.667.511
03	- Các khoản dự phòng		-	(6.937.530.803)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.313.761.513)	638.152.326
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.509.662)	(33.559.481)
06	- Chi phí lãi vay		25.887.038.455	19.652.187.687
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		144.272.920.517	95.610.317.356
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(152.798.833.426)	(20.004.803.552)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(28.898.887.732)	196.784.190.370
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		83.834.454.610	(299.114.601.476)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(65.861.268.754)	1.987.941.382
14	- Tiền lãi vay đã trả		(25.610.577.294)	(19.457.860.166)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.577.411.400)	(8.496.852.305)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(62.639.603.479)	(52.691.668.391)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(67.479.242.170)	(36.434.771.485)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(500.000.000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(95.684.757.818)	(10.440.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.840.000.000	15.080.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		170.509.662	33.559.481
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(140.153.490.326)	(32.261.212.004)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	145.480.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		703.854.565.209	422.539.441.357
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(537.779.391.734)	(382.163.568.819)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(14.367.116.652)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		166.075.173.475	171.488.755.886

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

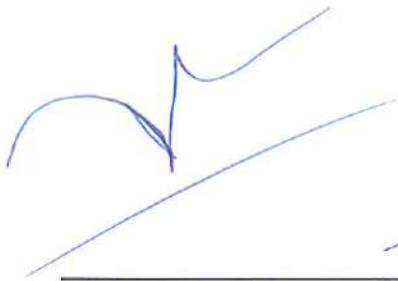
Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

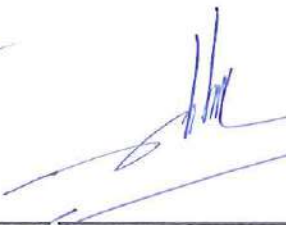
Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*Năm 2022**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(36.717.920.330)	86.535.875.491
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		107.117.471.265	20.493.531.910
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(265.446.288)	88.063.864
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>70.134.104.647</u>	<u>107.117.471.265</u>


Nguyễn Minh Tấn
Người lập


Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng


Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc



Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 360.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 360.000.000.000 VND; tương đương 36.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 719 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 774 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2022, do thành công trong việc đẩy mạnh mở rộng thị trường và chuyển dịch cơ cấu kinh doanh sang các kênh phân phối bán lẻ nên quy mô doanh thu và tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty có sự tăng trưởng mạnh. Theo đó doanh thu của Công ty đã tăng 27,47% so với năm 2021 tương ứng tăng từ 1.097,1 tỷ VND lên 1.398,4 tỷ VND, đồng thời lợi nhuận gộp tăng từ mức 16,14% trong năm 2021 lên đến 18,12% trong năm 2022 tương ứng tăng từ 177,1 tỷ VND lên 255,5 tỷ VND, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận gộp là 44,3%.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con : Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	112.531.478	18.184.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	70.021.573.169	107.099.286.882
	<u>70.134.104.647</u>	<u>107.117.471.265</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu	3.500.000.000	-	500.000.000	-
	<u>3.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>500.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2022, Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 đồng và do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 đồng với lãi suất thả nổi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang ⁽¹⁾	95.684.757.818	-	-	-
	95.684.757.818	-	88,17	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê ⁽²⁾	-	-	25.840.000.000	-
	-	-	25.840.000.000	14,08
	<u>95.684.757.818</u>	<u>-</u>	<u>25.840.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang và bán lại cổ phần Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê như sau:

(1) Trong kỳ, Công ty đã mua 4.142.018 cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang từ Ông Nguyễn Minh Tuyên; Bà Dương Ngọc Thùy Dung và Ông Lê Hữu Bình với giá mua 23.101 đồng/cổ phiếu và tổng giá trị là 95.684.757.818 đồng theo mục đích sử dụng vốn tại Nghị quyết hội đồng quản trị số 214/2022/NQ - CPHG ngày 01/06/2022.

(2) Trong kỳ, Công ty thực hiện bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê cho bà Nguyễn Thị Hoàng Quyên với giá trị bằng giá trị của khoản đầu tư thu về số tiền 25,84 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Top Tile			38.688.203.216	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	34.112.912.579	-	38.906.164.273	-
Công ty Cổ phần Vinagres	17.137.700.062	-	22.436.761.830	-
Royal American Wholesale	15.011.128.291	-	24.158.241.062	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	2.411.561.102	-	1.064.738.346	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	6.180.291.277	-	6.069.125.450	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	5.166.603.849	-	2.702.347.952	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	1.267.338.933	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	6.274.622.670	-	333.524.747	-
	<u>87.562.158.763</u>	<u>-</u>	<u>134.359.106.876</u>	<u>-</u>
<i>Bên khác</i>				
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	100.842.260.277	-	68.671.012.407	-
	<u>145.343.641.882</u>	<u>-</u>	<u>89.740.198.639</u>	<u>-</u>
	<u>232.905.800.645</u>	<u>-</u>	<u>224.099.305.515</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh (1)	9.197.304.313	-	-	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh (2)	20.000.000.000	-	-	-
	29.197.304.313	-	-	-
<i>Bên khác</i>				
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc (3)	30.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần SX & ĐT Dịch Vụ Hoàng Quân (4)	20.000.000.000	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long (5)	10.967.400.000	-	-	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú (6)	10.795.849.973	-	-	-
Shenzhen Bigceri Trade Co., Ltd	-	-	1.096.483.953	-
Các đối tượng khác	18.043.898.981	-	1.930.244.391	-
	89.807.148.954	-	3.026.728.344	-
	119.004.453.267	-	3.026.728.344	-

(1) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh theo hợp đồng 01/BB&NG/CPHG-HGX/2023 ký ngày 15/12/2022. Trong Quý I/2023 Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh đã thực hiện bàn giao lượng hàng tương ứng cho Công ty.

(2) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh theo hợp đồng mua bán số 009/2022/HĐMB/HG-BSX ngày 26/09/2022 với tổng giá trị là 20 tỷ đồng. Trong Quý I/2023 Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh đã bàn giao lượng hàng tương ứng với giá trị 8,9 tỷ đồng cho Công ty. Giá trị còn lại 11,1 tỷ đồng đang được thực hiện bàn giao xong trong tháng 5/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(3) Khoản ứng tiền cho Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc theo hợp đồng xây dựng số 019/2022/HĐTC/HG-AP ngày 22/09/2022 nhằm thực hiện xây dựng nhà máy sản xuất gạch ốp lát tấm lớn 4.0 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai với tổng giá trị hợp đồng là 100 tỷ đồng, ứng trước 30 tỷ đồng. Tuy nhiên do gặp khó khăn trong quá trình xin giấy phép triển khai dự án mới nên Công ty có sự thay đổi chủ đầu tư dự án từ Công ty CP Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia sang Công ty CP Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Khang (công ty con). Theo đó Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Và Thiết kế Xây dựng An phúc và đã hoàn trả số tiền tạm ứng 20 tỷ đồng cho Công ty. Công ty và Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc tiếp tục ký hợp đồng xây dựng công trình phụ trợ số 006/2023/HĐTC/HG-AP ngày 06/01/2023 với tổng giá trị giao khoán là 20 tỷ đồng nhằm xây dựng công trình phụ trợ nhà xưởng (xây dựng mới, di dời kho liệu, cải tạo nhà kho thành phẩm, xây dựng hạ tầng xung quanh và sửa chữa một số hạng mục khác) và đã thực hiện triển khai xây dựng trong tháng 05/2023. 10 tỷ tiền tạm ứng còn lại được chuyển tiếp vào tiền tạm ứng của hợp đồng xây dựng mới này.

(4) Khoản ứng tiền cho Cổ Phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/2022/HG-HQ/HTKD ngày 20/09/2022 nhằm thực hiện dự án khai thác khoáng sản kết hợp trạm dừng nghỉ tại địa điểm Quốc lộ 14 Thị trấn Đăk Rve, Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên đến thời điểm 26/12/2022 căn cứ báo cáo tình hình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn trong quá trình xin giấy phép đầu tư các Bên nhận thấy việc triển khai Dự án này không khả thi và không thể hoàn thành kịp tiến độ theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do đó các bên chính thức thống nhất dừng thực hiện triển khai dự án này theo biên bản thanh lý hợp đồng số 01/2023/HG-HQ/BBTLHD ký ngày 13/01/2023. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân đã hoàn trả toàn bộ số tiền 20 tỷ đồng.

(5) Khoản ứng tiền cho Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long gồm hợp đồng số 2012HDKT/HG-KL ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa đường nội bộ nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 6,9 tỷ đồng và hợp đồng số 1519HDKT/HG-KL ký ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa thay mới phân xưởng 1,2 nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 15 tỷ đồng. Cả 2 hợp đồng đều đã thực hiện xây dựng xong trong Quý I/2023.

(6) Khoản ứng tiền cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú theo hợp đồng mua máy móc thiết bị số 01.2022/HĐNT/ĐTP-HG ngày 05/12/2022 có giá trị 13,7 tỷ đồng. Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú đã bàn giao lô máy móc thiết bị trong Quý I/2023.

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Tạm ứng	-	-	61.727.273	-
Ký cược, ký quỹ	420.000.000	-	420.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3.425.382.334	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	-	-	5.379.319.126	-
Khoản giao xây dựng và mua lại tài sản (*)	30.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.196.008.840	-	2.302.178.495	-
	31.616.008.840	-	11.588.607.228	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

		31/12/2022		01/01/2022	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a.2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Bên liên quan				
	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	-	-	5.379.319.126	-
	Ông Huỳnh Sơn Tùng (*)	30.000.000.000	-	-	-
	Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3.425.382.334	-
		<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.804.701.460</u>	<u>-</u>
	Bên khác				
	Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1.104.797.882	-	2.236.153.884	-
	Các đối tượng khác	511.210.958	-	547.751.884	-
		<u>1.616.008.840</u>	<u>-</u>	<u>2.783.905.768</u>	<u>-</u>
		<u>31.616.008.840</u>	<u>-</u>	<u>11.588.607.228</u>	<u>-</u>
b)	Dài hạn				
b.1)	Chi tiết theo nội dung				
	Ký cược, ký quỹ (**)	5.016.284.250	-	5.236.100.400	-
		<u>5.016.284.250</u>	<u>-</u>	<u>5.236.100.400</u>	<u>-</u>
b.2)	Chi tiết theo đối tượng				
	Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	5.016.284.250	-	5.236.100.400	-
		<u>5.016.284.250</u>	<u>-</u>	<u>5.236.100.400</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(*) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP-HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ đồng và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ đồng.

(**) Trong kỳ, một số hợp đồng thuê tài chính hết hạn nên Công ty đã mua lại một số tài sản thuê tài chính dẫn đến số dư ký cược, ký quỹ dài hạn giảm.

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	8.993.470	-	820.875.658	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.573.103.791	-	21.108.734.725	-
Công cụ, dụng cụ	20.471.313.583	-	22.185.856.931	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.216.780.353	-	18.443.659.258	-
Thành phẩm	264.620.279.492	-	208.169.289.527	-
Hàng hoá	254.432.455	-	-	-
Hàng gửi đi bán	733.238.559	-	2.250.837.872	-
	301.878.141.703	-	272.979.253.971	-

9 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án dây chuyền sản xuất gạch granite cao cấp	-	35.242.918.651
- Thi công Máy ép gạch YP3609@Litai	813.430.001	-
- Thi công hệ thống tháp sấy phun (*)	9.510.598.934	-
	10.324.028.935	35.242.918.651

(*) Dự án hệ thống tháp sấy phun

- Địa điểm xây dựng: Bên trong nhà máy của Công ty tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II.
- Mục đích xây dựng: Sấy phun bằng hệ thống nước nhằm nâng cao công tác bảo vệ môi trường và không ảnh hưởng đến công ty xung quanh.
- Tổng mức đầu tư: 10 tỷ VND.
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Bắt đầu từ 10/12/2022 và dự kiến thực hiện trong 90 ngày.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2022: Đã xuất kho vật tư chính để thực hiện thi công dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	79.051.900.066	387.516.713.140	8.927.855.191	2.508.212.298	184.000.000	478.188.680.695
- Mua trong kỳ	-	-	-	178.545.455	-	178.545.455
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	480.000.000	35.945.699.151	70.010.000	333.472.727	2.960.270.035	39.789.451.913
- Mua lại tài sản thuế tài chính	-	1.706.592.100	3.106.000.000	-	-	4.812.592.100
Số dư cuối kỳ	79.531.900.066	425.169.004.391	12.103.865.191	3.020.230.480	3.144.270.035	522.969.270.163
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	75.586.764.795	245.490.094.915	5.353.172.040	1.967.428.790	61.333.326	328.458.793.866
- Khấu hao trong kỳ	305.279.944	24.842.025.484	1.237.002.089	229.042.705	117.075.667	26.730.425.889
- Mua lại tài sản thuế tài chính	-	350.799.487	957.683.333	-	-	1.308.482.820
Số dư cuối kỳ	75.892.044.739	270.682.919.886	7.547.857.462	2.196.471.495	178.408.993	356.497.702.575
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	3.465.135.271	142.026.618.225	3.574.683.151	540.783.508	122.666.674	149.729.886.829
Tại ngày cuối kỳ	3.639.855.327	154.486.084.505	4.556.007.729	823.758.985	2.965.861.042	166.471.567.588

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 144.428.614.564 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 260.093.723.730 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	31.821.213.890	3.106.000.000	34.927.213.890
- Thuê tài chính	-	666.884.545	666.884.545
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.706.592.100)	(3.106.000.000)	(4.812.592.100)
Số dư cuối kỳ	<u>30.114.621.790</u>	<u>666.884.545</u>	<u>30.781.506.335</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.930.913.722	957.683.333	11.888.597.055
- Trích khấu hao	2.934.451.359	13.893.426	2.948.344.785
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(350.799.487)	(957.683.333)	(1.308.482.820)
Số dư cuối kỳ	<u>13.514.565.594</u>	<u>13.893.426</u>	<u>13.528.459.020</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	<u>20.890.300.168</u>	<u>2.148.316.667</u>	<u>23.038.616.835</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>16.600.056.196</u>	<u>652.991.119</u>	<u>17.253.047.315</u>

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	565.248.000
Số dư cuối kỳ	<u>565.248.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	333.196.266
- Khấu hao trong kỳ	93.129.599
Số dư cuối kỳ	<u>426.325.865</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	<u>232.051.734</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>138.922.135</u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.094.717.406	14.182.862.066
	<u>11.094.717.406</u>	<u>14.182.862.066</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.977.093.292	8.027.679.878
Chi phí thiết kế Website	75.000.000	75.000.000
Chi phí sử dụng thương hiệu (*)	59.000.000.000	-
	<u>77.052.093.292</u>	<u>8.102.679.878</u>

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng li xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu Royal với Công ty TNHH Top Tile. Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng, giá trị thanh toán là 60 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Công ty TNHH Top Tile	-	-	1.907.811.600	1.907.811.600
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	3.993.233.136	3.993.233.136	412.897.000	412.897.000
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	850.508.466	850.508.466	377.583.402	377.583.402
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	-	-	10.701.471.412	10.701.471.412
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	7.155.560.624	7.155.560.624	3.310.664.006	3.310.664.006
	<u>11.999.302.226</u>	<u>11.999.302.226</u>	<u>16.710.427.420</u>	<u>16.710.427.420</u>
Bên khác				
Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Huy Phát	7.374.780.638	7.374.780.638	2.870.936.952	2.870.936.952
Công ty Cổ phần Frit Huế	5.149.396.440	5.149.396.440	5.737.795.659	5.737.795.659
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	4.598.956.725	4.598.956.725	22.116.792.058	22.116.792.058
Công ty TNHH TM SX Vinh Chí Thành	5.019.570.651	5.019.570.651	2.615.245.906	2.615.245.906
Công ty Cổ phần Công nghệ HEXA GON	10.477.309.920	10.477.309.920	4.826.606.677	4.826.606.677
Phải trả nhà cung cấp khác	90.748.864.415	90.748.864.415	92.446.010.792	92.446.010.792
	<u>123.368.878.789</u>	<u>123.368.878.789</u>	<u>130.613.388.044</u>	<u>130.613.388.044</u>
	<u>135.368.181.015</u>	<u>135.368.181.015</u>	<u>147.323.815.464</u>	<u>147.323.815.464</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công Ty TNHH VINAMEN	18.543.688.039	1.738.134.779
FONG STEEL IMPORT EXPORT CO.,LTD	5.510.698.732	-
Công ty TNHH MTV Dững Đài Loan	6.000.417.811	4.413.408.440
Công Ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hùng Ngọc	6.155.494.183	-
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	1.693.844.498	3.207.568.212
Người mua trả tiền trước khác	20.549.627.271	18.915.396.850
	<u>58.453.770.534</u>	<u>28.274.508.281</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	115.541.122.136	115.541.122.136	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.356.477.901	1.356.477.901	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.304.259.425	17.931.952.534	17.577.411.400	-	12.638.800.559
Thuế Thu nhập cá nhân	-	899.269.825	3.388.467.276	3.225.984.545	-	1.061.752.556
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.848.536.851	1.847.970.350	-	566.501
	-	13.203.529.250	140.072.556.698	139.554.966.332	-	13.721.119.616

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	470.788.682	194.327.521
- Trích trước chi phí tiền điện	1.307.268.400	-
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	8.636.392.525	-
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	1.396.205.853	2.049.696.111
	11.810.655.460	2.244.023.632

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.386.174.466	5.218.262.994
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	747.978.178	1.346.090.726
	6.134.152.644	6.564.353.720
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	247.250.763.101	247.250.763.101	693.328.842.197	526.223.349.967	414.356.255.331	414.356.255.331
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	69.273.116.885	69.273.116.885	205.568.815.990	160.968.010.474	113.873.922.401	113.873.922.401
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín-Chi nhánh Đồng Nai (2)	76.697.455.344	76.697.455.344	146.829.543.238	128.648.837.252	94.878.161.330	94.878.161.330
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (3)	56.219.463.347	56.219.463.347	114.586.069.788	82.937.265.015	87.868.268.120	87.868.268.120
- Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex-Chi nhánh Vũng Tàu (4)	45.060.727.525	45.060.727.525	116.344.413.181	103.669.237.226	57.735.903.480	57.735.903.480
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai (5)	-	-	110.000.000.000	50.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	11.378.262.767	11.378.262.767	7.679.071.780	10.345.936.347	8.711.398.200	8.711.398.200
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (6)	180.000.000	180.000.000	170.000.000	180.000.000	170.000.000	170.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (7)	11.198.262.767	11.198.262.767	7.509.071.780	10.165.936.347	8.541.398.200	8.541.398.200
	258.629.025.868	258.629.025.868	701.007.913.977	536.569.286.314	423.067.653.531	423.067.653.531
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (6)	350.000.000	350.000.000	-	180.000.000	170.000.000	170.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)	22.673.727.742	22.673.727.742	7.509.071.780	11.376.041.767	18.806.757.755	18.806.757.755
	23.023.727.742	23.023.727.742	7.509.071.780	11.556.041.767	18.976.757.755	18.976.757.755
	(11.378.262.767)	(11.378.262.767)	(7.679.071.780)	(10.345.936.347)	(8.711.398.200)	(8.711.398.200)
	11.645.464.975	11.645.464.975			10.265.359.555	10.265.359.555
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2022	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa								
06//2022- HĐCVHM/NHCT682- HOANGGIA	28/06/2022	150.000.000.000	113.873.922.401 VND	113.873.922.401	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp bao gồm MMTB, NCVKT, TSK khác với tổng giá trị còn lại là 103,6 tỷ đồng
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai								
202025393705	19/01/2022	96.000.000.000	58.899.450.650 VND và 1.514.255,50 USD	94.878.161.330	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 71 tỷ đồng
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
01/2022/7856791/HĐT D	15/04/2022	100.000.000.000	41.668.421.240 VND và 1.944.438 USD	87.868.268.120	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp gồm các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu với tổng giá trị 3,4 tỷ và tài sản gồm MMTB và PTVT với tổng giá trị 11,14 tỷ đồng
(4) Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu								
510.30353/2021/HĐH M-PN/PGBankVT	19/07/2021	60.000.000.000	55.399.867.800 VND và 98.318 USD	57.735.903.480	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 57,4 tỷ đồng
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai								
2022050/HDTD/QLN	07/06/2022	60.000.000.000	60.000.000.000 VND	60.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2022	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(6) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
02/2018/7856791/HĐTĐ	27/11/2018	890.000.000	170.000.000	170.000.000	Thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán số 123/1810/CTF/HĐMB	60 tháng	11,3%/năm	Các hợp đồng thế chấp/cầm cố/ ký quỹ/ bảo lãnh.
(7) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010201906034	02/07/2019	4.816.304.885	903.057.615	903.057.000	Đầu tư 01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ SX gạch men mới 100%
SBL010201907002	08/07/2019	1.849.924.310	462.480.710	462.481.200	Đầu tư 01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%
SBL010201905014	21/05/2019	11.299.241.800	2.118.608.000	2.118.607.800	Đầu tư 01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%	48 tháng	9,6%/năm	01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%
SBL010201907019	24/07/2019	12.310.294.400	3.002.994.600	3.002.994.600	Đầu tư 01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2022	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(7) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010202009015	23/09/2020	2.275.673.400	1.125.601.050	562.800.400	Đầu tư 01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men	48 tháng	9%/năm	01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men
SBL010202011014	09/11/2020	3.588.315.500	2.242.697.300	897.078.800	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	25/03/2021	2.472.714.300	1.545.446.700	618.178.400	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum	48 tháng	9%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum
SBL010202210047	28/10/2022	584.800.000	584.800.000	146.200.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	31/08/2022	6.821.071.780	6.821.071.780		Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609 , hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính riêng

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	120.000.000.000	1.134.388.850	89.052.461.842	214.724.406.095
Lãi trong kỳ trước	-	-	42.355.140.691	42.355.140.691
Điều chuyển vốn (*)	-	(1.134.388.850)	5.671.944.253	-
Tăng vốn trong kỳ trước (*)	240.000.000.000	-	(94.520.000.000)	145.480.000.000
Số dư cuối kỳ trước	360.000.000.000	-	42.559.546.786	402.559.546.786
Số dư đầu kỳ này	360.000.000.000	-	42.559.546.786	402.559.546.786
Lãi trong kỳ này	-	-	72.166.300.430	72.166.300.430
Số dư cuối kỳ này	360.000.000.000	-	114.725.847.216	474.725.847.216

(*) Theo NQ ĐHĐCĐ số 0701-2021/NQ-HG ngày 07/01/2021, Công ty thực hiện điều chuyển chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2021 sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi điều chuyển các quỹ là: 94.724.406.095 đồng, trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2020: 89.052.461.842 đồng;
- Quỹ đầu tư phát triển được điều chuyển sang: 4.537.555.403 đồng;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được điều chuyển sang: 1.134.388.850 đồng.

Theo NQ ĐHĐCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền là 94.520.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Đình Việt Anh	93.600.000.000	26,00	129.600.000.000	36,00
Bà Lê Thị Vi Na	88.740.000.000	24,65	16.740.000.000	4,65
Bà Nguyễn Thị Lê	67.860.000.000	18,85	16.200.000.000	4,50
Ông Huỳnh Quang Báu	16.200.000.000	4,50	16.200.000.000	4,50
Ông Trương Văn Việt	3.600.000.000	1,00	18.000.000.000	5,00
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	-	-	43.200.000.000	12,00
Các cổ đông khác	90.000.000.000	25,00	120.060.000.000	33,35
	360.000.000.000	100,00	360.000.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	360.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	240.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.000.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.630.690.000	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.522.760.000	14.195.340.000
- Trên 5 năm	105.895.125.000	106.760.786.250

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	556.260,34	75.053,73

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	90.755.153.796	81.791.729.362
Doanh thu bán thành phẩm	1.200.276.630.331	923.692.805.201
Doanh thu bán nguyên vật liệu	102.303.844.528	89.969.660.137
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.059.964.170	1.624.082.776
	1.398.395.592.825	1.097.078.277.476
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	229.351.411.438	385.299.536.317

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.487.610.100	3.509.703.117
Hàng bán bị trả lại	16.657.613	-
Giảm giá hàng bán	99.732.202	-
	1.603.999.915	3.509.703.117

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	81.286.892.416	73.996.804.260
Giá vốn của thành phẩm đã bán	955.577.073.988	755.573.636.350
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	100.797.788.845	85.333.264.603
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.600.972.316	1.472.192.886
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	106.001.696
	1.141.262.727.565	916.481.899.795

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

	Năm 2022	Năm 2021
	87.316.335.829	84.055.589.723

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	170.509.662	33.559.481
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.549.446.651	387.995.256
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.313.761.513	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.682.814	-
	5.046.400.640	421.554.737

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.887.038.455	19.652.187.687
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	416.512.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.966.476.398	1.334.663.138
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	638.152.326
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(6.937.530.803)
Chi phí tài chính khác	313.420.165	-
	32.166.935.018	15.103.984.538

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.395.291.541	618.072.253
Chi phí nhân công	23.686.363.518	19.755.504.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.055.989	138.262.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.538.769.284	44.457.402.362
Chi phí khác bằng tiền	9.899.051	1.380.183.676
	86.786.379.383	66.349.425.290

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	878.557.040	756.547.325
Chi phí nhân công	30.497.390.602	19.509.380.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.276.087.134	1.215.224.504
Thuế, phí, lệ phí	4.020.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.280.734.938	13.198.673.859
Chi phí khác bằng tiền	124.342.915	300.522.410
	51.061.132.629	34.984.348.178

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Xử lý công nợ	73.570.601	196.508.930
Thu nhập khác	2.980.000	-
	76.550.601	196.508.930

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	537.146.870	6.382.745.204
Chi phí khác	1.969.722	224.834.905
	539.116.592	6.607.580.109

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90.098.252.964	54.659.400.116
Các khoản điều chỉnh tăng	907.803.694	6.949.960.872
- Chi phí không hợp lệ	907.803.694	6.739.609.865
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	210.351.007
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.346.293.990)	(88.063.864)
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(1.345.713.602)	(88.063.864)
- Điều chỉnh giảm khác	(580.388)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	89.659.762.668	61.521.297.124
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	17.931.952.534	12.304.259.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	12.304.259.425	8.496.852.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(17.577.411.400)	(8.496.852.305)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	12.658.800.559	12.304.259.425

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	783.129.669.898	553.381.140.699
Chi phí nhân công	172.948.469.241	124.925.323.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.771.900.273	27.631.667.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.093.333.208	123.093.574.989
Chi phí khác bằng tiền	788.697.443	1.987.087.394
	1.140.732.070.063	831.018.794.141

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	70.134.104.647	-	-	70.134.104.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.521.809.485	5.016.284.250	-	269.538.093.735
Các khoản cho vay	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
	334.655.914.132	8.516.284.250	-	343.172.198.382
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	107.117.471.265	-	-	107.117.471.265
Phải thu khách hàng, phải thu khác	235.687.912.743	5.236.100.400	-	240.924.013.143
Các khoản cho vay	-	500.000.000	-	500.000.000
	342.805.384.008	5.736.100.400	-	348.541.484.408

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	423.067.653.531	10.265.359.555	-	433.333.013.086
Phải trả người bán, phải trả khác	141.502.333.659	-	-	141.502.333.659
Chi phí phải trả	11.810.655.460	-	-	11.810.655.460
	<u>576.380.642.650</u>	<u>10.265.359.555</u>	<u>-</u>	<u>586.646.002.205</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	258.629.025.868	11.645.464.975	-	270.274.490.843
Phải trả người bán, phải trả khác	153.888.169.184	-	-	153.888.169.184
Chi phí phải trả	2.244.023.632	-	-	2.244.023.632
	<u>414.761.218.684</u>	<u>11.645.464.975</u>	<u>-</u>	<u>426.406.683.659</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đảo

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Top Tile (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022)	Công ty TNHH Top Tile là Công ty mẹ của Công ty đến tháng 01/2021, Công ty này không còn là bên liên quan trong năm 2022
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Có cùng nhiều cổ đông góp vốn
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung đến tháng 06/2022 là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	Công ty TNHH Top Tile là Công ty mẹ của Công ty đến tháng 01/2021 và Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên đến tháng 12/2021
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Ông Đinh Việt Anh chủ tịch HĐQT là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	Công ty con từ ngày 01/06/2022
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên Hội Đồng Quản Trị đến ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Kiểm Tổng Giám đốc đến ngày 28/12/2021
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/01/2022
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2022
Ông Phan Bá Hiệu	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng từ ngày 01/01/2022
Ông Phạm Hữu Phú	Kế toán trưởng đến ngày 01/01/2022
	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán từ ngày 01/01/2022

Số dư với các bên liên quan được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh trên.

Ngoài các giao dịch được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh nêu trên, trong kỳ, Công ty còn có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	229.351.411.438	385.299.536.317
Công ty TNHH Top Tile (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022, năm 2022 Công ty này không còn là bên liên quan)		214.760.569.528
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	9.435.838.924	2.710.869.828
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	32.652.468.806	33.411.019.374
Công ty Cổ phần Vinagres	127.489.202.042	98.710.976.842
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	28.060.469.051	11.896.566.551
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	9.487.685.779	11.675.000.834
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	3.103.216.929	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	19.122.529.907	9.467.688.208
Royal American Wholesale	-	2.666.845.152

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mua hàng	87.316.335.829	84.055.589.723
Công ty TNHH Top Tile (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022)	-	30.697.359.094
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	1.645.079.584	997.670.000
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	72.920.656.697	40.559.946.690
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	475.405.180	381.828.479
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	12.275.194.368	11.418.785.460

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán bổ nhiệm ngày 01/01/2022 (Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2022)	638.461.570	-
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	558.653.880	-
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 28/12/2021 và Thành viên Hội Đồng Quản Trị miễn nhiệm ngày 01/01/2022	-	300.000.000
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	683.174.521	-
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	687.407.470	-
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	646.175.097	-
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội Đồng Quản Trị miễn nhiệm ngày 01/01/2022	-	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng bổ nhiệm ngày 01/01/2022	550.303.940	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-46

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch	
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đinh Việt Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/01/2022

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán bao gồm:

Ông Phạm Hữu Phú	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Ông Đinh Việt Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Xuân Hùng

Tổng Giám đốc

(Giấy ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPHG ngày 01/01/2023)

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được lập ngày 10 tháng 05 năm 2023, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2023

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		792.728.896.361	636.735.996.360
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	70.332.377.560	107.117.471.265
111	1. Tiền		70.332.377.560	107.117.471.265
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		397.826.262.752	238.714.641.087
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	232.905.800.645	224.099.305.515
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	119.004.453.267	3.026.728.344
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	45.916.008.840	11.588.607.228
140	IV. Hàng tồn kho	9	301.878.141.703	272.979.253.971
141	1. Hàng tồn kho		301.878.141.703	272.979.253.971
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.692.114.346	17.924.630.037
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	11.107.375.864	14.182.862.066
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11.584.738.482	3.741.767.971
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		388.501.242.802	247.922.254.327
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.016.284.250	5.236.100.400
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.016.284.250	5.236.100.400
220	II. Tài sản cố định		283.532.754.827	173.000.555.398
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	199.477.127.878	149.729.886.829
222	- Nguyên giá		560.208.470.877	478.188.680.695
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(360.731.342.999)	(328.458.793.866)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	17.253.047.315	23.038.616.835
225	- Nguyên giá		30.781.506.335	34.927.213.890
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.528.459.020)	(11.888.597.055)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	66.802.579.634	232.051.734
228	- Nguyên giá		68.204.471.219	565.248.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.401.891.585)	(333.196.266)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	10.614.940.935	35.242.918.651
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.614.940.935	35.242.918.651
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	3.500.000.000	26.340.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	25.840.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		85.837.262.790	8.102.679.878
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	77.052.093.292	8.102.679.878
269	2. Lợi thế thương mại	14	8.785.169.498	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.181.230.139.163	884.658.250.687

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		692.274.583.601	482.098.703.901
310	I. Nợ ngắn hạn		666.911.731.085	470.453.238.926
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	134.839.208.789	147.323.815.464
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	58.453.770.534	28.274.508.281
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	14.564.829.712	13.203.529.250
314	4. Phải trả người lao động		16.620.720.254	13.593.242.550
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	11.870.655.460	2.244.023.632
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	6.874.152.644	6.564.353.720
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	423.067.653.531	258.629.025.868
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		620.740.161	620.740.161
330	II. Nợ dài hạn		25.362.852.516	11.645.464.975
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.000.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	10.265.359.555	11.645.464.975
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.a	14.097.492.961	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		488.955.555.562	402.559.546.786
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	488.955.555.562	402.559.546.786
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		360.000.000.000	360.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	360.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		116.892.000.034	42.559.546.786
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước		42.559.546.786	204.406.095
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		74.332.453.248	42.355.140.691
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		12.063.555.528	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.181.230.139.163	884.658.250.687

Nguyễn Minh Tân
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.398.395.592.825	1.097.078.277.476
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.603.999.915	3.509.703.117
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.396.791.592.910	1.093.568.574.359
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.142.953.925.827	916.481.899.795
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		253.837.667.083	177.086.674.564
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	5.046.602.854	421.554.737
22	7. Chi phí tài chính	28	32.166.935.018	15.103.984.538
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.887.038.455	19.652.187.687
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	29	80.220.577.745	66.349.425.290
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	52.684.137.577	34.984.348.178
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.812.619.597	61.070.471.295
31	12. Thu nhập khác	31	76.550.601	196.508.930
32	13. Chi phí khác	32	554.147.984	6.607.580.109
40	14. Lợi nhuận khác		(477.597.383)	(6.411.071.179)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.335.022.214	54.659.400.116
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	18.747.762.630	12.304.259.425
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(211.242.036)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		74.798.501.620	42.355.140.691
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		74.332.453.248	42.355.140.691
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		466.048.372	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.065	1.177

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		93.335.022.214	54.659.400.116
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.218.512.725	27.631.667.511
03	- Các khoản dự phòng		-	(6.937.530.803)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.313.761.513)	638.152.326
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(170.711.876)	(33.559.481)
06	- Chi phí lãi vay		25.887.038.455	19.652.187.687
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		149.956.100.005	95.610.317.356
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(148.850.993.264)	(20.004.803.552)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(28.898.887.732)	196.784.190.370
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		24.043.159.828	(299.114.601.476)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(64.972.370.490)	1.987.941.382
14	- Tiền lãi vay đã trả		(25.610.577.294)	(19.457.860.166)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.577.411.400)	(8.496.852.305)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(111.910.980.347)	(52.691.668.391)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(18.015.992.197)	(36.434.771.485)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(500.000.000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(95.678.560.224)	(10.440.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.840.000.000	15.080.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		170.711.876	33.559.481
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(90.683.840.545)	(32.261.212.004)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	145.480.000.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		703.854.565.209	422.539.441.357
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(537.779.391.734)	(382.163.568.819)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(14.367.116.652)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		166.075.173.475	171.488.755.886
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(36.519.647.417)	86.535.875.491

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		107.117.471.265	20.493.531.910
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(265.446.288)	88.063.864
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>70.332.377.560</u>	<u>107.117.471.265</u>

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 360.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 360.000.000.000 đồng; tương đương 36.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 719 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 774 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2022, do thành công trong việc đẩy mạnh mở rộng thị trường và chuyển dịch cơ cấu kinh doanh sang các kênh phân phối bán lẻ nên quy mô doanh thu và tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty có sự tăng trưởng mạnh. Theo đó doanh thu của Công ty đã tăng 27,472% so với năm 2021 đồng thời lợi nhuận gộp tăng từ mức 16,14% trong năm 2021 lên đến 18,12% trong năm 2022, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận gộp là 43,08%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	88,17%	88,17%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh BĐS cho thuê.

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: xem chi tiết tại Thuyết minh số 3.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh”.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được ghi nhận theo giá trị thương hiệu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn quy định trong hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chỉ tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang

Vào ngày 01/06/2022, Công ty đã mua 88,17% cổ phần của Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Và Đầu tư Hoàng Gia Khang, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3602194679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2009 các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Và Đầu tư Hoàng Gia Khang là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Công ty mua cho mục đích mở rộng kinh doanh.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất Và Đầu tư Hoàng Gia Khang vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý (a)	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
Tài sản			
Tiền	674.503.567	-	674.503.567
Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.403.178.822	-	2.403.178.822
Trả trước cho người bán ngắn hạn	618.059.391	-	618.059.391
Phải thu ngắn hạn khác	14.300.000.000	-	14.300.000.000
Hàng tồn kho	-	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	901.556.722	-	901.556.722
Thuế GTGT được khấu trừ	2.334.690.945	-	2.334.690.945
Phải thu dài hạn khác	-	-	-
Tài sản cố định hữu hình	26.153.849.280	3.904.451.768	30.058.301.048
Tài sản cố định vô hình	-	67.639.223.219	67.639.223.219
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.740.912.000	-	1.740.912.000
Cộng tài sản	49.126.750.727	71.543.674.987	120.670.425.714
Nợ phải trả			
Nợ phải trả ngắn hạn	8.326.972.583	14.308.734.997	22.635.707.580
Nợ phải trả dài hạn	-	-	-
Cộng nợ phải trả	8.326.972.583	14.308.734.997	22.635.707.580
Tổng giá trị tài sản thuần	40.799.778.144		98.034.718.134
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		11,83%	11.597.507.156
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn			86.437.210.978
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			95.684.757.818
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15)			9.247.546.840

(a) Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý tại ngày Tập đoàn đạt quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang bao gồm:

- Đánh giá tăng thêm nguyên giá tài sản cố định 71.543.674.987 VND, đồng thời tăng khấu hao lũy kế tương ứng 1.056.210.180 VND, tài sản thuần tăng thêm 57,23 tỷ VND.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	259.900.414	18.184.383
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	70.072.477.146	107.099.286.882
	70.332.377.560	107.117.471.265

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu	3.500.000.000	-	500.000.000	-
	<u>3.500.000.000</u>	<u>-</u>	<u>500.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2022, Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 đồng và của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 đồng với lãi suất thả nổi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê (*)	-	-	25.840.000.000	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.840.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện thoái vốn 25.840.000.000 đồng với Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê theo Quyết định số 08/2022/QN-CPHG đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Top Tile	-	-	38.688.203.216	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	34.112.912.579	-	38.906.164.273	-
Công ty Cổ phần Vinagres	17.137.700.062	-	22.436.761.830	-
Royal American Wholesale	15.011.128.291	-	24.158.241.062	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	2.411.561.102	-	1.064.738.346	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	6.180.291.277	-	6.069.125.450	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	5.166.603.849	-	2.702.347.952	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	1.267.338.933	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	6.274.622.670	-	333.524.747	-
	87.562.158.763	-	134.359.106.876	-
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	100.842.260.277	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-
	232.905.800.645	-	224.099.305.515	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh (1)	9.197.304.313	-	-	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh (2)	20.000.000.000	-	-	-
	<u>29.197.304.313</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc (3)	30.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần SX & ĐT Dịch Vụ Hoàng Quân (4)	20.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long (5)	10.967.400.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú (6)	10.795.849.973	-	-	-
Shenzhen Bigceri Trade Co., Ltd	-	-	1.096.483.953	-
Các đối tượng khác	18.043.898.981	-	1.930.244.391	-
	<u>89.807.148.954</u>	<u>-</u>	<u>3.026.728.344</u>	<u>-</u>
	<u>119.004.453.267</u>	<u>-</u>	<u>3.026.728.344</u>	<u>-</u>

(1) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh theo hợp đồng 01/BB&NG/CPHG-HGX/2023 ký ngày 15/12/2022. Trong Quý I/2023 Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh đã thực hiện bàn giao lượng hàng tương ứng cho Công ty.

(2) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh theo hợp đồng mua bán số 009/2022/HĐMB/HG-BSX ngày 26/09/2022 với tổng giá trị là 20 tỷ đồng. Trong Quý I/2023 Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh đã bàn giao lượng hàng tương ứng với giá trị 8,9 tỷ đồng cho Công ty. Giá trị còn lại 11,1 tỷ đồng đang được thực hiện bàn giao xong trong tháng 5/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(3) Khoản ứng tiền cho Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc theo hợp đồng xây dựng số 019/2022/HĐTC/HG-AP ngày 22/09/2022 nhằm thực hiện xây dựng nhà máy sản xuất gạch ốp lát tấm lớn 4.0 tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai với tổng giá trị hợp đồng là 100 tỷ đồng, ứng trước 30 tỷ đồng. Tuy nhiên do gặp khó khăn trong quá trình xin giấy phép triển khai dự án mới nên Công ty có sự thay đổi chủ đầu tư dự án từ Công ty CP Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia sang Công ty CP Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Khang (công ty con). Theo đó Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Và Thiết kế Xây dựng An phúc và đã hoàn trả số tiền tạm ứng 20 tỷ đồng cho Công ty. Công ty và Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc tiếp tục ký hợp đồng xây dựng công trình phụ trợ số 006/2023/HĐTC/HG-AP ngày 06/01/2023 với tổng giá trị giao khoán là 20 tỷ đồng nhằm xây dựng công trình phụ trợ nhà xưởng (xây dựng mới, di dời kho liệu, cải tạo nhà kho thành phẩm, xây dựng hạ tầng xung quanh và sửa chữa một số hạng mục khác) và đã thực hiện triển khai xây dựng trong tháng 05/2023. 10 tỷ tiền tạm ứng còn lại được chuyển tiếp vào tiền tạm ứng của hợp đồng xây dựng mới này.

(4) Khoản ứng tiền cho Cổ Phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/2022/HG-HQ/HTKD ngày 20/09/2022 nhằm thực hiện dự án khai thác khoáng sản kết hợp trạm dừng nghỉ tại địa điểm Quốc lộ 14 Thị trấn Đắk Rve, Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên đến thời điểm 26/12/2022 căn cứ báo cáo tình hình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn trong quá trình xin giấy phép đầu tư các Bên nhận thấy việc triển khai Dự án này không khả thi và không thể hoàn thành kịp tiến độ theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do đó các bên chính thức thông nhất dừng thực hiện triển khai dự án này theo biên bản thanh lý hợp đồng số 01/2023/HG-HQ/BBTLHD ký ngày 13/01/2023. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân đã hoàn trả toàn bộ số tiền 20 tỷ đồng.

(5) Khoản ứng tiền cho Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long gồm hợp đồng số 2012HĐKT/HG-KL ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa đường nội bộ nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 6,9 tỷ đồng và hợp đồng số 1519HĐKT/HG-KL ký ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa thay mới phân xưởng 1,2 nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 15 tỷ đồng. Cả 2 hợp đồng đều đã thực hiện xây dựng xong trong Quý I/2023.

(6) Khoản ứng tiền cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú theo hợp đồng mua máy móc thiết bị số 01.2022/HĐNT/ĐTP-HG ngày 05/12/2022 có giá trị 13,7 tỷ đồng. Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú đã bàn giao lô máy móc thiết bị trong Quý I/2023.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	-	-	61.727.273	-
Ký cược, ký quỹ	420.000.000	-	420.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3.425.382.334	-
Công ty Cổ phần SX và ĐT Hoàng Gia Khang	-	-	5.379.319.126	-
Khoản ủy quyền mua tài sản (1)(2)	44.300.000.000	-	-	-
Phải thu liên quan hoạt động thuế tài chính	1.104.797.882	-	2.236.153.884	-
Phải thu khác	91.210.958	-	66.024.611	-
	45.916.008.840	-	11.588.607.228	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

		31/12/2022		01/01/2022	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng					
Bên liên quan					
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	-	-	5.379.319.126	-	-
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30.000.000.000	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	14.300.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	3.425.382.334	-	-
	44.300.000.000	-	8.804.701.460	-	-
Bên khác					
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	1.104.797.882	-	2.236.153.884	-	-
Các đối tượng khác	511.210.958	-	547.751.884	-	-
	1.616.008.840	-	2.783.905.768	-	-
	45.916.008.840	-	11.588.607.228	-	-
b) Dài hạn					
b.1) Chi tiết theo nội dung					
Ký cược, ký quỹ (3)	5.016.284.250	-	5.236.100.400	-	-
	5.016.284.250	-	5.236.100.400	-	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng					
Bên khác					
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	5.016.284.250	-	5.236.100.400	-	-
	5.016.284.250	-	5.236.100.400	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP-HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ đồng và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ đồng.

(2) Khoản thỏa thuận và giao việc cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm theo biên bản thỏa thuận số 06/HGK-NTBT/BBTT ngày 31/05/2022 về việc bà Nguyễn Thị Bích Trâm chủ sở hữu Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 43, phường Trường Thạnh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án Văn phòng showroom Hoàng Gia Khang. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 6 tỷ còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 8,3 tỷ đồng và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm số tiền 14,3 tỷ đồng.

(3) Trong kỳ, một số hợp đồng thuê tài chính hết hạn nên Công ty đã mua lại một số tài sản thuê tài chính dẫn đến số dư kỳ cược, kỳ quỹ dài hạn giảm.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	8.993.470	-	820.875.658	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.573.103.791	-	21.108.734.725	-
Công cụ, dụng cụ	20.471.313.583	-	22.185.856.931	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.216.780.353	-	18.443.659.258	-
Thành phẩm	264.620.279.492	-	208.169.289.527	-
Hàng hoá	254.432.455	-	-	-
Hàng gửi đi bán	733.238.559	-	2.250.837.872	-
	301.878.141.703	-	272.979.253.971	-

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	10.614.940.935	35.242.918.651
- Dự án dây chuyền sản xuất gạch granite cao cấp	-	35.242.918.651
- Thi công Máy ép gạch YP3609@Litai	813.430.001	-
- Thi công hệ thống tháp sấy phun	9.510.598.934	-
- Công trình xây dựng cơ bản khác	290.912.000	-
	10.614.940.935	35.242.918.651

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	79.051.900.066	387.516.713.140	8.927.855.191	2.508.212.298	184.000.000	478.188.680.695
- Mua trong kỳ	2.780.000.000	35.242.918.651	-	512.018.182	-	38.534.936.833
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.450.000.000	702.780.500	70.010.000	-	2.960.270.035	5.183.060.535
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	1.706.592.100	3.106.000.000	-	-	4.812.592.100
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	27.204.468.946	477.780.000	1.902.500.000	-	-	29.584.748.946
- Tăng do đánh giá chênh lệch tài sản	3.904.451.768	-	-	-	-	3.904.451.768
Số dư cuối kỳ	114.390.820.780	425.646.784.391	14.006.365.191	3.020.230.480	3.144.270.035	560.208.470.877
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	75.586.764.795	245.490.094.915	5.353.172.040	1.967.428.790	61.333.326	328.458.793.866
- Khấu hao trong kỳ	1.411.465.344	24.889.803.484	1.554.085.421	229.042.705	117.075.667	28.201.472.621
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	350.799.487	957.683.333	-	-	1.308.482.820
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.541.076.581	195.093.500	26.423.611	-	-	2.762.593.692
Số dư cuối kỳ	79.539.306.720	270.925.791.386	7.891.364.405	2.196.471.495	178.408.993	360.731.342.999
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	3.465.135.271	142.026.618.225	3.574.683.151	540.783.508	122.666.674	149.729.886.829
Tại ngày cuối kỳ	34.851.514.060	154.720.993.005	6.115.000.786	823.758.985	2.965.861.042	199.477.127.878

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 144.428.614.564 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 260.093.723.730 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	31.821.213.890	3.106.000.000	34.927.213.890
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.706.592.100)	(2.439.115.455)	(4.145.707.555)
Số dư cuối kỳ	<u>30.114.621.790</u>	<u>666.884.545</u>	<u>30.781.506.335</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	10.930.913.722	957.683.333	11.888.597.055
- Trích khấu hao	2.934.451.359	13.893.426	2.948.344.785
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(350.799.487)	(957.683.333)	(1.308.482.820)
Số dư cuối kỳ	<u>13.514.565.594</u>	<u>13.893.426</u>	<u>13.528.459.020</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	<u>20.890.300.168</u>	<u>2.148.316.667</u>	<u>23.038.616.835</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>16.600.056.196</u>	<u>652.991.119</u>	<u>17.253.047.315</u>

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý VND	Lợi thế quyền thuê (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	565.248.000	-	565.248.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	67.639.223.219	67.639.223.219
Số dư cuối kỳ	<u>565.248.000</u>	<u>67.639.223.219</u>	<u>68.204.471.219</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	333.196.266	-	333.196.266
- Khấu hao trong kỳ	93.129.599	975.565.720	1.068.695.319
Số dư cuối kỳ	<u>426.325.865</u>	<u>975.565.720</u>	<u>1.401.891.585</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	<u>232.051.734</u>	-	<u>232.051.734</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>138.922.135</u>	<u>66.663.657.499</u>	<u>66.802.579.634</u>

(*) Giá trị lợi thế quyền thuê đất khu công nghiệp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 292958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/12/2017 - thời hạn 35 năm 02 tháng theo chứng thư thẩm định giá Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang số 22/05/02/DN ngày 31/05/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Việt Nam.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	11.094.717.406	14.182.862.066
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.658.458	-
	<u>11.107.375.864</u>	<u>14.182.862.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.977.093.292	8.027.679.878
Chi phí thuê thương hiệu (*)	59.000.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	75.000.000	75.000.000
	77.052.093.292	8.102.679.878

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu Royal với Công ty TNHH Top Tile. Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng, giá trị thanh toán là 60 tỷ VND.

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Giá trị lợi thế thương mại của Công ty phát sinh khi mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang là 9.247.546.839 đồng được phân bổ với thời gian 10 năm. Tại ngày 31/12/2022, giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ là 8.785.169.497 đồng, giá trị lợi thế thương mại đã phân bổ trong kỳ là 462.377.342 đồng.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Công ty TNHH Top Tile	-	-	1.907.811.600	1.907.811.600
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	3.993.233.136	3.993.233.136	412.897.000	412.897.000
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	850.508.466	850.508.466	377.583.402	377.583.402
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	-	-	10.701.471.412	10.701.471.412
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	-	-	3.310.664.006	3.310.664.006
	4.843.741.602	4.843.741.602	16.710.427.420	16.710.427.420

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bên khác				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Huy Phát	7.374.780.638	7.374.780.638	2.870.936.952	2.870.936.952
Công ty Cổ phần Frit Huế	5.149.396.440	5.149.396.440	5.737.795.659	5.737.795.659
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	4.598.956.725	4.598.956.725	22.116.792.058	22.116.792.058
Công ty TNHH TM SX Vinh Chí Thành	5.019.570.651	5.019.570.651	2.615.245.906	2.615.245.906
Công ty Cổ phần Công nghệ HEXA GON	10.477.309.920	10.477.309.920	4.826.606.677	4.826.606.677
Phải trả các đối tượng khác	97.375.452.813	97.375.452.813	92.446.010.792	92.446.010.792
	129.995.467.187	129.995.467.187	130.613.388.044	130.613.388.044
	134.839.208.789	134.839.208.789	147.323.815.464	147.323.815.464

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH VINAMEN	18.543.688.039	1.738.134.779
FONG STEEL IMPORT EXPORT CO.,LTD	5.510.698.732	-
Công ty TNHH MTV Dững Đài Loan	6.000.417.811	4.413.408.440
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hùng Ngọc	6.155.494.183	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	1.693.844.498	3.207.568.212
Người mua trả tiền trước khác	20.549.627.271	18.915.396.850
	58.453.770.534	28.274.508.281

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	116.768.641.574	116.768.641.574	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.356.477.901	1.356.477.901	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.304.259.425	18.747.762.630	17.577.411.400	-	13.474.610.655
Thuế Thu nhập cá nhân	-	899.269.825	3.592.187.810	3.401.805.079	-	1.089.652.556
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.848.536.851	1.847.970.350	-	566.501
	-	13.203.529.250	142.319.606.766	140.958.306.304	-	14.564.829.712

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	470.788.682	194.327.521
- Trích trước chi phí tiền điện	1.307.268.400	-
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	8.636.392.525	-
- Trích trước chi phí chưa có hóa đơn chứng từ	1.456.205.853	2.049.696.111
	11.870.655.460	2.244.023.632

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.386.174.466	5.218.262.994
- Công ty TNHH Top Tile (*)	740.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	747.978.178	1.346.090.726
	6.874.152.644	6.564.353.720

(*) Khoản tiền mượn Công ty TNHH Top Tile theo hợp đồng 01/2021/HĐMT ký ngày 01/05/2021, kỳ hạn: không xác định, lãi suất 0%/năm, mục đích: bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	247.250.763.101	247.250.763.101	693.328.842.197	526.223.349.967	414.356.255.331	414.356.255.331
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh KCN Biên Hòa ⁽¹⁾	69.273.116.885	69.273.116.885	205.568.815.990	160.968.010.474	113.873.922.401	113.873.922.401
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Đồng Nai ⁽²⁾	76.697.455.344	76.697.455.344	146.829.543.238	128.648.837.252	94.878.161.330	94.878.161.330
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất ⁽³⁾	56.219.463.347	56.219.463.347	114.586.069.788	82.937.265.015	87.868.268.120	87.868.268.120
- Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex-Chi nhánh Vũng Tàu ⁽⁴⁾	45.060.727.525	45.060.727.525	116.344.413.181	103.669.237.226	57.735.903.480	57.735.903.480
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai ⁽⁵⁾	-	-	110.000.000.000	50.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	11.378.262.767	11.378.262.767	7.679.071.780	10.345.936.347	8.711.398.200	8.711.398.200
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất ⁽⁶⁾	180.000.000	180.000.000	170.000.000	180.000.000	170.000.000	170.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) ⁽⁷⁾	11.198.262.767	11.198.262.767	7.509.071.780	10.165.936.347	8.541.398.200	8.541.398.200
	258.629.025.868	258.629.025.868	701.007.913.977	536.569.286.314	423.067.653.531	423.067.653.531

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất ⁽⁶⁾	350.000.000	350.000.000	-	180.000.000	170.000.000	170.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) ⁽⁷⁾	22.673.727.742	22.673.727.742	7.509.071.780	11.376.041.767	18.806.757.755	18.806.757.755
	<u>23.023.727.742</u>	<u>23.023.727.742</u>	<u>7.509.071.780</u>	<u>11.556.041.767</u>	<u>18.976.757.755</u>	<u>18.976.757.755</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(11.378.262.767)	(11.378.262.767)	(7.679.071.780)	(10.345.936.347)	(8.711.398.200)	(8.711.398.200)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>11.645.464.975</u>	<u>11.645.464.975</u>			<u>10.265.359.555</u>	<u>10.265.359.555</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐÀU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2022 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 31/12/2022	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa								
06//2022- HCVHM/NHCT682- HOANGGIA	28/06/2022	150.000.000.000	113.873.922.401 VNĐ	113.873.922.401	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp bao gồm MMTB, NCVKT, TSK khác với tổng giá trị còn lại là 103,6 tỷ đồng
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai								
202025393705	19/01/2022	96.000.000.000	58.899.450.650 VNĐ và 1.514.255,50 USD	94.878.161.330	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 71 tỷ đồng
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
01/2022/7856791/HDT D	15/04/2022	100.000.000.000	41.668.421.240 VNĐ và 1.944.438 USD	87.868.268.120	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp gồm các hợp đồng tiền gửi và trái phiếu với tổng giá trị 3,4 tỷ và tài sản gồm MMTB và PTVT với tổng giá trị 11,14 tỷ đồng
(4) Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu								
510.30353/2021/HĐH M-PN/PGBankVT	19/07/2021	60.000.000.000	55.399.867.800 VNĐ và 98.318 USD	57.735.903.480	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp là hàng hóa thành phẩm với tổng giá trị 57,4 tỷ đồng
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai								
2022050/HDTD/QLN	07/06/2022	60.000.000.000	60.000.000.000 VNĐ	60.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2022	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(6) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
02/2018/7856791/HĐT D	27/11/2018	890.000.000	170.000.000	170.000.000	Thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán số 123/1810/CTF/HĐMB	60 tháng	11,3%/năm	Các hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/ bảo lãnh.
(7) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010201906034	02/07/2019	4.816.304.885	903.057.615	903.057.000	Đầu tư 01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ SX gạch men mới 100%
SBL010201907002	08/07/2019	1.849.924.310	462.480.710	462.481.200	Đầu tư 01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%
SBL010201905014	21/05/2019	11.299.241.800	2.118.608.000	2.118.607.800	Đầu tư 01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%	48 tháng	9,6%/năm	01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%
SBL010201907019	24/07/2019	12.310.294.400	3.002.994.600	3.002.994.600	Đầu tư 01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn: (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày HB	Hạn mức	Số dư 31/12/2022	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(7) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010202009015	23/09/2020	2.275.673.400	1.125.601.050	562.800.400	Đầu tư 01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men	48 tháng	9%/năm	01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men
SBL010202011014	09/11/2020	3.588.315.500	2.242.697.300	897.078.800	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	25/03/2021	2.472.714.300	1.545.446.700	618.178.400	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum	48 tháng	9%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum
SBL010202210047	28/10/2022	584.800.000	584.800.000	146.200.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%/năm	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	31/08/2022	6.821.071.780	6.821.071.780		Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND		VND	VND		VND		VND		VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000		4.537.555.403	1.134.388.850		89.052.461.842		-		214.724.406.095
Lãi trong kỳ trước	-		-	-		42.355.140.691		-		42.355.140.691
Tăng vốn trong kỳ trước	240.000.000.000		-	-		(94.520.000.000)		-		145.480.000.000
Điều chuyển vốn (*)	-		(4.537.555.403)	(1.134.388.850)		5.671.944.253		-		-
Số dư cuối kỳ trước	360.000.000.000		-	-		42.559.546.786		-		402.559.546.786
Số dư đầu kỳ này	360.000.000.000		-	-		42.559.546.786		-		402.559.546.786
Lãi trong kỳ này	-		-	-		74.332.453.248		466.048.372		74.798.501.620
Tăng do mua Công ty con	-		-	-		-		11.597.507.156		11.597.507.156
Số dư cuối kỳ này	360.000.000.000		-	-		116.892.000.034		12.063.555.528		488.955.555.562

(*) Theo NQ ĐHĐCĐ số 0701-2021/NQ-HG ngày 07/01/2021, Công ty thực hiện điều chuyển chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2021 sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi điều chuyển các quỹ là: 94.724.406.095 đồng, trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2020: 89.052.461.842 đồng;
 - Quỹ đầu tư phát triển được điều chuyển sang: 4.537.555.403 đồng;
 - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được điều chuyển sang: 1.134.388.850 đồng.
- Theo NQ ĐHĐCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền là 94.520.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ		Đầu kỳ		Tỷ lệ	
	VND		(%)		VND		(%)	
Ông Đình Việt Anh	93.600.000.000		26,00		129.600.000.000		36,00	
Bà Lê Thị Vi Na	88.740.000.000		24,65		16.740.000.000		4,65	
Bà Nguyễn Thị Lê	67.860.000.000		18,85		16.200.000.000		4,50	
Ông Huỳnh Quang Báo	16.200.000.000		4,50		16.200.000.000		4,50	
Ông Trương Văn Việt	3.600.000.000		1,00		18.000.000.000		5,00	
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	-		-		43.200.000.000		12,00	
Các cổ đông khác	90.000.000.000		25,00		120.060.000.000		33,35	
	360.000.000.000		100,00		360.000.000.000		100,00	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	360.000.000.000	120.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	240.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.000.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê 90.171 m2 đất để xây dựng nhà xưởng tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.458.690.548	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	23.662.762.740	14.195.340.000
- Trên 5 năm	159.211.825.000	106.760.786.250

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	556.260,34	75.053,73

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	90.755.153.796	81.791.729.362
Doanh thu bán thành phẩm	1.200.276.630.331	923.692.805.201
Doanh thu bán nguyên vật liệu	102.303.844.528	89.969.660.137
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.059.964.170	1.624.082.776
	1.398.395.592.825	1.097.078.277.476

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.487.610.100	3.509.703.117
Hàng bán bị trả lại	16.657.613	-
Giảm giá hàng bán	99.732.202	-
	1.603.999.915	3.509.703.117

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	81.286.892.416	73.996.804.260
Giá vốn của thành phẩm đã bán	955.657.718.448	755.573.636.350
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	100.797.788.845	85.333.264.603
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.211.526.118	1.472.192.886
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	106.001.696
	1.142.953.925.827	916.481.899.795

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	170.711.876	33.559.481
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.549.446.651	387.995.256
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.313.761.513	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.682.814	-
	5.046.602.854	421.554.737

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.887.038.455	19.652.187.687
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	416.512.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.966.476.398	1.334.663.138
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	638.152.326
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(6.937.530.803)
Chi phí tài chính khác	313.420.165	-
	32.166.935.018	15.103.984.538

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.395.291.541	618.072.253
Chi phí nhân công	23.686.363.518	19.755.504.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	156.055.989	138.262.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.972.967.646	44.457.402.362
Chi phí khác bằng tiền	9.899.051	1.380.183.676
	80.220.577.745	66.349.425.290

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	878.557.040	756.547.325
Chi phí nhân công	30.677.390.602	19.509.380.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.251.652.854	1.215.224.504
Thuế, phí, lệ phí	4.020.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.280.734.938	13.198.673.859
Chi phí khác bằng tiền	129.404.801	300.522.410
Phân bổ lợi thế thương mại	462.377.342	-
	52.684.137.577	34.984.348.178

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Xử lý công nợ	73.570.601	196.508.930
Thu nhập khác	2.980.000	-
	76.550.601	196.508.930

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	537.146.870	6.382.745.204
Chi phí khác	17.001.114	224.834.905
	554.147.984	6.607.580.109

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	17.931.952.534	12.304.259.425
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Hoàng Gia Khang	815.810.096	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.747.762.630	12.304.259.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.304.259.425	8.496.852.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(17.577.411.400)	(8.496.852.305)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	13.474.610.655	12.304.259.425

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	14.097.492.961	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	14.097.492.961	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(211.242.036)	-
	(211.242.036)	-

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	74.332.453.248	42.355.140.691
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	74.332.453.248	42.355.140.691
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.065	1.177

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	775.830.905.916	553.381.140.699
Chi phí nhân công	172.948.469.241	124.925.323.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.218.512.725	27.631.667.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.093.333.208	123.093.574.989
Chi phí khác bằng tiền	788.697.443	1.987.087.394
	1.135.879.918.533	831.018.794.141

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	70.332.377.560	-	-	70.332.377.560
Phải thu khách hàng, phải thu khác	278.821.809.485	5.016.284.250	-	283.838.093.735
Các khoản cho vay	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
	<u>349.154.187.045</u>	<u>8.516.284.250</u>	<u>-</u>	<u>357.670.471.295</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	107.117.471.265	-	-	107.117.471.265
Phải thu khách hàng, phải thu khác	235.687.912.743	5.236.100.400	-	240.924.013.143
Các khoản cho vay	-	500.000.000	-	500.000.000
	<u>342.805.384.008</u>	<u>5.736.100.400</u>	<u>-</u>	<u>348.541.484.408</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	423.067.653.531	10.265.359.555	-	433.333.013.086
Phải trả người bán, phải trả khác	141.713.361.433	1.000.000.000	-	142.713.361.433
Chi phí phải trả	11.870.655.460	-	-	11.870.655.460
	<u>576.651.670.424</u>	<u>11.265.359.555</u>	<u>-</u>	<u>587.917.029.979</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	258.629.025.868	11.645.464.975	-	270.274.490.843
Phải trả người bán, phải trả khác	153.888.169.184	-	-	153.888.169.184
Chi phí phải trả	2.244.023.632	-	-	2.244.023.632
	<u>414.761.218.684</u>	<u>11.645.464.975</u>	<u>-</u>	<u>426.406.683.659</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Top Tile (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022)	Công ty TNHH Top Tile là Công ty mẹ của Công ty đến tháng 01/2021, Công ty này không còn là bên liên quan trong năm 2022
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Có cùng nhiều cổ đông góp vốn
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung đến tháng 06/2022 là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	Công ty TNHH Top Tile là Công ty mẹ của Công ty đến tháng 01/2021 và Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên đến tháng 12/2021
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Ông Đinh Việt Anh chủ tịch HĐQT là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên Hội Đồng Quản Trị đến ngày 01/01/2022
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Kiểm Tổng Giám đốc đến ngày 28/12/2021
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc đến ngày 01/01/2022
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2022
Ông Phan Bá Hiệu	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi
	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng từ ngày 01/01/2022
Ông Nguyễn Minh Tấn	Kế toán trưởng đến ngày 01/01/2022
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán từ ngày 01/01/2022
Ông Võ Anh Minh	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ từ ngày 01/01/2022

Sổ dư với các bên liên quan được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh trên.

Ngoài các giao dịch được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh nêu trên, trong kỳ, Công ty còn có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu	229.351.411.438	385.299.536.317
Công ty TNHH Top Tile (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022, năm 2022 Công ty này không còn là bên liên quan)		214.760.569.528
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	9.435.838.924	2.710.869.828
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	32.652.468.806	33.411.019.374
Công ty Cổ phần Vinagres	127.489.202.042	98.710.976.842
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	28.060.469.051	11.896.566.551
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	9.487.685.779	11.675.000.834
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	3.103.216.929	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	19.122.529.907	9.467.688.208
Royal American Wholesale	-	2.666.845.152
Mua hàng	87.316.335.829	84.055.589.723
Công ty TNHH TOP TILE (Công ty được đổi tên từ Công ty TNHH Gạch Men Hoàng Gia từ ngày 07/04/2022)		30.697.359.094
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Royal House	1.645.079.584	997.670.000
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	72.920.656.697	40.559.946.690
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	475.405.180	381.828.479
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	12.275.194.368	11.418.785.460

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán từ ngày 01/01/2022 (Tổng giám đốc miễn nhiệm ngày 01/01/2022)	638.461.570	-
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	558.653.880	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 28/12/2021 và Thành viên Hội Đồng Quản Trị miễn nhiệm ngày 01/01/2022		300.000.000
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	683.174.521	-
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	687.407.470	-
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/01/2022	646.175.097	-
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội Đồng Quản Trị miễn nhiệm ngày 01/01/2022	-	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng bổ nhiệm ngày 01/01/2022	550.303.940	-

**40 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Minh Tấn
Người lập

Nguyễn Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
(Báo cáo tự lập)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	01-02
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	03
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	04-05
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	06-41

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		804.713.632.623	776.347.498.653
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.593.474.540	70.134.104.647
111	1. Tiền		10.593.474.540	70.134.104.647
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.002.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.002.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		398.129.354.039	383.526.262.752
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	312.768.427.720	232.905.800.645
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	52.412.188.150	119.004.453.267
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	32.948.738.169	31.616.008.840
140	IV. Hàng tồn kho	8	369.010.274.893	301.878.141.703
141	1. Hàng tồn kho		369.010.274.893	301.878.141.703
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.978.529.151	20.808.989.551
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	10.435.198.768	11.094.717.406
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.543.330.383	9.714.272.145
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		467.621.076.762	375.440.701.333
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.622.843.900	5.016.284.250
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.622.843.900	5.016.284.250
220	II. Tài sản cố định		248.867.006.670	183.863.537.038
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	215.291.448.257	166.471.567.588
222	- Nguyên giá		585.764.651.353	522.969.270.163
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(370.473.203.096)	(356.497.702.575)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	33.463.601.080	17.253.047.315
225	- Nguyên giá		48.893.955.009	30.781.506.335
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.430.353.929)	(13.528.459.020)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	111.957.333	138.922.135
228	- Nguyên giá		565.248.000	565.248.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(453.290.667)	(426.325.865)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	92.007.500	10.324.028.935
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		92.007.500	10.324.028.935
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	145.930.137.818	99.184.757.818
251	1. Đầu tư vào công ty con		142.430.137.818	95.684.757.818
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	3.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		69.109.080.874	77.052.093.292
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	69.109.080.874	77.052.093.292
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.272.334.709.385	1.151.788.199.986

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		775.003.457.427	677.062.352.770
310	I. Nợ ngắn hạn		757.577.031.997	665.796.993.215
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	173.973.288.412	135.368.181.015
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	78.081.402.868	58.453.770.534
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.055.063.089	13.721.119.616
314	4. Phải trả người lao động		10.442.011.646	16.620.720.254
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	11.817.471.923	11.810.655.460
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	8.411.041.010	6.134.152.644
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	468.176.012.888	423.067.653.531
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		620.740.161	620.740.161
330	II. Nợ dài hạn		17.426.425.430	11.265.359.555
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	1.000.000.000	1.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	16.426.425.430	10.265.359.555
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		497.331.251.958	474.725.847.216
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	497.331.251.958	474.725.847.216
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		360.000.000.000	360.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	360.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		137.331.251.958	114.725.847.216
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		114.725.847.216	42.559.546.786
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		22.605.404.742	72.166.300.430
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.272.334.709.385	1.151.788.199.986

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Kim Loan

Trịnh Xuân Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2-2023		Quý 2-2022		Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023		Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022	
			VND		VND		VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	313.238.904.579		382.961.031.459		549.155.801.583		666.251.009.215	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	-		543.115.185		36.538.040		1.498.544.773	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		313.238.904.579		382.417.916.274		549.119.263.543		664.752.464.442	
11	4. Giá vốn hàng bán	24	243.793.423.933		309.679.682.364		430.934.848.225		534.442.815.747	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.445.480.646		72.738.233.910		118.184.415.318		130.309.648.695	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	735.384.042		1.670.426.866		1.320.795.796		1.975.295.375	
22	7. Chi phí tài chính	26	12.234.527.446		6.335.450.123		21.954.335.014		13.471.872.118	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.123.352.046		5.417.064.003		20.634.088.347		10.470.854.022	
25	8. Chi phí bán hàng	27	25.382.892.623		22.883.346.718		40.517.545.922		37.981.877.424	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	16.408.989.778		11.611.074.282		30.097.913.216		21.048.234.310	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.154.454.841		33.578.789.653		26.935.416.962		59.782.960.218	
31	11. Thu nhập khác	29	1.525.267.814		72.981.159		1.525.267.950		75.970.208	
32	12. Chi phí khác	30	(209.297.191)		302.110.891		31.644.581		554.054.633	
40	13. Lợi nhuận khác		1.734.565.005		(229.129.732)		1.493.623.369		(478.084.425)	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.889.019.846		33.349.659.921		28.429.040.331		59.304.875.793	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.809.541.052		5.586.487.734		5.823.635.589		11.802.268.716	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.079.478.794		27.763.172.187		22.605.404.742		47.502.607.077	
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	391		771		628		1.320	

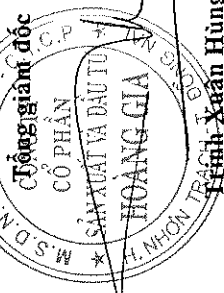
Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Kim Loan

Đồng Nai, ngày 08 tháng 07 năm 2023



Trịnh Xuân Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

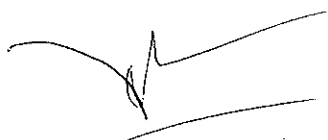
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	549.155.801.583	666.251.009.215
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	36.538.040	1.498.544.773
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		549.119.263.543	664.752.464.442
11	4. Giá vốn hàng bán	24	430.934.848.225	534.442.815.747
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		118.184.415.318	130.309.648.695
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.320.795.796	1.975.295.375
22	7. Chi phí tài chính	26	21.954.335.014	13.471.872.118
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		20.634.088.347	10.470.854.022
25	8. Chi phí bán hàng	27	40.517.545.922	37.981.877.424
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	30.097.913.216	21.048.234.310
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.935.416.962	59.782.960.218
31	11. Thu nhập khác	29	1.525.267.950	75.970.208
32	12. Chi phí khác	30	31.644.581	554.054.633
40	13. Lợi nhuận khác		1.493.623.369	(478.084.425)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.429.040.331	59.304.875.793
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	5.823.635.589	11.802.268.716
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>22.605.404.742</u>	<u>47.502.607.077</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	628	1.320

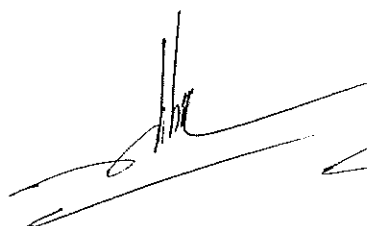
Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Nguyễn Minh Tấn


Nguyễn Thị Kim Loan


Trịnh Xuân Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		28.429.040.331	59.304.875.793
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.904.360.232	16.056.396.937
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		647.297.614	(203.164.651)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(139.927.629)	(35.780.838)
06	- Chi phí lãi vay		20.634.088.347	10.470.854.022
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		65.474.858.895	85.593.181.263
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17.038.709.175)	(134.101.608.414)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(67.132.133.190)	1.031.713.200
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		48.422.132.466	3.003.321.878
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.602.531.056	(5.728.832.051)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.794.544.037)	(10.665.181.543)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.658.800.559)	(11.711.097.031)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.875.335.456	(72.578.502.698)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(62.795.381.190)	(2.633.526.784)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.002.000.000)	(3.000.000.000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(46.745.380.000)	(95.684.757.818)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	14.378.098
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(112.542.761.190)	(101.303.906.504)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		434.471.589.860	311.098.276.766
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(382.348.820.403)	(208.207.031.819)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(7.014.410.100)	(6.172.896.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		45.108.359.357	96.718.348.597

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(59.559.066.377)	(77.164.060.605)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		70.134.104.647	107.117.471.265
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.436.270	52.159.260
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>10.593.474.540</u>	<u>30.005.569.920</u>

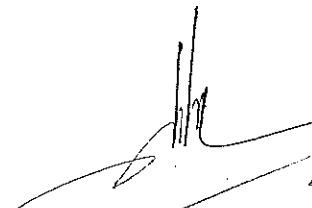
Người lập

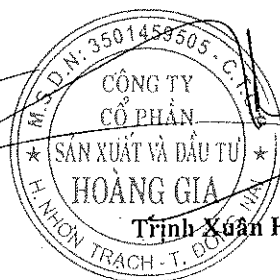
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Tổng giám đốc


Nguyễn Minh Tấn


Nguyễn Thị Kim Loan



Trịnh Xuân Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 360.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 360.000.000.000 đồng; tương đương 36.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 685 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 719 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có một Công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con : Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được căn cứ vào thời gian trên hợp đồng sử dụng thương hiệu.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong 6 tháng năm 2023 báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của 6 tháng năm 2023 báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong 6 tháng năm 2023 và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ báo cáo tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	157.897.740	112.531.478
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.435.576.800	70.021.573.169
	<u>10.593.474.540</u>	<u>70.134.104.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	3.002.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	3.002.000.000	-	-	-
- Trái phiếu (2)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
	<u>6.502.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.500.000.000</u>	<u>-</u>

(1) Tại ngày 30/06/2023, Khoản tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,5%/năm, số dư tiền gửi 2.000.000 đồng, ngày đáo hạn 30/09/2023 và tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,3%/năm, số dư tiền gửi 3.000.000.000 đồng, ngày đáo hạn 23/12/2023

(2) Tại ngày 30/06/2023, Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 đồng và do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.000.000.000 đồng với lãi suất thả nổi

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang (*)	142.430.137.818	-	95.684.757.818	-
	142.430.137.818	-	95.684.757.818	-
	<u>142.430.137.818</u>	<u>-</u>	<u>95.684.757.818</u>	<u>-</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện quyền mua thêm 4.674.538 cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu và tổng giá trị là 46.745.380.000 đồng theo mục đích sử dụng vốn tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2023/NQ - HGK ngày 01/03/2023.

Vào ngày 01/06/2022, Công ty đã mua 88,17% cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3602194679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2009 các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Công ty mua cho mục đích mở rộng kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	-	-	34.112.912.579	-
Công ty Cổ phần Vinagres	28.795.338.377	-	17.137.700.062	-
Royal American Wholesale	8.009.980.285	-	15.011.128.291	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	-	-	2.411.561.102	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	-	-	6.180.291.277	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	-	-	5.166.603.849	-
Công Ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	29.138.625.585	-	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	807.097.265	-	1.267.338.933	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	-	6.274.622.670	-
	66.751.041.512	-	87.562.158.763	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

b)	Bên khác				
	Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	14.781.733.105	-	20.927.044.261	-
	Công Ty TNHH Top Tile	43.507.866.471		24.886.727.180	
	New Pacific Marble & Tile	23.594.520.852	-	23.574.337.344	-
	Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	36.973.514.347	-		-
	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	10.274.718.697	-		-
	Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	3.004.014.681	-		-
	Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	6.143.041.521	-		-
	CARE ABOUT TRADING CO., LTD	9.964.003.297	-	6.891.700.605	-
	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Lộc Khang	12.001.665.882	-	-	-
	Công ty TNHH Việt Bảo Phúc	9.061.294.978	-	-	-
	Phải thu khách hàng khác	76.711.012.377	-	69.063.832.492	-
		<u>246.017.386.208</u>	<u>-</u>	<u>145.343.641.882</u>	<u>-</u>
		<u>312.768.427.720</u>	<u>-</u>	<u>232.905.800.645</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh ⁽¹⁾	12.188.024.839	-	9.197.304.313	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh ⁽²⁾	-	-	20.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê ⁽³⁾	7.302.567.341	-	-	-
	<u>19.490.592.180</u>	<u>-</u>	<u>29.197.304.313</u>	<u>-</u>
b) Bên khác				
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc ⁽⁴⁾	10.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần SX & ĐT Dịch Vụ Hoàng Quân ⁽⁵⁾	-	-	20.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long ⁽⁶⁾	-	-	10.967.400.000	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú ⁽⁷⁾	-	-	10.795.849.973	-
DLT TECHNOLOGY CO., LTD	2.370.874.791	-	-	-
Công Ty TNHH TM Sơn TION	2.766.575.130	-	-	-
Các đối tượng khác	17.784.146.049	-	18.043.898.981	-
	<u>32.921.595.970</u>	<u>-</u>	<u>89.807.148.954</u>	<u>-</u>
	<u>52.412.188.150</u>	<u>-</u>	<u>119.004.453.267</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

- (1) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh theo hợp đồng 01/BB&NG/CPHG-HGX/2023 ký ngày 15/12/2022. Trong Quý I&II/2023 Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh đã thực hiện bàn giao lượng hàng tương ứng cho Công ty và tiếp tục thực hiện cho các tháng còn lại của năm 2023
- (2) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh theo hợp đồng mua bán số 009/2022/HĐMB/HG-BSX ngày 26/09/2022 với tổng giá trị là 20 tỷ đồng. Trong Quý I&II/2023 Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh đã bàn giao đủ lượng hàng cho công ty.
- (3) Khoản ứng tiền mua sản phẩm ván lót sàn (SPC) cho Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê theo hợp đồng nguyên tắc số 01012023NĐ ngày 01/01/2023. Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê sẽ cung cấp cho Công ty sản phẩm SPC để xuất bán thị trường nội địa. Trong kỳ Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê đã bàn giao lượng hàng với giá trị 17,6 tỷ đồng. Thời hạn của hợp đồng từ 01/01/2023 đến 31/12/2023. Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê tiếp tục giao hàng cho các tháng còn lại của năm 2023
- (4) Công ty và Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc đã ký hợp đồng xây dựng công trình phụ trợ số 006/2023/HĐTC/HG-AP ngày 06/01/2023 với tổng giá trị giao khoán là 20 tỷ đồng nhằm xây dựng công trình phụ trợ nhà xưởng (xây dựng mới, di dời kho liệu, cải tạo nhà kho thành phẩm, xây dựng hạ tầng xung quanh và sửa chữa một số hạng mục khác) và đang thực hiện triển khai xây dựng. Công ty đã tạm ứng số tiền 10 tỷ đồng cho Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc.
- (5) Khoản ứng tiền cho Công ty Cổ Phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/2022/HG-HQ/HTKD ngày 20/09/2022 nhằm thực hiện dự án khai thác khoáng sản kết hợp trạm dừng nghỉ tại địa điểm Quốc lộ 14 Thị trấn Đắk Rve, Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên đến thời điểm 26/12/2022 căn cứ báo cáo tình hình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn trong quá trình xin giấy phép đầu tư các Bên nhận thấy việc triển khai Dự án này không khả thi và không thể hoàn thành kịp tiến độ theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do đó các bên chính thức thông nhất dừng thực hiện triển khai dự án này theo biên bản thanh lý hợp đồng số 01/2023/HG-HQ/BBLHĐ ký ngày 13/01/2023. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân đã hoàn trả toàn bộ số tiền 20 tỷ đồng.
- (6) Khoản ứng tiền cho Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long gồm hợp đồng số 2012HĐKT/HG-KL ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa đường nội bộ nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 6,9 tỷ đồng và hợp đồng số 1519HĐKT/HG-KL ký ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa thay mới phân xưởng 1,2 nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 15 tỷ đồng. Cả 2 hợp đồng đều đã thực hiện xây dựng xong trong Quý I/2023
- (7) Khoản ứng tiền cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú theo hợp đồng mua máy móc thiết bị số 01.2022/HĐNT/ĐTP-HG ngày 05/12/2022 có giá trị 13,7 tỷ đồng. Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú đã bàn giao lô máy móc thiết bị trong Quý I/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	420.000.000	-	420.000.000	-
Khoản ủy quyền mua tài sản (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	2.400.900.743		1.104.797.882	
Lãi trái phiếu (3)	29.610.957		91.210.958	
Phải thu khác	98.226.469	-		-
	<u>32.948.738.169</u>	<u>-</u>	<u>31.616.008.840</u>	<u>-</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
a.2.1) Bên liên quan				
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>
a.2.2) Bên khác				
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	2.400.900.743	-	1.104.797.882	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam -CN Thống Nhất-TP.HCM	424.142.464		508.832.876	
Ngân Hàng TMCP Công Thương-CN KCN Biên Hòa	25.468.493		2.378.082	
Các đối tượng khác	98.226.469	-	-	-
	<u>2.948.738.169</u>	<u>-</u>	<u>1.616.008.840</u>	<u>-</u>
	<u>32.948.738.169</u>	<u>-</u>	<u>31.616.008.840</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ (2)	3.622.843.900	-	5.016.284.250	-
	<u>3.622.843.900</u>	<u>-</u>	<u>5.016.284.250</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín (2)	3.622.843.900	-	5.016.284.250	-
	<u>3.622.843.900</u>	<u>-</u>	<u>5.016.284.250</u>	<u>-</u>

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP-HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ đồng còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ đồng và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ đồng.

(2) Trong kỳ Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín trích từ số tiền ký quỹ 2.239.266.750 đồng để thanh toán cho khoản nợ gốc thuê tài chính tới hạn. Số tiền trên sẽ được công ty nộp bổ sung trong các tháng tiếp theo để duy trì ký quỹ theo hợp đồng thuê tài chính với Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín.
Bên cạnh đó trong kỳ công ty cũng đã nộp ký quỹ 845.826.400 đồng cho các hợp đồng thuê tài chính phát sinh

(3) Tại ngày 30/06/2023 Công ty ghi nhận lãi dự thu trái phiếu Ngân Hàng TMCP Công Thương-CN KCN Biên Hòa: 25.468.493 đồng và lãi dự thu trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam-CN Thống Nhất-TP.HCM: 4.142.464 đồng.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	27.980.938	-	8.993.470	-
Nguyên liệu, vật liệu (*)	71.822.521.341	-	8.573.103.791	-
Công cụ, dụng cụ	21.666.175.999	-	20.471.313.583	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.104.199.016	-	7.216.780.353	-
Thành phẩm	247.018.242.479	-	264.620.279.492	-
Hàng hoá	14.882.387.775	-	254.432.455	-
Hàng gửi đi bán	1.488.767.345	-	733.238.559	-
	<u>369.010.274.893</u>	<u>-</u>	<u>301.878.141.703</u>	<u>-</u>

(*) Trong kỳ công ty tăng dự trữ tồn kho về định mức an toàn bình quân 30 ngày sau khi đã phát triển các nguồn cung cấp ổn định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

9 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	88.507.500	10.324.028.935
- Thi công Máy ép gạch YP3609@Litai	-	813.430.001
- Thi công hệ thống tháp sấy phun (*)	-	9.510.598.934
- Thi công cải tạo văn phòng	88.507.500	-
- Hệ thống máy đóng gói	3.500.000	-
	92.007.500	10.324.028.935

(*) Dự án hệ thống tháp sấy phun

- Địa điểm xây dựng: Bên trong nhà máy của Công ty tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II.
- Mục đích xây dựng: Sấy phun bằng hệ thống nước nhằm nâng cao công tác bảo vệ môi trường và không ảnh hưởng đến công ty xung quanh.
- Tổng mức đầu tư: 10 tỷ đồng.
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Bắt đầu từ 10/12/2022 và dự kiến thực hiện trong 90 ngày.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2023: đã nghiệm thu đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	79.531.900.066	425.169.004.391	12.103.865.191	3.020.230.480	3.144.270.035	522.969.270.163
- Mua trong kỳ	-	36.500.187.804	-	178.250.000	-	36.678.437.804
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.116.943.386	-	-	-	-	26.116.943.386
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	105.648.843.452	461.669.192.195	12.103.865.191	3.198.480.480	3.144.270.035	585.764.651.353
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	75.892.044.739	270.682.919.886	7.547.857.462	2.196.471.495	178.408.993	356.497.702.575
- Khấu hao trong kỳ	1.154.055.692	11.902.272.361	622.584.962	139.374.004	157.213.502	13.975.500.521
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	77.046.100.431	282.585.192.247	8.170.442.424	2.335.845.499	335.622.495	370.473.203.096
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	3.639.855.327	154.486.084.505	4.556.007.729	823.758.985	2.965.861.042	166.471.567.588
Tại ngày cuối kỳ	28.602.743.021	179.083.999.948	3.933.422.767	862.634.981	2.808.647.540	215.291.448.257

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 142.968.251.121 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 269.314.708.865 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Trương kiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	30.114.621.790	666.884.545	30.781.506.335
- Thuê tài chính	18.112.448.674		18.112.448.674
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính			-
Số dư cuối kỳ	<u>48.227.070.464</u>	<u>666.884.545</u>	<u>48.893.955.009</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.514.565.594	13.893.426	13.528.459.020
- Trích khấu hao	1.860.214.627	41.680.282	1.901.894.909
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính			-
Số dư cuối kỳ	<u>15.374.780.221</u>	<u>55.573.708</u>	<u>15.430.353.929</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	16.600.056.196	652.991.119	17.253.047.315
Tại ngày cuối kỳ	<u>32.852.290.243</u>	<u>611.310.837</u>	<u>33.463.601.080</u>

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	565.248.000	565.248.000
Số dư cuối kỳ	<u>565.248.000</u>	<u>565.248.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	426.325.865	426.325.865
- Khấu hao trong kỳ	26.964.802	26.964.802
Số dư cuối kỳ	<u>453.290.667</u>	<u>453.290.667</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	138.922.135	138.922.135
Tại ngày cuối kỳ	<u>111.957.333</u>	<u>111.957.333</u>

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.435.198.768	11.094.717.406
	<u>10.435.198.768</u>	<u>11.094.717.406</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	16.109.080.874	17.977.093.292
Chi phí thiết kế Website	-	75.000.000
Chi phí sử dụng thương hiệu (*)	53.000.000.000	59.000.000.000
	<u>69.109.080.874</u>	<u>77.052.093.292</u>

(*) Trong năm 2022, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu Royal với Công ty TNHH Top Tile. Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng, giá trị thanh toán là 60 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	850.508.466	850.508.466
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	-	3.993.233.136	3.993.233.136
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	2.004.821.320	2.004.821.320	7.155.560.624	7.155.560.624
	<u>2.004.821.320</u>	<u>2.004.821.320</u>	<u>11.999.302.226</u>	<u>11.999.302.226</u>
b) Bên khác				
Công Ty TNHH MTV Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Huy Phát	2.174.613.208	2.174.613.208	7.374.780.638	7.374.780.638
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	5.173.036.036	5.173.036.036		
Công ty Cổ phần Frit Huế	8.030.139.590	8.030.139.590	5.149.396.440	5.149.396.440
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	-	-	4.598.956.725	4.598.956.725
Công ty TNHH TM SX Vinh Chí Thành	9.644.418.609	9.644.418.609	5.019.570.651	5.019.570.651
Công ty Cổ phần Công nghệ HEXA GON	13.331.298.702	13.331.298.702	10.477.309.920	10.477.309.920
KERAJET S.A	10.371.240.000	10.371.240.000	1.228.392.000	1.228.392.000
NITTO GANRYO KOGYO CO.,LIMITED	5.785.780.000	5.785.780.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	117.457.940.947	117.457.940.947	89.520.472.415	89.520.472.415
	<u>171.968.467.092</u>	<u>171.968.467.092</u>	<u>123.368.878.789</u>	<u>123.368.878.789</u>
	<u>173.973.288.412</u>	<u>173.973.288.412</u>	<u>135.368.181.015</u>	<u>135.368.181.015</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Bên liên quan		
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Miền Tây	159.621.299	-
	159.621.299	-
b) Bên khác		
Công Ty TNHH VINAMEN	16.102.529.304	18.543.688.039
FONG STEEL IMPORT EXPORT CO.,LTD	108.630.817	5.510.698.732
APOLLO FLORRING DISTRIBUTOR	5.450.113.982	-
Công ty TNHH MTV Dững Đài Loan	4.733.500.063	6.000.417.811
Công Ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hùng Ngọc	9.784.320.022	6.155.494.183
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	1.300.233.319	1.693.844.498
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hải Hà	9.598.415.865	684.269.400
Người mua trả tiền trước khác	30.844.038.197	19.865.357.871
	78.081.402.868	58.453.770.534

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	52.368.868.915	52.368.868.915	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.658.800.559	5.823.635.589	12.658.800.559	-	5.823.635.589
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.061.752.556	1.635.477.745	2.465.802.801	-	231.427.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	566.501	11.517.075	12.083.576	-	-
	-	13.721.119.616	59.839.499.324	67.505.555.851	-	6.055.063.089

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	482.104.449	470.788.682
- Trích trước chi phí tiền điện	1.220.464.100	1.307.268.400
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	9.406.719.362	8.636.392.525
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	83.386.365	266.912.047
- Trích trước chi tiền thuê đất	530.690.147	41.489.925
- Trích trước chi phí khác chưa có hóa đơn chứng từ	94.107.500	1.087.803.881
	11.817.471.923	11.810.655.460

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.454.177.502	5.386.174.466
- Bảo hiểm xã hội	1.892.128.710	-
- Bảo hiểm y tế	205.794.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	86.902.800	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	772.037.998	747.978.178
	8.411.041.010	6.134.152.644
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	414.356.255.331	414.356.255.331	428.788.696.535	383.987.603.703	459.157.348.163	459.157.348.163
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	113.873.922.401	113.873.922.401	172.075.659.362	136.115.659.806	149.833.921.957	149.833.921.957
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Đồng Nai (2)	94.878.161.330	94.878.161.330	77.515.200.210	76.125.445.669	96.267.915.871	96.267.915.871
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam- Chi nhánh Thống Nhất (3)	87.868.268.120	87.868.268.120	99.948.116.126	90.305.112.608	97.511.271.638	97.511.271.638
- Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex- Chi nhánh Vũng Tàu (4)	57.735.903.480	57.735.903.480	54.551.923.787	47.502.928.067	64.784.899.200	64.784.899.200
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Đồng Nai (5)	60.000.000.000	60.000.000.000	16.923.699.630	33.938.457.553	42.985.242.077	42.985.242.077
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội- Chi nhánh Phú Nhuận (6)			3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh HCM (7)			4.774.097.420	-	4.774.097.420	4.774.097.420
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	8.711.398.200	8.711.398.200	5.682.893.325	5.375.626.800	9.018.664.725	9.018.664.725
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam- Chi nhánh Thống Nhất (8)	170.000.000	170.000.000	-	90.000.000	80.000.000	80.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (9)	8.541.398.200	8.541.398.200	5.682.893.325	5.285.626.800	8.938.664.725	8.938.664.725
	423.067.653.531	423.067.653.531	434.471.589.860	389.363.230.503	468.176.012.888	468.176.012.888

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển						
- Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (8)	170.000.000	170.000.000	-	90.000.000	80.000.000	80.000.000
Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng						
- Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)	18.806.757.755	18.806.757.755	30.372.938.763	23.814.606.363	25.365.090.155	25.365.090.155
(9)						
	<u>18.976.757.755</u>	<u>18.976.757.755</u>	<u>30.372.938.763</u>	<u>23.904.606.363</u>	<u>25.445.090.155</u>	<u>25.445.090.155</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.711.398.200)	(8.711.398.200)	(5.682.893.325)	(5.375.626.800)	(9.018.664.725)	(9.018.664.725)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>10.265.359.555</u>	<u>10.265.359.555</u>			<u>16.426.425.430</u>	<u>16.426.425.430</u>

Tại thời điểm 30/06/2023 Công ty không phát sinh khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐÀU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 30/06/2023 (Nguyên tệ)	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa							
06/2022- HDCVHM/NHCT682- HOANGGIA	28-06-22	150.000.000.000	149.833.921.957 VND	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai							
202025393705	19/01/2022	96.000.000.000	67,541,283,031 VND và 1,202,769 USD	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất							
01/2022/7856791/HĐT D	15-04-22	100.000.000.000	97,511,271,638 VND	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(4) Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu							
510.30353/2021/HĐH M-PN/PGBankVT	19/07/2021	81.000.000.000	64,784,899,200 VND	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai							
2022050/HĐTD/QLN	07-06-22	60.000.000.000	42,985,242,077 VND	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội-Chi nhánh Phú Nhuận-Chi nhánh Phú Nhuận							
140795.23.109.828327	09-06-23	10.000.000.000	3,000,000,000 VND	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(7) Ngân hàng TMCP Tiên Phong-Chi nhánh HCM							
14/2023/HĐTD/HCM	28-02-23	100.000.000.000	4,774,097,420 VND	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn: (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 30/06/2023	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(8) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
02/2018/7856791/HĐT D	27-11-18	890.000.000	80.000.000	80.000.000	Thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán số 123/1810/CTF/HĐMB	60 tháng	11,3%/năm	Các hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/ bảo lãnh.
(9) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010201906034	02-07-19	4.816.304.885	301.019.615	301.019.615	Đầu tư 01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ SX gạch men mới 100%
SBL010201907002	08-07-19	1.849.924.310	231.240.110	231.240.110	Đầu tư 01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%
SBL010201905014	21-05-19	11.299.241.800	706.202.800	706.202.800	Đầu tư 01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%	48 tháng	9,6%/năm	01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%
SBL010201907019	24/07/2019	12.310.294.400	1.501.497.400	1.501.497.400	Đầu tư 01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%	01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn: (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 30/06/2023	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(9) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010202009015	23-09-20	2.275.673.400	844.200.850	562.800.400	Đầu tư 01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men	48 tháng	9%/năm	01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men
SBL010202011014	09-11-20	3.588.315.500	1.794.157.900	897.078.800	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	25-03-21	2.472.714.300	1.236.357.500	618.178.400	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)	48 tháng	9%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)
SBL010202210047	28-10-22	584.800.000	511.700.000	146.200.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	31-08-22	6.821.071.780	6.394.754.780	1.799.595.200	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	10-03-23	4.549.159.200	4.549.159.200	511.652.000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất XINCHENG INTERNATIONAL CO.,LTD	52 tháng	10.5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất XINCHENG INTERNATIONAL CO.,LTD
SBL010202301025	31-01-23	8.962.800.000	7.294.800.000	1.663.200.000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10.5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)/6+2. 01 máy phủ men khô model GL-PI200/L3.4WP

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số tại ngày 01/01/2022	360.000.000.000					42.559.546.786	402.559.546.786
Lãi trong kỳ trước	-		-	-		47.502.607.077	47.502.607.077
Số tại ngày 30/06/2022	360.000.000.000		-			90.062.153.863	450.062.153.863
Số tại ngày 01/01/2023	360.000.000.000		-			114.725.847.216	474.725.847.216
Lãi trong kỳ này	-		-			22.605.404.742	22.605.404.742
Số tại ngày 30/06/2023	360.000.000.000		-			137.331.251.958	497.331.251.958

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ		Tỷ lệ (%)
	VND	VND		VND	VND	
Ông Đình Việt Anh	93.600.000.000		26,00%	93.600.000.000		26,00%
Bà Lê Thị Vi Na	88.740.000.000		24,65%	88.740.000.000		24,65%
Bà Nguyễn Thị Lê	67.860.000.000		18,85%	67.860.000.000		18,85%
Ông Huỳnh Quang Báu	16.200.000.000		4,50%	16.200.000.000		4,50%
Ông Trương Văn Việt	3.600.000.000		1,00%	3.600.000.000		1,00%
Các cổ đông khác	90.000.000.000		25,00%	90.000.000.000		25,00%
	360.000.000.000		100%	360.000.000.000		100%

150
TỶ
N
Đ
G

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.000.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty đang thuê 60.000 m2 đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 30/06/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.641.400.000	3.630.690.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.565.600.000	14.522.760.000
- Trên 5 năm	104.083.350.000	105.895.125.000
	122.290.350.000	124.048.575.000

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	30.293,36	556.260,34

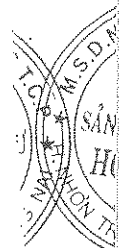
22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	54.777.167.887	33.024.623.750
Doanh thu bán thành phẩm	453.235.359.532	557.660.068.890
Doanh thu bán nguyên vật liệu	37.688.522.660	73.148.395.715
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.454.751.504	2.417.920.860
	549.155.801.583	666.251.009.215
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)	82.596.274.792	120.142.105.115

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	1.487.610.100
Hàng bán bị trả lại	36.538.040	9.535.854
Giảm giá hàng bán	-	1.398.819
	36.538.040	1.498.544.773

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.258.556.495	29.501.267.614
Giá vốn của thành phẩm đã bán	338.472.057.648	432.039.126.496
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	37.074.346.051	71.809.552.615
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.129.888.031	1.092.869.022
	430.934.848.225	534.442.815.747

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	84.771.931.526	39.760.274.479
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)		

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	139.927.629	35.780.838
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.180.868.167	1.736.349.886
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	203.164.651
	1.320.795.796	1.975.295.375

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.634.088.347	10.470.854.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	672.949.053	2.771.716.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	647.297.614	
Chi phí tài chính khác	-	229.301.335
	21.954.335.014	13.471.872.118

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.356.540.665	3.230.998
Chi phí nhân công	11.703.049.495	10.385.397.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.344.658	74.944.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.375.610.871	27.513.336.930
Chi phí khác bằng tiền	233	4.966.997
	40.517.545.922	37.981.877.424

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	343.084.229	329.502.119
Chi phí nhân công	15.506.470.799	14.287.276.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	664.800.622	623.321.857
Thuế, phí, lệ phí	4.309.471	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.458.132.101	5.734.673.106
Chi phí khác bằng tiền	121.115.994	69.460.717
	30.097.913.216	21.048.234.310

29 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý CCDC	55.006.553	-
Xử lý công nợ	-	72.990.208
Thu nhập khác (*)	1.470.261.397	2.980.000
	1.525.267.950	75.970.208

(*) chênh lệch giảm giữa chi phí tiền lương đã trích tháng 12/2022 và số thực chi trong năm 2023

30 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	31.644.483	552.165.511
Chi phí khác	98	1.889.122
	31.644.581	554.054.633

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.429.040.331	59.304.875.793
Các khoản điều chỉnh tăng	689.137.614	554.054.633
- Chi phí không hợp lệ	41.840.000	554.054.633
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	647.297.614	
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(847.586.846)
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(847.586.846)
Thu nhập chịu thuế TNDN	29.118.177.945	59.011.343.580
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	5.823.635.589	11.802.268.716
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	12.658.800.559	12.304.259.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(12.658.800.559)	(11.711.097.031)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	5.823.635.589	12.395.431.110

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	22.605.404.742	47.502.607.077
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.605.404.742	47.502.607.077
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	628	1.320

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.402.521.272	336.172.976.069
Chi phí nhân công	80.379.639.509	75.375.548.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.904.360.232	16.056.396.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.668.700.153	72.522.254.969
Chi phí khác bằng tiền	867.261.353	74.427.714
	394.222.482.519	500.201.603.979

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.593.474.540	-	-	10.593.474.540
Phải thu khách hàng, phải thu khác	345.717.165.889	3.622.843.900	-	349.340.009.789
Các khoản cho vay	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
	<u>356.310.640.429</u>	<u>7.122.843.900</u>	<u>-</u>	<u>363.433.484.329</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.134.104.647	-	-	70.134.104.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.521.809.485	5.016.284.250	-	269.538.093.735
Các khoản cho vay	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
	<u>334.655.914.132</u>	<u>8.516.284.250</u>	<u>-</u>	<u>343.172.198.382</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	468.176.012.888	16.426.425.430	-	484.602.438.318
Phải trả người bán, phải trả khác	182.384.329.422	-	-	182.384.329.422
Chi phí phải trả	11.817.471.923	-	-	11.817.471.923
	662.377.814.233	16.426.425.430	-	678.804.239.663
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	423.067.653.531	10.265.359.555	-	433.333.013.086
Phải trả người bán, phải trả khác	141.502.333.659	-	-	141.502.333.659
Chi phí phải trả	11.810.655.460	-	-	11.810.655.460
	576.380.642.650	10.265.359.555	-	586.646.002.205

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	Ông Đinh Việt Anh Chủ tịch HĐQT là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân đến tháng 12/2022.
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	Năm 2023 Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên không còn là bên liên quan
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Có cùng nhiều cổ đông góp vốn, là bên liên quan đến thời điểm 31/12/2022.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung đến tháng 06/2022, là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT, là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	Công ty con
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán
Bà Huỳnh Thị Đông Thi	Vợ ông Đinh Việt Anh
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đông Thi
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Võ Anh Minh	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Số dư với các bên liên quan được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh trên.

Ngoài các giao dịch được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh nêu trên, trong kỳ, Công ty còn có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	82.596.274.792	120.142.105.115
Công ty Cổ phần Vinagres	45.087.598.558	53.725.545.755
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	5.860.430.535
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	-	5.391.574.166
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	-	36.537.446.978
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	-	6.518.230.449
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	26.489.659.619	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	2.098.549.166	1.518.644.229
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	403.920	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	8.920.063.529	10.590.233.003
Mua hàng	84.771.931.526	39.760.274.479
Công ty Cổ phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	43.517.689.870	32.681.264.819
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	921.759.400
Công ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	14.455.083.875	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	20.233.356.143	447.857.530
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	6.565.801.638	5.709.392.730

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng năm 2023 VND	6 tháng năm 2022 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán	467.076.960	160.000.000
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	408.692.350	140.000.000
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	386.572.160	269.660.211
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	366.100.627	322.610.000
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	359.253.890	283.923.077
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	295.949.200	246.047.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC soát xét.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Kim Loan

Trịnh Xuân Hùng



QUỐC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

(Báo cáo tự lập)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	01-02
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	03
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	04-05
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	06-44

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		885.731.472.801	792.728.896.361
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	47.216.931.310	70.332.377.560
111	1. Tiền		47.216.931.310	70.332.377.560
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	3.002.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.002.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		440.013.416.945	397.826.262.752
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	322.206.548.826	232.905.800.645
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	70.557.797.950	119.004.453.267
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	47.249.070.169	45.916.008.840
140	IV. Hàng tồn kho	9	369.144.733.918	301.878.141.703
141	1. Hàng tồn kho		369.144.733.918	301.878.141.703
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26.354.390.628	22.692.114.346
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	11.505.514.569	11.107.375.864
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	14.848.876.059	11.584.738.482
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		432.798.236.262	388.501.242.802
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.622.843.900	5.016.284.250
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	3.622.843.900	5.016.284.250
220	II. Tài sản cố định		346.840.976.893	283.532.754.827
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	247.577.326.701	199.477.127.878
222	- Nguyên giá		623.294.764.067	560.208.470.877
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(375.717.437.366)	(360.731.342.999)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	33.463.601.080	17.253.047.315
225	- Nguyên giá		48.893.955.009	30.781.506.335
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.430.353.929)	(13.528.459.020)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	65.800.049.112	66.802.579.634
228	- Nguyên giá		68.204.471.219	68.204.471.219
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.404.422.107)	(1.401.891.585)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.402.542.439	10.614.940.935
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.402.542.439	10.614.940.935
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	3.500.000.000	3.500.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.500.000.000	3.500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		77.431.873.030	85.837.262.790
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	69.109.080.874	77.052.093.292
269	2. Lợi thế thương mại	15	8.322.792.156	8.785.169.498
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.318.529.709.063	1.181.230.139.163

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		797.207.416.650	692.274.583.601
310	I. Nợ ngắn hạn		765.894.740.295	666.911.731.085
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	178.596.055.490	134.839.208.789
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	78.081.402.868	58.453.770.534
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	7.265.664.597	14.564.829.712
314	4. Phải trả người lao động		10.525.239.803	16.620.720.254
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	13.351.723.478	11.870.655.460
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	9.277.901.010	6.874.152.644
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	468.176.012.888	423.067.653.531
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		620.740.161	620.740.161
330	II. Nợ dài hạn		31.312.676.355	25.362.852.516
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.000.000.000	1.000.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	16.426.425.430	10.265.359.555
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.a	13.886.250.925	14.097.492.961
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		521.322.292.413	488.955.555.562
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	521.322.292.413	488.955.555.562
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		360.000.000.000	360.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		360.000.000.000	360.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		142.274.335.327	116.892.000.034
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước		116.892.000.034	42.559.546.786
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		25.382.335.293	74.332.453.248
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		19.047.957.086	12.063.555.528
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.318.529.709.063	1.181.230.139.163

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Người lập

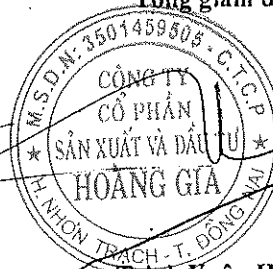
Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Kim Loan

Trịnh Xuân Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

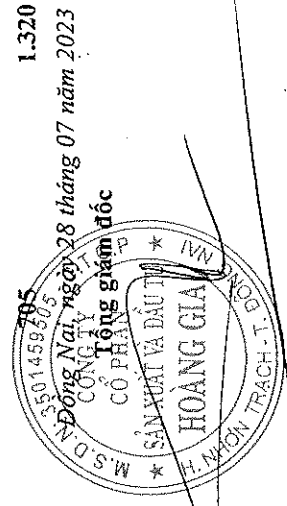
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2-2023		Quý 2-2022		Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023		Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022	
			VND		VND		VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	313.238.904.579		382.961.031.459		549.155.801.583		666.251.009.215	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	-		543.115.185		36.538.040		1.498.544.773	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		313.238.904.579		382.417.916.274		549.119.263.543		664.752.464.442	
11	4. Giá vốn hàng bán	26	245.704.384.199		309.679.682.364		432.886.130.721		534.442.815.747	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.534.520.380		72.738.233.910		116.233.132.822		130.309.648.695	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	2.221.186.397		1.670.426.866		2.892.131.616		1.975.295.375	
22	7. Chi phí tài chính	28	12.234.527.446		6.335.450.123		21.954.335.014		13.471.872.118	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.123.352.046		5.417.064.003		20.634.088.347		10.470.854.022	
25	9. Chi phí bán hàng	29	21.164.672.786		22.883.346.718		33.951.744.284		37.981.877.424	
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	17.121.648.405		11.611.074.282		31.770.973.513		21.048.234.310	
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.234.858.140		33.578.789.653		31.448.211.627		59.782.960.218	
31	12. Thu nhập khác	31	1.525.267.814		72.981.159		1.525.267.950		75.970.208	
32	13. Chi phí khác	32	(177.759.112)		302.110.891		63.182.660		554.054.633	
40	14. Lợi nhuận khác		1.703.026.926		(229.129.732)		1.462.085.290		(478.084.425)	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.937.885.066		33.349.659.921		32.910.296.917		59.304.875.793	
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		4.575.088.204		5.586.487.734		7.029.422.102		11.802.268.716	
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(105.621.018)		-		(211.242.036)		-	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16.468.417.880		27.763.172.187		26.092.116.851		47.502.607.077	
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		16.007.807.881		27.763.172.187		25.382.335.293		47.502.607.077	
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		460.609.999		-		709.781.558		-	
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	457		771		-		-	

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Kim Loan

Trịnh Xuân Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	549.155.801.583	666.251.009.215
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	36.538.040	1.498.544.773
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		549.119.263.543	664.752.464.442
11	4. Giá vốn hàng bán	26	432.886.130.721	534.442.815.747
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.233.132.822	130.309.648.695
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	2.892.131.616	1.975.295.375
22	7. Chi phí tài chính	28	21.954.335.014	13.471.872.118
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		20.634.088.347	10.470.854.022
25	9. Chi phí bán hàng	29	33.951.744.284	37.981.877.424
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	31.770.973.513	21.048.234.310
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.448.211.627	59.782.960.218
31	12. Thu nhập khác	31	1.525.267.950	75.970.208
32	13. Chi phí khác	32	63.182.660	554.054.633
40	14. Lợi nhuận khác		1.462.085.290	(478.084.425)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.910.296.917	59.304.875.793
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	7.029.422.102	11.802.268.716
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(211.242.036)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>26.092.116.851</u>	<u>47.502.607.077</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		25.382.335.293	47.502.607.077
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		709.781.558	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	705	1.320

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc


Nguyễn Minh Tấn


Nguyễn Thị Kim Loan



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		32.910.296.917	59.304.875.793
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		17.890.519.798	16.724.702.911
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		647.297.614	(203.164.651)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.711.263.449)	(35.780.838)
06	- Chi phí lãi vay		20.634.088.347	10.470.854.022
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		70.370.939.227	86.261.487.237
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(18.465.462.720)	(131.698.429.592)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(67.266.592.215)	1.031.713.200
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		53.575.536.122	600.143.056
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		7.544.873.713	(5.728.832.051)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.794.544.037)	(10.665.181.543)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.544.170.553)	(11.711.097.031)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.420.579.537	(71.910.196.724)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(81.231.902.990)	(2.633.526.784)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(3.002.000.000)	(3.000.000.000)
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(95.678.560.225)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.571.081.576	14.378.098
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(82.662.821.414)	(101.297.708.911)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		434.471.589.860	311.098.276.766
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(382.348.820.403)	(208.207.031.819)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(7.014.410.100)	(6.172.896.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		45.108.359.357	96.718.348.597
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(23.133.882.520)	(76.489.557.038)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		70.332.377.560	107.117.471.265
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.436.270	52.159.260
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	47.216.931.310	30.680.073.487

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Kim Loan

Nguyễn Xuân Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3501459505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 09 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 360.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 360.000.000.000 đồng; tương đương 36.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 685 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 719 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất máy móc thông dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất gạch ceramic, granite;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (đồ gỗ nội thất, mỹ nghệ...);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị Trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	88,17%	88,17%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh BĐS cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ kế toán và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh”.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

- Chi phí trả trước về sử dụng thương hiệu được căn cứ vào thời gian trên hợp đồng sử dụng thương hiệu.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/06/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm gạch ceramic, granite và vật liệu xây dựng từ đất sét của Công

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

Mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang

Vào ngày 01/06/2022, Công ty đã mua 88,17% cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất Và Đầu tư Hoàng Gia Khang, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3602194679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2009 các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Và Đầu tư Hoàng Gia Khang là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Công ty mua cho mục đích mở rộng kinh doanh.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Sản xuất Và Đầu tư Hoàng Gia Khang vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý (a)	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
Tài sản			
Tiền	674.503.567	-	674.503.567
Phải thu ngắn hạn khách hàng	2.403.178.822	-	2.403.178.822
Trả trước cho người bán ngắn hạn	618.059.391	-	618.059.391
Phải thu ngắn hạn khác	14.300.000.000	-	14.300.000.000
Hàng tồn kho	-	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	901.556.722	-	901.556.722
Thuế GTGT được khấu trừ	2.334.690.945	-	2.334.690.945
Phải thu dài hạn khác	-	-	-
Tài sản cố định hữu hình	26.153.849.280	3.904.451.768	30.058.301.048
Tài sản cố định vô hình	-	67.639.223.219	67.639.223.219
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.740.912.000	-	1.740.912.000
Cộng tài sản	49.126.750.727	71.543.674.987	120.670.425.714
Nợ phải trả			
Nợ phải trả ngắn hạn	8.326.972.583	14.308.734.997	22.635.707.580
Nợ phải trả dài hạn	-	-	-
Cộng nợ phải trả	8.326.972.583	14.308.734.997	22.635.707.580
Tổng giá trị tài sản thuần	40.799.778.144		98.034.718.134
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		11,83%	11.597.507.156
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn			86.437.210.978
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			95.684.757.818
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 15)			9.247.546.840

(a) Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý tại ngày Tập đoàn đạt quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang bao gồm:

Đánh giá tăng thêm nguyên giá tài sản số định 71.543.674.987 đồng, đồng thời tăng khấu hao lũy kế tương ứng 1.056.210.180 đồng, tài sản thuần tăng thêm 57,23 tỷ đồng.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	199.637.733	259.900.414
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.017.293.577	70.072.477.146
	47.216.931.310	70.332.377.560

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	3.002.000.000	-	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	3.002.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
- Trái phiếu (2)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
	6.502.000.000	-	3.500.000.000	-

(1) Tại ngày 30/06/2023, Khoản tiền gửi có kỳ hạn là tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,5%/năm, số dư tiền gửi 2.000.000 đồng, ngày đáo hạn 30/09/2023 và tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,3%/năm, số dư tiền gửi 3.000.000.000 đồng, ngày đáo hạn 23/12/2023

(2) Tại ngày 30/06/2023, Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu của do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 500.000.000 đồng và của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 8 năm có giá trị 3.500.000.000 đồng với lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	-	-	34.112.912.579	-
Công ty Cổ phần Vinagres	28.795.338.377	-	17.137.700.062	-
Royal American Wholesale	8.009.980.285	-	15.011.128.291	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	-	-	2.411.561.102	-
Cty CP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	-	-	6.180.291.277	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	-	-	5.166.603.849	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	-	6.274.622.670	-
Công Ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	29.138.625.585	-	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	807.097.265	-	1.267.338.933	-
	66.751.041.512	-	87.562.158.763	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	<u>Giá trị</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá trị</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
b) Bên khác				
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	14.781.733.105	-	20.927.044.261	-
Công ty TNHH TOP TILE	43.507.866.471		24.886.727.180	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	6.143.041.521	-	-	-
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	3.004.014.681	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	10.274.718.697	-	-	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	36.973.514.347	-	-	-
New Pacific Marble & Tile	23.594.520.852	-	23.574.337.344	-
CARE ABOUT TRADING CO., LTD	9.964.003.297	-	6.891.700.605	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Lộc Khang	12.001.665.882	-	-	-
Công ty TNHH Việt Bảo Phúc	18.499.416.084	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	76.711.012.377	-	69.063.832.492	-
	<u>255.455.507.314</u>	<u>-</u>	<u>145.343.641.882</u>	<u>-</u>
	<u>322.206.548.826</u>	<u>-</u>	<u>232.905.800.645</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh ⁽¹⁾	12.188.024.839	-	9.197.304.313	-
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh ⁽²⁾	-	-	20.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê ⁽³⁾	7.302.567.341	-	-	-
	<u>19.490.592.180</u>	<u>-</u>	<u>29.197.304.313</u>	<u>-</u>
b) Bên khác				
Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc ⁽⁴⁾	10.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ Phần SX & DT Dịch Vụ Hoàng Quân ⁽⁵⁾	-	-	20.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long ⁽⁶⁾	-	-	10.967.400.000	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú ⁽⁷⁾	-	-	10.795.849.973	-
DLT TECHNOLOGY CO., LTD	2.370.874.791	-	-	-
Công Ty TNHH TM Sơn TION	2.766.575.130	-	-	-
SACMI IMOLA S.C ⁽⁸⁾	18.145.609.800	-	-	-
Các đối tượng khác	17.784.146.049	-	18.043.898.981	-
	<u>51.067.205.770</u>	<u>-</u>	<u>89.807.148.954</u>	<u>-</u>
	<u>70.557.797.950</u>	<u>-</u>	<u>119.004.453.267</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

- (1) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh theo hợp đồng 01/BB&NG/CPHG-HGX/2023 ký ngày 15/12/2022. Trong Quý I&II/2023 Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh đã thực hiện bàn giao lượng hàng tương ứng cho Công ty và tiếp tục thực hiện cho các tháng còn lại của năm 2023
- (2) Khoản ứng tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh theo hợp đồng mua bán số 009/2022/HĐMB/HG-BSX ngày 26/09/2022 với tổng giá trị là 20 tỷ đồng. Trong Quý I&II/2023 Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh đã bàn giao đủ lượng hàng cho công ty.
- (3) Khoản ứng tiền mua sản phẩm ván lót sàn (SPC) cho Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê theo hợp đồng nguyên tắc số 01012023NĐ ngày 01/01/2023. Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê sẽ cung cấp cho Công ty sản phẩm SPC để xuất bán thị trường nội địa. Trong kỳ Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê đã bàn giao lượng hàng với giá trị 17,6 tỷ đồng. Thời hạn của hợp đồng từ 01/01/2023 đến 31/12/2023. Công Ty Cổ Phần Hoàng Gia Pha Lê tiếp tục giao hàng cho các tháng còn lại của năm 2023
- (4) Công ty và Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc đã ký hợp đồng xây dựng công trình phụ trợ số 006/2023/HĐTC/HG-AP ngày 06/01/2023 với tổng giá trị giao khoán là 20 tỷ đồng nhằm xây dựng công trình phụ trợ nhà xưởng (xây dựng mới, di dời kho liệu, cải tạo nhà kho thành phẩm, xây dựng hạ tầng xung quanh và sửa chữa một số hạng mục khác) và đang thực hiện triển khai xây dựng. Công ty đã tạm ứng số tiền 10 tỷ đồng cho Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Và Thiết Kế Xây Dựng An Phúc.
- (5) Khoản ứng tiền cho Công ty Cổ Phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/2022/HG-HQ/HTKD ngày 20/09/2022 nhằm thực hiện dự án khai thác khoáng sản kết hợp trạm dừng nghỉ tại địa điểm Quốc lộ 14 Thị trấn Đắk Rve, Huyện Kon Rẫy, Tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên đến thời điểm 26/12/2022 căn cứ báo cáo tình hình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn trong quá trình xin giấy phép đầu tư các Bên nhận thấy việc triển khai Dự án này không khả thi và không thể hoàn thành kịp tiến độ theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do đó các bên chính thức thông nhất dừng thực hiện triển khai dự án này theo biên bản thanh lý hợp đồng số 01/2023/HG-HQ/BBTLHĐ ký ngày 13/01/2023. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Dịch vụ Hoàng Quân đã hoàn trả toàn bộ số tiền 20 tỷ đồng.
- (6) Khoản ứng tiền cho Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Kim Long gồm hợp đồng số 2012HĐKT/HG-KL ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa đường nội bộ nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 6,9 tỷ đồng và hợp đồng số 1519HDKT/HG-KL ký ngày 01/02/2022, nội dung "Cải tạo sửa chữa thay mới phân xưởng 1,2 nhà máy Cổ phần Hoàng Gia" có giá trị 15 tỷ đồng. Cả 2 hợp đồng đều đã thực hiện xây dựng xong trong Quý I/2023
- (7) Khoản ứng tiền cho Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú theo hợp đồng mua máy móc thiết bị số 01.2022/HĐNT/ĐTP-HG ngày 05/12/2022 có giá trị 13,7 tỷ đồng. Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Đầu Tư Đại Triệu Phú đã bàn giao lô máy móc thiết bị trong Quý I/2023
- (8) Khoản ứng tiền cho SACMI IMOLA S.C theo hợp đồng mua máy móc thiết bị số C1VN22711 ký ngày 28/11/2022 có giá trị 14.118.000 EUR cho dự án "Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khối lớn 4.0 công suất 3.000.000 m2/năm".

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	420.000.000	-	420.000.000	-
Phải thu liên quan hoạt động thuê tài chính	2.400.900.743	-	1.104.797.882	-
Khoản ủy quyền mua tài sản (1)(2)	44.300.000.000	-	44.300.000.000	-
Lãi trái phiếu (4)	29.610.957		91.210.958	
Phải thu khác	98.558.469	-		-
	<u>47.249.070.169</u>	<u>-</u>	<u>45.916.008.840</u>	<u>-</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
a.2.1) Bên liên quan				
Ông Huỳnh Sơn Tùng (1)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (2)	14.300.000.000	-	14.300.000.000	-
	<u>44.300.000.000</u>	<u>-</u>	<u>44.300.000.000</u>	<u>-</u>
a.2.2) Bên khác				
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín	2.400.900.743	-	1.104.797.882	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam -CN Thống Nhất-TP.HCM	424.142.464		508.832.876	-
Ngân Hàng TMCP Công Thương-CN KCN Biên Hòa	25.468.493		2.378.082	
Các đối tượng khác	98.558.469	-		-
	<u>2.949.070.169</u>	<u>-</u>	<u>1.616.008.840</u>	<u>-</u>
	<u>47.249.070.169</u>	<u>-</u>	<u>45.916.008.840</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ (3)	3.622.843.900	-	5.016.284.250	-
	<u>3.622.843.900</u>	<u>-</u>	<u>5.016.284.250</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác				
Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín (3)	3.622.843.900	-	5.016.284.250	-
	<u>3.622.843.900</u>	<u>-</u>	<u>5.016.284.250</u>	<u>-</u>

(1) Khoản thỏa thuận và giao việc cho ông Huỳnh Sơn Tùng theo biên bản thỏa thuận số 01/CTCP-HST/BBTT ngày 07/09/2022 về việc ông Huỳnh Sơn Tùng chủ sở hữu lô đất 716 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng và showroom để mở rộng văn phòng làm việc và showroom trưng bày sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 24 tỷ đồng còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 12 tỷ đồng và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho ông Huỳnh Sơn Tùng số tiền 30 tỷ đồng.

(2) Khoản thỏa thuận và giao việc cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm theo biên bản thỏa thuận số 06/HGK-NTBT/BBTT ngày 31/05/2022 về việc bà Nguyễn Thị Bích Trâm chủ sở hữu Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 43, phường Trường Thạnh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện xây dựng tòa nhà văn phòng và showroom trên mảnh đất này và sau khi công trình hoàn thành sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất cho Công ty. Mục đích công việc nêu trên nhằm thực hiện Dự án Văn phòng showroom Hoàng Gia Khang. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 6 tỷ còn giá trị xây dựng công trình dự kiến là 8,3 tỷ đồng và có thể thay đổi khi có quyết toán xây dựng. Công ty ứng trước cho bà Nguyễn Thị Bích Trâm số tiền 14,3 tỷ đồng.

(3) Trong kỳ Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín trích từ số tiền ký quỹ 2.239.266.750 đồng để thanh toán cho khoản nợ gốc thuê tài chính tới hạn. Số tiền trên sẽ được công ty nộp bổ sung trong các tháng tiếp theo để duy trì ký quỹ theo hợp đồng thuê tài chính với Công Ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín.

Bên cạnh đó trong kỳ công ty cũng đã nộp ký quỹ 845.826.400 đồng cho các hợp đồng thuê tài chính phát sinh

(4) Tại ngày 30/06/2023 Công ty ghi nhận lãi dự thu trái phiếu Ngân Hàng TMCP Công Thương-CN KCN Biên Hòa: 25.468.493 đồng và lãi dự thu trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam-CN Thống Nhất-TP.HCM: 4.142.464 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	27.980.938	-	8.993.470	-
Nguyên liệu, vật liệu (*)	71.822.521.341	-	8.573.103.791	-
Công cụ, dụng cụ	21.666.175.999	-	20.471.313.583	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.104.199.016	-	7.216.780.353	-
Thành phẩm	247.152.701.504	-	264.620.279.492	-
Hàng hoá	14.882.387.775	-	254.432.455	-
Hàng gửi đi bán	1.488.767.345	-	733.238.559	-
	369.144.733.918	-	301.878.141.703	-

(*) Trong kỳ công ty tăng dự trữ tồn kho về định mức an toàn bình quân 30 ngày sau khi đã phát triển các nguồn cung cấp ổn định.

10 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.310.534.939	10.614.940.935
- Thi công Máy ép gạch YP3609@Litai	-	813.430.001
- Thi công hệ thống tháp sấy phun (1)	-	9.510.598.934
- Công trình xây dựng cơ bản khác	-	290.912.000
- Dự án "Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0" (2)	1.310.534.939	-
- Thi công cải tạo văn phòng	88.507.500	-
- Hệ thống máy đóng gói	3.500.000	-
	1.402.542.439	10.614.940.935

(1) Dự án hệ thống tháp sấy phun

- Địa điểm xây dựng: Bên trong nhà máy của Công ty tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II.
- Mục đích xây dựng: Sấy phun bằng hệ thống nước nhằm nâng cao công tác bảo vệ môi trường và không ảnh hưởng đến công ty xung quanh.
- Tổng mức đầu tư: 10 tỷ đồng.
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Bắt đầu từ 10/12/2022 và dự kiến thực hiện trong 90 ngày.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2023: đã nghiệm thu đưa vào sử dụng.

(2) Dự án "Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0"

- Địa điểm xây dựng: Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai
- Mục đích xây dựng: Nhà máy sản xuất tấm Porcelain khổ lớn 4.0 công suất 3.000.000 m2/năm
- Tổng mức đầu tư: 920,159 tỷ đồng.
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: Bắt đầu từ Quý 2/2023, dự kiến hoàn thành trong tháng 04/2024.
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2023: Dự án đang chuẩn bị mặt bằng để khởi công xây dựng nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

11 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	114.390.820.780	425.646.784.391	14.006.365.191	3.020.230.480	3.144.270.035	560.208.470.877
- Mua trong kỳ	-	36.791.099.804	-	178.250.000	-	36.969.349.804
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.116.943.386	-	-	-	-	26.116.943.386
Số dư cuối kỳ	140.507.764.166	462.437.884.195	14.006.365.191	3.198.480.480	3.144.270.035	623.294.764.067
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	79.539.306.720	270.925.791.386	7.891.364.405	2.196.471.495	178.408.993	360.731.342.999
- Khấu hao trong kỳ	2.110.939.684	11.955.982.215	622.584.962	139.374.004	157.213.502	14.986.094.367
Số dư cuối kỳ	81.650.246.404	282.881.773.601	8.513.949.367	2.335.845.499	335.622.495	375.717.437.366
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	34.851.514.060	154.720.993.005	6.115.000.786	823.758.985	2.965.861.042	199.477.127.878
Tại ngày cuối kỳ	58.957.517.762	179.556.110.594	5.492.415.824	862.634.981	2.808.647.540	247.577.326.701

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 142.968.251.121 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/06/2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 269.314.708.865 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	30.114.621.790	666.884.545	30.781.506.335
- Thuê tài chính	18.112.448.674	-	18.112.448.674
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	48.227.070.464	666.884.545	48.893.955.009
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.514.565.594	13.893.426	13.528.459.020
- Trích khấu hao	1.860.214.627	41.680.282	1.901.894.909
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15.374.780.221	55.573.708	15.430.353.929
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	16.600.056.196	652.991.119	17.253.047.315
Tại ngày cuối kỳ	32.852.290.243	611.310.837	33.463.601.080

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Lợi thế quyền thuê (*)	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	565.248.000	67.639.223.219	68.204.471.219
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
Số dư cuối kỳ	565.248.000	67.639.223.219	68.204.471.219
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	426.325.865	975.565.720	1.401.891.585
- Khấu hao trong kỳ	26.964.802	975.565.720	1.002.530.522
Số dư cuối kỳ	453.290.667	1.951.131.440	2.404.422.107
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	138.922.135	66.663.657.499	66.802.579.634
Tại ngày cuối kỳ	111.957.333	65.688.091.779	65.800.049.112

(*) Giá trị lợi thế quyền thuê đất khu công nghiệp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 292958 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/12/2017 - thời hạn 35 năm 02 tháng theo chứng thư thẩm định giá Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang số 22/05/02/DN ngày 31/05/2022 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Việt Nam.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.435.198.768	11.094.717.406
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.070.315.801	12.658.458
	11.505.514.569	11.107.375.864

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	16.109.080.874	17.977.093.292
Chi phí thuê thương hiệu (*)	53.000.000.000	59.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	75.000.000
	69.109.080.874	77.052.093.292

(*) Trong năm 2022, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu Royal với Công ty TNHH Top Tile. Hợp đồng Li-xăng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa số 011222/CQSDNH/TT-HG ngày 01/12/2022 có thời hạn 5 năm tính từ thời điểm tháng 12/2022 và thanh toán trước toàn bộ giá trị hợp đồng, giá trị thanh toán là 60 tỷ đồng.

15 . LỢI THẺ THƯƠNG MẠI

Giá trị lợi thế thương mại của Công ty phát sinh khi mua Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang là 9.247.546.839 đồng được phân bổ với thời gian 10 năm. Tại ngày 30/06/2023, giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ là 8.322.792.156 đồng, giá trị lợi thế thương mại đã phân bổ trong kỳ là 462.377.342 đồng.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan				
Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Đầu Tư Royalhouse	-	-	3.993.233.136	3.993.233.136
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	-	-	850.508.466	850.508.466
	-	-	4.843.741.602	4.843.741.602

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
b) Bên khác				
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vật liệu Xây dựng Huy Phát	2.174.613.208	2.174.613.208	7.374.780.638	7.374.780.638
Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Đầu Tư Royalhouse	5.173.036.036	5.173.036.036		
Công ty Cổ phần Frit Huế	8.030.139.590	8.030.139.590	5.149.396.440	5.149.396.440
CN Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu Khí VN - XN PP Khí Thấp Áp Nhơn Trạch	-	-	4.598.956.725	4.598.956.725
Công ty TNHH TM SX Vinh Chí Thành	9.644.418.609	9.644.418.609	5.019.570.651	5.019.570.651
Công ty Cổ phần Công nghệ HEXA GON	13.331.298.702	13.331.298.702	10.477.309.920	10.477.309.920
KERAJET S.A	10.371.240.000	10.371.240.000	1.228.392.000	1.228.392.000
NITTO GANRYO KOGYO CO.,LIMITED	5.785.780.000	5.785.780.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	124.085.529.345	124.085.529.345	96.147.060.813	96.147.060.813
	<u>178.596.055.490</u>	<u>178.596.055.490</u>	<u>129.995.467.187</u>	<u>129.995.467.187</u>
	<u>178.596.055.490</u>	<u>178.596.055.490</u>	<u>134.839.208.789</u>	<u>134.839.208.789</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) <i>Bên liên quan</i>		
Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Hoàng Gia Miền Tây	159.621.299	-
	<u>159.621.299</u>	<u>-</u>
b) <i>Bên khác</i>		
Công Ty TNHH VINAMEN	16.102.529.304	18.543.688.039
FONG STEEL IMPORT EXPORT CO.,LTD	108.630.817	5.510.698.732
APOLLO FLORRING DISTRIBUTOR	5.450.113.982	
Công ty TNHH MTV Dũng Đài Loan	4.733.500.063	6.000.417.811
Công Ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hùng Ngọc	9.784.320.022	6.155.494.183
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ và Đầu Tư Hòa Phát Đạt	1.300.233.319	1.693.844.498
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hải Hà	9.598.415.865	684.269.400
Người mua trả tiền trước khác	30.844.038.197	19.865.357.871
	<u>78.081.402.868</u>	<u>58.453.770.534</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	53.025.449.079	53.025.449.079	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13.474.610.655	7.029.422.102	13.544.170.553	-	7.029.422.102
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.089.652.556	1.647.228.043	2.500.638.104	-	236.242.495
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	566.501	11.517.075	12.083.576	-	-
	-	14.564.829.712	61.713.616.299	69.082.341.312	-	7.265.664.597

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	482.104.449	470.788.682
- Trích trước chi phí tiền điện	1.220.464.100	1.307.268.400
- Trích trước chi phí nhiên liệu khí thấp áp	9.406.719.362	8.636.392.525
- Trích trước chi phí xuất nhập khẩu	83.386.365	266.912.047
- Trích trước chi tiền thuê đất	2.064.941.702	41.489.925
- Trích trước chi phí khác chưa có hóa đơn chứng từ	94.107.500	1.147.803.881
	13.351.723.478	11.870.655.460

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.454.177.502	5.386.174.466
- Bảo hiểm xã hội	1.892.128.710	-
- Bảo hiểm y tế	205.794.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	86.902.800	-
- Công ty TNHH TOP TILE (*)	846.000.000	740.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	792.897.998	747.978.178
	9.277.901.010	6.874.152.644

(*) Khoản tiền mượn Công ty TNHH Top Tile theo hợp đồng 01/2021/HĐMT ký ngày 01/05/2021, kỳ hạn: không xác định, lãi suất 0%/năm, mục đích: bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	1.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023				30/06/2023			
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Trong kỳ		Giảm	
	VND		VND		Tăng		VND	
a) Vay ngắn hạn								
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	414.356.255.331		414.356.255.331		428.788.696.535		383.987.603.703	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh KCN Biên Hòa (1)	113.873.922.401		113.873.922.401		172.075.659.362		136.115.659.806	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Đồng Nai (2)	94.878.161.330		94.878.161.330		77.515.200.210		76.125.445.669	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất	87.868.268.120		87.868.268.120		99.948.116.126		90.305.112.608	
- Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Vũng Tàu (4)	57.735.903.480		57.735.903.480		54.551.923.787		47.502.928.067	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai (5)	60.000.000.000		60.000.000.000		16.923.699.630		33.938.457.553	
- Ngân hàng MB Bank-Chi nhánh Phú Nhuận (6)					3.000.000.000		-	
- Ngân hàng Tiên Phong-Chi nhánh HCM (7)					4.774.097.420		-	
- Nợ dài hạn đến hạn trả	8.711.398.200		8.711.398.200		5.682.893.325		5.375.626.800	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (8)	170.000.000		170.000.000		-		90.000.000	
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (9)	8.541.398.200		8.541.398.200		5.682.893.325		5.285.626.800	
	423.067.653.531		423.067.653.531		434.471.589.860		389.363.230.503	
							468.176.012.888	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

21 - VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thống Nhất (8)	170.000.000	170.000.000	-	90.000.000	80.000.000	80.000.000
- Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL) (9)	18.806.757.755	18.806.757.755	30.372.938.763	23.814.606.363	25.365.090.155	25.365.090.155
	18.976.757.755	18.976.757.755	30.372.938.763	23.904.606.363	25.445.090.155	25.445.090.155
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.711.398.200)	(8.711.398.200)	(5.682.893.325)	(5.375.626.800)	(9.018.664.725)	(9.018.664.725)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	10.265.359.555	10.265.359.555			16.426.425.430	16.426.425.430

Tại thời điểm 30/06/2023 Công ty không phát sinh khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2023 đến 31/03/2023

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Số hợp đồng	Ngày HB	Hạn mức	Số dư 30/06/2023 (Nguyên tệ)	Số dư quy đổi VND 30/06/2023	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa								
06//2022- HĐCVHM/NHCT682- HOANG GIA	28-06-22	150.000.000.000	149,833,921,957 VND	149.833.921.957	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh gạch men	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(2) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai								
202025393705	19/01/2022	96.000.000.000	67,541,283,031 VND và 1,202,769 USD	96.267.915.871	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất								
01/2022/7856791/HĐT D	15-04-22	100.000.000.000	97,511,271,638 VND	97.511.271.638	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(4) Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu								
510.30353/2021/HĐH M-PN/PGBankVT	19/07/2021	60.000.000.000	64,784,899,200 VND	64.784.899.200	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Đồng Nai								
2022050/HĐTD/QLN	07-06-22	60.000.000.000	42,985,242,077 VND	42.985.242.077	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(6) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội-Chi nhánh Phú Nhuận-Chi nhánh Phú Nhuận								
140795.23.109.828327	09-06-23	10.000.000.000	3,000,000,000 VND	3.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.
(7) Ngân hàng TMCP Tiên Phong-Chi nhánh HCM								
14/2023/HĐTD/HCM	28-02-23	100.000.000.000	4,774,097,420 VND	4.774.097.420	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Được ghi trên từng Giấy nhận nợ	Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2023 đến 31/03/2023

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn: (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày HB	Hạn mức	Số dư 30/06/2023	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(9) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thống Nhất			80.000.000	80.000.000				
02/2018/7856791/HĐT D	27-11-18	890.000.000	80.000.000	80.000.000	Thanh toán tiền mua xe theo hợp đồng mua bán số 123/1810/CTF/HĐMB	60 tháng	11,3%/năm	Các hợp đồng thế chấp/cầm cố/ ký quỹ/ bảo lãnh.
(9) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)			25.365.090.155	8.938.664.725				
SBL010201906034	02-07-19	4.816.304.885	301.019.615	301.019.615	Đầu tư 01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 dây chuyền tráng men dùng trong công nghệ SX gạch men mới 100%
SBL010201907002	08-07-19	1.849.924.310	231.240.110	231.240.110	Đầu tư 01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%	48 tháng	9,5%/năm	01 cối nghiền xương 60 Tấn dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và phụ kiện đi kèm, mới 100%
SBL010201905014	21-05-19	11.299.241.800	706.202.800	706.202.800	Đầu tư 01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%	48 tháng	9,6%/năm	01 dây chuyền lò nung dùng trong công nghệ sản xuất gạch men và các nguyên liệu phụ lắp đặt, mới 100%
SBL010201907019	24/07/2019	12.310.294.400	1.501.497.400	1.501.497.400	Đầu tư 01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%	48 tháng	9,5%	01 Hệ thống các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất gạch men mới 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ báo cáo từ 01/01/2023 đến 31/03/2023

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn: (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 30/06/2023	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức tài sản đảm bảo
(9) Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank-SBL)								
SBL010202009015	23-09-20	2.275.673.400	844.200.850	562.800.400	Đầu tư 01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men	48 tháng	9%/năm	01 máy phun men trang trí dùng trong công nghệ sản xuất gạch men
SBL010202011014	09-11-20	3.588.315.500	1.794.157.900	897.078.800	Đầu tư 01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%	48 tháng	9%/năm	01 máy in phun model K8-700/6+2 mới 100%
SBL010202103026	25-03-21	2.472.714.300	1.236.357.500	618.178.400	Đầu tư 01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800 TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)	48 tháng	9%/năm	01 Máy mạ chân không, model HC-DHL-2800-TG30, hãng SX Zhaoqing City Huichang Vacuum Equipment Co., Ltd)
SBL010202210047	28-10-22	584.800.000	511.700.000	146.200.000	Đầu tư xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38	48 tháng	8,5%	01 xe ô tô tải (pickup cabin kép) nhãn hiệu FORD, số loại RANGER TRABCH2P0C3CXKL1, biển số 60C-637.38
SBL010202208067	31-08-22	6.821.071.780	6.394.754.780	1.799.595.200	Đầu tư 01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD	48 tháng	9%/năm	01 bộ máy ép thủy lực, nhãn hiệu HLT, model YP 3609, hãng SX HLT INDUSTRY CO., LTD
SBL01020230310	10-03-23	4.549.159.200	4.549.159.200	511.652.000	Đầu tư 03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất XINCHENG INTERNATIONAL CO., LTD	52 tháng	10.5%/năm	03 máy đóng gói, 02 máy buộc đai nhãn hiệu KEDA, hãng sản xuất XINCHENG INTERNATIONAL CO., LTD
SBL010202301025	31-01-23	6.030.000.000	7.294.800.000	1.663.200.000	Đầu tư 01 máy phun kỹ thuật số, 01 máy phủ men khô, hãng sản xuất Foshan Sanshui Yingjie Precision Machinery Co., LTD	48 tháng	10.5%/năm	01 máy phun kỹ thuật số model K8-700(560)/6+2. 01 máy phủ men khô model GL-P1200/L3.4WP

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số tại ngày 01/01/2022	360.000.000.000				42.559.546.786		-		402.559.546.786
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	47.502.607.077				47.502.607.077
Tăng/giảm khác do hợp nhất năm đầu tiên	-	-	-	-				11.597.507.156	11.597.507.156
Số tại ngày 30/06/2022	360.000.000.000		-		90.062.153.863			11.597.507.156	461.659.661.019
Số tại ngày 01/01/2023	360.000.000.000		-	-	116.892.000.034			12.063.555.528	488.955.555.562
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-				6.274.620.000	6.274.620.000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	25.382.335.293			709.781.558	26.092.116.851
Số tại ngày 30/06/2023	360.000.000.000		-	-	142.274.335.327			19.047.957.086	521.322.292.413

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ		Đầu kỳ		Tỷ lệ	
	VND	VND	(%)	(%)	VND	VND	(%)	(%)
Ông Đình Việt Anh	93.600.000.000	93.600.000.000	26,00%	26,00%	93.600.000.000	93.600.000.000	26,00%	26,00%
Bà Lê Thị Vi Na	88.740.000.000	88.740.000.000	24,65%	24,65%	88.740.000.000	88.740.000.000	24,65%	24,65%
Bà Nguyễn Thị Lê	67.860.000.000	67.860.000.000	18,85%	18,85%	67.860.000.000	67.860.000.000	18,85%	18,85%
Ông Huỳnh Quang Bái	16.200.000.000	16.200.000.000	4,50%	4,50%	16.200.000.000	16.200.000.000	4,50%	4,50%
Ông Trương Văn Việt	3.600.000.000	3.600.000.000	1,00%	1,00%	3.600.000.000	3.600.000.000	1,00%	1,00%
Các cổ đông khác	90.000.000.000	90.000.000.000	25,00%	25,00%	90.000.000.000	90.000.000.000	25,00%	25,00%
	360.000.000.000	360.000.000.000	100%	100%	360.000.000.000	360.000.000.000	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	360.000.000.000	360.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	36.000.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty đang thuê 90.171 m2 đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch II - Nhơn Phú - Đồng Nai. Vào ngày 30/06/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.472.477.990	5.458.690.548
- Trên 1 năm đến 5 năm	21.889.911.960	23.662.762.740
- Trên 5 năm	156.421.662.548	159.211.825.000
	183.784.052.498	188.333.278.288

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	30.293,36	556.260,34

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	54.777.167.887	33.024.623.750
Doanh thu bán thành phẩm	453.235.359.532	557.660.068.890
Doanh thu bán nguyên vật liệu	37.688.522.660	73.148.395.715
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.454.751.504	2.417.920.860
	549.155.801.583	666.251.009.215
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	82.596.274.792	120.142.105.115

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	1.487.610.100
Hàng bán bị trả lại	36.538.040	9.535.854
Giảm giá hàng bán	-	1.398.819
	36.538.040	1.498.544.773

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.258.556.495	29.501.267.614
Giá vốn của thành phẩm đã bán	338.552.702.108	432.039.126.496
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	37.074.346.051	71.809.552.615
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.000.526.067	1.092.869.022
	432.886.130.721	534.442.815.747

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)

	78.206.129.888	34.050.881.749
--	-----------------------	-----------------------

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.711.263.449	35.780.838
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.180.868.167	1.736.349.886
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	203.164.651
	2.892.131.616	1.975.295.375

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.634.088.347	10.470.854.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	672.949.053	2.771.716.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	647.297.614	-
Chi phí tài chính khác	-	229.301.335
	21.954.335.014	13.471.872.118

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.356.540.665	3.230.998
Chi phí nhân công	11.703.049.495	10.385.397.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.344.658	74.944.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.809.809.233	27.513.336.930
Chi phí khác bằng tiền	233	4.966.997
	33.951.744.284	37.981.877.424

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	343.084.229	329.502.119
Chi phí nhân công	15.546.470.799	14.287.276.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.640.366.342	623.321.857
Thuế, phí, lệ phí	108.182.330	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.526.530.817	5.734.673.106
Chi phí khác bằng tiền	143.961.654	69.460.717
Phân bổ lợi thế thương mại	462.377.342	-
	31.770.973.513	21.048.234.310

31 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý CCDC	55.006.553	-
Xử lý công nợ	-	72.990.208
Thu nhập khác (*)	1.470.261.397	2.980.000
	1.525.267.950	75.970.208

(*) chênh lệch giảm giữa chi phí tiền lương đã trích tháng 12/2022 và số thực chi trong năm 2023

32 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	31.644.483	552.165.511
Chi phí khác	31.538.177	1.889.122
	63.182.660	554.054.633

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	5.823.635.589	11.802.268.716
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Hoàng Gia Khang	1.205.786.513	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.029.422.102	11.802.268.716
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	13.474.610.655	12.304.259.425
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(13.474.610.655)	(11.711.097.031)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	7.029.422.102	12.395.431.110

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.886.250.925	14.097.492.961
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	13.886.250.925	14.097.492.961

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(211.242.036)	-
	(211.242.036)	-

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	25.382.335.293	47.502.607.077
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.382.335.293	47.502.607.077
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.000.000	36.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	705	1.320

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.402.521.272	333.987.663.636
Chi phí nhân công	80.419.639.509	75.375.548.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.836.809.944	16.724.702.911
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.171.297.231	74.039.261.428
Chi phí khác bằng tiền	890.107.013	74.427.714
	389.720.374.969	500.201.603.979

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.216.931.310	-	-	47.216.931.310
Phải thu khách hàng, phải thu khác	369.455.618.995	3.622.843.900	-	373.078.462.895
Các khoản cho vay	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
	416.672.550.305	7.122.843.900	-	423.795.394.205
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.332.377.560	-	-	70.332.377.560
Phải thu khách hàng, phải thu khác	278.821.809.485	5.016.284.250	-	283.838.093.735
Các khoản cho vay	-	3.500.000.000	-	3.500.000.000
	349.154.187.045	8.516.284.250	-	357.670.471.295

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	468.176.012.888	16.426.425.430	-	484.602.438.318
Phải trả người bán, phải trả khác	187.873.956.500	1.000.000.000	-	188.873.956.500
Chi phí phải trả	13.351.723.478	-	-	13.351.723.478
	669.401.692.866	17.426.425.430	-	686.828.118.296

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	423.067.653.531	10.265.359.555	-	433.333.013.086
Phải trả người bán, phải trả khác	141.713.361.433	1.000.000.000	-	142.713.361.433
Chi phí phải trả	11.870.655.460	-	-	11.870.655.460
	576.651.670.424	11.265.359.555	-	587.917.029.979

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Royal American Wholesale	Bà Huỳnh Thị Đông Thi cổ đông lớn của Royal American Wholesale là vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Vinagres	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vinagres là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	Ông Đinh Việt Anh Chủ tịch HĐQT là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân đến tháng 12/2022.
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	Năm 2023 Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên không còn là bên liên quan.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	Có cùng nhiều cổ đông góp vốn, là bên liên quan đến thời điểm 31/12/2022.
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung đến tháng 06/2022 là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	Bà Huỳnh Thị Đông Thi là Thành viên HĐQT, là vợ của Ông Đinh Việt Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023

014595
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ
HOÀNG GIA
RACH-T

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	Bà Lê Thị Vi Na là Thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh là cổ đông lớn của Công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	Ông Huỳnh Sơn Tùng là Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây là em vợ của Ông Đinh Việt Anh
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Khang	Công ty con
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán
Bà Huỳnh Thị Đồng Thi	Vợ ông Đinh Việt Anh
Ông Trịnh Xuân Hùng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Em trai bà Huỳnh Thị Đồng Thi
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng
Ông Phạm Hữu Phú	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Võ Anh Minh	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

Sổ dư với các bên liên quan được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh trên.

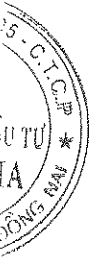
Ngoài các giao dịch được thể hiện tại mục công nợ phải thu phải trả đã trình bày tại các thuyết minh nêu trên, trong kỳ, Công ty còn có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	82.596.274.792	120.142.105.115
Công ty Cổ phần Vinagres	45.087.598.558	53.725.545.755
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	5.860.430.535
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Trung	-	5.391.574.166
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Quán Quân	-	36.537.446.978
Công ty TNHH Hoàng Gia Cao Nguyên	-	6.518.230.449
Công ty Cổ phần Bảo Sơn Xanh	26.489.659.619	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	2.098.549.166	1.518.644.229
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Xanh	403.920	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia Miền Tây	8.920.063.529	10.590.233.003
Mua hàng	78.206.129.888	34.050.881.749
Công ty Cổ phần Sản Xuất và Đầu Tư Hoàng Gia Xanh	43.517.689.870	32.681.264.819
Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Royal House	-	921.759.400
Công ty Cổ Phần Bảo Sơn Xanh	14.455.083.875	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Pha Lê	20.233.356.143	447.857.530

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ HOÀNG GIA

Đường số 8, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú,
Thị trấn Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Đinh Việt Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên Ủy Ban Kiểm Toán	467.076.960	160.000.000
Ông Trịnh Xuân Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	408.692.350	140.000.000
Ông Phan Bá Hiệu	Phó Tổng Giám đốc	386.572.160	269.660.211
Ông Trương Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc	366.100.627	322.610.000
Ông Phạm Đình Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	359.253.890	283.923.077
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	295.949.200	246.047.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Minh Tấn

Nguyễn Thị Kim Loan

Trịnh Xuân Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ
ĐẦU TƯ HOÀNG GIA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 008/2023/CV-HG

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2023

(V/v: *Đính chính, bổ sung thông tin tại
Báo cáo tài chính năm 2021 đã được
kiểm toán của Công ty CP Sản xuất và
Đầu tư Hoàng Gia*)

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia xin gửi đến Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và ban hành theo Báo cáo kiểm toán số 150322.029/BCTC.KT2 ngày 15 tháng 03 năm 2022 và Báo cáo kiểm toán phát hành thay thế số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22 tháng 07 năm 2022.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia xin đính chính, bổ sung thêm thông tin cho người đọc tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty như sau:

Thông tin đính chính, bổ sung tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22 tháng 07 năm 2022:

1. Thông tin thay đổi trên Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

- Bổ sung thông tin chi tiết người thay mặt Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính được thay đổi từ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT sang ông Trịnh Xuân Hùng - Tổng Giám đốc theo giấy ủy quyền số 056/2022/UQ-CPHG ngày 15 tháng 06 năm 2022 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 014/2022/TT ngày 14 tháng 12 năm 2022;
- Cập nhật lại thông tin về chức danh Trưởng Ủy ban Kiểm toán thành Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán của ông Phạm Hữu Phú.

2. Thông tin thay đổi trên Thuyết minh báo cáo tài chính

- **Thuyết minh số 18** - "Phải trả khác" bổ sung thêm thông tin chi tiết khoản mượn tiền của ông Đinh Việt Anh và ông Nguyễn Đình Nghĩa với tổng giá trị 165,5 tỷ đồng nhằm làm rõ thông tin về khoản mượn tiền của các cổ đông như sau:

(1) *Thỏa thuận mượn tiền với ông Đinh Việt Anh bao gồm 01 hợp đồng mượn tiền, với các điều khoản chi tiết sau:*

- *Mục đích mượn tiền: Phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;*
- *Thời hạn của thỏa thuận: Từ ngày giải ngân cho đến khi bên cho mượn thông báo yêu cầu trả lại tiền;*
- *Lãi suất: Không tính lãi suất;*

- Phương thức cho mượn: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

(2) Thỏa thuận mượn tiền với ông Nguyễn Đình Nghĩa bao gồm 07 hợp đồng mượn tiền, với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích mượn tiền: Phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Thời hạn của thỏa thuận: Từ ngày giải ngân cho đến khi bên cho mượn thông báo yêu cầu trả lại tiền;

- Lãi suất: Không tính lãi suất;

- Phương thức cho mượn: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- **Thuyết minh số 20** - "Vốn chủ sở hữu" được bổ sung thêm thông tin như sau:

(1) Thông tin liên quan đến việc điều chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 để thực hiện chi cổ tức bằng cổ phiếu theo NQ ĐHCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021, cụ thể:

Theo NQ ĐHCĐ số 0701-2021/NQ-HG ngày 07/01/2021, Công ty thực hiện điều chuyển chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu tại ngày 01/01/2021 sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi điều chuyển các quỹ là: 94.724.406.095 đồng, trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2020: 89.052.461.842 đồng;

- Quỹ đầu tư phát triển được điều chuyển sang: 4.537.555.403 đồng;

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được điều chuyển sang: 1.134.388.850 đồng.

Theo NQ ĐHCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối số tiền là 94.520.000.000 đồng.

(2) Thông tin liên quan đến việc góp vốn lần 2 bằng tiền của bà Huỳnh Thị Đông Thi:

Ngày 23/12/2021, bà Huỳnh Thị Đông Thi đã nộp tiền vào tài khoản của Công ty, số tiền là 18 tỷ đồng. Ngày 24/12/2021, Công ty và bà Huỳnh Thị Đông Thi đã ký Biên bản thỏa thuận, trong đó có nội dung sau:

- Bà Thi đồng ý và Công ty sẽ ghi nhận một phần hoặc toàn bộ số tiền 18.000.000.000 (mười tám tỷ) đồng là tiền góp vốn của bà Thi vào Công ty trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ trong năm 2021 (nếu có).

- Căn cứ phê duyệt của ĐHCĐ về số lượng cổ phần chào bán cho mỗi cổ đông, Công ty sẽ ghi nhận một phần hoặc toàn bộ số tiền trên là tiền góp vốn của bà Thi, khi đó số tiền thừa (nếu có) sẽ được Công ty trả lại cho bà Thi, số tiền thiếu bà Thi có nghĩa vụ nộp bổ sung theo thông báo của Công ty.

Ngày 28/12/2021, ĐHCĐ Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 214,52 tỷ đồng lên 360 tỷ đồng. Theo đó, bà Thi là cổ đông hiện hữu, được mua 1.745.760 cổ phần, tương ứng 17.457.600.000 đồng. Theo Biên bản thỏa thuận giữa Công ty và bà Thi nêu trên, Công ty đã ghi nhận 17.457.600.000 đồng là tiền góp vốn của bà Thi và đã chi trả lại cho bà Thi số tiền thừa là 542.400.000 đồng vào ngày 28/12/2021.

- **Thuyết minh số 37** - "Nghịệp vụ và số dư với các bên liên quan": Cập nhật lại thông tin về chức danh Trưởng Ủy ban Kiểm toán thành Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán của ông Phạm Hữu Phú.
- **Bổ sung Thuyết minh số 39** - "Thông tin về việc sửa đổi Báo cáo tài chính" nhằm cung cấp thêm thông tin về các thay đổi của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22 tháng 07 năm 2022 so với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 150322.029/BCTC.KT2 ngày 15 tháng 03 năm 2022 với nội dung chi tiết như sau:

Ban Tổng giám đốc đã phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tại ngày 10 tháng 03 năm 2022. Tuy nhiên, do Thuyết minh báo cáo tài chính còn một số thông tin cần trình bày sửa đổi, bổ sung làm rõ nên Ban Tổng giám đốc đã quyết định lập và trình bày lại Báo cáo tài chính với các nội dung thay đổi như sau:

Thông tin thay đổi chung trên Báo cáo Ban Tổng Giám đốc, Bảng Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính:

39.1) Người thay mặt Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính được thay đổi từ ông Đinh Việt Anh - Chủ tịch HĐQT sang ông Trịnh Xuân Hùng - Tổng Giám đốc theo Giấy ủy quyền số 056/2022/UQ-CPHG ngày 15 tháng 06 năm 2022 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 014/2022/TT ngày 14 tháng 12 năm 2022.

Thông tin thay đổi trên Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

39.2) Thông tin thành viên của Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán được thay đổi do cập nhật lại thông tin về chức danh, bổ nhiệm/ miễn nhiệm phát sinh sau ngày kết thúc niên độ đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này.

39.3) Thông tin thay đổi trên Bảng Cân đối kế toán

	Mã số	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 10/03/2022	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 12/07/2022	Chênh lệch 31/12/2021	Ghi chú
		31/12/2021	31/12/2021	31/12/2021	
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.804.701.460	-	8.804.701.460	(1)
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.783.905.768	11.588.607.228	(8.804.701.460)	(1)
Tài sản cố định hữu hình	221	157.300.712.306	149.729.886.829	7.570.825.477	(2)
Nguyên giá	222	487.380.354.195	478.188.680.695	9.191.673.500	(2)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(330.079.641.889)	(328.458.793.866)	(1.620.848.023)	(3)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	15.467.791.358	23.038.616.835	(7.570.825.477)	(2)
Nguyên giá	225	25.735.540.390	34.927.213.890	(9.191.673.500)	(2)
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(10.267.749.032)	(11.888.597.055)	1.620.848.023	(2)

	Mã số	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 10/03/2022	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 12/07/2022	Chênh lệch	Ghi chú
		01/01/2021	01/01/2021	01/01/2021	
Tài sản cố định hữu hình	221	166.970.102.517	163.594.353.642	3.375.748.875	(2)
Nguyên giá	222	469.378.672.670	464.877.674.170	4.500.998.500	(2)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(302.408.570.153)	(301.283.320.528)	(1.125.249.625)	(2)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	20.328.447.724	23.704.196.599	(3.375.748.875)	(2)
Nguyên giá	225	31.268.521.490	35.769.519.990	(4.500.998.500)	(2)
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(10.940.073.766)	(12.065.323.391)	1.125.249.625	(2)

Thông tin thay đổi trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

	Mã số	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 10/03/2022	Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 12/07/2022	Chênh lệch	Ghi chú
		31/12/2021	31/12/2021	31/12/2021	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.200.102.092)	(20.004.803.552)	8.804.701.460	(1)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(43.886.966.931)	(52.691.668.391)	8.804.701.460	(1)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(41.125.446.485)	(36.434.771.485)	(4.690.675.000)	(3)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.304.701.460)	(500.000.000)	(8.804.701.460)	(1)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.756.588.464)	(32.261.212.004)	(13.495.376.460)	(1); (3)
Tiền thu từ đi vay	33	427.230.116.357	422.539.441.357	4.690.675.000	(3)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	176.179.430.886	171.488.755.886	4.690.675.000	(3)

(1) Công ty thực hiện phân loại lại khoản tiền cho mượn từ khoản "Phải thu về cho vay ngắn hạn" sang "Phải thu ngắn hạn khác";

(2) Công ty phân loại lại danh mục tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính;

(3) Công ty điều chỉnh dòng tiền chi để mua sắm tài sản cố định và dòng tiền thu từ đi vay do hoạt động thuê tài chính không có dòng tiền thực tế tương ứng phát sinh.

Thông tin thay đổi trên Thuyết minh báo cáo tài chính:

39.4) Thuyết minh số 03 - "Tiền và các khoản tương đương tiền" bổ sung thêm thông tin giải thích nguyên nhân tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại thời điểm cuối năm có số dư lớn nhằm cung cấp thêm thông tin cho người đọc báo cáo;

39.5) Thuyết minh số 06 - "Trả trước cho người bán ngắn hạn" được thay đổi trình bày một số nhà cung cấp đã được tạm ứng có số dư lớn để thể hiện đầy đủ thông tin các nhà cung cấp có số dư trả trước cho người bán ngắn hạn có số dư lớn;

39.6) Thuyết minh số 07 - "Phải thu khác" được trình bày lại do việc phân loại lại các khoản cho mượn tiền từ khoản mục "Phải thu từ cho vay ngắn hạn" sang khoản mục "Phải thu khác" khiến thuyết minh "Phải thu từ cho vay ngắn hạn" không cần phải trình bày do đã hết số dư đồng thời bổ sung thuyết minh chi tiết thông tin về các hợp đồng cho mượn tiền;

39.7) Thuyết minh số 09 - "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" được thay đổi do chỉnh sửa thông tin dự án;

39.8) Thuyết minh số 10 - "Tài sản cố định hữu hình" được trình bày lại số liệu do phân loại lại tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính;

39.9) Thuyết minh số 11 - "Tài sản cố định thuê tài chính" được thay đổi so với bản thuyết minh Báo cáo tài chính công bố ngày 10 tháng 03 năm 2022 do phân loại lại tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính;

39.10) Thuyết minh số 14 - "Phải trả người bán ngắn hạn" tại mục "a, Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn" được thay đổi trình bày một số nhà cung cấp có số dư lớn để thể hiện đầy đủ các bên liên quan và nhà cung cấp có số dư lớn;

39.11) Thuyết minh số 15 - "Người mua trả tiền trước ngắn hạn" tại mục "a, Người mua trả tiền trước có số dư lớn" được thay đổi trình bày một số người mua trả tiền trước có số dư lớn để thể hiện đầy đủ các bên liên quan và người mua trả tiền trước có số dư lớn;

39.12) Thuyết minh số 18 - "Phải trả khác" bổ sung thêm thông tin chi tiết khoản mượn tiền của ông Đinh Việt Anh và ông Nguyễn Đình Nghĩa với tổng giá trị 165,5 tỷ đồng nhằm làm rõ thông tin về khoản mượn tiền của các cổ đông;

39.13) Thuyết minh số 19 - "Vay và nợ thuê tài chính" được sửa đổi lại thông tin chi tiết liên quan đến hợp đồng vay hạn mức của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai do trình bày lại thông tin;

39.14) Thuyết minh số 20 - "Vốn chủ sở hữu" được bổ sung thêm thông tin liên quan đến việc điều chuyển toàn bộ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 để thực hiện chi cổ tức bằng cổ phiếu theo NQ ĐHCĐ số 0801-2021/NQ-HG ngày 08/01/2021; bổ sung đầy đủ thuyết minh các cổ đông lớn và bổ sung thuyết minh chi tiết thông tin liên quan đến việc góp vốn lần 2 bằng tiền của Bà Huỳnh Thị Đông Thi nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho người đọc báo cáo;

39.15) Thuyết minh số 21 - "Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động" được trình bày bổ sung nhằm đảm bảo trình bày đầy đủ các thông tin trên thuyết minh Báo cáo tài chính;

- 39.16) Thuyết minh số 22 - "Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" trình bày bổ sung Doanh thu bán nguyên vật liệu nhằm trình bày đầy đủ các loại hình doanh thu của Công ty;
- 39.17) Thuyết minh số 23 - "Giá vốn hàng bán" trình bày bổ sung Giá vốn nguyên vật liệu đã bán nhằm trình bày đầy đủ các nội dung giá vốn tương ứng với loại hình doanh thu của Công ty;
- 39.18) Thuyết minh số 34 - "Công cụ tài chính" được chỉnh sửa do việc phân loại lại khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và khoản "Phải thu khác ngắn hạn";
- 39.19) Thuyết minh số 35 - "Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ" được trình bày lại cho đúng bản chất của các thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 39.20) Thuyết minh số 37 - "Nghịệp vụ và số dư các bên liên quan" được bổ sung thông tin chi tiết về mối quan hệ với các bên liên quan; bổ sung đối tượng là bên liên quan trong các mục "Doanh thu" và "Phải thu khách hàng"; bổ sung thông tin về "Lương, thù lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị"; cập nhật lại thông tin về chức danh Trưởng Ủy ban Kiểm toán thành Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán của ông Phạm Hữu Phú nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin cho người đọc báo cáo; cập nhật lại thông tin "công ty mẹ đến ngày 09/01/2021" thành "công ty mẹ đến ngày 20/01/2021".

Các nội dung khác của Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22/07/2022 không thay đổi.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22/07/2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

Trân trọng./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐINH VIỆT ANH

Xác nhận của đơn vị kiểm toán - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung đối với những thông tin đính chính, bổ sung cho Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán nêu tại Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chúng tôi xác nhận các thông tin đính chính, bổ sung tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán theo nội dung nêu tại Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng gia gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là phù hợp với bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được.

Như nội dung trình bày trong mục "Vấn đề khác" tại Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22 tháng 07 năm 2022, chúng tôi lưu ý thêm người đọc tới phần Thuyết minh số 39-“Thông tin về việc sửa đổi Báo cáo tài chính” tại Văn bản số 008/2023/CV-HG ngày 08/03/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 220722.009/BCTC.KT2 ngày 22/07/2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

Trân trọng!



Vũ Xuân Biển ✓

Phó Tổng Giám đốc

Số: 014/2023/CV-HG

Đồng Nai, ngày 12 tháng 05 năm 2023

(V/v: *Đính chính thông tin tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty CP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia*)

Kính gửi: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia xin gửi đến Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và ban hành theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023.

Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia xin đính chính thông tin cho người đọc tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty như sau:

I. Thông tin đính chính tại Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023:

1. Đính chính thông tin tại Thuyết minh số 21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

1.1 Thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 21

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.630.690.000	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.522.760.000	14.195.340.000
- Trên 5 năm	105.895.125.000	106.760.786.250

1.2 Thông tin đính chính tại Thuyết minh số 21

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê 60.000m² đất tại KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú – Đồng Nai. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	3.630.690.000	3.548.835.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	14.522.760.000	14.195.340.000
- Trên 5 năm	105.895.125.000	106.760.786.250

Lý do đính chính: Do lỗi soạn thảo văn bản, Công ty đã ghi “Công ty hiện đang thuê” thành “Công ty hiện đang cho thuê”.

2. Đính chính thông tin tại Thuyết minh số 5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

2.1 Thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 5

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	100.842.260.277	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

2.2 Thông tin đính chính tại Thuyết minh số 5

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Top Tile	24.886.727.180	-	-	-
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	75.955.533.097	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

Lý do đính chính: Công ty bổ sung thông tin chi tiết công nợ theo đối tượng khách hàng.

II. Thông tin đính chính tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023:

1. Thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 6

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	100.842.260.277	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

2. Thông tin đính chính tại Thuyết minh số 6

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Top Tile	24.886.727.180	-	-	-
Công Ty TNHH Mylux Việt Nam	20.927.044.261	-	7.689.925.734	-
New Pacific Marble & Tile	23.574.337.344	-	13.379.260.498	-
Phải thu khách hàng khác	75.955.533.097	-	68.671.012.407	-
	145.343.641.882	-	89.740.198.639	-

Lý do đính chính: Công ty bổ sung thông tin chi tiết công nợ theo đối tượng khách hàng.

Các nội dung khác của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 không thay đổi.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được kiểm toán năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

Trân trọng./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐINH VIỆT ANH

Xác nhận của đơn vị kiểm toán - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung đối với những thông tin đính chính cho Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán nêu tại Văn bản số 014/2023/CV-HG ngày 12/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia. Chúng tôi xác nhận các thông tin đính chính tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán theo nội dung nêu tại Văn bản số 014/2023/CV-HG ngày 12/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng gia là phù hợp với bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của Báo cáo tài chính riêng năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.006/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 kèm theo Báo cáo kiểm toán số 100523.007/BCTC.KT2 ngày 10/05/2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia.

Trân trọng!



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc